

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

PHẠM THỊ NHÂM

TỔ CHỨC KHÔNG GIAN
HÀNH LANG XANH PHÍA TÂY HÀ NỘI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

MÃ SỐ: 9580105

Hà Nội, 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

PHẠM THỊ NHÂM

TỔ CHỨC KHÔNG GIAN
HÀNH LANG XANH PHÍA TÂY HÀ NỘI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

MÃ SỐ: 9580105

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS. NGUYỄN HỒNG THỰC

Hà Nội, 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án là trung thực, khách quan và chưa từng để bảo vệ ở bất kỳ học vị nào. Tôi xin cam đoan rằng mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận án đã được cảm ơn, các thông tin trích dẫn trong luận án này đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Tác giả luận án

Phạm Thị Nhâm

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn và biết ơn sâu sắc sự giúp đỡ, hướng dẫn khoa học tận tình, cũng như động viên khích lệ của PGS.TS. Nguyễn Hồng Thục – Người hướng dẫn và các Thầy Cô giảng dạy sau đại học trong suốt quá trình nghiên cứu đã giúp tôi hoàn thành luận án này.

Tôi xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Xây Dựng, Ban Giám Hiệu trường Đại học Kiến trúc Hà Nội và các khoa Sau Đại Học, Khoa Quy Hoạch Đô thị - Nông thôn đã tạo điều kiện cho tôi học tập nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo, các nhà khoa học, các chuyên gia phản biện đã có những nhận xét, trao đổi, chia sẻ ý kiến sâu sắc giúp tôi hoàn thiện các quan điểm chặt chẽ logic hơn. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia nơi tôi công tác, xin cảm ơn các đồng nghiệp, bạn bè đã hỗ trợ, chia sẻ đóng góp ý kiến và tạo điều kiện để tôi thực hiện nghiên cứu của mình.

Đặc biệt tôi thành thật biết ơn sự quan tâm giúp đỡ, chia sẻ động viên của gia đình tôi trong quá trình nghiên cứu luận án.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tác giả luận án

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	x
DANH MỤC CÁC BẢN VẼ.....	xii
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ	xv
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU.....	xviii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
4. Phương pháp nghiên cứu	4
5. Nội dung nghiên cứu	5
6. Kết quả nghiên cứu.....	6
7. Những đóng góp mới của luận án.....	6
8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	7
9. Các khái niệm và thuật ngữ	7
10. Cấu trúc của luận án	10
PHẦN NỘI DUNG LUẬN ÁN	12
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN HÀNH LANG XANH PHÍA TÂY HÀ NỘI	12
1.1. Tổng quan về không gian xanh đô thị thế giới và Việt Nam	12
1.1.1. Tổng quan không gian xanh đô thị thế giới.....	12
1.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển không gian xanh đô thị	12
1.1.1.2. Xu hướng mới về sử dụng không gian xanh đô thị trên thế giới.....	13
1.1.1.3. So sánh VDX đô thị thế giới với HLX Hà Nội	14
1.1.2. Tổng quan không gian xanh đô thị Việt Nam	17
1.1.2.1. Các dạng không gian xanh đô thị Việt Nam.....	17
1.1.2.2. Mối quan hệ giữa đô thị và nông thôn trong tổ chức không gian xanh đô thị ở Việt Nam	20

1.2. Hiện trạng tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội	22
1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển hành lang xanh phía Tây Hà Nội	22
1.2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển vùng nông thôn phía Tây Hà Nội	22
1.2.1.2. Mối quan hệ lịch sử giữa nông thôn phía Tây Hà nội (xứ Đoài) với Thăng Long - Kẻ Chợ.....	24
1.2.1.3. Quá trình mở rộng đô thị về phía Tây và hình thành hành lang xanh Hà Nội.....	25
1.2.2. Hiện trạng tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội	30
1.2.2.1. Khảo sát thực trạng hành lang xanh	30
1.2.2.2. Hiện trạng các thành phần của không gian HLX phía Tây Hà Nội.	32
1.2.2.3. Hiện trạng không gian chức năng chính.....	38
1.2.2.4. Hiện trạng tình hình quản lý	38
1.2.3. Các bất cập, thách thức.....	39
1.3. Nhận diện đặc điểm hiện trạng các dạng không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội	40
1.3.1. Đặc điểm hiện trạng các dạng không gian chủ đạo	40
1.3.1.1. Dạng 1: Không gian địa lý tự nhiên và môi trường.....	40
1.3.1.2. Dạng 2: Không gian nông nghiệp và nông thôn.....	42
1.3.1.3. Dạng 3: Không gian làng nghề, TTCN.....	45
1.3.1.4. Dạng 4: Không gian cảnh quan phát triển đô thị.....	46
1.3.1.5. Dạng 5: Không gian cảnh quan hỗn hợp	48
1.3.2. Tổng hợp đặc điểm hiện trạng tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội	49
1.3.2.1. Sự biến đổi của các dạng không gian chủ đạo.....	49
1.3.2.2. Tổng hợp các đặc điểm hiện trạng HLX	50
1.4. Các công trình nghiên cứu đã được công bố liên quan đến Luận án	50
1.4.1. Nghiên cứu về hành lang xanh, vành đai xanh trong phát triển đô thị hiện đại	50

1.4.2. Nghiên cứu về hành lang xanh phía Tây Hà nội	52
1.4.3. Nghiên cứu khoa học và tài liệu đã công bố liên quan đến Luận án	52
1.4.4. Nhận xét.....	55
1.5. Các vấn đề tập trung nghiên cứu	56
1.5.1. Vai trò và tầm quan trọng của hành lang xanh Hà nội	56
1.5.2. Các yêu cầu nghiên cứu tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội	57
Chương 2: CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN VỀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN HÀNH LANG XANH PHÍA TÂY HÀ NỘI	58
2.1. Cơ sở lý luận.....	58
2.1.1. Lý luận về đô thị hoá và quan hệ đô thị - vùng ven	58
2.1.1.1. Lý luận về đô thị hoá	58
2.1.1.2. Lý luận về đô thị lớn và siêu đô thị	59
2.1.1.3. Lý luận về vùng đô thị mở rộng của thành phố lớn và cực lớn.....	60
2.1.2. Lý luận về tổ chức không gian hành lang xanh đô thị.....	62
2.1.2.1. Lý luận về không gian xanh, hành lang xanh, vành đai xanh đô thị.....	62
2.1.2.2. Lý luận về tổ chức không gian đô thị và hành lang xanh đô thị.....	68
2.1.3. Lý luận về mô hình “không gian cộng sinh cùng phát triển” trong tổ chức không gian hành lang xanh.....	73
2.1.3.1. Cộng sinh đô thị - nông thôn	73
2.1.3.2. Cộng sinh công nghiệp	74
2.1.3.3. Cộng sinh giữa sinh thái và kinh tế đô thị (ECO2)	74
2.1.3.4. Cộng sinh đô thị - nông nghiệp	74
2.1.3.5. Nông nghiệp đô thị	75
2.1.4. Thiết lập năm cấu trúc không gian – khung chủ đề trong tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội	76
2.2. Kinh nghiệm quốc tế.....	76
2.2.1. Kinh nghiệm về phát triển hành lang xanh đô thị.....	76

2.2.1.1. Dịch vụ hệ sinh thái	76
2.2.1.2. Mô hình làng sinh thái, làng đô thị sinh thái	77
2.2.1.3. Mô hình khu công nghiệp sinh thái	78
2.2.1.4. Hạ tầng xanh	78
2.2.2. Kinh nghiệm tổ chức không gian hành lang xanh các đô thị lớn	79
2.2.2.1. VDX Anh quốc (VDX UK).....	79
2.2.2.2. Kinh nghiệm cải cách chính sách VDX Seoul	81
2.2.2.3. Kinh nghiệm thay thế VDX Tokyo bằng nông nghiệp đô thị	82
2.2.2.4. Kinh nghiệm tổ chức không gian VDX của Pháp	82
2.2.3. Kinh nghiệm về tổ chức các chức năng hỗn hợp.....	83
2.2.3.1. Bài học: Phát triển các chức năng hỗn hợp đô thị, nông thôn.....	83
2.2.3.2. Bài học: Phát triển hành lang sinh thái – kinh tế.....	84
2.2.3.3. Bài học: Chiến lược phát triển cộng sinh cho các trang trại và thị trấn	84
2.3. Cơ sở pháp lý.....	85
2.3.1. Các văn bản quy phạm pháp luật.....	85
2.3.1.1. Luật và các văn bản dưới luật.....	85
2.3.1.2. Các tiêu chuẩn, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	86
2.3.2. Chủ trương, định hướng lớn của quốc gia và thủ đô Hà Nội	87
2.4. Các yếu tố tác động đến tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội	90
2.4.1. Bối cảnh quốc tế, trong nước và liên kết vùng Hà Nội	90
2.4.2. Tác động của đô thị hoá.....	91
2.4.3. Yếu tố tác động đến sự biến đổi hình thái hành lang xanh.....	92
2.4.3.1. Điều kiện tự nhiên, môi trường	92
2.4.3.2. Điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá	92
2.4.3.2. Chính trị.....	93
2.4.4. Nhu cầu phát triển mới và dự báo phát triển	94

2.5. Yêu cầu và điều kiện tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội	97
2.5.1. Yêu cầu và điều kiện bảo tồn không gian xanh phía Tây Hà Nội	97
2.5.2. Yêu cầu và điều kiện phát triển trong hành lang xanh phía Tây Hà Nội	97
2.5.3. Yêu cầu và điều kiện về chuyển đổi mô hình phát triển	98
2.5.4. Yêu cầu về tổ chức không gian hành lang xanh	101
Chương 3: GIẢI PHÁP TỔ CHỨC KHÔNG GIAN HÀNH LANG XANH PHÍA TÂY HÀ NỘI	102
3.1. Quan điểm, nguyên tắc	102
3.1.1. Quan điểm	102
3.1.2. Nguyên tắc	103
3.2. Mô hình tổ quát và các giải pháp tổng thể tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội	105
3.2.1. Mô hình tổng quát	105
3.2.1. Giải pháp tổng thể tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội	107
3.2.2.1. Ranh giới HLX	107
3.2.2.2. Quy mô đất đai	109
3.2.2.3. Chức năng chính và phân vùng hỗn hợp	110
3.2.2.4. Tổ chức kết cấu hạ tầng (hạ tầng xanh, hạ tầng kinh tế, hạ tầng văn hoá - xã hội, hạ tầng kỹ thuật)	113
3.2.2.5. Sử dụng đất	116
3.3. Giải pháp tổ chức không gian theo các Khung chủ đề của hành lang xanh phía Tây Hà Nội	121
3.3.1. Tổ chức theo Khung chủ đề tự nhiên và nông nghiệp	121
3.3.2. Tổ chức theo Khung chủ đề làng xã truyền thống và di sản	124
3.3.3. Tổ chức theo Khung chủ đề công nghiệp quy mô nhỏ	129
3.3.4. Tổ chức theo Khung chủ đề phát triển đô thị	132

3.3.5. Tổ chức theo Khung chủ đề không gian hỗn hợp.....	135
3.4. Giải pháp quản lý phát triển hành lang xanh phía Tây Hà Nội.....	138
3.4.1. Bộ tiêu chí kiểm soát về tổ chức không gian HLX	138
3.4.2. Các các chiến lược, quy hoạch, quy chế quản lý phát triển.....	142
3.5. Bàn luận về các kết quả đạt được	145
3.5.1. Bàn luận về áp dụng kết quả nghiên cứu trong công tác quy hoạch đô thị, nông thôn	145
3.5.2. Bàn luận áp dụng kết quả nghiên cứu trong quản lý phát triển hành lang xanh phía Tây Hà Nội.....	148
3.5.3. Bổ sung các lý luận nghiên cứu khoa học đối với các dạng KGX đô thị và kiểm soát tình trạng đô thị hóa lan toả tự phát.....	148
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	149
1. Kết luận	149
2. Kiến nghị	150
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	KH-1
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	TK-1
PHỤ LỤC	PL-1
Phụ lục 1: Các thời kỳ phát triển và quá trình mở rộng đô thị - nông thôn phía Tây Hà Nội	PL-1
Phụ lục 2: Phân tích SWOT các dạng không gian chủ đạo HLX phía Tây Hà Nội	PL-5
Phụ lục 3: Đặc điểm và giá trị đặc trưng HLX phía Tây Hà Nội các không gian chủ đạo.....	PL-8
Phụ lục 4: So sánh 3 luận án nghiên cứu về HLX Hà Nội và sự không trùng lặp	PL-13

Phụ lục 5: Đặc điểm đất KGX và không gian xây dựng trên địa bàn cấp xã thuộc 9 huyện khảo sát tại HLX phía Tây Hà Nội	PL-16
Phụ lục 6: Yêu cầu và điều kiện bảo tồn KGX hành lang xanh phía Tây Hà Nội	PL-19
Phụ lục 7: Yêu cầu và điều kiện không gian phát triển hành lang xanh phía Tây Hà Nội	PL-24
Phụ lục 8: Yêu cầu về chuyển đổi mô hình phát triển.....	PL-26
Phụ lục 9. Đề xuất các chỉ tiêu sử dụng đất.....	PL-33
Phụ lục 10: Tổng hợp hệ thống tiêu chí về kiểm soát HLX phía Tây Hà Nội	PL-35
Phụ lục 11: Nhận dạng không gian hỗn hợp tại hành lang xanh phía Tây Hà Nội	PL-40
Phụ lục 11: Hành động phát triển theo khung chủ đề.....	PL-41

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tên đầy đủ
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BDS	Bất động sản
CCN	Cụm công nghiệp
CNH	Công nghiệp hoá
CTCC	Công trình công cộng
ĐBBB	Đồng bằng Bắc bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ĐTH	Đô thị hoá
GTCC	Giao thông công cộng
HLX	Hàng lang xanh
KCN	Khu công nghiệp
KGX	Không gian xanh
NNPTNT	Nông nghiệp phát triển nông thôn
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NQ 81	Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội: Về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
NTM	Nông thôn mới
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PTBV	Phát triển bền vững
QĐ 1259	Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.
QHXD	Quy hoạch xây dựng
QHC	Quy hoạch chung

CTMTQG XDNTM	-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới
TCKG		Tổ chức không gian
TCTK		Tổng cục thống kê hoặc Chi cục thống kê
TKĐT		Thiết kế đô thị
TTCN		Tiêu thủ công nghiệp
VĐX UK		VĐX Vương quốc Anh

DANH MỤC CÁC BẢN VẼ

<i>Hình 1. 1. Phạm vi không gian nghiên cứu luận án</i>	4
<i>Hình 1. 2: Cấu trúc luận án</i>	11
<i>Hình 1. 3: Sơ đồ các dạng cấu trúc KGX gắn với lý thuyết quy hoạch tương ứng [3]</i>	12
<i>Hình 1. 4: So sánh kích thước KGX của một số thành phố trên thế giới [54].</i>	13
<i>Hình 1. 5: Hành lang xanh theo kênh đào Bon-nan nối sông Cẩm và sông Tam Bạc thiết lập đô thị Hải Phòng, bản đồ năm 1915 [32]</i>	17
<i>Hình 1. 6: Tổ chức không gian Ba dải hành lang xanh trong cấu trúc không gian đô thị Hải Phòng, bản vẽ của Encity. (2023) [31]</i>	17
<i>Hình 1. 7: Tổ chức nêm xanh liên kết miệng núi lửa âm với trung tâm đô thị và vùng ngoại vi đô thị Pleiku [29]</i>	18
<i>Hình 1. 8: Quy hoạch thành phố Đà Lạt các thời kỳ [18]</i>	18
<i>Hình 1. 9: Quy hoạch thành phố Cần Thơ [28]</i>	19
<i>Hình 1. 10: Quy hoạch thành phố Hà Nội</i>	20
<i>Hình 1. 11: Quá trình mở rộng đô thị Hà Nội về phía Tây và hình thái không gian vùng nông thôn ngoại vi</i>	26
<i>Hình 1. 12: Đại lộ Thăng Long và đô thị Hoà Lạc thúc đẩy đô thị hoá vùng nông thôn phía Tây Hà Nội.</i>	27
<i>Hình 1. 13: Ý tưởng HLX Hà Nội [27]</i>	28
<i>Hình 1. 14: Khảo sát huyện Thạch Thất</i>	31
<i>Hình 1. 15: Ranh giới HLX phía Tây Hà nội (QĐ 1259)</i>	32
<i>Hình 1. 16: Thực trạng ranh giới phía Tây Hà nội HLX</i>	32
<i>Hình 1. 17: Vị trí huyện Thạch Thất trong HLX</i>	33
<i>Hình 1. 18: Các hình thái cư trú làng điển hình trong HLX phía Tây Hà nội</i>	36
<i>Hình 1. 19: Các hình thái cư trú cụm làng điển hình trong HLX phía Tây Hà nội</i> .	37
<i>Hình 1. 20: Không gian quần cư truyền thống và sự chuyển đổi hình thái cư trú</i> ...	37
<i>Hình 1. 21: Năm yếu tố hỗn hợp trong HLX</i>	38
<i>Hình 1. 22: Hương ước cổ tỉnh Hà Tây cũ</i>	38
<i>Hình 1. 23: Đặc điểm không gian hỗn hợp với yếu tố tự nhiên là chủ đạo</i>	41
<i>Hình 1. 24: Hiện trạng ô nhiễm lưu vực sông Đáy</i>	42
<i>Hình 1. 25: Cảnh quan sông Tích vẫn chưa được thông dòng</i>	42
<i>Hình 1. 26: Cảnh đồng lúa, huyện Quốc Oai</i>	43
<i>Hình 1. 27: Hiện trạng khuôn viên chùa Thầy, Sài Sơn và chùa Tây Phương, Thạch Xá nhìn từ trên cao</i>	43
<i>Hình 1. 28: Đặc điểm không gian hỗn hợp yếu tố nông nghiệp, nông thôn chủ đạo</i>	44

<i>Hình 1. 29: Đặc điểm không gian hỗn hợp với yếu tố TTCN làng nghề là chủ đạo [70]</i>	46
<i>Hình 1. 30: Một số khu đô thị trong HLX phía Tây Hà Nội</i>	47
<i>Hình 1. 31: Đặc điểm không gian hỗn hợp với yếu tố đô thị hoá là chủ đạo</i>	47
<i>Hình 1. 32: Đặc điểm không gian hỗn hợp trong HLX phía Tây Hà Nội</i>	48
<i>Hình 2. 1: Quá trình mở rộng và tăng trưởng đô thị trở thành các siêu đô thị</i>	59
<i>Hình 2. 2: vùng đệm nông thôn – đô thị nhìn từ mô hình định cư đơn tâm (a) và mô hình kết tụ đa tâm (b) [65]</i>	60
<i>Hình 2. 3: Mô hình hệ thống không gian desakota lý tưởng (McGee, 1991)</i>	61
<i>Hình 2. 4: Tác động của các đô thị rìa đối với phân bố dân cư</i>	61
<i>Hình 2. 5: Lý thuyết thành phố vườn Ebenezier Howard (1889)</i>	62
<i>Hình 2. 6: Một số hình ảnh minh họa về VĐX đô thị thế giới</i>	64
<i>Hình 2. 7: Một số hình ảnh minh họa về HLX đô thị thế giới</i>	65
<i>Hình 2. 8: Cấu trúc không gian khu vực bảo tồn</i>	67
<i>Hình 2. 9: Quy hoạch/quy hoạch kiến trúc hành lang ĐDSH trong cảnh quan ĐDSH</i>	67
<i>Hình 2. 10: Biến đổi hình thái không gian vùng giáp ranh [11]</i>	69
<i>Hình 2. 11: Một số mẫu thiết kế “A New Pattern Language for Growing Regions” [61]</i>	70
<i>Hình 2. 12: Phương pháp tiếp cận lớp cấu trúc không gian của Hà Lan 3 lớp cấu trúc, và quá trình tạo đồng thuận trong quy hoạch và thiết kế đô thị</i>	70
<i>Hình 2. 13: Lớp cấu trúc và cấp độ quy mô</i>	71
<i>Hình 2. 14: Lý thuyết TKĐT của Roger Trancik trong cuốn “Finding Lost Space” [71]</i>	71
<i>Hình 2. 15: Năm tác nhân cấu thành hình ảnh đô thị (Kevin Lynch)</i>	72
<i>Hình 2. 16: Thí dụ một số VĐX UK</i>	80
<i>Hình 2. 17: VĐX đô thị Burton upon Trent và Swadlincote [82]</i>	80
<i>Hình 2. 18: VĐX đô thị West Midland [42]</i>	81
<i>Hình 2. 19: Các phương án bố cục không gian VĐX trong quy hoạch tổng thể vùng Paris-Ile-de-France</i>	82
<i>Hình 2. 20: Vùng đệm nông thôn – đô thị của hai thành phố Ý Turin (trái) và Perugia (phải)</i>	83
<i>Hình 2. 21: Bản đồ Hành lang kinh tế sinh thái sông Hoài, Trung Quốc</i>	84
<i>Hình 2. 22: Mô hình hệ thống cộng sinh cho một trang trại và một thị trấn</i>	85
<i>Hình 2. 23: Sơ đồ liên kết và bảo vệ các vùng tự nhiên</i>	91
<i>Hình 2. 24: Các đường vành đai vùng Thủ đô Hà Nội</i>	93
<i>Hình 2. 25: Xác định các thành tố bảo tồn</i>	112

Hình 2. 26: Xác định các thành tố phát triển và biến đổi	112
Hình 3. 1: Mô hình tổng quát tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội	105
Hình 3. 2: Cấu trúc không gian HLX trong đô thị Hà Nội, có dạng mảng tạo nên vùng kinh tế - sinh thái phía Tây	105
Hình 3. 3: HLX phía Tây Hà Nội có hình thái không gian dạng da báo, các chức năng đan xen tạo nên không gian hỗn hợp.....	106
Hình 3. 4: HLX có cấu trúc năm Khung chủ đề	106
Hình 3. 5: Xác lập khu vực xây dựng đề xuất đưa ra ngoài ranh giới HLX	108
Hình 3. 6: Đề xuất ranh giới HLX phía Tây Hà nội.....	108
Hình 3. 7: Đề xuất quy mô HLX phía Tây Hà Nội	109
Hình 3. 8: Đề xuất ngưỡng giới hạn KGX và không gian xây dựng	109
Hình 3. 9: Phân vùng không gian hỗn hợp HLX phía Tây Hà Nội	113
Hình 3. 10: Phân bố KGX (VIUP).....	114
Hình 3. 11: Hồi sinh các dòng sông.....	114
Hình 3. 12: Hạ tầng kinh tế Hà Nội trong mối quan hệ với HLX (VIUP).....	115
Hình 3. 13: Hạ tầng văn hoá – xã hội Hà Nội trong mối quan hệ với HLX (VIUP)	115
Hình 3. 14: Hạ tầng kỹ thuật.....	116
Hình 3. 15: Kiểm soát ranh giới.....	120
Hình 3. 16: Ranh giới tăng trưởng không gian làng, đô thị và khu TTCN	120
Hình 3. 17: Sơ đồ tổ chức Khung chủ đề tự nhiên và nông nghiệp.....	123
Hình 3. 18: Mạng lưới làng - thị trấn.....	126
Hình 3. 19: Quản lý các lô đất tiếp giáp ranh giới làng	126
Hình 3. 20: Sơ đồ minh hoạ tổ chức Khung chủ đề làng truyền thống và di sản... ..	127
Hình 3. 21: Không gian nông nghiệp	128
Hình 3. 22: Không gian làng.....	128
Hình 3. 23: Sơ đồ tổ chức Khung chủ đề làng nghề TTCN quy mô nhỏ	131
Hình 3. 24: Sơ đồ minh hoạ tổ chức Khung chủ đề cảnh quan đô thị.....	134
Hình 3. 25: Các thành phần bảo tồn và phát triển trong HLX phía Tây Hà Nội... ..	135
Hình 3. 26: Sơ đồ minh hoạ tổ chức Khung chủ đề không gian hỗn hợp.....	137
Hình 3. 27: Sơ đồ tổng quát về quy định tổ chức không gian HLX theo cấp độ không gian	140
Hình 3. 28: Ranh giới tăng trưởng không gian và ranh giới hành chính.....	144
Hình 3. 29: Quản lý các lô đất tiếp giáp ranh giới làng	PL-46
Hình 3. 30: Mạng lưới làng theo tầng bậc	PL-47
Hình 3. 31: Lộ trình chuyển đổi chức năng sử dụng đất theo hướng làng tập trung.	PL-47

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

<i>Sơ đồ 1. 1: Làng ven đô trong mối liên hệ lịch sử với Thăng Long xưa</i>	<i>24</i>
<i>Sơ đồ 1. 2: Không gian hỗn hợp (MIX)</i>	<i>25</i>
<i>Sơ đồ 1. 3: Cộng sinh nông thôn-đô thị.....</i>	<i>25</i>
<i>Sơ đồ 1. 4: Không gian hỗn hợp (MIX) & cộng sinh nông thôn-đô thị phía Tây Hà Nội chịu tác động bởi đô thị hoá nhanh, BĐKH và kinh tế số.</i>	<i>27</i>
<i>Sơ đồ 1. 5: Phương pháp và nội dung khảo sát không gian hỗn hợp trong HLX</i>	<i>31</i>
<i>Sơ đồ 1. 6: Hiện trạng dân số 9 huyện trong HLX phía Tây Hà Nội (1000 người) .</i>	<i>32</i>
<i>Sơ đồ 1. 7: Mật độ dân số 9 huyện trong HLX phía Tây Hà Nội (người/km2)</i>	<i>32</i>
<i>Sơ đồ 1. 8: Mật độ dân số huyện Thạch Thất (người/km2)</i>	<i>33</i>
<i>Sơ đồ 1. 9: Tỷ trọng đất xanh và đất xây dựng trong HLX phía Tây Hà Nội [23] ..</i>	<i>33</i>
<i>Sơ đồ 1. 10: Phân loại đất trong KGX và không gian xây dựng [23].....</i>	<i>33</i>
<i>Sơ đồ 1. 11: Tỷ trọng đất xanh và đất xây dựng 9 huyện [23]</i>	<i>34</i>
<i>Sơ đồ 1. 12: Biểu danh mục làng nghề Hà Nội (Nguồn: Bộ TNMT).....</i>	<i>35</i>
<i>Sơ đồ 1. 13: Đặc điểm kinh tế, sinh kế khu vực nông thôn trong HLX và mối quan hệ công sinh đô thị-nông thôn</i>	<i>35</i>
<i>Sơ đồ 1. 14: Đặc điểm môi trường tự nhiên HLX và quan hệ cộng sinh đô thị-nông thôn</i>	<i>35</i>
<i>Sơ đồ 1. 15: Đặc trưng lịch sử, văn hoá HLX trong quan hệ cộng sinh đô thị - nông thôn</i>	<i>35</i>
<i>Sơ đồ 2. 1: Xu hướng quy hoạch hệ thống KGX lồng ghép trong quy hoạch lãnh thổ hợp nhất.....</i>	<i>68</i>
<i>Sơ đồ 2. 2: Xu hướng quy hoạch hệ thống KGX trong quy hoạch lãnh thổ, quy hoạch ngành và quy hoạch đô thị.....</i>	<i>68</i>
<i>Sơ đồ 2. 3: Hệ thống tưới ẩm trong khu vực cộng sinh đô thị và công nghiệp [80]</i>	<i>73</i>
<i>Sơ đồ 2. 4: Sơ đồ định hướng xây dựng NTM quốc gia (nguồn tác giả).....</i>	<i>88</i>
<i>Sơ đồ 2. 5: Biểu đồ tốc độ tăng trưởng dân số huyện (%)</i>	<i>94</i>
<i>Sơ đồ 2. 6: Yêu cầu và điều kiện bảo tồn không gian xanh phía Tây Hà Nội</i>	<i>97</i>
<i>Sơ đồ 2. 7: Yêu cầu và điều kiện phát triển trong hành lang xanh phía Tây Hà Nội</i>	<i>97</i>
<i>Sơ đồ 2. 8: Không gian hỗn hợp và mối quan hệ cộng sinh đô thị – nông thôn.....</i>	<i>98</i>
<i>Sơ đồ 2. 9: Không gian hỗn hợp và mối quan hệ cộng sinh đô thị – nông thôn do tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa.....</i>	<i>98</i>
<i>Sơ đồ 2. 10: Sự chuyển đổi không gian hỗn hợp và quan hệ cộng sinh vùng nông thôn ven thành phố lớn ở Việt Nam.....</i>	<i>99</i>

<i>Sơ đồ 2. 11: Các tác động chi phối không gian hỗn hợp và mối quan hệ cộng sinh đô thị – nông thôn thời kỳ hậu COVID.....</i>	<i>100</i>
<i>Sơ đồ 2. 12: Yêu cầu tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội sử dụng trong Luận án</i>	<i>101</i>
<i>Sơ đồ 2. 13: Nhận dạng khu vực vùng ven [1]</i>	<i>PL-40</i>
<i>Sơ đồ 3. 1: Nguyên tắc HLX phân cách ngăn chặn đô thị hoá lan toả</i>	<i>103</i>
<i>Sơ đồ 3. 2: Mô hình tăng trưởng - thông minh – bền vững HLX phía Tây Hà Nội dựa trên lý luận khả năng tự phục hồi lãnh thổ</i>	<i>104</i>
<i>Sơ đồ 3. 3: Nguyên tắc khả năng tự phục hồi HLX phía Tây Hà Nội</i>	<i>104</i>
<i>Sơ đồ 3. 4: Các chức năng HLX phía Tây Hà Nội</i>	<i>111</i>
<i>Sơ đồ 3. 5: Tổ chức không gian cảnh quan HLX Hà nội.....</i>	<i>116</i>
<i>Sơ đồ 3. 6: Tổ chức KGX tự nhiên (hạ tầng xanh) HLX phía Tây Hà Nội.....</i>	<i>117</i>
<i>Sơ đồ 3. 7: Tổ chức KGX nông nghiệp HLX phía Tây Hà Nội.....</i>	<i>117</i>
<i>Sơ đồ 3. 8: Tổ chức không gian xây dựng trong HLX phía Tây Hà Nội</i>	<i>118</i>
<i>Sơ đồ 3. 9: Yêu cầu kiểm soát sử dụng đất không gian hỗn hợp trong HLX phía Tây Hà Nội.....</i>	<i>119</i>
<i>Sơ đồ 3. 10: Minh hoạ thiết lập sử dụng đất không gian hỗn hợp HLX phía Tây Hà Nội</i>	<i>119</i>
<i>Sơ đồ 3. 11: Các điều kiện tổ chức Khung chủ đề xanh (tự nhiên và nông nghiệp)</i>	<i>121</i>
<i>Sơ đồ 3. 12: Sơ đồ giải pháp tổ chức không gian Khung chủ đề tự nhiên và nông nghiệp</i>	<i>121</i>
<i>Sơ đồ 3. 13: Hành động phát triển Khung chủ đề tự nhiên và nông nghiệp</i>	<i>124</i>
<i>Sơ đồ 3. 14: Các điều kiện tổ chức Khung chủ đề làng và di sản</i>	<i>125</i>
<i>Sơ đồ 3. 15: Sơ đồ giải pháp tổ chức không gian Khung chủ đề làng truyền thống, di sản.....</i>	<i>125</i>
<i>Sơ đồ 3. 16: Hành động phát triển theo Khung chủ đề làng xã truyền thống và di sản.....</i>	<i>128</i>
<i>Sơ đồ 3. 17: Các điều kiện tổ chức Khung chủ đề làng nghề, TTCN quy mô nhỏ .</i>	<i>129</i>
<i>Sơ đồ 3. 18: Sơ đồ giải pháp tổ chức không gian Khung chủ đề công nghiệp quy mô nhỏ</i>	<i>129</i>
<i>Sơ đồ 3. 19: Hành động phát triển Khung chủ đề công nghiệp quy mô nhỏ.....</i>	<i>132</i>
<i>Sơ đồ 3. 20: Các điều kiện tổ chức Khung chủ đề phát triển đô thị.....</i>	<i>132</i>
<i>Sơ đồ 3. 21: Sơ đồ giải pháp tổ chức không gian Khung chủ đề phát triển đô thị.</i>	<i>133</i>
<i>Sơ đồ 3. 22: Hành động phát triển Khung chủ đề phát triển đô thị</i>	<i>134</i>
<i>Sơ đồ 3. 23: Các điều kiện tổ chức Khung chủ đề không gian hỗn hợp.....</i>	<i>135</i>
<i>Sơ đồ 3. 24: Sơ đồ giải pháp xác định Khung chủ đề không gian hỗn hợp</i>	<i>136</i>

Sơ đồ 3. 25: Mối quan hệ VĐX và dịch vụ hệ sinh thái trong chính sách quy hoạch
..... 139

Sơ đồ 3. 26: Công cụ quản lý tổng thể HLX phía Tây Hà Nội theo tiếp cận đa ngành
..... 142

Sơ đồ 3. 27: Đề xuất tổ chức không gian HLX theo hệ thống quy hoạch Việt Nam
..... 144

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 1. 1: Bảng so sánh HLX Hà Nội với VDX Vương quốc Anh và Hàn Quốc.....</i>	<i>15</i>
<i>Bảng 1. 2: Tổng hợp về đặc điểm các dạng không gian chủ đạo trong HLX phía Tây Hà Nội dưới tác động của đô thị hoá</i>	<i>50</i>
<i>Bảng 1. 3: Tổng hợp về giá trị năm Khung chủ đề HLX phía Tây Hà Nội</i>	<i>76</i>
<i>Bảng 1. 4: Phân tích SWOT về không gian cảnh quan địa lý tự nhiên</i>	<i>PL-5</i>
<i>Bảng 1. 5: Phân tích SWOT về không gian cảnh quan quần cư nông nghiệp truyền thống – kinh tế di sản – du lịch xứ Đoài – Chùa Thầy và Chùa Tây Phương hiện hữu</i>	<i>PL-5</i>
<i>Bảng 1. 6: Phân tích SWOT không gian cảnh quan phố thị và làng nghề TTCN</i>	<i>PL-6</i>
<i>Bảng 1. 7: Phân tích SWOT về không gian cảnh quan về đô thị.....</i>	<i>PL-6</i>
<i>Bảng 1. 8: So sánh 3 luận án nghiên cứu về HLX Hà Nội và sự không trùng lặp</i>	<i>PL-13</i>
<i>Bảng 2. 1: Xu hướng hình thành các chức năng mới trong HLX từ các khía cạnh kinh tế, văn hoá - xã hội, môi trường và hạ tầng.....</i>	<i>96</i>
<i>Bảng 2. 2: Chuyển đổi mô hình tổ chức không gian hỗn hợp trong HLX phía Tây Hà Nội.....</i>	<i>100</i>
<i>Bảng 2. 3: Không gian bảo tồn, các yếu tố cấu thành không gian bảo tồn và điều kiện công sinh trong HLX phía Tây Hà Nội</i>	<i>PL-19</i>
<i>Bảng 2. 4: Tiềm năng, thách thức và hướng tiếp cận tổ chức không gian bảo tồn trong HL</i>	<i>PL-19</i>
<i>Bảng 2. 5: Không gian phát triển dựa trên bảo tồn, các yếu tố cấu thành không gian phát triển và điều kiện cộng sinh trong HLX phía Tây Hà Nội.....</i>	<i>PL-24</i>
<i>Bảng 2. 6: Tiềm năng, thách thức và hướng tiếp cận tổ chức không gian phát triển trong HLX.....</i>	<i>PL-24</i>
<i>Bảng 2. 7: Sơ đồ liên kết chuỗi giá trị làng nghề truyền thống.....</i>	<i>PL-27</i>
<i>Bảng 2. 8: Khái quát con đường công nghiệp hóa từ nông nghiệp của một số quốc gia điển hình trên thế giới</i>	<i>PL-28</i>
<i>Bảng 2. 9: Chuyển đổi mô hình tổ chức không gian hỗn hợp trong HLX phía Tây Hà Nội.....</i>	<i>PL-31</i>
<i>Bảng 2. 10: Bảng tổng hợp tiêu chí nhận dạng vùng ven.....</i>	<i>PL-40</i>
<i>Bảng 3. 1: Bảng xác định ranh giới HLX.....</i>	<i>107</i>
<i>Bảng 3. 2: Bảng đề xuất các khu vực xây dựng dự kiến đưa ra ngoài HLX</i>	<i>107</i>
<i>Bảng 3. 3: Phát triển bền vững khu vực nông thôn HLX phía Tây Hà Nội thông qua mô hình quản lý</i>	<i>143</i>
<i>Bảng 3. 4: Đề xuất chỉ tiêu quy hoạch không gian xanh HLX phía Tây Hà Nội.....</i>	<i>PL-33</i>

Bảng 3. 5: Đề xuất chỉ tiêu quy hoạch không gian xanh xây dựng HLX phía Tây Hà Nội PL-34

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thủ đô Hà Nội đã đến kỳ điều chỉnh sau 10 năm thực hiện qui hoạch theo quy định của Luật quy hoạch đô thị [15]. HLX Hà Nội, được đặt tên trong qui hoạch chung năm 2008[27], đã có nhiều đóng góp về sự ‘cân bằng động’ giữa lõi trung tâm lịch sử và trung tâm mở rộng (ngày càng bị nén chặt mật độ xây dựng và dân số) với HLX mật độ xây dựng thấp, bảo tồn tới 70% đất tự nhiên và nông nghiệp - phần lớn nằm ở ‘xứ Đoài mây trắng’ gồm hơn 1000 làng xã truyền thống và cảnh quan của họ). Đến nay, đối với HLX có nhiều quan điểm trái ngược, chủ yếu từ các nhà môi trường muốn duy trì nó như một cấu trúc Môi trường xanh và chống chịu BĐKH gia tăng, còn các nhà kinh tế và bất động sản muốn loại bỏ HLX và lập luận nó đang cản trở phát triển của thủ đô đang cần quỹ đất xây dựng đô thị.

- Về HLX phía Tây Hà Nội: Xuất hiện trong quy hoạch thủ đô Hà Nội mở rộng tại QĐ 1259, là ý tưởng đồng thời là giải pháp không gian được vận dụng từ kinh nghiệm quy hoạch VĐX vùng thủ đô London [53]. Sau hơn 10 năm thực hiện, HLX Hà Nội đã thực hiện được mục đích kiểm soát đô thị hoá lan rộng từ đô thị trung tâm đến vùng nông thôn ngoại vi từ năm 2008 đến nay.

- Về mặt lý luận HLX hiện đang có nhiều tiếp cận khác nhau về tên gọi, chức năng, giải pháp tổ chức không gian và mô hình quản lý ở trên thế giới. Xu hướng chung coi HLX, VĐX là cấu trúc KGX quan trọng nhất trong các cấu trúc đô thị sau hiện đại, được nhấn mạnh trong kỷ nguyên chuyển đổi xanh và chống chịu BĐKH thế kỷ 21. HLX thường được vận dụng ở quy mô vùng đô thị, liên đô thị để trở thành các hành lang kết nối xanh và vùng đệm giữa đô thị và ngoại vi, ngày càng được thế giới quan tâm. HLX, VĐX đã trở thành yếu tố nền tảng trong phát triển đô thị bền vững, đáp ứng mục tiêu môi trường, xã hội và kinh tế xanh, là cấu trúc không thể thiếu trong các đô thị qui mô cực lớn và sẽ mau chóng trở thành siêu đô thị hơn 10 triệu dân như Hà Nội.

Các thành phố lớn sau chiến tranh thế giới lần thứ II đã coi VĐX là một trong những giải pháp quy hoạch mang tầm vóc quốc tế [34] nhằm giải quyết tình trạng đô thị hoá lan toả mất kiểm soát. Giải pháp này đã kế thừa từ mô hình thành phố Vườn,

áp dụng lần đầu trong quy hoạch thủ đô London (là một trong những chính sách quy hoạch đô thị quan trọng thuộc Khung chính sách quy hoạch quốc gia (NPPF)). Các giai đoạn sau, VĐX phổ biến rộng rãi trên thế giới với tên gọi và chính sách phát triển khác nhau như: HLX, dải xanh, nêm xanh, rừng đô thị, hạ tầng xanh..., trong đó Hà Nội lựa chọn tên gọi HLX trong qui hoạch chung 2008.

- Ở Việt Nam, HLX, VĐX là thuật ngữ mới chưa có trong pháp luật quy hoạch và quản lý đô thị. Tuy nhiên ngay từ các đô thị thời Pháp thuộc cho đến nay, các qui hoạch và đô thị đều sử dụng không gian tự nhiên như một cấu trúc nền của phát triển đô thị (từ Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn, Huế, Đà Lạt, Sapa...). Hiện nay, các quy hoạch đô thị hiện đại đều gắn chặt tổ chức không gian đô thị với tổ chức mạng lưới KGX (Hà Nội với HLX và VĐX, TP HCM với hành lang sông Sài Gòn, Huế với cảnh quan sông Hương...). Sau đại dịch Covid, các không gian xanh lại càng được quan tâm phát triển mạnh trong đô thị như một giải pháp chống chịu thảm họa dịch bệnh và bảo toàn môi trường sống loài người.

Vùng nông thôn ngoại vi đô thị Việt Nam có nhiều điểm khác biệt với thế giới do yếu tố địa lý, lịch sử, mức độ đô thị hoá và kinh tế - xã hội. Do đó, quy hoạch và quản lý phát triển HLX, VĐX đô thị, đặc biệt các đô thị lớn chưa đủ hành lang pháp lý dẫn hướng, bởi sự phức tạp mang tính đa ngành, đa lĩnh vực của loại hình không gian này. Luật quy hoạch 2017 [17] ra đời khái niệm tích hợp quy hoạch bước đầu được đề cập, yêu cầu tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong lập quy hoạch (trên một phạm vi lãnh thổ như HLX rộng lớn của Hà Nội) nhằm phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững. Lĩnh vực quy hoạch đô thị, nông thôn cũng theo hướng đi này, xác định các giá trị cốt lõi của khu vực qui hoạch, từ đó tích hợp các nội dung đa ngành, đa mục tiêu, khắc phục sự chông chéo, xung đột trong quá trình phát triển bền vững giữa các ngành, vùng lãnh thổ và quốc gia. Cách tiếp cận mới mẻ này đã mở ra hướng giải quyết vấn đề xung đột giữa bảo tồn và phát triển tại HLX, VĐX của Hà Nội thông qua nghiên cứu về Tổ chức không gian và quản lý phát triển trong giai đoạn tới.

- Nghiên cứu về HLX Hà Nội cho đến nay đã có các luận án tiến sĩ và đề tài nghiên cứu chuyên sâu về lý luận và thực tiễn ứng dụng cho các đô thị tại Việt Nam. Mặt khác, đô thị hoá sẽ tiếp tục giai tăng trong giai đoạn 10 - 20 năm tới nên bảo tồn HLX để kiểm soát đô thị hoá và phát triển đô thị bền vững vừa là mục tiêu, vừa là yêu cầu đối với hệ thống đô thị toàn quốc, nhất là đối với thành phố lớn Việt Nam.

Chính vì vậy Luận án **Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội** đã chọn đối tượng nghiên cứu là HLX phía Tây Hà Nội (gần bao trọn xứ Đoài lịch sử), với mong muốn từ quan điểm của khoa học tổ chức không gian có thể trả lời toàn diện về sự tồn tại và phát triển thích ứng HLX phía Tây trong các giai đoạn qui hoạch tiếp theo của Hà Nội, về mặt lý luận và giải pháp.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu của Luận án sẽ vận dụng những Lý thuyết và Thực tiễn có tính quy luật trong Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội (nhận dạng và hiểu hiện trạng hiện nay về không gian, kinh tế-xã hội, môi trường và văn hóa) trong bối cảnh đô thị hóa và công nghiệp hóa, để phân tích và giải đáp được những vấn đề, sự vật, hiện tượng nổi trội. Từ đó áp dụng các kết quả nghiên cứu vào Tổ chức không gian HLX phía Tây thích ứng các hoạt động sản xuất, môi trường và văn hóa đời sống tại khu vực này. Mục đích của LA được biểu hiện ở ba mục đích sau:

- *Mục đích nghiên cứu về nhận thức luận:* Tổ chức không gian HLX không chỉ đơn thuần là hình thái và cấu trúc không gian chức năng, mà nó còn bao trùm lên không gian địa lý tự nhiên, không gian kinh tế - xã hội, không gian văn hóa và các hoạt động sống... để bảo tồn và thích ứng môi trường sống xanh, bền vững như các giá trị lưu truyền cho các thế hệ tương lai.

- *Mục đích mở ra nghiên cứu mới cho qui hoạch không gian HLX đô thị:* Tạo ra cách tiếp cận đa ngành và đa mục tiêu; Các phương pháp và công cụ mới để qui hoạch và kiểm soát phát triển không gian phức hợp như HLX phía Tây Hà Nội, trong bối cảnh đô thị hóa và công nghiệp hóa. Cũng là các vấn đề cốt lõi của khoa học tổ chức không gian HLX đô thị trong bối cảnh mới của Hà Nội đang điều chỉnh qui hoạch chung đô thị.

- *Mục đích nghiên cứu cho các hiệu quả cao và bền vững:* Hiệu quả kinh tế - xã hội, văn hóa và đời sống, bảo tồn tự nhiên và môi trường sống trong tổ chức hoạt động của HLX phía Tây Hà Nội. Từ đó đưa ra các giải pháp tổ chức không gian bền vững cho HLX phía Tây Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi mô hình phát triển hiện nay.

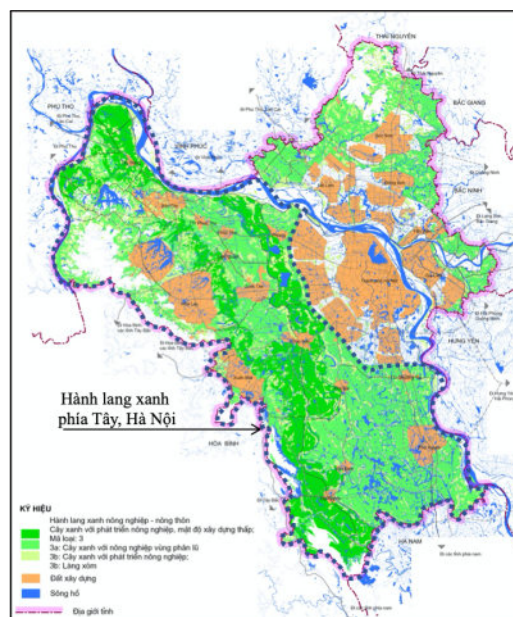
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: HLX phía Tây Hà Nội (tại QĐ 1259)

- Phạm vi không gian: thuộc ranh giới HLX phía Tây Hà Nội (tại Nam sông Hồng) xác định trong Quy hoạch chung thành phố Hà Nội tại QĐ 1259.

- Phạm vi thời gian: giai đoạn đô thị hoá từ năm 2008 (từ sau khi sáp nhập tỉnh Hà Tây với thành phố Hà Nội) đến nay.

- Phạm vi NCKH: Nghiên cứu Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội phục vụ cho công tác qui hoạch đô thị và tổ chức thực hiện quy hoạch.



Hình 1. 1. Phạm vi không gian nghiên cứu luận án

4. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp tiếp cận hệ thống:* Nghiên cứu tất cả các yếu tố liên quan trong một hệ thống hoàn chỉnh nhằm giải quyết các yêu cầu và mục tiêu đặt ra.

- *Phương pháp nghiên cứu tổng hợp:* Kế thừa những kết quả đã nghiên cứu của các chuyên gia, tổ chức trong và ngoài nước, cùng với các thông tin thu thập được, các số liệu điều tra khảo sát. Từ đó tổng hợp, phân tích để xác định các yếu tố ảnh hưởng chính, trực tiếp hoặc gián tiếp tác động tới đối tượng nghiên cứu. Xác định các nội dung tổng thể, mối liên kết sâu chuỗi hệ thống thông tin dữ liệu yếu tố tác động liên quan, từ đó xác định các vấn đề cần nghiên cứu giải quyết bổ sung. Các cơ sở khoa học, phân tích đánh giá tổng hợp và dự báo là nền tảng cho giải pháp đề xuất.

- *Phương pháp khảo sát thực trạng*: Thu thập thông tin tư liệu liên quan đến đề tài. Các tư liệu gồm nhiều nguồn khác nhau như: hình ảnh, báo cáo, số liệu thống kê, bài viết, nghiên cứu trong nước và nước ngoài. Phỏng vấn và khảo sát thực địa các huyện ngoại thành phía Tây Hà Nội.

- *Phương pháp thống kê*: Phân tích những đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường, hạ tầng đô thị và nông thôn. Thống kê các chỉ tiêu, chỉ số và nhận diện đặc điểm và giá trị của các vấn đề cốt lõi trong HLX phía Tây Hà Nội, từ đó lựa chọn đề xuất giải pháp phù hợp.

- *Phương pháp tích hợp quy hoạch*: Sự lồng ghép các khung không gian chủ đạo trong tổ chức không gian tổng thể HLX, tạo nên quy hoạch hoàn thiện, thống nhất giữa các ngành, lĩnh vực; khắc phục sự chồng chéo, xung đột giữa các quy hoạch khi lập riêng lẻ; đảm bảo được mục tiêu phát triển cân đối, hiệu quả, bền vững giữa các ngành, các địa phương trong HLX.

- *Phương pháp dự báo*: Dựa trên cơ sở dữ liệu hiện trạng, tiềm năng và cơ hội phát triển, từ đó tính toán dự báo nhu cầu tương lai nhằm tổ chức không gian khu vực nghiên cứu hiệu quả.

- *Phương pháp bản đồ*: Phân tích, đánh giá trên hệ thống bản đồ hiện trạng và dự báo quy hoạch.

- *Phương pháp chuyên gia*: Sử dụng các ý kiến các chuyên gia và các nhà khoa học làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến quy hoạch kiến trúc, tổ chức không gian, sử dụng đất, kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường. Thực hiện suy luận logic, qua đó đúc kết ra các kinh nghiệm xử lý xây dựng giải pháp tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội.

5. Nội dung nghiên cứu

- Tổng quan lý luận và thực tiễn tổ chức không gian HLX trên thế giới và Việt Nam;

- Nhận dạng đặc điểm và giá trị HLX phía Tây Hà Nội;

- Hình thành cơ sở khoa học và điều kiện thực tiễn cho Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội;

- Đề xuất quan điểm, mục tiêu và các giải pháp tổng thể và chủ đề cốt lõi cho Tổ chức không gian phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường của HLX phía Tây thành phố Hà Nội, từ đó đưa ra các giải pháp quản lý phát triển trong bối cảnh đô thị hoá đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2060.

6. Kết quả nghiên cứu

- Nghiên cứu tổng quan tổ chức không gian HLX, VDX trong nước và thế giới và Việt Nam. Các xu hướng phát triển mới, các nghiên cứu liên quan đề tài.

- Nghiên cứu nhận diện hiện trạng theo Khung chủ đề: Bảo tồn không gian xanh (Tự nhiên và nông nghiệp); Làng xã truyền thống và di sản; Công nghiệp qui mô nhỏ và làng nghề; Đô thị hóa tại chỗ với mật độ thấp; Các dạng không gian hỗn hợp khác (Mix không gian).

- Nghiên cứu các giá trị sử dụng ‘không gian cộng sinh’ để tổ chức khoa học các hoạt động của các chức năng hỗn hợp trong không gian HLX phía Tây Hà Nội. Từ đó hình thành cơ sở lý luận và thực tiễn về Tổ chức không gian theo các khung chủ đề của HLX theo mô hình qui mô nhỏ và vừa. Đây cũng là kết quả mới đóng góp cho chuyển đổi không gian làng xã và sản xuất truyền thống trong HLX phía Tây sang mô hình mới, thích ứng với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hóa, chuyển đổi số và BDKH

- Nghiên cứu các giải pháp Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội về chức năng và cấu trúc theo khung chủ đề, tổ chức không gian tổng thể và thành phần, các chỉ tiêu qui hoạch cơ bản (sử dụng đất, hạ tầng, không gian cảnh quan) và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

7. Những đóng góp mới của luận án

- Nhận thức mới về lý luận đa ngành và đa chức năng để đạt được hiệu quả đa mục tiêu trong Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội, phù hợp với đặc thù và nhu cầu phát triển của thành phố Hà Nội;

- Nhận dạng khoa học về Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội theo 05 Khung chủ đề: Bảo tồn không gian xanh (tự nhiên và nông nghiệp); Làng xã truyền thống và di sản; Công nghiệp qui mô nhỏ và làng nghề; Đô thị hóa tại chỗ với mật độ thấp; Các dạng không gian hỗn hợp khác (mix không gian);

- Thiết lập các nguyên tắc của mô hình ‘không gian cộng sinh’ cho HLX phía Tây Hà Nội, từ đó thiết lập các giải pháp chức năng, cấu trúc, tổ chức không gian, chỉ tiêu quy hoạch (sử dụng đất, tổ chức hạ tầng, không gian cảnh quan và tổ chức thực hiện quy hoạch) đối với các khung chủ đề và và khung không gian hỗn hợp (không gian Mix), trong chuyển đổi không gian nông nghiệp và làng xã thích ứng với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hóa, chuyển đổi số và BDKH.

8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- *Ý nghĩa khoa học:*

Luận án đưa ra các luận cứ khoa học trên cơ sở nghiên cứu lý luận, bài học kinh nghiệm thế giới, nhu cầu thực tiễn của khu vực nông thôn ngoại vi phía Tây Hà Nội, nhận dạng khoa học các khung chức năng theo chủ đề trong chuyển đổi mô hình tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội thích ứng bối cảnh đô thị hóa và công nghiệp hóa.

Luận án bổ sung các luận cứ vào xây dựng lý luận tổ chức không gian theo các khung không gian chủ đạo và không gian hỗn hợp HLX phía Tây Hà Nội.

- *Ý nghĩa thực tiễn:*

Xây dựng cách tiếp cận đa ngành và đa mục tiêu phù hợp điều kiện đặc thù Hà Nội cho công tác chuyên môn về quy hoạch HLX của Hà Nội.

Từ đó đề xuất các giải pháp tổ chức không gian tổng thể và các giải pháp không gian cho các khung chủ đề chính - đại diện cho các giá trị đặc thù trải dài từ lịch sử xứ Đoài đến phát triển tương lai tại HLX phía Tây Hà Nội. Kết quả có tính thực tiễn cao của Luận án góp phần bổ sung lý luận trong quy hoạch và quản lý phát triển HLX phía Tây Hà Nội trong quy hoạch đô thị nông thôn ở Việt Nam và thành phố Hà Nội.

9. Các khái niệm và thuật ngữ

- **Tổ chức không gian:** Theo cuốn “The place of city”- (Chales Moore, 1974) một Tổ chức không gian là tập hợp của nhiều thành tố và để nhận thức và tổ chức nó cần lựa chọn tương ứng các phương thức tổ hợp của các thành tố đó: Hình thái, cấu trúc, bố cục và các chức năng sử dụng bao chứa. Bách khoa toàn thư khoa học xã hội và hành vi (2001) cho rằng tổ chức không gian là một quá trình thể hiện sự chuyển

đổi của các hình thái hoạt động con người về kinh tế, xã hội, môi trường sống, tạo mạng lưới hoạt động của tổ chức không gian đó.

- **Tổ chức không gian HLX đô thị:** Được hiểu là hành động thiết lập và tổ chức không gian HLX xanh trong Khuôn khổ quy hoạch đô thị hay vùng đô thị, nhằm ba mục tiêu: 1, Bảo tồn và phát triển tối đa các không gian xanh đô thị, kết nối chúng thành các HLX, VDX để cân bằng lại chức năng sinh thái tự nhiên cho đô thị; 2, Tăng tối đa khả năng tiếp cận HLX cho mọi người dân đô thị để tối đa hóa lợi ích tích cực của chúng. 3, Cung cấp dịch vụ hệ sinh thái và phúc lợi từ HLX theo các mục tiêu khác nhau về quy hoạch và thiết kế không gian xanh và sử dụng trong các bối cảnh đô thị khác nhau.

Không gian xanh đô thị: Trong quy hoạch sử dụng đất: không gian xanh là không gian mở dành cho công viên và các "không gian xanh" khác, bao gồm đời sống thực vật và các loại môi trường tự nhiên khác. Theo thông tư 06/2013/TT-BXD về Hướng dẫn nội dung thiết kế đô thị "KGX của đô thị gồm vành đai xanh, HLX, tuyến xanh, mạng xanh, nêm xanh, công viên hoặc rừng tự nhiên, nhân tạo trong đô thị". Còn KGX được phân loại theo quan điểm sinh thái chia làm 3 loại: loại I là KGX tự nhiên, loại II là KGX bán tự nhiên, loại III là KGX nhân tạo [6].

Vành đai xanh: Là dải không gian mở tự nhiên bao quanh một khu đô thị, hay đô thị, có chức năng tự nhiên xanh và đồng thời như một ranh giới kiểm soát lâu dài việc mở rộng thành phố. VDX không giới hạn tại địa phương quản lý, các chính sách VDX thường được phát triển ở cấp quốc gia hoặc vùng; và duy trì chúng thông qua việc mua lại không gian mở, mua quyền phát triển hoặc thông qua quy định về tài sản (Bengston, Fletcher và Nelson, 2004; Bengston và Youn, 2006).

Hành lang xanh: Là các không gian địa lý tự nhiên (Sông, hồ, rừng, đất ngập nước, dải xanh và các thành phần tự nhiên khác), đất nông nghiệp, không gian mở, công viên cây xanh... được hình thành dưới dạng các dải không gian đan xen bên trong hoặc bao bọc bên ngoài đô thị vì các mục đích bảo tồn môi trường và cảnh quan và dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên – xã hội.

- **Hành lang xanh Hà Nội:** Theo quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội năm 2008 và QĐ 1259 [27]: "Bao gồm khu vực nông thôn, hệ thống sông hồ, đồi núi,

rừng tự nhiên, vùng nông nghiệp... được bảo vệ nghiêm ngặt để giữ gìn tự nhiên, cảnh quan và đảm bảo môi trường sống đô thị.”, có vai trò kiểm soát ngăn cản phát triển đô thị theo cách lan toả tự phát.

- Không gian cộng sinh và mối quan hệ cộng sinh

Cộng sinh là khái niệm của sinh thái học chỉ sự chung sống của những sinh vật không giống nhau trong một quần thể sinh thái (H. Anton de Bary). Quan hệ cộng sinh có đặc điểm: (i) sự chung sống ổn định lâu dài, (ii) quá trình chung sống đảm bảo sự tồn tại và phát triển liên tục, cùng có lợi.

Mối quan hệ cộng sinh được mở rộng ra các lĩnh vực khác khi nhân loại tiến vào kỷ nguyên BDKH, nền kinh tế NO-Cacbon và giảm thải. Theo cuốn “Sinh thái học đô thị kiểu mới” (Oliveri và đồng nghiệp, 2015) xuất hiện ‘Không gian cộng sinh’ với những xu hướng cộng sinh các công nghiệp, cộng sinh đô thị-nông thôn, cộng sinh đô thị-nông nghiệp... Cách tiếp cận mới này được các cộng đồng, doanh nghiệp, nhà chuyên môn và nhà quản lý vận dụng để chuyển từ mô hình kinh tế tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn, tạo giá trị gia tăng và quản lý bền vững môi trường, giảm thải.

- Khung chủ đề: Khung chủ đề (Topic framework) trong NCKH, được Luận án sử dụng nhận dạng các Khung hoạch định tổ chức không gian theo các chủ đề nằm trong Khuôn khổ của qui hoạch và chương trình mục tiêu phát triển đô thị. Các Khung chủ đề trong luận án được thiết lập thích ứng với các dạng không gian hiện trạng chủ đạo, hiện hữu tại HLX phía Tây, gồm các chủ đề: Không gian xanh (tự nhiên và nông nghiệp); Không gian làng xã truyền thống và di sản; Không gian làng nghề và công nghiệp quy mô nhỏ; Không gian đô thị mật độ thấp; và Không gian hỗn hợp chức năng (là sự kết hợp giữa các loại hình không gian theo các chủ đề nêu trên, tại một địa bàn cụ thể).

- Khung cảnh quan sinh thái tự nhiên (HLX phía Tây - Xứ Đoài): Vùng bán sơn địa núi đồi (núi Ba Vì, Nương Ngải – Hương Sơn) xen kẽ đồng bằng, đồng chiêm ô trũng xen kẽ mạng lưới sông ngòi, hồ đầm (sông Hồng, sông Đà, sông Đáy, sông Tích, sông Nhuệ, hồ Suối Hai, hồ Đồng Mô).

- Khung cảnh quan sinh thái nhân văn (HLX phía Tây -Xứ Đoài): Xứ Đoài – Sơn Tây là vùng địa văn hóa – địa nhân văn, cái nôi bản địa của người Việt – Mường

trước sự phân tách thành hai tộc người riêng rẽ sau này, đồng thời là cơ sở cho sự ra đời của nền văn minh sông Hồng bản địa cùng với nền văn minh Đông Sơn. Quần thể di sản văn hóa – lịch sử, danh lam thắng tích phong phú như làng cổ Đường Lâm, chùa Hương, chùa Thầy, chùa Tây Phương

- **Khung cảnh quan quần cư truyền thống:** Bao gồm làng xã truyền thống và kiến trúc nhà ở nông thôn (nhà 3 gian, 5 gian); Hệ thống các công trình dịch vụ công cộng khác như: đình, đường, ao, công, chợ, các bến thuyền, đò, thương điếm...; Không gian tín ngưỡng như chùa, đền, miếu, quán, am...;

10. Cấu trúc của luận án

Cấu trúc của Luận án gồm các phần Mở đầu, Nội dung và Kết luận - Kiến nghị
Phần nội gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội;

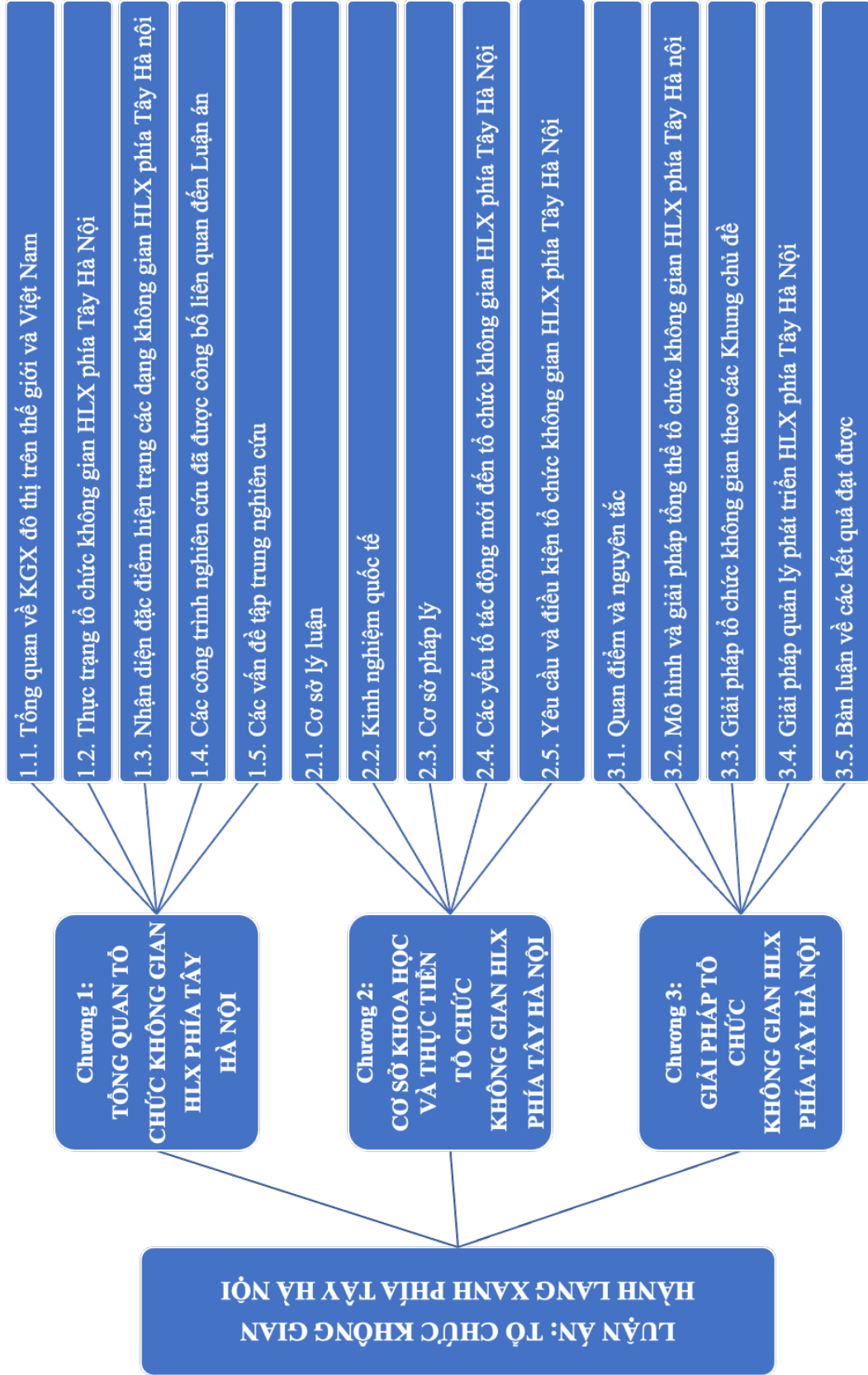
Chương 2: Cơ sở khoa học và thực tiễn về tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội;

Chương 3: Giải pháp tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội;

Danh mục tài liệu tham khảo kèm theo gồm 52 tài liệu;

Phần phụ lục được tách riêng gồm 11 phụ lục (50 trang)

Hình 1. 2: Cấu trúc luận án



PHẦN NỘI DUNG LUẬN ÁN

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN HÀNH LANG XANH PHÍA TÂY HÀ NỘI

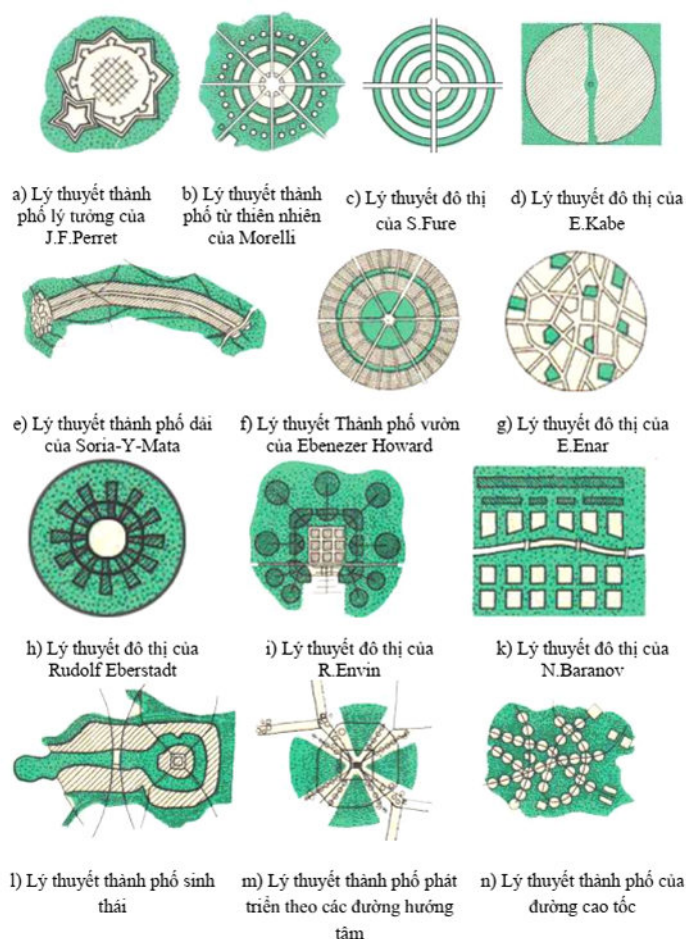
1.1. Tổng quan về không gian xanh đô thị thế giới và Việt Nam

Trong lịch sử hình thành và phát triển KGX đô thị hiện đại, HLX là khái niệm được sử dụng rộng rãi có nội hàm quan trọng của KGX đô thị (theo mục 9. Khái niệm và thuật ngữ tại Phần mở đầu) Do đó, tổng quan về KGX đô thị thế giới và Việt Nam là cần thiết để hiểu về loại hình HLX đô thị.

1.1.1. Tổng quan không gian xanh đô thị thế giới

1.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển không gian xanh đô thị

Sự hình thành và phát triển KGX đô thị gắn liền với các lý thuyết đô thị từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XXI về sự chuyển hoá cấu trúc, hình thái không gian của KGX đô thị. Thuật ngữ và ứng dụng về KGX rất đa dạng, có tính lịch sử kết hợp với phát triển đô thị. Tổ chức KGX đô thị được (Hà Duy Anh) đúc kết tại hình bên biểu hiện mối quan hệ giữa đô thị với thiên nhiên theo các dạng cấu trúc điển hình, các chức năng chính và mối quan hệ với cấu trúc đô thị gắn với lý thuyết quy hoạch tương ứng.



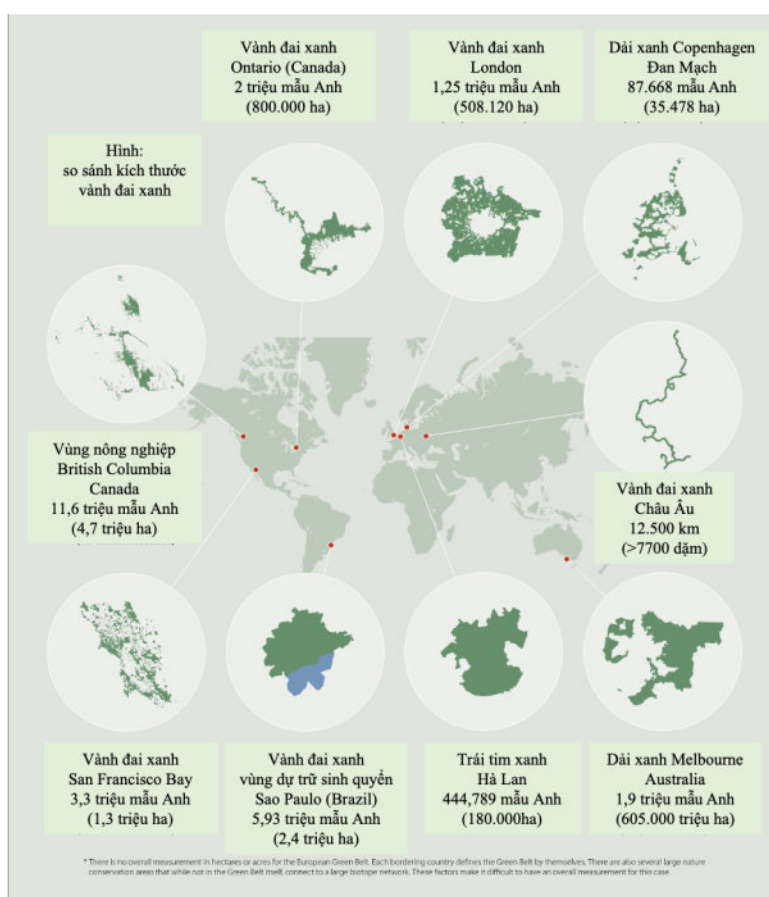
Hình 1.3: Sơ đồ các dạng cấu trúc KGX gắn với lý thuyết quy hoạch tương ứng [3]

Các dạng cấu trúc KGX tồn tại chủ yếu dưới dạng các khu vực xanh tự nhiên, xanh bán tự nhiên, xanh nhân tạo có vai trò quan trọng cho PTBV và chất lượng môi

trường sống của đô thị. Chức năng chính của KGX là hành lang sinh học, hành lang bảo tồn, hành lang sinh thái, mạng lưới sinh thái, kết cấu hạ tầng xanh. Cấu trúc KGX có quy mô khá đa dạng, nó thường định hình nên đặc trưng cấu trúc đô thị, như: Vành đai xanh, Hành lang xanh, Trái tim xanh, Hành lang môi trường, Cấu trúc xanh, Hành lang giải trí, Hành lang lang cảnh quan, Khung xanh, Không gian mở, Tuyến công viên, Hành lang động thực vật hoang dã, Vùng đệm (Smith & Hellmund, 2006) [68]. KGX cung cấp mang lại lợi ích sinh thái, xã hội và vui chơi giải trí cho người dân đô thị (Shafer, 1999) [67].

1.1.1.2. Xu hướng mới về sử dụng không gian xanh đô thị trên thế giới

Tổ chức không gian KGX luôn được đặt trong mối quan hệ với đô thị lớn hay vùng đô thị lớn, với tên gọi, mục tiêu, quy mô khác nhau. Trước các thách thức BĐKH và đại dịch COVID, các KGX trở nên quan trọng hơn bao giờ hết đối với tương lai của đô thị và nông thôn trên toàn thế giới. Chúng tham gia giải quyết các thách thức địa phương và toàn cầu, như quản lý tăng trưởng đô thị, giảm thiểu và thích ứng với BĐKH, hỗ trợ kinh tế địa



Hình 1. 4: So sánh kích thước KGX của một số thành phố trên thế giới [54].

phương, bảo tồn thiên nhiên, du lịch và giải trí, bảo vệ đất nông nghiệp.

Đại dịch COVID-19 nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ giữa thiên nhiên với sức khỏe và hạnh phúc của người dân. Xu hướng tiếp cận thiên nhiên với đô thị, nông thôn là yếu tố then chốt thực hiện mục tiêu “lấy con người làm trung

tâm”. Phát triển các KGX theo hướng bền vững là “tăng trưởng tích cực, tạo tiền bộ về kinh tế-xã hội-môi trường cho các thế hệ tương lai”. KGX chất lượng cao cần được tăng cường ở nơi đông dân và vận dụng các KGX một cách thông minh phù hợp với điều kiện mỗi các quốc gia.



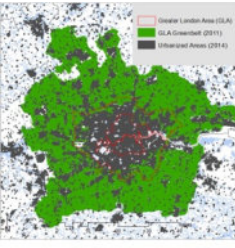
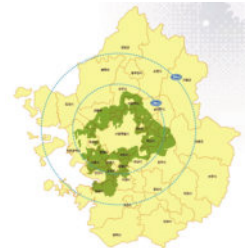

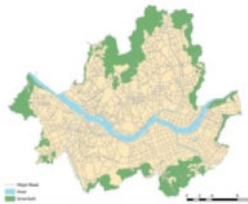

1.1.1.3. So sánh VĐX đô thị thế giới với HLX Hà Nội

Các nghiên cứu [33] [2] chỉ ra thuật ngữ HLX Hà Nội có nhiều điểm tương đồng với khái niệm VĐX hơn khái niệm HLX phổ biến trên thế giới. Các KGX đô thị có mục đích ngăn chặn mở rộng đô thị là vấn đề phức tạp; được các nhà quy hoạch đô thị theo đuổi nghiên cứu trong nhiều thập kỷ từ ý tưởng VĐX đến chính sách kiểm soát đô thị hoá quốc gia, Có nhiều quốc gia đã thất bại như trường hợp thủ đô Tokyo của Nhật Bản [76] đã chuyển từ VĐX sang không gian nông nghiệp đô thị; có nhiều quốc gia thành công như trường hợp ở Hàn Quốc, Vương quốc Anh và VĐX trở thành chính sách quốc gia. Tổ chức không gian VĐX được thực hiện trong quy hoạch đô thị ở nhiều cấp độ: cấp quốc gia, cấp vùng, cấp địa phương; chú trọng đến ranh giới, quy mô, nguyên tắc phát triển. Do đó, luận án so sánh HLX Hà Nội với VĐX thế giới ở các quy mô khác nhau và lựa chọn Vương quốc Anh, Hàn Quốc nghiên cứu bởi chính sách VĐX của hai quốc gia này đều được hỗ trợ bởi cả luật pháp và chính sách quy hoạch quốc gia.

a) Hàn Quốc:

VĐX ban đầu được chỉ định ở Seoul (năm 1971) vì mục đích quốc phòng; sau này mở rộng trên toàn quốc có 14 khu vực đô thị (năm 1998) vì mục đích kiểm soát đô thị hoá, được quản lý theo Luật khu vực VĐX [55]. Tổ chức không gian VĐX ở Hàn Quốc dựa trên nguyên tắc phân vùng của quy hoạch đô thị và phân loại thành hai nhóm hoạt động kiểm soát phát triển: (1) hoạt động phát triển bị cấm: xây dựng toà nhà hay cơ sở mới, thay đổi sử dụng đất, chặt phá cây xanh, quy hoạch đô thị mục đích thương mại; (2) hoạt động được phép phát triển: xây dựng toà nhà hay cơ sở hạ tầng sử dụng công cộng, chức năng theo yêu cầu của quốc gia, chức năng phục vụ sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp, sửa chữa cải tạo hoặc mở rộng có giới hạn nhà ở hiện hữu.

Bảng 1. 1: Bảng so sánh HLX Hà Nội với VDX Vương quốc Anh và Hàn Quốc.

	Vương quốc Anh	Hàn quốc	Việt Nam
Cấp quốc gia			
Diện tích	14 khu vực VDX UK (năm 2010) [42] 16.000 km ² (13% đất tự nhiên)	14 khu vực VDX ở Hàn Quốc (năm 1970) [36] 5.397km ² (29% đất tự nhiên)	Chưa có
Cấp vùng			
Diện tích	VDX vùng đại Luân Đôn 4.841 km ² [42]	VDX vùng thủ đô Seoul 1.1424 km ² [52]	Chưa có
Dân số		76.031 người (2010)	
Cấp tỉnh			
Diện tích	VDX Luân Đôn	VDX Seoul	HLX Hà nội
Dân số		153 km ² [52] 18.039 người (2010)	
Chính sách	Khung chính sách quy hoạch quốc gia (NPPF)	Đạo luật về các biện pháp đặc biệt để chỉ định và quản lý các khu vực hạn chế phát triển	Quyết định số 1259/QĐ-TTg

b) Vương quốc Anh: tổ chức không gian VDX UK dựa trên 5 mục đích chính (1) kiểm soát sự mở rộng không hạn chế của các khu xây dựng lớn, (2) ngăn chặn các thị trấn lân cận sáp nhập lại với nhau, (3) hỗ trợ bảo vệ khu vực nông thôn, (4) bảo

tồn khung cảnh và tính chất đặc biệt của thị trấn lịch sử, (5) thúc đẩy tái tạo đô thị, sử dụng đất hoang hiệu quả.

Ranh giới và quy mô VĐX UK được kiểm soát nghiêm ngặt và có sự thay đổi hàng năm. Chức năng của VĐX chú trọng đến các hoạt động (1) tạo cơ hội cho người dân đô thị tiếp cận với khu vực nông thôn, (2) tăng cường phát triển khu TDDT và giải trí ngoài trời, (3) phát huy các khu vực có giá trị cảnh quan và đẩy mạnh giá trị cảnh quan khu vực gần nơi sinh sống của cư dân, (4) lập kế hoạch đối với đất chưa sử dụng và cải tạo đất bỏ hoang xung quanh khu dân cư, (5) bảo tồn khu thiên nhiên, (6) bảo vệ đất nông nghiệp.

VĐX London được coi là nỗ lực quốc tế nổi bật nhất vào thời kì đầu và giữa thế kỉ 20 [34], nhằm giải quyết các bất cập quản lý phát triển khu vực nông thôn ven đô thành phố lớn trên thế giới và phù hợp với các triết lý của quy hoạch hiện đại. VĐX tạo nên đặc trưng riêng biệt cho các đô thị ở Vương quốc Anh và London luôn nằm trong TOP 1 các thành phố toàn cầu [48] bởi sức mạnh toàn diện kinh tế, xã hội, môi trường. VĐX UK thời kì hậu hiện đại đã không còn phù hợp và sự cải cách VĐX đang diễn ra trước đây trên phạm vi toàn cầu, nhằm khắc phục tính “cứng nhắc” của VĐX; từ đó tổ chức không gian VĐX xem xét lại quy mô, địa điểm và mô hình phát triển. Nhiều luận điểm cho rằng cần đổi mới khái niệm VĐX một cách linh hoạt hơn và tìm kiếm giải pháp quy hoạch tích cực cho VĐX tương lai [53]. Hiện các nhà quy hoạch đang tiếp tục tìm kiếm giải pháp mới để kiểm soát sự phát triển đô thị và bảo tồn KGX, với nhiều công cụ quản lý và nhiều phương pháp quy hoạch đa dạng để đạt mục tiêu phát triển đô thị bền vững. Thành phố London cũng đang tư duy cải cách thay thế VĐX hiện hành, nhằm đạt mục tiêu PTBV.

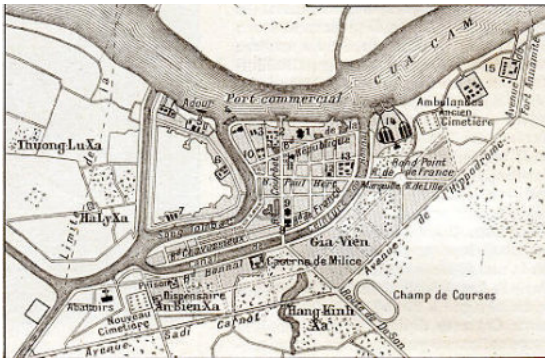
c) Việt Nam: Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng đô thị hoá, nhiều khu vực đô thị có xu hướng dính liền nhau như: Khu vực đô thị hoá Hà Nội và Hà Đông, khu vực Hải Phòng và Quảng Ninh (Quảng Yên, Hạ Long, Uông Bí, Đông Triều), khu vực đô thị hoá TPHCM với các tỉnh Bình Dương (Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An), Đồng Nai (Biên Hoà, Nhơn Trạch) hoặc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có xu hướng dính liền nhau của các đô thị Vũng Tàu, Bà Rịa, Phú Mỹ, đô thị hoá dọc quốc lộ 1A...

Hà Nội là đô thị đầu tiên đề cập đến cấu trúc KGX có ý nghĩa ngăn chặn các đô thị lân cận sáp nhập lại với nhau, thuật ngữ HLX Hà Nội đang gặp nhiều tranh luận bởi không tương đồng với thuật ngữ phổ biến trên thế giới.

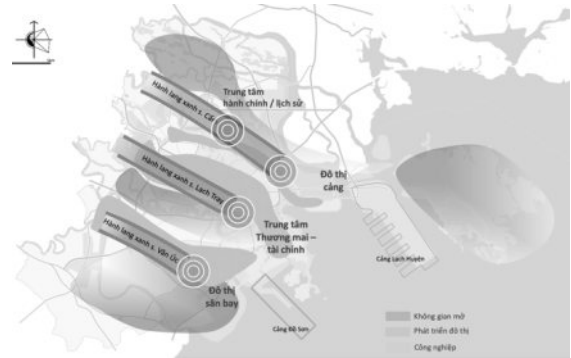
1.1.2. Tổng quan không gian xanh đô thị Việt Nam

1.1.2.1. Các dạng không gian xanh đô thị Việt Nam

a) Hành lang xanh đô thị Hải Phòng: Hải Phòng là thành phố cảng lớn nhất Việt Nam được hình thành từ cuối thế kỷ 19. Dựa trên đặc điểm vị trí địa lý tự nhiên nằm ở hạ lưu hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình, Hải Phòng là thành phố đầu tiên của Việt Nam được người Pháp tổ chức cấu trúc hành lang xanh làm trọng tâm phát triển đô thị.



Hình 1. 5: Hành lang xanh theo kênh đào Bon-nan nối sông Cẩm và sông Tam Bạc thiết lập đô thị Hải Phòng, bản đồ năm 1915 [32]

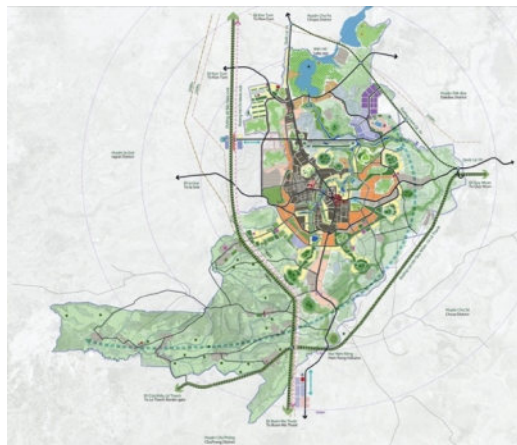


Hình 1. 6: Tổ chức không gian Ba dải hành lang xanh trong cấu trúc không gian đô thị Hải Phòng, bản vẽ của Encity. (2023) [31]

Gần đây, quy hoạch điều chỉnh thành phố (2023) đề cập đến cấu trúc 3 hành lang xanh dọc sông Cẩm, Lạch Tray và Văn Úc có ý nghĩa tăng khả năng tiếp cận giữa nơi ở với nơi làm việc, tạo môi trường sống thân thiện, bảo vệ môi trường và tăng giá trị cảnh quan vùng cửa sông.

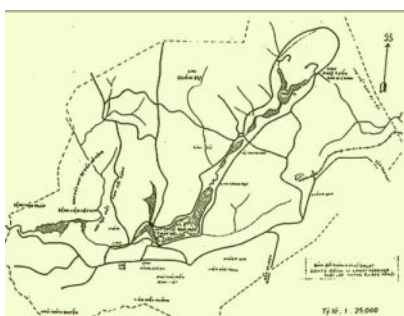
b) Nêm xanh đô thị PleiKu: Pleiku là thành phố lớn ở khu vực phía Bắc Tây Nguyên, nằm trên thềm địa hình cao trung bình từ 700-900m, được bao phủ xung quanh là núi rừng, vùng sản xuất nông nghiệp và các bản làng của người Jarai và BaNa. Đặc trưng cảnh quan của Pleiku là các miệng núi lửa tắt từ hàng triệu năm trước tạo nên những thung lũng lớn nằm đan xen trong lòng thành phố.

Tầm nhìn phát triển thành phố Pleiku là thành phố vì sức khỏe, duy trì khung thiên nhiên và khai thác cảnh quan phát triển du lịch. Mạng lưới KGX đô thị có điểm nhấn là các nêm xanh liên kết các thung lũng nước của miệng núi lửa âm liên kết từ trung tâm đô thị đến vùng cảnh quan nông lâm nghiệp ngoại vi thành phố.



Hình 1. 7: Tổ chức nêm xanh liên kết miệng núi lửa âm với trung tâm đô thị và vùng ngoại vi đô thị Pleiku [29]

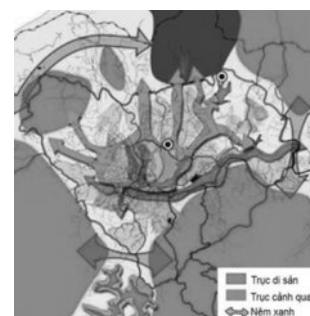
c) Không gian xanh đô thị Đà Lạt: Khởi nguồn thành phố được lựa chọn xây dựng trên cao nguyên Lang Biang (1900 -1915) tạo nên trạm nghỉ dưỡng của người Pháp bên sườn đồi cạnh hồ Xuân Hương. Đô thị Đà Lạt được mệnh danh là đô thị của tự nhiên, sau này gọi là thành phố hoa, cấu trúc ban đầu lấy cảnh quan nước là trung tâm nước và bảo tồn rừng đại ngàn bao bọc xung quanh. Theo quy hoạch của Ernest Hébrard (1915 – 1930), Đà Lạt trở thành thủ đô mùa hè, là trung tâm du lịch phục vụ vui chơi giải trí của người Pháp và hồ Xuân Hương là trái tim xanh của đô thị. Quy hoạch của Louis Georges Pineau (1930 – 1945), Đà Lạt trở thành thủ đô của Đông Dương, cấu trúc đô thị có hành lang xanh kiểm soát phát triển đô thị nhằm bảo tồn cảnh quan hồ Xuân Hương hướng về phía núi Lang Biang.



Hồ Xuân Hương là trái tim xanh đô thị Đà Lạt. Quy hoạch của Ernest Hébrard (1923)



Hành lang xanh kiểm soát phát triển đô thị về phía núi Lang Biang. Quy hoạch của Lagisquet (1943)



Tổ chức trục cảnh quan xanh và nêm xanh trong cấu trúc đô thị Đà Lạt của SIUP (2013)

Hình 1. 8: Quy hoạch thành phố Đà Lạt các thời kỳ [18]

Từ sau năm 1945 – 1975, Đà Lạt bắt đầu gia tăng dân số và quy hoạch của Lagisquet (1943) tiếp tục duy trì hành lang xanh bảo vệ tầm nhìn hướng về phía núi rừng và đỉnh Lang Biang. Tuy nhiên, sau năm 1975 sự phát triển đô thị đã xâm lấn vào hành lang kiểm soát phát triển vì mục đích kinh tế và dân sinh; các hoạt động nông nghiệp và du lịch đã khiến không gian rừng bị xâm hại.

Quy hoạch đô thị Đà Lạt năm 2013, ý tưởng của GS Kelly Shannon đề xuất cấu trúc đô thị kế thừa trung tâm cảnh quan chính như hồ Xuân Hương, dãy Lang Biang, thiết lập các nêm xanh liên kết trực di sản đô thị với hệ thống KGX trong đô thị và vùng cảnh quan nông lâm nghiệp ở ngoại vi đô thị.

d) KGX đô thị Cần Thơ: là đô thị trung tâm vùng ĐBSCL nằm trong vùng sinh thái nông nghiệp, là vựa lúa lớn của quốc gia.



Hiện trạng hình thái không gian đô thị mang đặc trưng sông nước Nam Bộ

Tổ chức không gian đô thị - nông thôn đan xen với mạng lưới kênh rạch Cần Thơ

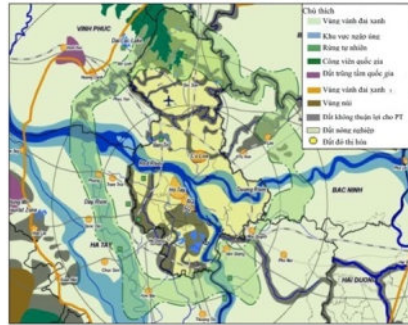
Hình 1. 9: Quy hoạch thành phố Cần Thơ [28]

Cấu trúc đô thị đặt trong vùng cảnh quan kênh rạch chằng chịt, hình thành từ khu chợ nổi Cái Răng, Phong Điền và các cụm dân cư mang đặc trưng miệt vườn sông nước Nam Bộ. Đô thị hoá và hạ tầng giao thông, đô thị đã tác động mạnh tới hệ thống cảnh quan sông nước. Ý tưởng quy hoạch đề xuất của GS Kelly Shannon tổ chức không gian đô thị, nông thôn đan xen với mạng lưới kênh rạch, hình thành các KGX bảo tồn cấu trúc kênh rạch đặc trưng khỏi sự xâm lấn từ đô thị.

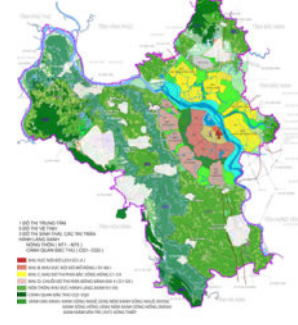
e) Mạng lưới KGX Hà Nội: là thành phố Thủ đô, trung tâm vùng ĐBSH có hệ thống sông ngòi và hồ nước là yếu tố cảnh quan đặc trưng của cấu trúc đô thị. Quá trình đô thị hoá mở rộng đô thị, đã làm cho KGX tự nhiên của thành phố ngày càng thu hẹp.



Tổ chức mạng lưới công viên vùng ở ngoại vi Hà nội theo quy hoạch (QĐ 108)



Tổ chức VĐX Hà Nội, bảo vệ vùng nông nghiệp ven đô theo đề xuất của HAIDEP (2007) [7]



Tổ chức HLX, VĐX, nêm xanh ngăn chặn mở rộng đô thị tự phát và bảo vệ vùng nông thôn theo quy hoạch (QĐ 1259)

Hình 1. 10: Quy hoạch thành phố Hà Nội

KGX Hà Nội trong các thời kỳ quy hoạch có sự thay đổi về hình thái tổ chức không gian. Quy hoạch năm 1998 (QĐ108) tổ chức mạng lưới công viên vùng, khu TDTT lớn ở ngoại vi Hà nội. Ý tưởng quy hoạch của HAIDEP (Chương trình phát triển đô thị tổng thể Hà Nội 2007) tổ chức VĐX trên cơ sở phân vùng môi trường, hình thành các vùng sinh thái – văn hoá và liên kết không gian đô thị và nông thôn. Quy hoạch 2012 (QĐ 1259) đề cao yếu tố “XANH”; tổ chức VĐX, HLX, nêm xanh đô thị nhằm ngăn chặn mở rộng đô thị tự phát và bảo vệ vùng nông thôn.

1.1.2.2. Mối quan hệ giữa đô thị và nông thôn trong tổ chức không gian xanh đô thị ở Việt Nam

- Đô thị trung tâm với vùng nông thôn ngoại vi: phần lớn các đô thị Việt Nam được hình thành từ làng hiện hữu, không gian đô thị gắn liền với không gian tự nhiên bao chứa. Đô thị lớn chủ yếu nằm ở vùng đồng bằng, quá trình mở rộng đô thị bao trùm lên các vùng nông thôn ngoại vi nơi có làng ven đô đông đúc mang đậm bản sắc văn hoá nông nghiệp và chịu tác động của BĐKH. Do đó, đô thị và nông thôn đan xen với tự nhiên và nông nghiệp trở thành cấu trúc hỗn hợp trong tổ chức không gian vùng ngoại vi truyền thống.

- Làng Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám là làng Việt cổ truyền được tổ chức rất chặt chẽ và có nhiều nguyên tắc khác nhau. Đầu tiên là tổ chức theo lối huyết thống, cách thức thứ hai là tổ chức theo địa bàn cư trú, cách tổ chức thứ ba là tổ chức theo nghề nghiệp, điển hình thể hiện qua các làng nghề. Sau Cách mạng tháng Tám

1945, nhiều thôn làng cũ được sát nhập lại thành các điểm dân cư nông thôn gắn với đơn vị hành chính xã tương đối lớn trên cơ sở sát nhập các thôn làng có quan hệ về nguồn gốc lịch sử, văn hoá, địa vực cư trú và sự gắn bó tự nhiên về kinh tế, xã hội.v.v... Nhà nước xác định xã là đơn vị chính quyền cơ sở, bao gồm một số làng (hoặc thôn). Song mỗi làng (thôn) vẫn tồn tại độc lập như một đơn vị xã hội cấp dưới của xã, là một cộng đồng dân cư cùng nhau cố kết tham gia xây dựng và phát triển nông thôn. Vô hình trung, làng (thôn) cấu tạo nên hệ thống dân cư nông thôn gồm nhiều điểm dân cư nông thôn. Hệ thống dân cư nông thôn gồm ba loại: các điểm dân cư thuộc các xóm ấp, điểm dân cư trung tâm xã, điểm dân cư trung tâm cụm xã.

Làng Việt Nam trong quá trình đô thị hóa: Trên thế giới có hai xu hướng chính về đô thị hóa là đô thị hóa tập trung và đô thị hóa phân tán. Việt Nam cũng như nhiều nước đang phát triển ở châu Á đã chọn hướng thứ hai đô thị hoá nông thôn vì phù hợp với thực tế và có điều kiện để thực hiện. Đô thị hóa nông thôn đã đưa công nghiệp và thủ công nghiệp về các thị trấn, các làng có mầm mống đô thị tạo việc làm để thu hút lực lượng lao động dư thừa ở nông thôn “ly nông bất ly hương”; kết hợp phát triển ngành dịch vụ nông nghiệp, nông thôn.

Làng Việt Nam trong quá trình đô thị hoá được tổ chức sắp xếp lại mạng lưới điểm dân cư nông thôn theo hướng đi đôi với phát triển đô thị vừa và nhỏ gắn với phát triển công nghiệp, TTCN, dịch vụ công cộng. Đây là những đầu mối quan trọng liên kết đô thị, nông thôn chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, các công nghệ thích hợp để phát triển sản xuất nông nghiệp và TTCN nông thôn.

- Các KGX, HLX, VDX hay nôm xanh được thiết lập trong quy hoạch đô thị, trở thành thành phần quan trọng trong cấu trúc tổng thể đô thị; có mục đích chính là bảo tồn khung cấu trúc tự nhiên, văn hoá bản địa đã luôn mâu thuẫn với thực trạng phát triển kinh tế năng động của làng ven đô. Do đó nghiên cứu HLX, VDX cần nắm bắt thực tiễn phát triển làng Việt Nam, nhất là làng ven đô thành phố lớn.

1.2. Hiện trạng tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội

1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển hành lang xanh phía Tây Hà Nội

1.2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển vùng nông thôn phía Tây Hà Nội

Lịch sử hình thành và phát triển vùng nông thôn phía Tây Hà Nội mang đặc trưng đặc điểm chính về không gian địa lý, tự nhiên vùng núi Ba Vì, sông Đáy và lịch sử, văn hoá Xứ Đoài.

a) Khái quát không gian địa lý, tự nhiên, môi trường

Vùng nông thôn phía Tây Hà Nội nằm ở rìa phía Tây của ĐBSH ở đầu bên phải của “võng sông Hồng” [12]. Phần vịnh biển cổ là một vùng đồi núi, đã bị sụt võng xuống dưới nước biển trong quá trình biển tiến, do đó trong lòng đồng bằng vẫn tồn tại những đồi núi sót xưa vốn là những đỉnh của các hệ thống núi bị sụt võng, như dãy Câu Lậu ở Thạch Thất, cụm núi đá vôi “Thập Lục Kỳ Sơn” ở Quốc Oai, hay dãy Chúc Sơn ở Chương Mỹ. Ngoài ra bờ vịnh cổ còn để lại bậc thềm đồng bằng phù sa cổ ở Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai cao độ 30 đến 35m. Sông Tích là ranh giới giữa vùng núi phía Tây và đồng bằng phía Đông của tỉnh. Đặc trưng vùng đồng bằng thấp, bằng phẳng, độ nghiêng chỉ dưới 10cm/km theo hướng Đông Nam và Nam; do phù sa mới của sông Hồng, sông Đáy, sông Tích, sông Nhuệ... bồi tụ từ hàng vạn năm nay đã vùi lấp trong lòng đất nhiều di chỉ của các nền văn hóa Phùng Nguyên, Đông Sơn... Ven các lòng sông còn lại nhiều sông đất tự nhiên mà các con sông đã bồi lên trong các mùa lũ và sau đã bị cắt xẻ thành những đồi gò rải rác, trở thành những nơi cao ráo để con người quần cư thành làng, xã từ thuở mới khai quốc. Vùng đồng bằng là vựa lúa chính kết hợp nuôi thủy sản; các nông sản phản ánh đặc trưng khí hậu nhiệt đới.

b) Khái quát không gian lịch sử, văn hóa

Vùng nông thôn phía Tây Hà Nội nằm trong địa hạt cổ mang tên Xứ Đoài [4] được hình thành một cách tự nhiên theo những dòng sông trong lịch sử. Ở đó, người Việt cổ, hay Việt – Mường chung, từ nương rẫy xuống đồng ruộng đã đặt bước chân đầu tiên. Các di chỉ khảo cổ học sơ kỳ kim khí, rồ kim khí, rải rác dọc theo sông Tích, sông Đáy, sông Hồng minh chứng Xứ Đoài là vùng đất tổ/cổ nơi ra đi của người Việt, ra khắp mọi miền đất nước. Xứ Đoài có núi thiêng Ba Vì là ngọn chủ sơn của

cả ĐBSH; Tản Viên sơn mang lại cho tâm thức Việt một cái nhìn thế giới mang tính chính thể, lưỡng phân lưỡng hợp, có trung tâm có ngoại vi, có thần có người, có linh hồn có thể xác trong buổi đầu lịch sử. Truyền thống bất khuất của người xứ Đoài được hình thành ngay từ buổi đầu Bắc thuộc và chống thuộc Bắc, đó là khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43), là quê của Lý Bí dựng nên nước Vạn Xuân độc lập, là vùng đất tổ Đường Lâm sinh ra hai vua Phùng Hưng và Ngô Quyền mở ra kỷ nguyên độc lập, tự chủ của đất nước. Xứ Đoài cũng là đất tâm linh; ngoài tục thờ Vua Ba Vì, thờ núi, thờ Thánh, còn có rất nhiều những ngôi chùa nổi tiếng thờ Phật; những ngôi đình nổi tiếng như đình Tây Đằng, đình Chu Quyến, đình Ngọc Than, đình So, đình Cấn... Cá tính của vùng đất Xứ Đoài còn có thể tìm thấy một cách đậm đặc ở những con người văn học, như Phùng Khắc Khoan, Trạng Bùng; các dòng họ nổi tiếng như dòng họ Phan Huy; nhà thơ Tản Đà, Quang Dũng, Phùng Cung, nhà nghiên cứu Nguyễn Hiến Lê, Phạm Đình Chương, Dương Nghiễm Mậu,... Hai học giả, Trần Quốc Vượng và Kiều Thu Hoạch, đều tán thành quan điểm xứ Đoài – Sơn Tây với Ba Vì là cái nôi, vùng đất bản địa của người Việt – Mường trước sự chia tách thành hai tộc người riêng rẽ và phân hóa về địa bàn sinh sống sau này, đồng thời miền đồi núi cũng là nơi hình thành nhà nước sơ khai (Trần Quốc Vượng, 1998).

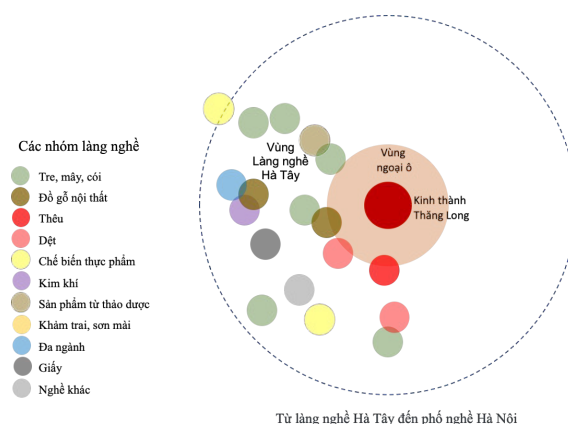
Nét đặc sắc kiến trúc của xứ Đoài, đầu tiên là gắn với đơn vị xã hội cơ sở của nông thôn Bắc bộ, đình làng “đẹp đình So, to đình Chàng”, đình Tây Đằng, đình Ngọc Than (Quốc Oai). Thứ nữa đây là xứ sở của các ngôi chùa Phật giáo, chùa Hương, chùa Thầy, chùa Mía, chùa Đậu, chùa Tây Phương. Gắn liền với văn hóa vật thể là văn hóa biểu hiện cùng hệ thống nghi lễ tín ngưỡng, một khía cạnh phản ánh đời sống tinh thần của con người. Về nghệ thuật biểu diễn dân gian có hát Chèo tàu, hát Dô, múa rối nước. Về tín ngưỡng Xứ Đoài là vùng văn hóa có sự hỗn dung giữa tín ngưỡng bản địa truyền thống, Phật, Đạo, Nho. Về ngôn ngữ, trong chính nội tại xứ Đoài rất phong phú tiếng địa phương cổ với hệ thống từ vựng và cách phát âm khác nhau ở từng đơn vị xã hội (làng).

Quanh Thăng Long có tứ trấn: xứ Đông, xứ Đoài, xứ Bắc, xứ Nam. Các xứ khác đều có hướng phát triển hoặc ra biển, hoặc nam tiến, riêng xứ Đoài ba bề là rừng núi, một bề là thủ đô nên không tiến đi đâu được, trở thành vùng ngoại biên, đã bảo

lưu gần như tất cả nét văn hóa cổ xưa của người Việt cổ, từ ngôn ngữ, giọng nói, đến các phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, mà quan trọng nhất là cá tính của một vùng đất, xứ Đoài.

1.2.1.2. Môi quan hệ lịch sử giữa nông thôn phía Tây Hà Nội (xứ Đoài) với Thăng Long - Kẻ Chợ

Trong lịch sử vùng nông thôn phía Tây Hà Nội (xứ Đoài), nhất là các làng nghề có mối quan hệ mật thiết với kinh đô Thăng Long – Kẻ Chợ. Chúng được hình thành ít nhất cách đây đã vài trăm năm, cho đến nay vẫn tồn tại và phát triển cùng với quá trình phát triển của lịch sử. Điều kiện thuận lợi trước tiên để các làng nghề Hà Tây phát triển là nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng, mang lại nguồn nguyên liệu dồi dào, như: đất đá (cho sản xuất gạch ngói, đồ gốm, đồ đá), mây, tre (cho việc đan lát), gỗ (cho sản xuất đồ gỗ, làm nhà cửa)... Đồng đất Hà Tây rất thuận lợi cho nhiều loại cây trồng, là nguồn cung cấp nguyên liệu vô tận cho các nghề dệt vải bông, sản xuất thảm đay, thơm tơ – dệt lụa, làm đậu phụ, ép dầu...

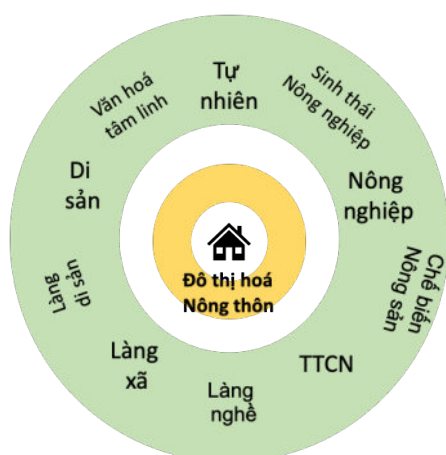


Sơ đồ 1. 1: Làng ven đô trong mối liên hệ lịch sử với Thăng Long xưa

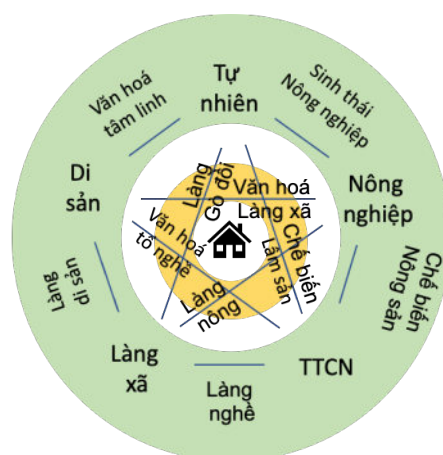
Kinh tế làng Việt cổ truyền [25] không nhất thiết thuần túy nông nghiệp, cho dù nông nghiệp là quan trọng nhất. Chợ làng giữa các liên làng chính là mầm mống kinh tế nông thôn cũng như kinh tế hàng hóa đầu tiên, thúc đẩy thủ công nghiệp và thương nghiệp. Từ chỗ kinh tế chợ làng quy mô nhỏ, vốn ít, mặt hàng chủ yếu là nông phẩm và nhu yếu phẩm, dần dần kinh tế nông thôn bước sang phường hội thủ công nghiệp mang tính chất thành thị, có thể khái quát bằng “từ chợ đến phố.”

Nhu cầu sử dụng sản phẩm thủ công nghiệp ngày một lớn, cùng với sự xuất hiện của các đô thị mang tính chất thương mại như Thăng Long, Phố Hiến. Những làng nghề là cơ sở thiết lập và hình thành các phố nghề trong nội thành Hà Nội, đồng thời là nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự phát triển vượt trội của làng nghề Hà Tây là bởi vùng đất này nằm cận kề Thăng Long và từ rất sớm đã có mối liên hệ với Kinh

thành. Gần như mỗi làng nghề nổi tiếng của Hà Tây đều có một “đại diện” của mình ở Thăng Long – Kẻ Chợ. Bản chất của các phường nghề hay phố nghề là do sự chuyển dịch của dân các làng nghề đến thành phố buôn bán rồi kinh doanh và định cư. Mỗi quan hệ giữa kinh thành Thăng Long và các làng nghề thủ công truyền thống trong giai đoạn từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX đã minh chứng làng nghề là nơi cung cấp nguyên liệu, nhân lực và kỹ nghệ cho các phố ngành nghề, trong khi các phố này là thị trường tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề.



Sơ đồ 1. 2: Không gian hỗn hợp (MIX)



Sơ đồ 1. 3: Cộng sinh nông thôn-đô thị

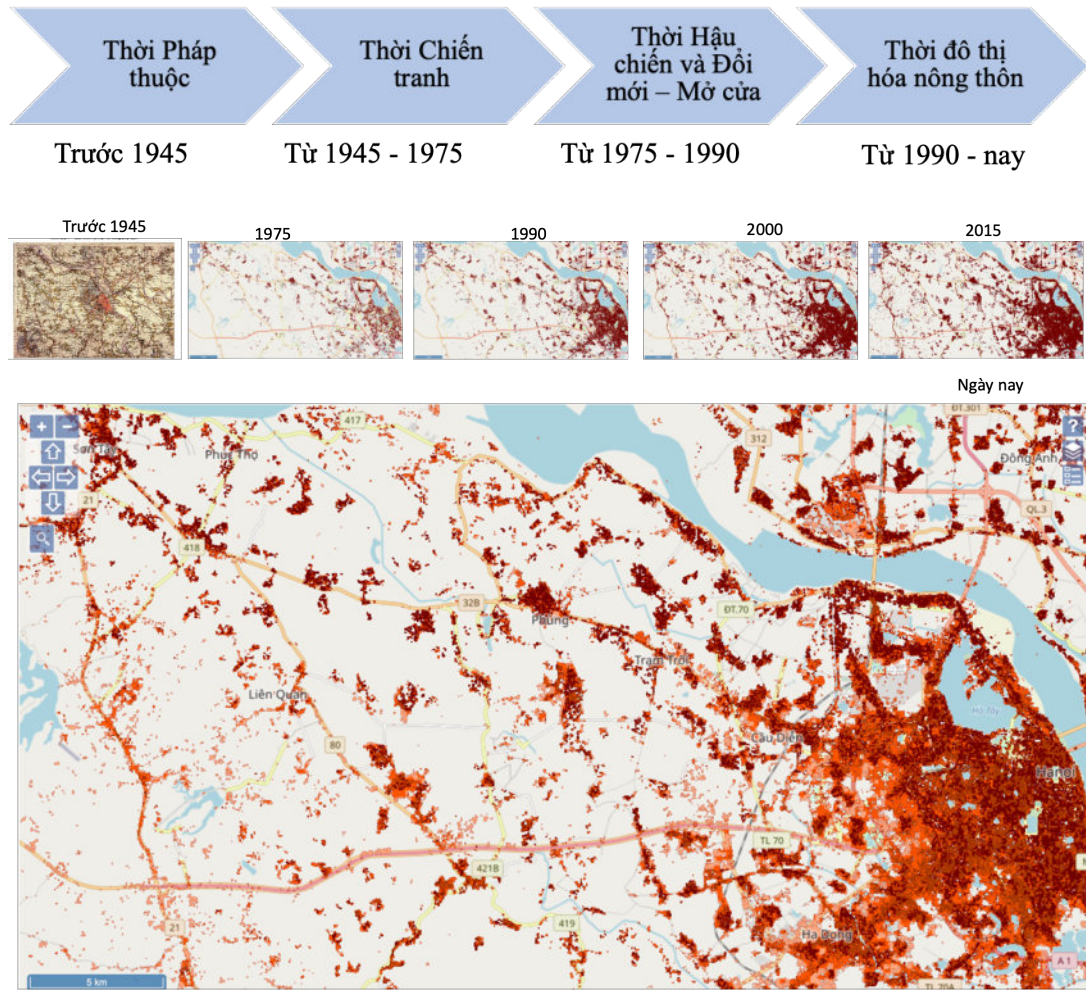
đô thị – nông thôn

Làng nghề là không gian đại diện vùng ven đô phía Tây Hà Nội thiết lập mối quan hệ đô thị và nông thôn. Từ đó hình thành không gian hỗn hợp đô thị – nông thôn và mối quan hệ cộng sinh nông thôn-đô thị.

1.2.1.3. Quá trình mở rộng đô thị về phía Tây và hình thành hành lang xanh Hà Nội

a) Quá trình mở rộng đô thị Hà Nội về phía Tây

Chọn mốc khởi đầu là cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, khi các yếu tố nông thôn và đô thị đã xuất hiện hoàn chỉnh và dần phân hóa để chia thành 4 thời kỳ phát triển chính gồm: (1) Thời Pháp thuộc; (2) Thời Chiến tranh; (3) Thời Hậu chiến và Đổi mới – Mở cửa; (4) Thời đô thị hóa nông thôn và xuất hiện các không gian hỗn hợp giữa nông thôn và đô thị, tương ứng với mỗi thời kỳ là những lần điều chỉnh địa giới hành chính Hà Nội (Phụ lục 1).



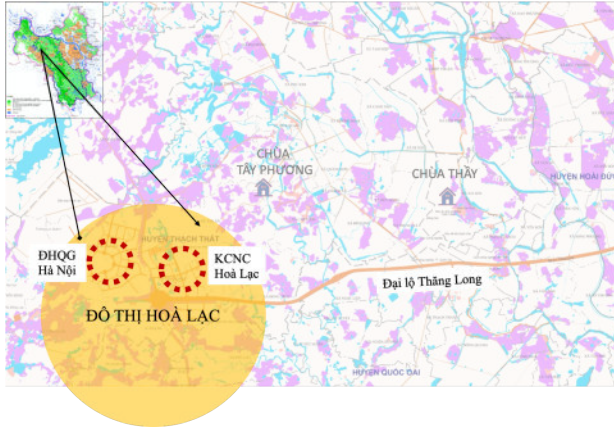
Hình 1. 11: Quá trình mở rộng đô thị Hà Nội về phía Tây và hình thái không gian vùng nông thôn ngoại vi

Trong quá trình mở rộng đô thị về phía Tây, vùng nông thôn hội nhập dần vào đô thị trở thành vùng nông thôn ven đô (ngoại vi) của đô thị lớn. Cấu trúc không gian vùng nông thôn ngoại vi mang trong mình những đặc trưng riêng: (1) có giá trị về lịch sử, văn hoá, đa dạng sinh học (2) vùng di sản nông thôn gắn liền với di sản đô thị (Hoàng Thành Thăng Long, khu phố cổ Hà Nội) hình thành nên cái nôi nền văn minh sông Hồng. (3) tạo nên không gian hỗn hợp đô thị đan xen với nông thôn, trong mối quan hệ tương hỗ cộng sinh nông thôn – TTCN - đô thị.

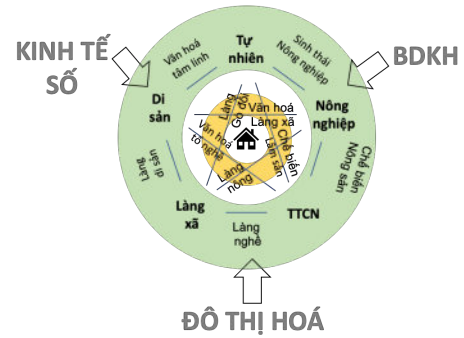
b) Đô thị hoá nông thôn phía Tây Hà Nội

Không gian hỗn hợp đô thị, nông thôn vùng ngoại vi phía Tây Hà Nội là kết quả của quá trình đô thị hoá nông thôn trong suốt chiều dài lịch sử, nó diễn ra mạnh nhất sau lần điều chỉnh địa giới Hà Nội lần thứ 4, Hà Tây chính thức được sáp nhập vào

Hà Nội ngày 1/8/2008. Đô thị hoá cùng với tác động của BĐKH, CMCN 4.0, đã làm cho hệ thống làng ven đô, làng nghề phát triển xung đột với môi trường sinh thái, đặc trưng lịch sử văn hoá, làm thay đổi diện tích đất tự nhiên, đất sản xuất nông nghiệp.



Hình 1. 12: Đại lộ Thăng Long và đô thị Hoà Lạc thúc đẩy đô thị hoá vùng nông thôn phía Tây Hà Nội.



Sơ đồ 1. 4: Không gian hỗn hợp (MIX) & cộng sinh nông thôn-đô thị phía Tây Hà Nội chịu tác động bởi đô thị hoá nhanh, BĐKH và kinh tế số.

Trên địa bàn nông thôn phía Tây Hà Nội cùng song hành thực hiện 2 nhiệm vụ quan trọng: (1) Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, Hà Nội có 355/382 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 92,9%); kết quả nông thôn Hà Nội được cải thiện, đường làng, ngõ xóm khang trang, xanh - sạch - đẹp... Hà Nội tiếp tục lên kế hoạch phân đầu tiêu chí nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu nhằm khắc phục các tồn tại do ảnh hưởng đô thị hoá đến nông thôn. (2) Chương trình phát triển đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái, hạ tầng liên vùng đã thúc đẩy mạnh mẽ không gian đô thị hoá phía Tây. Hầu hết các huyện phía Tây như Đan Phượng, Hoài Đức, Thanh Trì đang có kế hoạch chuyển đổi thành đơn vị hành chính đô thị. Khu đại học Quốc gia và khu công nghệ cao Hoà Lạc đã thúc đẩy quá trình đô thị hoá nông thôn phía Tây Hà Nội.

Trong bối cảnh mới, không gian hỗn hợp (mix) và cộng sinh nông thôn-đô thị phía Tây Hà Nội chịu tác động bởi đô thị hoá nhanh, BĐKH và kinh tế số.

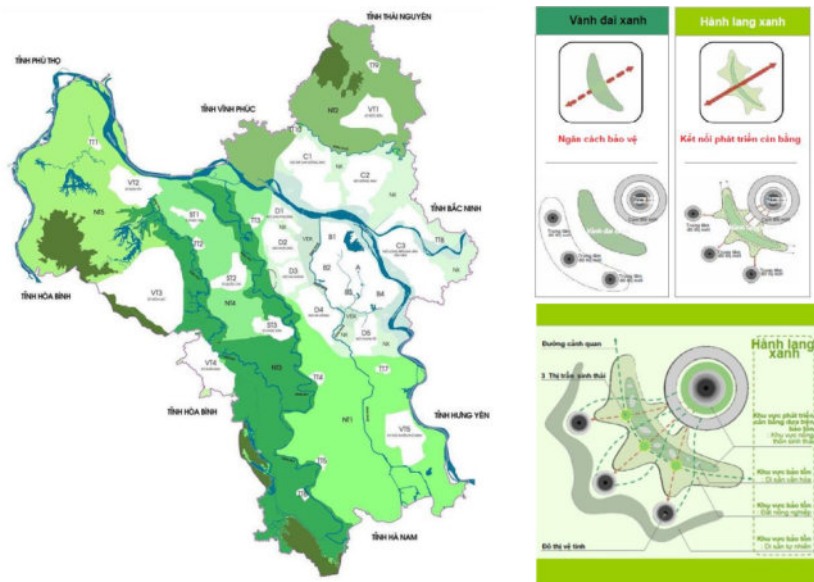
c) Sự hình thành HLX Hà Nội

Năm 2008, Nhà nước Việt Nam quyết định mở rộng ranh giới thủ đô Hà Nội từ khoảng trên 980 km² lên 3344 km², dân số khoảng 8 triệu người tương đương với

quy mô thành phố lớn trên thế giới. Trong ranh giới hành chính mới, Hà Nội trở nên thành phố độc đáo hơn bởi có nhiều tài nguyên cảnh quan thiên nhiên, nông nghiệp, nông thôn, di sản văn hóa. Thời điểm đó, Hà Nội cũng phải đối mặt với xu thế bùng nổ đô thị hoá khi có 750 dự án bất động sản đồng loạt đăng ký xây dựng [27]. Nhằm nâng cao vai trò vị thế của Thủ đô và kiểm soát đô thị hoá nhảy cóc, quy hoạch Hà Nội (QĐ 1259) đã được Chính phủ phê duyệt là ý tưởng “HLX”. HLX giải quyết mối quan hệ giữa bảo tồn các tài nguyên thiên nhiên và phát triển đô thị, nông thôn; đảm bảo cho Hà Nội mở rộng bền vững, phát triển “cân bằng” dựa trên bảo tồn. Đồng thời, HLX làm cho Hà Nội khác biệt với Thủ đô khác trên thế giới; đó là trong không gian thủ đô chứa đựng vùng nông thôn rộng lớn và đông đúc.

Mục tiêu HLX hạn chế sự phát triển lan tỏa thiếu kiểm soát từ đô thị trung tâm đến vùng nông thôn; là giới hạn ngưỡng phát triển của đô thị, phân tách đô thị trung tâm với đô thị vệ tinh. HLX có diện tích khoảng 2.341 km² chiếm 70% diện tích tự nhiên của Hà Nội. Trong đó phát triển làng nông thôn, TTCN làng nghề và bảo tồn không gian sông hồ, đồi núi, rừng tự nhiên, vùng sinh thái nông nghiệp di sản văn hoá.

HLX phía Tây Hà Nội tập trung chủ yếu từ vành đai 4 tới khu vực sông Đáy, sông Tích, trên địa bàn các huyện Phúc Thọ, Đan Phượng, Thạch Thất, Hoài Đức, Quốc Oai, Chương Mỹ, Thanh Oai, Ứng Hoà và Phú Xuyên.



Hình 1.13: Ý tưởng HLX Hà Nội [27]

Yêu cầu tổ chức không gian HLX Hà Nội: phục hồi cảnh quan sinh thái, bảo vệ môi trường sinh học dọc các tuyến sông nối kết với các KGX tự nhiên với khu vực nội đô tạo ra các đặc trưng môi trường về văn hóa, sinh thái, kiến trúc, mặt nước, cây xanh; giữ gìn và khôi phục hệ thống sông, hồ, đầm nước để cân bằng môi trường sinh thái, tăng cường khả năng tiêu thoát nước đô thị, phát huy giao thông thủy và hoạt động du lịch và vui chơi giải trí; thiết lập các tuyến hành lang bảo vệ cho các sông, hồ, đập thủy lợi, giảm nhẹ tác động lũ lụt, xử lý rác thải, nước thải, cải thiện ô nhiễm làng nghề, cải tạo sông Đáy, xây dựng các mô hình làng sinh thái.

Do đó, HLX Hà Nội trong QĐ 1259 là không gian hỗn hợp các chức năng khác nhau như nông nghiệp, bảo tồn sinh thái, du lịch, làng nghề TTCN, làng, di sản văn hoá .v.v... Dưới tác động của đô thị hoá, HLX phía Tây Hà Nội đang trong quá trình chuyển đổi, phân hoá hình thái không gian cảnh quan nông thôn.

d) Vai trò của HLX Hà Nội trong 10 năm qua

Đến nay (2023) sau mười năm thực hiện quy hoạch (QĐ 1259), HLX Hà Nội đã ngăn chặn được rất nhiều dự án đầu tư BĐS có nguy cơ xâm lấn hàng chục ngàn ha đất nông nghiệp. Hà Nội đã có các quy hoạch huyện, xã nông thôn để quản lý và phát triển HLX theo quy định. Tác động đô thị hoá giai đoạn 2010-2020 lan toả mạnh từ trung tâm mới đến các đô thị trên đường vành đai 4. Các đô thị vệ tinh và thị trấn sinh thái trong HLX đã được quy hoạch, nhưng chưa hình thành. Khu vực nông thôn trong HLX tiếp tục gia tăng dân số. Một số làng phát triển mạnh về thương mại và TTCN nằm trên tuyến trục hướng tâm Hà Nội (nhất là đường Hà Nội - Hoà Lạc).

Quản lý và phát triển HLX thực hiện bởi các quy hoạch huyện, và quy hoạch xã đã hạn chế tình trạng đô thị hoá nhảy cóc của thời kỳ 2000 - 2010. Nhưng quá trình đô thị hoá tự thân bên trong lòng các làng vẫn âm ỉ diễn ra một cách mãnh liệt. Mỗi làng tựa như một đô thị nhỏ gọn kết nối với nhau thành các cụm, chuỗi dải hoạt động kinh tế phi nông nghiệp sôi động. Hàng hoá sản phẩm làng nghề tạo nên các hình thái dao động con lắc giữa các huyện ngoại thành với quận nội đô Hà Nội.

Năm 2023, UBND thành phố Hà Nội có chủ trương điều chỉnh quy hoạch Thủ đô trong bối cảnh mới năng động hơn, hội nhập quốc tế sâu rộng hơn. HLX Hà Nội trong thời kỳ mới có hai nhóm ý kiến. Nhóm thứ nhất cho rằng tiếp tục duy trì như

quy hoạch (QĐ 1259), HLX còn nguyên giá trị về môi trường, cấu trúc quy hoạch và thích ứng với BĐKH, bảo tồn văn hoá bản địa và lịch sử địa điểm, cản trở đô thị hoá lan toả từ nội đô. Nhóm thứ hai nghi ngờ tính khả thi bởi yếu tố đô thị hoá nông thôn là tất yếu.

Điều chỉnh quy hoạch Hà Nội có nhiều câu hỏi đang được đặt ra như: có nên tiếp tục duy trì HLX Hà Nội nữa không? Nếu tiếp tục theo đuổi ý tưởng HLX thì thực tiễn phát triển vùng nông thôn phía Tây Hà Nội còn phù hợp không? Đến nay, phát triển đô thị lớn bền vững có nhiều sự lựa chọn nào khác cho HLX phía Tây Hà Nội? Ý tưởng quy hoạch HLX Hà Nội (QĐ 1259) về bản chất là vành đai xanh, đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử ngăn chặn đô thị hoá nhảy cóc xung quanh Hà Nội; nhưng tình trạng đô thị hoá lan toả tự phát vẫn đang tiếp diễn trong giai đoạn tiếp theo, do đó HLX vẫn có ý nghĩa đối với cấu trúc quy hoạch ở thời kỳ điều chỉnh tiếp theo.

1.2.2. Hiện trạng tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội

1.2.2.1. Khảo sát thực trạng hành lang xanh

a) Các đối tượng khảo sát

Các đối tượng liên quan đến tổ chức không gian HLX phía Tây Hà nội, gồm (1) ranh giới HLX, (2) dân số, (3) đất đai, (4) hình thái không gian làng, (5) không gian kinh tế-xã hội-môi trường, (6) không gian chức năng chủ đạo.

b) Phương pháp chọn mẫu khảo sát chung và khảo sát sâu

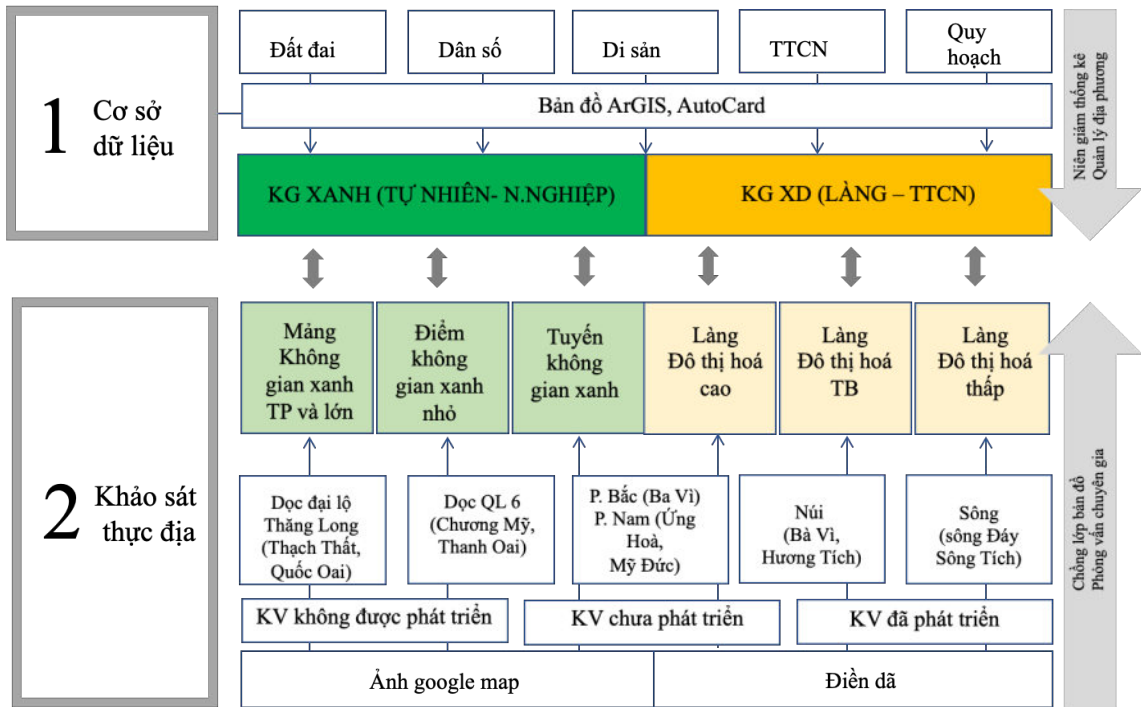
Khảo sát không gian hỗn hợp HLX phía Tây Hà Nội dựa trên hai nhóm số liệu, gồm: (1) Nhóm cơ sở dữ liệu dân số, đất đai, KT-XH từ TCTK, hệ thống bản đồ địa hình (AutoCard), bản đồ địa chính (ArGIS); và (2) nhóm dữ liệu tổng hợp từ điều tra khảo sát địa bàn.

c) Nội dung khảo sát

Khảo sát 9 huyện có ranh giới hành chính nằm trong HLX phía Tây Hà Nội gồm: Ba Vì, Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất, Chương Mỹ, Thanh Oai, Phú Xuyên, Ứng Hoà, Mỹ Đức. Các huyện nằm giáp quận nội thành như huyện Đan Phượng, Hoài Đức, Thường Tín chỉ có một phần nằm trong ranh giới HLX nên luận án chưa đủ điều kiện khảo sát. Lựa chọn huyện Thạch Thất khảo sát điển hình, do Thạch Thất

chứa đựng nhiều yếu tố đại diện đặc trưng HLX Hà Nội và các vấn đề cần giải quyết.

Phương pháp và nội dung khảo sát được thể hiện trong sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1. 5: Phương pháp và nội dung khảo sát không gian hỗn hợp trong HLX

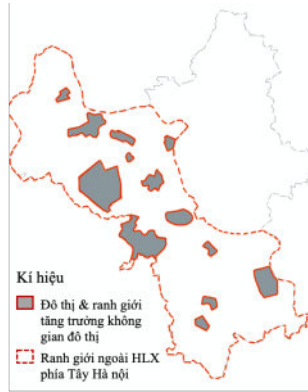
	Cẩm Yên	Đại Đồng	Lại Thượng	Cần Kiệm	Tân Xã	Bình yên
Ranh giới						
Diện tích	4,04 km ²	5,27 km ²	8,8 km ²	7,23 km ²	8,55 km ²	11,72 km ²
Dân số	4.118 người (1999)	8.014 người (1999)	7.783 người (1999)	7.368 người (1999)	3.789 người (2003)	7.805 người (1999)
Mật độ dân số	1.019 người/km ² (1999)	1,521 người/km ² (1999)	884 người/km ² (1999)	1.019 người/km ² (1999)	443 người/km ² (2003)	666 người/km ² (1999)
	Hương Ngải	Canh Nậu	Di Nậu	Hữu Bằng		Liên Quan
Ranh giới						
Diện tích	4,8 km ²	5,06 km ²	3,2 km ²	4,65 km ²		2,96 km ²
Dân số	7.195 người (1999)	11.198 người (1999)	6.252 người (1999)	9.195 người (1999)		7.697 người (2019)
Mật độ dân số	1.499 người/km ² (1999)	2.213 người/km ² (1999)	1.954 người/km ² (1999)	1.977 người/km ² (1999)		2.662 người/km ² (2019)

Hình 1. 14: Khảo sát huyện Thạch Thất

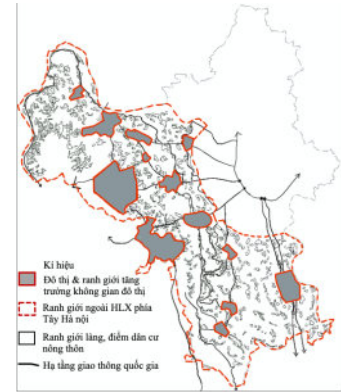
1.2.2.2. Hiện trạng các thành phần của không gian HLX phía Tây Hà Nội

a) Hiện trạng ranh giới HLX

Ranh giới ngoài HLX bao phủ lên chùm đô thị phía Tây Hà Nội. Ranh giới trong HLX được xác định trong (QĐ 1259). Tuy nhiên, hiện trạng HLX gặp nhiều thách thức quản lý ranh giới làng, và xu hướng phát triển lan toả từ



Hình 1. 15: Ranh giới HLX phía Tây Hà Nội (QĐ 1259)

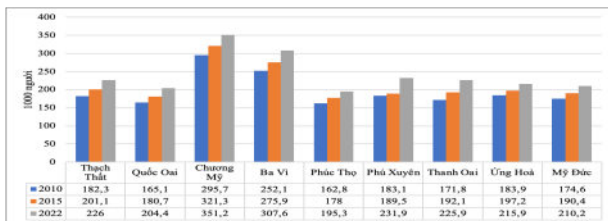


Hình 1. 16: Thực trạng ranh giới phía Tây Hà Nội HLX

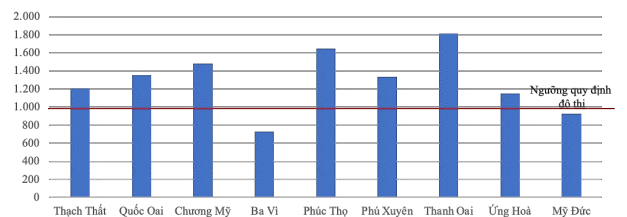
các làng có mật độ dày đặc, nhất là các làng nằm trên các tuyến đường giao thông liên vùng, giao thông quốc gia.

b) Quy mô dân số:

Về dân số, giai đoạn 2010-2022 các huyện đều có sự tăng trưởng dân số hàng năm. Mật độ dân số trên ranh giới tự nhiên cao tương đương với mật độ khu vực đô thị theo quy định. Tốc độ dân số 1 số huyện tăng khá nhanh giai đoạn 2010-2015 như Thạch Thất 1,98%; Thanh Oai 2,26%; Ba Vì và Quốc Oai 1,82%. Giai đoạn 2015-2022 huyện Phú Xuyên tăng 2,93%, Thanh Oai 2,34%. Quốc Oai 1,78%; thấp nhất là huyện Ứng Hoà và Chương Mỹ khoảng 1,3%. Hầu hết các xã nằm trong HLX có tỷ lệ (%) đất KGX nhỏ hơn đất không gian xây dựng.

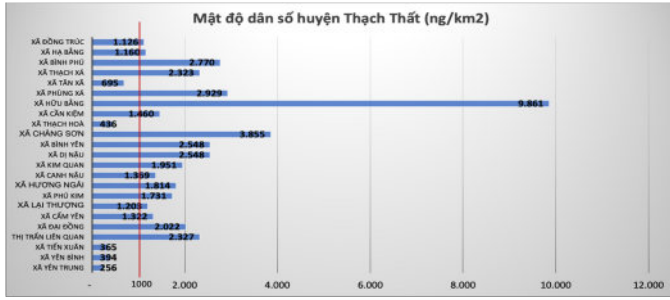


Sơ đồ 1. 6: Hiện trạng dân số 9 huyện trong HLX phía Tây Hà Nội (1000 người)

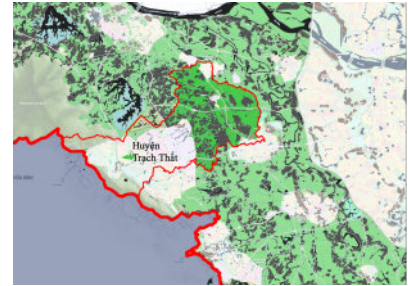


Sơ đồ 1. 7: Mật độ dân số 9 huyện trong HLX phía Tây Hà Nội (người/km²)

Huyện Thạch Thất là huyện có mật độ dân số cao, trong đó xã Hữu Bằng mật độ dân số tương đương các quận trung tâm nội thành Hà Nội 9.800 người/km². Xung quanh xã Hữu Bằng là các làng liên kết với nhau là cụm làng lớn.



Sơ đồ 1. 8: Mật độ dân số huyện Thạch Thất (người/km²)

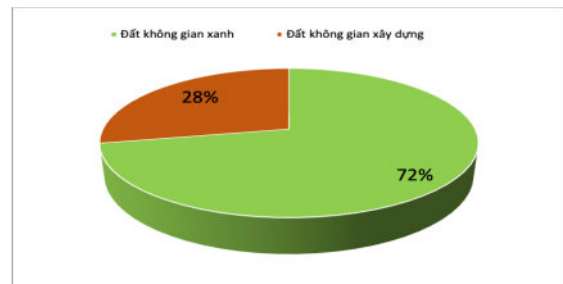


Hình 1. 17: Vị trí huyện Thạch Thất trong HLX

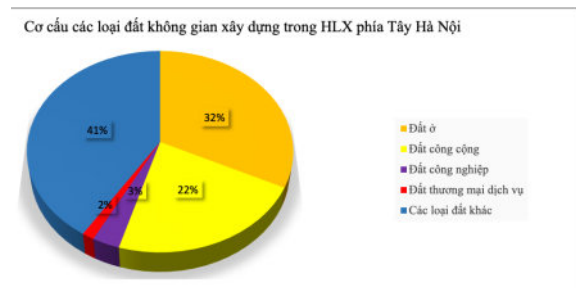
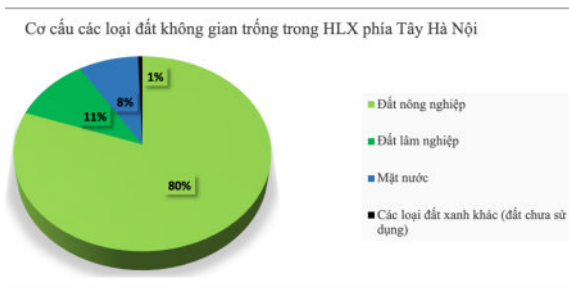
c) Quy mô đất đai:

Về đất đai, theo cơ sở dữ liệu quốc gia về thống kê đất toàn quốc năm 2009 có sự thay đổi so với năm 2009. Tổng diện tích đất nằm trong ranh giới HLX phía Tây được quy định trong QĐ 1259 chiếm khoảng 2.872 ha, chiếm >70% diện tích tự nhiên thành phố Hà Nội. Khảo sát ở 3 cấp độ: liên huyện (HLX), huyện, xã để nhận diện tỷ trọng đất KGX thực sự (không gian mở và không gian trồng) và đất không gian xây dựng (phụ lục 5)

Cấp liên huyện: Đất KGX khoảng 72% và đất không gian xây dựng khoảng 28%. Phân loại đất trong KGX và không gian xây dựng thể hiện tại 2 sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1. 9: Tỷ trọng đất xanh và đất xây dựng trong HLX phía Tây Hà Nội [23]

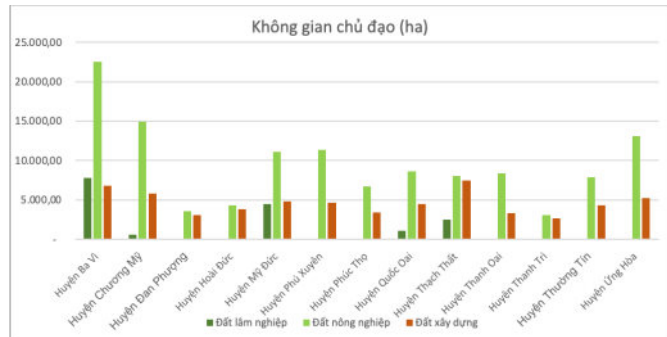


Sơ đồ 1. 10: Phân loại đất trong KGX và không gian xây dựng [23]

Cấp liên huyện: theo phân loại đất, trong KGX có rừng và nông nghiệp chiếm tỷ trọng khá lớn cho phép hình thành vành đai sinh thái phân cách ranh giới giữa đô

thị trung tâm các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái; đất ở chỉ chiếm khoảng 30% đất xây dựng, đất TTCN chiếm 3%, các loại đất xây dựng khác chủ yếu là đất hạ tầng chiếm 41%.

Cấp huyện: Phân bố không gian chủ đạo tại 9 huyện khảo sát thể hiện ở biểu đồ dưới đây. Các huyện nằm giữa sông Đáy và sông Tích có tỷ trọng không gian xây dựng khá cao so.

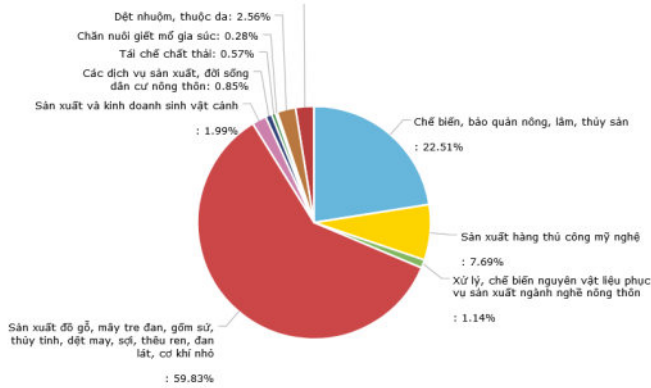


Sơ đồ 1. 11: Tỷ trọng đất xanh và đất xây dựng 9 huyện [23]

Cấp xã: Phân bố không gian chủ đạo tại 9 huyện khảo sát (phụ lục A), có sự chênh lệch khá lớn trong phạm vi huyện tỷ lệ (%) đất KGX /đất không gian xây dựng. Ví dụ trên địa bàn huyện Ba Vì, xã Ba Vì có tỷ lệ là 97/3, xã Phú Đông có tỷ lệ là 37/63; trên địa bàn huyện Phúc Thọ, xã Long Xuyên và xã Liên Hiệp có tỷ lệ là 50/50, xã Thọ Lộc có tỷ lệ là 36/64, xã Hiệp Thuận có tỷ lệ là 67/33.

d) Mạng lưới không gian kinh tế, xã hội, môi trường

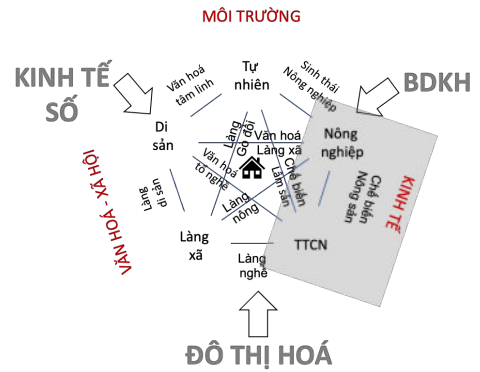
- Kinh tế và sinh kế nông thôn phía Tây Hà Nội có tính phi nông nghiệp mang đặc trưng của vùng nông thôn ngoại vi thành phố lớn. Theo sở NNPTNT Hà Nội hiện có 1.342 HTX nông nghiệp; 1.543 tổ hợp tác, trong đó có 1.049 tổ HTX nông nghiệp, 417 tổ HTX công nghiệp - TTCN và 77 tổ HTX thuộc các lĩnh vực khác; có 1.581 trang trại, trong đó: 1.173 trang trại chăn nuôi, 218 trang trại tổng hợp, 120 trang trại thủy sản, 69 trang trại trồng trọt và 1 trang trại lâm nghiệp; có 1.350 làng có nghề, trong đó: 313 làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận. Có 70 HTX tham gia chuỗi tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, 50 HTX ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, 180 sản phẩm của 53 HTX đạt chuẩn OCOP. Quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá, kinh tế và sinh kế khu vực nông thôn trong HLX thay đổi nhanh chóng cả về cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, cơ cấu đất đai. Nhiều hộ dân chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, nhiều đất nông nghiệp chuyển thành đất phi nông nghiệp.



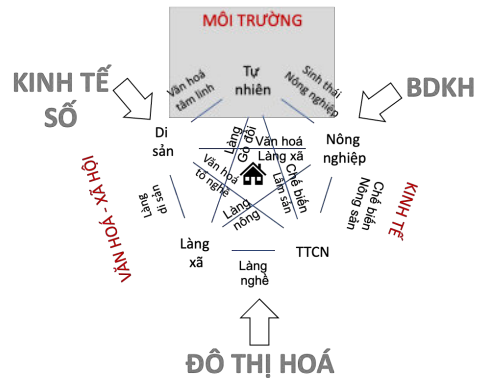
Sơ đồ 1. 12: Biểu danh mục làng nghề Hà Nội (Nguồn: Bộ TNMT)

- Môi trường: Một trong những đặc điểm tự nhiên quan trọng của HLX là lòng ghép giữa khung tự nhiên và khung nông nghiệp cổ truyền. Trong quá trình đô thị hoá yếu tố địa lý, tự nhiên, môi trường phía Tây Hà Nội gặp rất nhiều thách thức đó là sự biến động dân số, đất đai, tăng trưởng kinh tế, BDKH, chuyển đổi từ nông thôn sang đô thị.

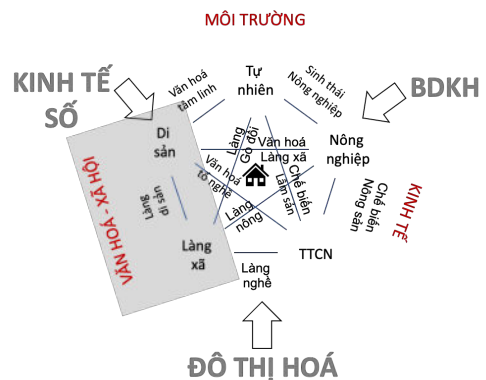
- Văn hoá, xã hội: Trong quá trình đô thị hoá, yếu tố lịch sử, văn hoá Xứ Đoài gặp thách thức do thay đổi cấu trúc dân số, lao động, sự phát triển khoa học CN, kinh tế số, hội nhập giao lưu văn hoá toàn cầu. Cấu trúc hình thái không gian làng, cảnh quan xung quanh địa điểm lịch sử, công trình văn hoá tín ngưỡng có giá trị đang bị bủa vây bởi các kiến trúc ô tạp không bản sắc....



Sơ đồ 1. 13: Đặc điểm kinh tế, sinh kế khu vực nông thôn trong HLX và mối quan hệ công sinh đô thị-nông thôn



Sơ đồ 1. 14: Đặc điểm môi trường tự nhiên HLX và quan hệ cộng sinh đô thị-nông thôn



Sơ đồ 1. 15: Đặc trưng lịch sử, văn hoá HLX trong quan hệ cộng sinh đô thị - nông thôn

e) Hình thái không gian làng

Làng trong HLX phía Tây Hà Nội nằm trong vùng ĐBBB, là vùng tập trung dân cư nông nghiệp có mật độ cao nhất trong cả nước. Đây là vùng phát triển nông nghiệp lâu đời và có thể được coi là khu vực mang nhiều đặc trưng điển hình của kinh tế nông nghiệp Việt Nam. Các điểm dân cư nông thôn đều là các làng được hình thành lâu đời gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt. Về mặt tổ chức xã hội, suốt từ các triều đại phong kiến, qua thời kỳ Pháp cai trị thuộc địa cho tới hiện nay các đơn vị chính quyền cơ sở về cơ bản vẫn duy trì trên cơ sở các làng xóm truyền thống. Bởi vậy, các làng ở đây đều rất ổn định và được liên hệ với nhau bằng mạng lưới đường bộ liên huyện, liên xã phần lớn được hình thành từ lâu, nay đang được bổ sung và nâng cấp thêm các hạ tầng khác như cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc. Nhìn chung, các điểm dân cư nông thôn ở đây được phân bố với mật độ rất cao, quy mô của các điểm dân cư tương đối lớn. Một trong những lợi thế của kinh tế nông nghiệp vùng ĐBSH là sự phát triển của các điều kiện kết cấu hạ tầng về kinh tế, văn hóa – xã hội.

Làng tập trung
có hạt nhân



*Thôn Dương Cốc, huyện Quốc Oai, Hà Nội
(cao độ 200m)*

Làng kéo dài
thành dải



*Thôn Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, Hà Nội
(cao độ 200m)*

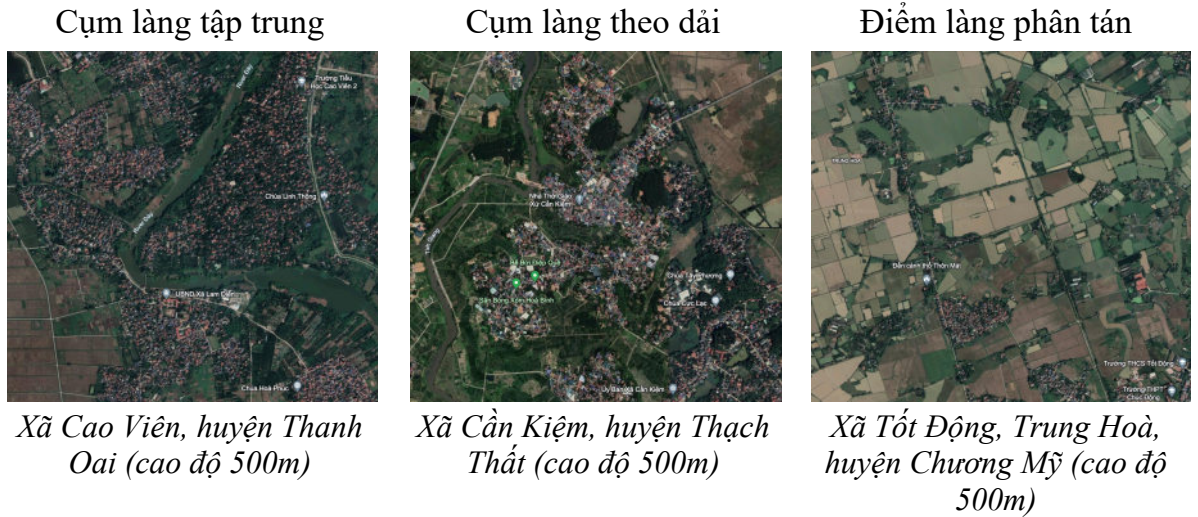
Làng phân tán thành điểm
dời dặc.



*Thôn Trần Phú, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
(cao độ 200m)*

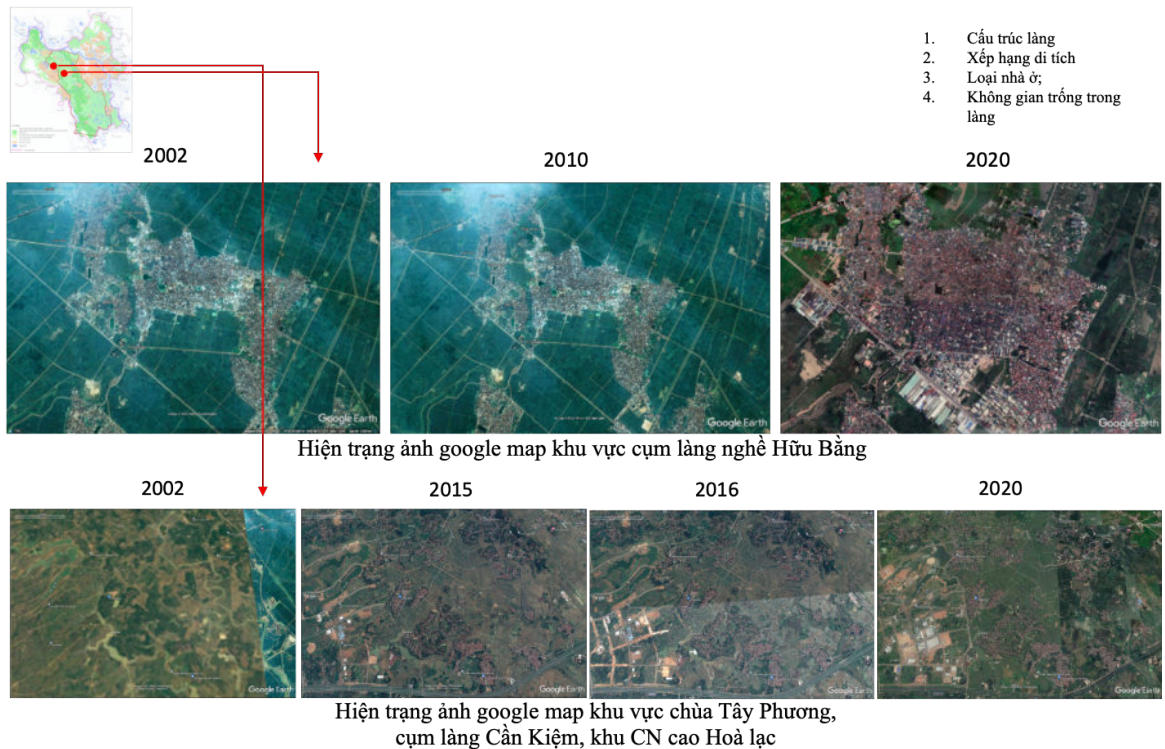
*Hình 1. 18: Các hình thái cư trú làng điển hình trong HLX phía Tây Hà nội
(nguồn Google map)*

Nhận diện cấu trúc hình thái cư trú làng trong HLX phía Tây có 3 dạng điển hình: (1) làng tập trung có hạt nhân, (2) làng kéo dài thành dải, (3) làng phân tán thành điểm dời dặc. Ranh giới của làng có thể mở rộng tự do về các hướng tạo ra thách thức kiểm soát lan toả trong hành lang xanh. Nhiều làng liên kết với nhau thành các cụm làng mật độ dày đặc, chuỗi dải, hoặc mạng lưới làng trên thêm đất cao.



Hình 1. 19: Các hình thái cư trú cụm làng điển hình trong HLX phía Tây Hà nội (nguồn Google map)

Khảo sát thực trạng và so sánh ảnh hiển thị trên Googlemap, có sự thay đổi đáng kể không gian và hình thái cư trú làng trong HLX phía Tây Hà Nội. Không gian cụm làng ở Hữu Bằng, Chàng Sơn, Phùng xá và cụm làng có chùa Tây Phương huyện Thạch Thất phát triển mở rộng trong giai đoạn 2002 – 2010 và 2010-2020.



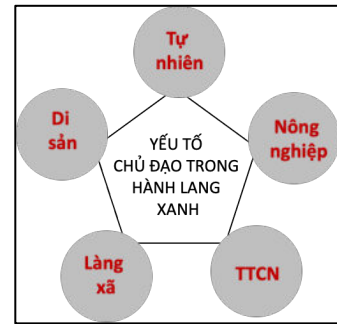
Hình 1. 20: Không gian quần cư truyền thống và sự chuyển đổi hình thái cư trú

Theo nghiên cứu (Lã Hồng Sơn và Đào Phương Anh), làng trong HLX Hà Nội được phân loại theo quy mô dân số: (1) làng loại lớn (hoặc liên thôn) từ trên 3.000

người trở lên; (2) làng loại trung bình từ 1.000 – 3.000 người; (3) làng loại trung bình dưới 1.000 người. Phân loại theo quy mô dân tích: 45,5% làng <10 ha; 40,2% làng từ 10 - 25 ha; 13,4% làng từ 25 - 50 ha; và 0,9% làng >50 ha. So sánh với làng của các vùng miền khác trên cả nước, làng trong HLX có quy mô lớn hơn.

1.2.2.3. Hiện trạng không gian chức năng chính

Kết quả khảo sát và phân tích thực trạng, có thể nhận thấy đặc điểm tổ chức không gian khu vực phía Tây Hà Nội đặc trưng bởi năm yếu tố chủ đạo cấu thành gồm: tự nhiên, nông nghiệp, di sản, làng xã, TTCN. Năm yếu tố này tạo nên các không gian cảnh quan chủ đạo của HLX.



Hình 1. 21: Năm yếu tố hỗn hợp trong HLX

1.2.2.4. Hiện trạng tình hình quản lý

- Công cụ quản lý quy hoạch: Sau khi phê duyệt quy hoạch theo QĐ1259, khu vực HLX được quản lý bằng đồ án QHC huyện, QHXD xã nhưng thiếu gắn kết giữa kinh tế ngành và kinh tế vùng (Son, 2023).

- Tự chủ, tự quản của làng truyền thống: Làng truyền thống từ khi mới thành lập đều có một sự độc lập nhất định hay còn gọi là tính tự trị, tự chủ và tự quản. Làng cũng quản lý cư dân theo chế độ tự quản, có xu hướng tách rời với chính quyền trung ương, với bộ máy quản lý là các Tiên chỉ, Thứ chỉ, các bô lão và Hội đồng kì mục được bầu theo khoán ước, hương ước của làng. Bởi nông thôn phía Tây Hà Nội mang đậm tính văn hoá, lịch sử; nên các làng nghề truyền thống trong bối cảnh đô thị hóa và chuyển đổi sinh kế lẫn không gian hỗn hợp (mix) sâu sắc đã không phân rã hay bị hòa tan, trái lại trở thành một chỉnh thể cố kết mạnh mẽ chi phối các hoạt động sản xuất lẫn thương mại. Làng vẫn có vị trí duy trì và cố kết của nó, làm động lực



Hình 1. 22: Hương ước cổ tỉnh Hà Tây cũ

mang đậm tính văn hoá, lịch sử; nên các làng nghề truyền thống trong bối cảnh đô thị hóa và chuyển đổi sinh kế lẫn không gian hỗn hợp (mix) sâu sắc đã không phân rã hay bị hòa tan, trái lại trở thành một chỉnh thể cố kết mạnh mẽ chi phối các hoạt động sản xuất lẫn thương mại. Làng vẫn có vị trí duy trì và cố kết của nó, làm động lực

thúc đẩy những hình thái tổ chức không gian mới. Đến nay tính tự trị, tự chủ và tự quản của làng vẫn tiếp tục có ý nghĩa xây dựng NTM.

1.2.3. Các bất cập, thách thức

Phát triển tự phát không kiểm soát: Tổ chức không gian nông thôn theo kiểu xôi đỗ, đất màu mỡ bị hoang hóa hoặc bị chuyển đổi mục đích sử dụng cho công nghiệp, đô thị, chỉ còn đất xen kẹt, khó canh tác. Đất đai trở thành đích ngắm của thị trường bất động sản. Sự chuyển nhượng đất đai và kèm theo đó là việc xây dựng tự phát các tòa nhà không theo quy hoạch nào khiến làng nông thôn bị biến tướng, mất dần bản sắc, chất lượng cuộc sống dân cư bị giảm sút. Còn đối với các khu đô thị hóa thì có xu hướng phát triển theo chiều rộng.

Cấu trúc và kiến trúc làng cũ bị biến đổi: Các công trình công cộng bị lấn chiếm. Khuôn viên các ngôi nhà bị thu hẹp hoặc chia cắt, mặt nước, cây xanh ít dần đi. Các ngôi nhà kiểu truyền thống dần bị thay thế bằng các kiểu nhà đô thị. Tổ chức kinh tế và khu dân cư đô thị không hợp lý: Đan xen giữa sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp – công nghiệp, với kinh doanh – dịch vụ. Tại các phố thị xuất hiện mô hình kinh tế mặt đường giống như ở thành phố, nhưng song song bên trong là nhà xưởng. Khu đô thị, khu công nghiệp nằm quá gần nhau, bám sát trên các tuyến giao thông trọng điểm huyết mạch theo kiểu “đường đến đâu, nhà đến đó”.

Công nghiệp hóa nông thôn và vấn đề khâu sản xuất: Phát triển nghề thủ công ở làng luôn đi liền với các nguy cơ giảm chất lượng môi trường sống do ô nhiễm. Làng nghề truyền thống trong quá khứ thường không chạy theo số lượng sản xuất với quy mô lớn như làng nghề sản xuất hiện nay. Xu hướng thiên về số lượng lớn và cạnh tranh trên một phương thức sản xuất cổ truyền, ít quan tâm đến môi trường tạo ra các nguy cơ ô nhiễm tất yếu. Muốn điều tiết và giảm tải ô nhiễm đồng nghĩa phải phá bỏ phương thức sản xuất truyền thống và chuyển sang các khu công nghiệp tập trung. Mặt khác, khâu sản xuất phải đảm bảo môi trường, phân luồng vào/ra, kiểm soát đầu vào, kho bãi, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường.

Đô thị hóa không đồng bộ với cơ sở hạ tầng giao thông: Do đô thị hóa tự phát, hình thành những tuyến phố thị trên cơ sở bám sát đường làng cũ, vốn là đường làng ngõ xóm chật hẹp quanh co, ít thuận tiện cho giao thông cơ giới, không đáp ứng tiêu

chuẩn quy hoạch và thiết kế đường đô thị, chức năng giao thông và chức năng không gian. Hệ thống nhà xưởng dày đặc với khối lượng lưu thông lớn bám quanh đường, nhiều trong số đó là đường cụt, không thể mở đường vòng. Khả năng giao thông kết nối với hạ tầng đô thị kém. Đòi hỏi cần một hệ thống giao thông đáp ứng được.

Làng cũ – khu đô thị mới: Hai hình thái tương phản cùng xuất hiện trên một phạm vi không gian. Đối với làng cũ có mật độ xây dựng thấp; nhà cửa thích hợp với lối sống dựa vào nông nghiệp, không phù hợp lối sống dựa vào kinh doanh tại phố phường. Khu đô thị mới, phố làng, phố công nghiệp, phố theo trục giao thông liên tỉnh, liên huyện, liên xã và làng, bê tông hóa các làng, ngoài ra còn có các dự án bất động sản với cảnh quan chủ đạo là nhà ở liền kề, biệt thự. Quá trình đô thị hóa làng cũ, kinh tế dịch vụ phát triển ở các khu đô thị mới (phố hóa), bảo tồn khung cảnh làng và xây dựng hạ tầng mới theo NTM còn bất cập, để đảm bảo dịch vụ thiết yếu, đáp ứng NTM và các tiêu chuẩn kiến trúc, quy hoạch. Ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, trong khi việc thu gom, vận chuyển rác thải và xử lý yếu kém.

1.3. Nhận diện đặc điểm hiện trạng các dạng không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội

1.3.1. Đặc điểm hiện trạng các dạng không gian chủ đạo

1.3.1.1. Dạng 1: Không gian địa lý tự nhiên và môi trường

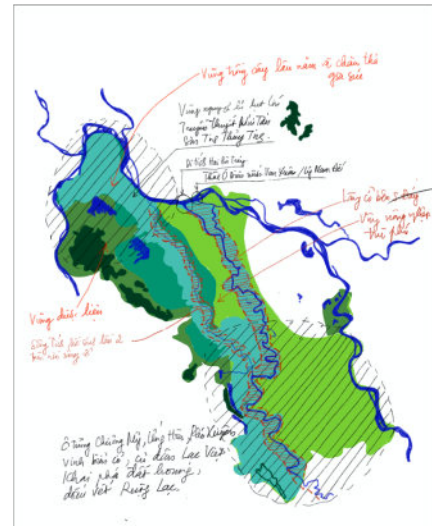
Không gian cảnh quan địa lý tự nhiên thuộc lưu vực giữa hai dòng sông Đáy và sông Tích. Các dòng sông bồi đắp phù sa cho các đồng bằng tạo dựng bản sắc văn hoá. Đến nay sự biến đổi của một phần cảnh quan tự nhiên đang làm ảnh hưởng đến diện mạo cảnh quan nông nghiệp nông thôn truyền thống Xứ Đoài.

- Trước thời kỳ ĐỔI MỚI

Không gian cảnh quan tự nhiên HLX phía Tây Hà Nội sở hữu những yếu tố tự nhiên nguyên thủy như núi, sông, hồ gắn với các sự kiện lịch sử. Giá trị mặt nước tạo nên cảnh quan sông hồ, nông nghiệp đảm bảo cho vùng sản xuất nông nghiệp – nơi đang có hàng triệu người sinh sống và đảm bảo chu trình tuần hoàn sinh thái cho Thủ đô. Trong đó: Sông Đáy dài 325 km, là một trong năm con sông dài nhất ở miền Bắc Việt Nam; có lưu vực rộng hơn 7.500 km² trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tỉnh phía Nam ĐBSH. Đầu nguồn sông Đáy có đền Hát Môn thờ Hai Bà Trưng (Phúc

Thọ) và dấu tích thành cổ Ô Diên (Hạ Mỗ, Đan Phượng) của triều Hậu Lý Nam Đế, dọc hành lang sông Đáy còn có một hệ thống các làng cổ. Đây đồng thời là vùng nông nghiệp trù phú. Ở vùng hạ lưu sông Đáy, trong lịch sử là vùng biên cở nơi cư dân Lạc Việt khai phá đất hoang, có những dấu vết ruộng lạc vùng ô trũng Chương Mỹ, Ứng Hòa, Phú Xuyên.

Sông Tích dài 10 km; lưu vực rộng 1330 km². Sông Tích bắt nguồn từ phía Đông Bắc núi Ba Vi xuôi về ngã ba Ba Thá và đổ vào sông Đáy. Bên hữu ngạn sông Tích rất nhiều suối lớn nhỏ từ Ba Vi, Viên nam đổ xuống như Bến Tam, Cầu Tân, sông Hang, sông Giếng, suối Vai Ca....; trên lưu vực sông Tích



Hình 1. 23: Đặc điểm không gian hỗn hợp với yếu tố tự nhiên là chủ đạo

có các hồ Đồng Mô - Ngải Sơn (rộng 1.260 ha), hồ Suối Hai (671 ha), hồ Xuân Khanh (104 ha) với rất nhiều tài nguyên thủy sản. Dọc hai bên bờ sông Tích có nhiều địa điểm du lịch văn hóa lịch sử: khu du lịch nghỉ dưỡng hồ Suối Hai, làng cổ Đường Lâm, đền Và, trại tù Sơn Tây, thành cổ Sơn Tây, khu du lịch Đồng Mô-Ngải Sơn, Ao Vua.

Vùng núi đá vôi Sài Sơn – Tử Trầm ở Quốc Oai và Chương Mỹ gọi là Thập Lục Kỳ Sơn, mỗi ngọn đều gắn liền với hình dáng và đặc điểm của địa hình như Sài Sơn hoặc Cổ Sài, hay núi Chùa Thầy, Hoàng Xá, Phượng Hoàng, Cánh Gà, Con Cóc, Long Đầu, Bò Nồng, Hương Sơn... Trên núi có nhiều hang động nổi tiếng như hang Cắc có (hang Thần) hang Thánh Hoá, hang Bò, hang Gió; lại có Chợ Trời trên đỉnh, quả núi như một vườn thực vật lớn với nhiều loại cây cổ thụ có tuổi đến gần ngàn năm, một vườn thuốc quý mà tự nhiên ban tặng. Núi Chùa Thầy được xem là con rồng lở đàn độc đáo (quái long), xung quanh có 16 ngọn núi nhỏ (thập lục kỳ sơn) là các con lân, phượng, quy... châu về.

- Sau ĐỔI MỚI: Không gian cảnh quan tự nhiên có một yếu tố tự nhiên mới, đặc biệt là xung quanh các con sông trở thành vùng chậm lũ, xả lũ (để giảm lũ lụt cho Hà Nội).



Hình 1. 24: Hiện trạng ô nhiễm lưu vực sông Đáy



Hình 1. 25: Cảnh quan sông Tích vẫn chưa được thông dòng



Thực trạng chung hiện nay của sông Đáy và sông Tích đều bị ô nhiễm trầm trọng; báo cáo kết quả quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (tháng 8/2022), hàm lượng chất hữu cơ, vô cơ có trong nước mặt sông Đáy đều vượt quy chuẩn... Nguyên nhân chính là do có 1.535 điểm xả nước thải chưa qua xử lý.

Cụm núi Thập Lục Kỳ Sơn tại Sài Sơn nay đã không còn nguyên vẹn do tác động khai thác đá vôi phục vụ sản xuất xi măng, đã san bằng các ngọn núi, dẫn đến một trong những yếu tố địa hình đặc trưng của không gian tự nhiên bị đánh mất.

Sự chuyển đổi không gian địa lý tự nhiên trước và sau ĐỔI MỚI phản ánh chuyển đổi mối quan hệ cộng sinh đô thị - nông thôn trong quá trình đô thị hoá. Trước ĐỔI MỚI, không gian hỗn hợp khi yếu tố tự nhiên làm chủ đạo là cộng sinh giữa thiên nhiên – lịch sử (dựng nước và giữ nước), thiên nhiên – văn hoá thăng long (Kinh thành, Phố chợ), thiên nhiên – nông nghiệp lúa nước (văn hoá xứ Đoài - di sản nông nghiệp), thiên nhiên – nông thôn phi nông nghiệp (làng nghề). Sau ĐỔI MỚI, không gian tự nhiên làm chủ đạo bổ sung thêm thiên nhiên – hạ tầng (thoát lũ, chậm lũ), thiên nhiên – đô thị hoá (tuyến hạ tầng mới).

1.3.1.2. Dạng 2: Không gian nông nghiệp và nông thôn

Không gian nông nghiệp và nông thôn HLX phía Tây đặc trưng bởi 3 dạng địa hình: đồng bằng, trung du và miền núi.

- Trước ĐỔI MỚI: Làng có cấu trúc cảnh quan đặc trưng làng Việt cổ truyền, sinh kế chính là nghề nông. Vùng đồng bằng, các làng xây dựng trên triền đất cao, phía trên trong đê dọc theo sông. Vùng trung du và miền núi, làng xây dựng tựa vào địa hình tự nhiên.

Cấu trúc làng được hình thành bởi đường làng, ngõ xóm bố trí phân nhánh theo hình xương cá, cành cây hay rặng lược tạo thành tổ hợp kiến trúc cảnh quan mang đặc trưng biểu tượng làng Việt truyền thống. Cảnh quan truyền thống [5] như: mái đình – cây đa – ao làng; cây đa – cổng làng – ao làng; lũy tre – cổng làng – đường vào làng; đường làng – bờ ao – hàng rào đuối – cây cau; cây rơm – bụi chuối – ao bèo; quán- cây xanh- cánh đồng lúa.

Các công trình công cộng với lối kiến trúc vừa thể hiện sự phức hợp các tín ngưỡng và tôn giáo, vừa bảo đảm nhu cầu tâm linh cho dân làng. Chúng được xây dựng khi làng đã ổn định và tương đối hoàn chỉnh trên nhiều phương diện. Các công trình tín ngưỡng tiêu biểu, gồm: đình là trung tâm sinh hoạt cộng đồng làng, từ đầu thế kỷ XVII đảm nhận thêm chức năng thờ (thờ vọng) thành hoàng – vị thần che chở và bảo vệ cho cộng đồng làng, là yếu tố lớn nhất trong văn hóa phi vật thể của làng; đền (miếu, nghè, am, từ... tùy cách gọi của từng làng) là nơi thờ thành hoàng, hoặc miếu thờ các sự kiện hay nhân vật không phải thành hoàng; chùa là nơi thờ Phật, thông thường mỗi làng có một chùa, song nhiều làng có đến 3- 4 thậm chí 7- 8 ngôi chùa. Những công trình tôn giáo theo thời gian kết tụ trở thành di sản văn hóa và có tiềm năng khai thác với tư cách là điểm đến du lịch.



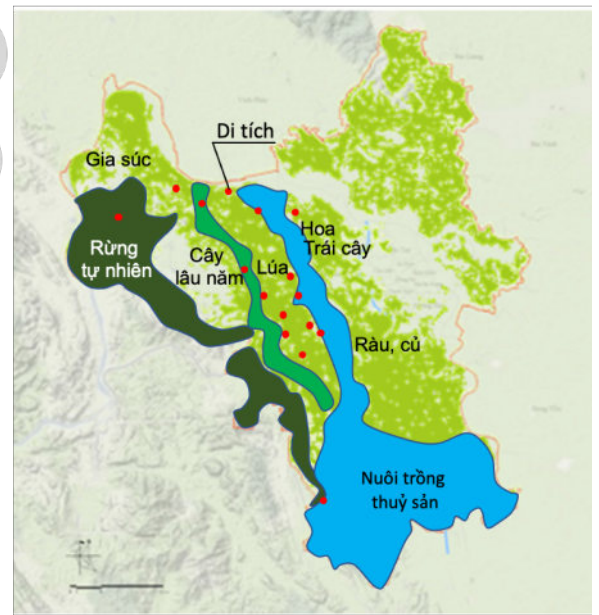
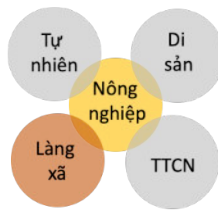
Hình 1. 26: Cảnh đồng lúa, huyện Quốc Oai *Hình 1. 27: Hiện trạng khuôn viên chùa Thầy, Sài Sơn và chùa Tây Phương, Thạch Xá nhìn từ trên cao*

Trên thực tế, các làng nông nghiệp có di sản văn hóa đã được đưa vào khai thác trong các tuyến du lịch tâm linh nội tỉnh, như chùa Thầy, chùa Tây Phương – làng cổ Đường Lâm – chùa Trăm Gian, chùa Trầm – đền Và, chùa Mía... Cảnh quan tiêu biểu của quần cư nông nghiệp truyền thống văn hoá xứ Đoài là khu vực xung quanh chùa Thầy (Sài Sơn) và chùa Tây Phương (Thạch Xá). Chùa Thầy là một trong những ngôi chùa nổi tiếng nhất Hà Nội, gắn liền với quãng đời sau cùng và thoát xác của vị Thiền sư nổi tiếng thế hệ thứ 12 của dòng Thiền Tì ni đa lưu chi, Thiền sư Từ

Đạo Hạnh; và cũng là nơi tu hành của thiền sư Từ Đạo Hạnh, khi ấy núi Thầy còn được gọi là núi Phật Tích. Quanh núi Thầy là cụm kiến trúc Phật giáo được xây dựng trong những thời kỳ khác nhau.

Chùa Tây Phương được dựng trên ngọn núi Tây Phương cao khoảng 50m, tại xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, cách trung tâm Hà Nội khoảng 40km về phía Tây. Chùa được xây dựng vào khoảng thế kỷ VIII và là chùa cổ thứ 2 ở nước ta sau chùa Dâu ở Bắc Ninh, và đã trải qua nhiều lần trùng tu.

. - Sau ĐỔI MỚI: Tốc độ đô thị hóa nông nghiệp nông thôn, cơ khí hóa, tự động hóa đang diễn ra mạnh mẽ ở nhiều làng phía Tây Hà nội. Nhiều nếp nhà cổ được thay bằng những ngôi nhà cao tầng mái bằng. Cũng như nhiều làng quê Việt Nam, quá trình đổi mới cùng sự len lỏi của kinh tế thị trường đã thay đổi lối sống làng cổ truyền.



Hình 1. 28: Đặc điểm không gian hỗn hợp yếu tố nông nghiệp, nông thôn chủ đạo

Ngôi làng cổ mất đi về bình yên xưa cũ, tình xóm láng giềng cũng lỏng lẻo hơn, nền nếp gia phong trong các gia đình dường như có phần lãng quên theo nhịp sống hiện đại. Chương trình xây dựng NTM thúc đẩy hiện đại hoá đường giao thông liên thôn, liên xã và liên huyện đang được nhựa hóa, bê tông hóa tạo cơ hội cho các hộ gia đình có ô tô con hoặc ô tô chở khách, chợ hàng. Giao lưu hội nhập quốc tế cũng ảnh hưởng không nhỏ đến cơ cấu nghề nghiệp của địa phương. Số lượng lớn các thanh niên từ độ tuổi 18-30 đi xuất khẩu lao động và tu nghiệp tại các quốc gia phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia... đã làm kinh tế các hộ gia đình cải thiện, xây dựng nhà cửa mới kiểu hiện đại có ô tô riêng khác xa với không gian truyền thống.

Sự chuyển đổi không gian cảnh quan nông nghiệp, nông thôn trước và sau ĐỔI MỚI phản ánh chuyển đổi mối quan hệ công sinh cấu trúc làng cổ truyền với hoạt động kinh tế - xã hội nông thôn. Cảnh quan làng thuần nông được thay đổi hơn do ứng dụng công nghệ cao và cơ giới hoá trong nông nghiệp

1.3.1.3. Dạng 3: Không gian làng nghề, TTCN

Không gian cảnh quan làng nghề - TTCN chủ yếu bám theo dòng sông Đáy, trước đây là tuyến giao thông thuỷ quan trọng của ĐBSH.

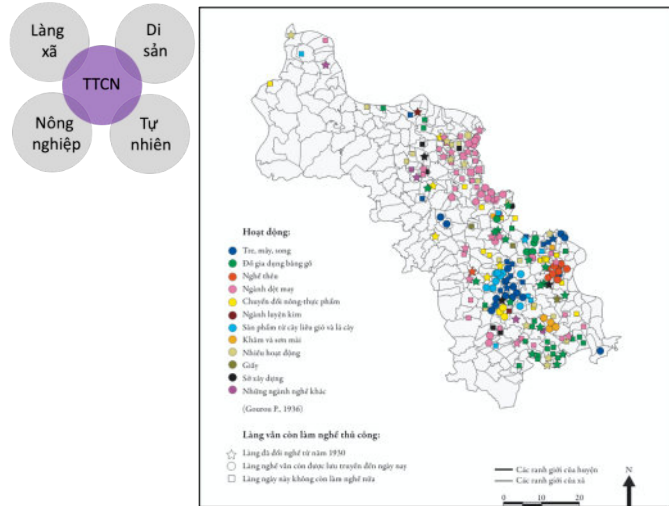
- Trước ĐỔI MỚI: Vùng nông thôn phía Tây Hà Nội hay địa danh cũ là tỉnh Hà Tây được mệnh danh là đất “trăm nghề” vì gần như tập hợp phần lớn những công nghệ, những ngành nghề thủ công mỹ nghệ trong từng gia đình, từng tổ sản xuất, hợp tác xã TTCN với mặt hàng đa dạng, mẫu mã phong phú, được các nghệ nhân, thợ lành nghề truyền tụng từ thế hệ này sang thế hệ khác.

- Sau ĐỔI MỚI: Khuynh hướng chung của các làng nghề là trên cơ sở truyền thống nghề lâu đời, hình thành nên các cụm công nghiệp theo hướng mở rộng quy mô sản xuất và chuyên môn hóa, thu hút lao động địa phương và các vùng lân cận. Có thể kể đến các cụm công nghiệp ở Vạn Phúc, Hà Đông, Cát Quế, Dương Liễu, Minh Khai, Đức Giang (Hoài Đức), Phú Nghĩa (Chương Mỹ), Hữu Bằng, Chàng Sơn, Phùng Xá (huyện Thạch Thất).

Thứ nhất, xuất hiện một dạng liên kết không gian đặc biệt trong HLX do ảnh hưởng của đô thị hóa nông thôn mang tính chất tự phát chính là phố thị và làng nghề TTCN. Thực chất, đây là sự chuyển đổi của làng nghề TTCN từ mô thức sản xuất và cung ứng truyền thống (cho thị trường Hà Nội) mở rộng sang thương mại. Nhận diện sự biến đổi cảnh quan cư trú từ làng nông nghiệp chuyển đổi trở thành phố thị, với các cửa hàng showroom và cụm xưởng sản xuất TTCN, mật độ xây dựng dày đặc.

Thứ hai, sự chuyển dịch thay đổi về cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang hướng sản xuất TTCN. Kinh tế làng nghề phát triển mạnh và theo xu hướng chuyên môn hóa. Phát triển sản xuất tại chỗ, ngoài giải quyết việc làm tại chỗ cho hàng nghìn lao động nông nhàn trong vùng, thu hút lực lượng lao động đến làm thuê tương đối lớn, trong đó có một số lượng đến từ các khu vực lân cận. Thứ ba, tự thân làng diễn ra quá trình đô thị hóa – công nghiệp hóa chủ động, tự phát.

Mặc dù nhiều làng ở xa thành phố, đang phát triển nhanh và có sự liên kết giữa các làng nghề lân cận lập thành các cụm ngành nghề.



Hình 1. 29: Đặc điểm không gian hỗn hợp với yếu tố TTCN làng nghề là chủ đạo [70]

Các cụm ngành nghề này đô thị hóa tự phát mà không có quy hoạch hay hỗ trợ của nhà nước, mang tính chất phi tập trung. Họ tự hình thành các khu sản xuất

TTCN để phát triển nghề, được chính quyền địa phương cho phép và tạo điều kiện tự đô thị hóa. Các cụm ngành nghề này giải quyết việc làm cho các làng xung quanh, gián tiếp giải quyết một trong những vấn đề nhức nhối của Hà Nội hiện nay đó là số lượng lao động nhập cư quá lớn. Sự chuyển đổi không gian cảnh quan làng nghề - TTCN trước và sau ĐỔI MỚI phản ánh chuyển đổi từ tổ chức không gian nhà ở + sản xuất sang tổ chức không gian cụm TTCN làng nghề, ở đó nhà ở tách rời khỏi sản xuất. Mối quan hệ cộng sinh đô thị - nông thôn biểu hiện thị trường tiêu thụ hàng hoá mở rộng ra thế giới.

Ngoài ra, hình thành khu Công nghệ cao Hòa Lạc với sự hiện diện của những tập đoàn hàng đầu Việt Nam, như Viettel, FPT, Vingroup... sẽ là “thung lũng Silicon” đang dần hình thành chuỗi sản xuất sản phẩm công nghệ cao ở trong vùng nông thôn phía Tây Hà Nội.

1.3.1.4. Dạng 4: Không gian cảnh quan phát triển đô thị

Không gian đô thị phía Tây mặc dù không nằm trong ranh giới HLX, nhưng cần được nhận diện và đánh giá bởi chúng có ảnh hưởng và tác động lớn đến các yếu tố cấu thành tổ chức không gian HLX.

- Trước ĐỔI MỚI: Không gian cảnh quan đô thị hoá là mạng lưới thị trấn (tương đương với đô thị loại III) phân bố tại điểm nút giao thông tỉnh lộ hoặc huyện lộ, là trung tâm kinh tế - xã hội của khu vực nông thôn. Phát triển kinh tế phi nông nghiệp mạnh mẽ đã làm cho làng trong HLX có đặc trưng cấu trúc làng đô thị hoá tự thân.

Làng luôn vận động, mở rộng ranh giới từ làng độc lập thành cụm làng, chuỗi làng có mật độ xây dựng dày đặc tương đương với đô thị.

- Sau ĐỔI MỚI: đô thị hóa chóng mặt góp phần kiến tạo nên một khung cảnh quan chủ đạo là khu đô thị mới, phố làng, phố công nghiệp, phố theo trục giao thông liên tỉnh, liên huyện, liên xã và làng, bê tông hóa các làng.



Hình 1: Thị trấn Quốc Oai



Hình 2: Thị trấn Liên Quan



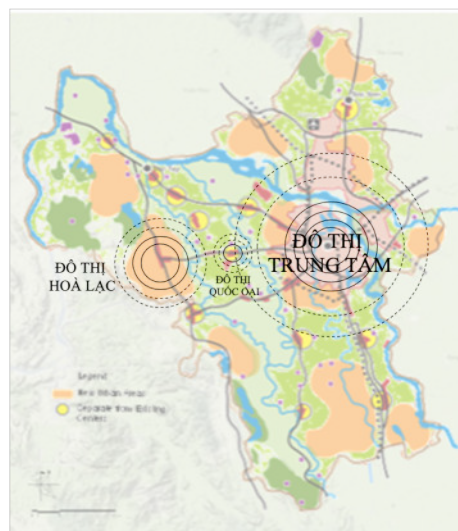
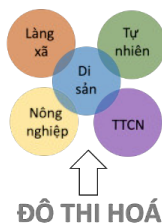
Khu đô thị sinh thái Tuần Châu Ecopark ở Sài Sơn, Quốc Oai



Khu công nghệ cao Hoà Lạc, thuộc đô thị Hoà Lạc

Hình 1. 30: Một số khu đô thị trong HLX phía Tây Hà Nội

Có 3 thị trấn được quy hoạch nâng cấp thị trấn sinh thái loại IV là thị trấn Phúc Thọ, thị trấn Quốc Oai và thị trấn Chương Mỹ. Dưới tác động của đô thị hóa nhanh chóng, khu vực nông thôn phía Tây đã tăng trưởng dân số cơ học và phát triển đô thị như hiện nay, dẫn tới quá trình mở rộng khu ngoại ô và hình thành các khu đô thị ven đô. Xuất hiện ở huyện Hoài Đức, Đan Phượng, Quốc Oai những “khu đô thị ngủ” với dạng thức cảnh quan là hàng loạt căn liền kề, biệt thự; phần lớn là tỷ lệ lấp đầy thấp, bỏ hoang, cỏ mọc um tùm, nhếch nhác, xuống cấp theo thời gian. Sự chuyển đổi không gian cảnh quan đô thị hoá trước và sau ĐỔI MỚI phản ánh chuyển đổi từ tổ chức không gian phổ thương mại dịch vụ (Phố chợ), phố sản xuất (nhà xưởng) truyền thống sang các cấu trúc điển hình mới là:



Hình 1. 31: Đặc điểm không gian hỗn hợp với yếu tố đô thị hoá là chủ đạo

Cấu trúc nông thôn: Phố trong làng: phố thương mại dịch vụ, phố chợ, phố thương mại show room, phố sản xuất, nhà xưởng hàng hoá; Cấu trúc đô thị: làng

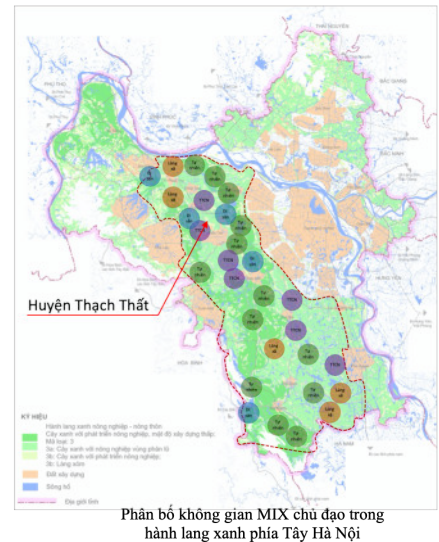
trong phố, đô thị nhỏ gọn (thị trấn huyện lỵ), làng sinh thái ven sông, làng nông nghiệp; Cấu trúc không gian kinh tế: trung tâm kinh tế thôn xã, trung tâm đổi mới công nghệ, trung tâm tri thức tiềm năng, hành lang kinh tế thôn xã, hành lang kinh tế.

1.3.1.5. Dạng 5: Không gian cảnh quan hỗn hợp

Không gian cảnh quan hỗn hợp là sự xen chồng và hợp thành của bốn không gian cảnh quan đã phân tích ở trên, cho thấy sự hiện diện của một khung cảnh quan hỗn hợp (mix) trong đó chứa đựng cả năm yếu tố tự nhiên – nông nghiệp (kết hợp di sản) – công nghiệp (làng nghề TTCN) – đô thị, góp phần tạo ra một đặc thù mới cho làng trong HLX. Đô thị Hòa Lạc là đô thị vệ tinh của Hà Nội hay đô thị vùng rìa (edge city) với tư cách là một lõi độc lập tương đối với trung tâm Hà Nội, bao quanh là vùng VDX sinh thái. Đặc điểm không gian cảnh quan hỗn hợp trong HLX phía Tây Hà Nội hội tụ các điều kiện biên: tích tụ về hình thái hỗn hợp (mix) không gian, văn hóa tự chủ - tự quản của làng truyền thống, cộng sinh nông nghiệp – đô thị. Sở hữu tiềm năng kết hợp hài hòa giữa cả bốn yếu tố tự nhiên (cảnh quan), nông nghiệp (bao gồm cả di sản), công nghiệp (TTCN), đô thị.

- Dưới tác động của đô thị hóa, cũng đặt ra những tiềm năng và thách thức với các không gian chủ đạo, như sau:

Dưới tác động của đô thị hóa đặt ra thách thức với các không gian cảnh quan chủ đạo là sự phát triển tự phát không kiểm soát; cấu trúc và kiến trúc làng cũ bị biến đổi; tổ chức kinh tế và khu dân cư đô thị không hợp lý; công nghiệp hóa nông thôn và vấn đề khâu sản xuất; đô thị hóa không đồng bộ với cơ sở hạ tầng giao thông; làng cũ – khu đô thị mới; ô nhiễm môi trường.



Hình 1. 32: Đặc điểm không gian hỗn hợp trong HLX phía Tây Hà Nội

1.3.2. Tổng hợp đặc điểm hiện trạng tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội

1.3.2.1. Sự biến đổi của các dạng không gian chủ đạo

- HLX phía Tây Hà Nội là địa bàn nông thôn có nhiều vấn đề nghiên cứu trên phương diện không gian định cư, văn hoá và khoa học tổ chức lãnh thổ, bởi sự đồng tồn, chồng lấn và kết hợp giữa nhiều loại hình không gian đa dạng, xuất hiện sự giao thoa giữa không gian cảnh quan nông nghiệp truyền thống với không gian cảnh quan đô thị hiện đại thông qua ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa và mở rộng đô thị Hà Nội, trên nền tảng là một vùng văn hóa xứ Đoài đậm đặc và giàu giá trị lịch sử – văn hóa – di sản.

- Phân tích không gian từ điểm, tuyến, diện; từ tổng thể hệ thống đến chi tiết bộ phận, xuất phát từ hiện trạng làng đã bước đầu nhận diện các loại hình tổ chức không gian điểm dân cư nông thôn thuộc HLX phía Tây Hà Nội, từ đó phát hiện bốn dạng liên kết không gian tiêu biểu cũng như sự biến đổi của chúng trong bối cảnh đô thị hóa rất nhanh chóng.

- Có thể thấy, HLX phía Tây Hà Nội đang gặp phải những vấn đề cơ bản về hình thái và chức năng, như: bám vào các tuyến giao thông lớn: Các điểm dân cư nông thôn chủ yếu tập trung bám trục lộ và đường cao tốc Láng – Hòa Lạc. Mật độ dân cư phân bố không đồng đều; cấu trúc xoi đỗ: Hình thái làng truyền thống bị phình to theo cấu trúc đô thị hóa hoặc thương mại mang tính chất tự phát, công nghiệp quy mô nhỏ xen kẽ các dự án đô thị.

Chuyển đổi từ nông nghiệp – tự nhiên sang công nghiệp – dịch vụ – đô thị: Phản ánh qua sự biến đổi tỉ trọng lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ, dẫn đến sự thay đổi cảnh quan từ nông nghiệp – tự nhiên sang công nghiệp – đô thị mới. Diện tích đất nông nghiệp giảm, đất ở và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tăng.

Việc lựa chọn năm khung cảnh quan chủ đạo hiện hữu điển hình đang biến đổi để làm rõ thực trạng và phân tích thế mạnh, điểm yếu lẫn cơ hội, thách thức của chúng, cho thấy tiềm năng xây dựng thiết lập mô hình tổ chức không gian đô thị mới cho vùng ven đô phía Tây Hà Nội, trong đó yếu tính quan trọng nhất là không gian

hỗn hợp (mix) kết hợp giữa các loại hình không gian khác nhau như nông nghiệp, công nghiệp, di sản, du lịch... Nhờ vậy, phát huy tối ưu được cơ hội của từng loại không gian này, dựa trên thế mạnh sẵn có về không gian, kinh tế, xã hội, văn hóa, con người. Từ đó, phác họa được bức tranh hiện trạng tổ chức không gian của vùng ven đô phía Tây Hà Nội và nhấn mạnh không gian hỗn hợp (mix) như là một đặc tính, trước khi tìm và đề xuất các mô hình tổ chức không gian mới, cần khảo sát cơ sở lý luận và những bài học kinh nghiệm quốc tế thành công trong việc xây dựng mô hình đô thị mới điều hòa mối quan hệ, tạo dựng cộng sinh giữa nông thôn và đô thị.

1.3.2.2. Tổng hợp các đặc điểm hiện trạng HLX

Phân tích SWOT các dạng không gian chủ đạo (phụ lục 2) và phân tích về đặc điểm và giá trị đặc trưng các không gian chủ đạo (phụ lục 3), luận án nhận dạng đặc điểm chung của HLX phía Tây Hà Nội.

Bảng 1. 2: Tổng hợp về đặc điểm các dạng không gian chủ đạo trong HLX phía Tây Hà Nội dưới tác động của đô thị hoá

	Dạng 1: Không gian địa lý tự nhiên, môi trường	Dạng 2: Không gian nông nghiệp và nông thôn	Dạng 3: Không gian cảnh quan làng nghề - TTCN	Dạng 4: Không gian cảnh quan đô thị	Dạng 5 Không gian cảnh quan hỗn hợp
Các dạng không gian chủ đạo					
Đặc điểm	<ul style="list-style-type: none"> Các yếu tố cảnh quan tự nhiên: sông, hồ, núi. Cung cấp đa dạng sinh học 	<ul style="list-style-type: none"> Cảnh quan nông nghiệp: cánh đồng, ruộng lúa. Là các điểm định cư đã hình thành lâu dài và ổn định trong lịch sử, có kết cấu chặt chẽ. Gắn liền với sản xuất nông nghiệp. Xen giữa cảnh quan nông nghiệp và quần cư nông thôn là di sản lịch sử – văn hóa – tâm linh (đình, chùa). 	<ul style="list-style-type: none"> Làng nghề truyền thống lâu đời, có chuỗi liên kết giá trị với Hà Nội. Đã hình thành các điểm tụ cư và cơ sở sản xuất quy mô nhỏ và vừa. 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện ở trung tâm kinh tế - xã hội của các vùng, huyện, liên huyện; đầu mối về hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng, sản xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiềm năng kết hợp hài hòa giữa cả bốn yếu tố tự nhiên (cảnh quan), nông nghiệp (bao gồm cả di sản), công nghiệp (tiểu thủ công nghiệp, đô thị)

1.4. Các công trình nghiên cứu đã được công bố liên quan đến Luận án

1.4.1. Nghiên cứu về hành lang xanh, vành đai xanh trong phát triển đô thị hiện đại

Vai trò và tầm quan trọng của HLX, VĐX trong đô thị: được các nghiên cứu quốc tế đề cập, VĐX đô thị của Vương quốc Anh luôn là chủ đề quan tâm từ giới học

giả quốc tế [53] và là hình mẫu cho nhiều thành phố lớn trên thế giới hồi hồi chống lại tình trạng đô thị hoá tràn lan.

Tính hiệu quả về kinh tế - xã hội – văn hoá – không gian của HLX, VĐX: bên cạnh sự đồng tình và ủng hộ, nhiều nghiên cứu chỉ ra các bất cập của vành đai xanh, và nó gặp nhiều ý kiến phản đối trong xã hội, như: VĐX chiếm một diện tích quá lớn, nên thành phố mất đi nhiều cơ hội phát triển; sự khan hiếm đất xây dựng nhà ở, nên giá nhà có thời điểm tăng > 52%; các chủ đất trong VĐX bỏ hoang đất đai; sự phân cách của VĐX làm gia tăng giao thông đi lại giữa đô thị trong và ngoài. Nhiều quốc gia có cách tiếp cận khác về VĐX và thành công như trường hợp “trái tim xanh” của Amsterdam, hay “dải xanh” trong quy hoạch hình ngón tay xanh của Copenhagen... HLX Hà Nội học hỏi kinh nghiệm và cách tiếp cận khác tương tự VĐX Luân Đôn.

Thực tiễn tổ chức không gian HLX, VĐX đang tồn tại phát triển và có xu hướng biến đổi: Tom Pain trong tạp chí của Hiệp hội quy hoạch đô thị và nông thôn đưa ra các luận cứ cải cách “VĐX không phải là công cụ hạn chế phát triển đô thị, thay vào đó chức năng của chúng là cung cấp cơ hội tiếp cận KGX cho cư dân thành phố; trong đó có nhiều không gian mở và người dân có quyền đi dạo quanh. Thiết lập một cơ quan quản lý toàn bộ diện tích VĐX và thúc đẩy tăng cường đa dạng sinh học, cơ hội tiếp cận cho cộng đồng, canh tác cộng đồng, và các hoạt động lâm nghiệp. Thúc đẩy sản xuất thực phẩm quy mô nhỏ và nguồn lực tái tạo có tác động thấp (NoCO2) thông qua chính sách quy hoạch”.

Tại Vương quốc Anh, chính quyền trung ương và địa phương đang cân nhắc lại tính chất “bất khả xâm phạm” của các vành đai xanh. Trọng tâm hiện tại trong chính sách quy hoạch là tạo điều kiện thuận lợi cho các khu vực trong đô thị “phát triển bền vững”. VĐX được định nghĩa khác với thời kỳ quy hoạch trước, là “tăng trưởng tích cực, tạo tiền bộ về kinh tế-xã hội-môi trường cho các thế hệ tương lai”. Một cách tiếp cận thông minh hơn, thừa nhận chất lượng của các VĐX không giống nhau, ủng hộ hoạt động phát triển hợp lý ở các khu vực VĐX chất lượng thấp, hoặc thay thế bằng KGX chất lượng cao ở nơi đông dân. Đây dường như là cách tiếp cận hợp lý để vận dụng ý tưởng VĐX phù hợp với điều kiện mỗi các quốc gia, Việt Nam là một ví dụ.

1.4.2. Nghiên cứu về hành lang xanh phía Tây Hà Nội

HLX, VDX là vấn đề nghiên cứu mới ở Việt Nam. Việt Nam đã có hai luận án tiến sĩ về vấn đề này là luận án tiến sĩ “Thiết lập cấu trúc quy hoạch HLX phía Tây Hà Nội” của TS. Nguyễn Văn Tuyên [33], năm 2017 và luận án tiến sĩ “Tổ chức không gian ở điểm dân cư nông thôn trong HLX Hà Nội” của TS. Đào Phương Anh[2]. Các Luận án tập trung nghiên cứu về luận chứng, cơ sở lý luận, mục tiêu phát triển HLX Hà Nội, phương pháp tính toán chỉ số và yêu cầu kiểm soát phát triển không gian tự nhiên, không gian nhà ở dân cư nông thôn. Các luận án cũng đã chỉ ra nhiều hướng nghiên cứu tiếp theo mang tính đa ngành để làm rõ thêm cấu thành và nội hàm phát triển HLX đáp ứng yêu cầu quản lý ở địa phương. So sánh 3 luận án về HLX Hà Nội, các nghiên cứu không trùng lặp (phụ lục 4) xác định sự không trùng lặp giữa ba luận án cả về đối tượng, phạm vi không gian nghiên cứu, mục đích nghiên cứu và các đóng góp mới.

1.4.3. Nghiên cứu khoa học và tài liệu đã công bố liên quan đến Luận án

a) Quản lý vùng nông thôn Hà Nội

Đề tài NCKH “Quản lý QDXD, KTCQ các huyện của thành phố Hà Nội – thực trạng và giải pháp” của Th.S.KTS Lã Hồng Sơn năm 2023 [19]; đã đề cập phân loại xã, thôn/xóm/điểm dân cư nông thôn theo mức độ đô thị hoá, phân vùng địa hình, và quy mô dân số; đã xác định quỹ đất dự trữ phát triển xã và khu dân cư tại chỗ đến năm 2030.

b) Nghiên cứu về mối quan hệ giữa sinh thái, nông nghiệp và đô thị, nông thôn

Đề tài NCKH “Mô hình và giải pháp quy hoạch kiến trúc các vùng sinh thái đặc trưng của Việt Nam” của GS.TS.KTS Đỗ Hậu và cộng sự (2006) [20] đã nghiên cứu tổng quan chung về địa lý, khí hậu, thổ nhưỡng vùng đồng bằng Bắc bộ; các đặc điểm kiến trúc, quy hoạch truyền thống; quan hệ giữa quy hoạch, kiến trúc và sinh thái nhân văn; tập quán xây cất nhà dân gian, ảnh hưởng của phương thức sản xuất, lối sống, tôn giáo tín ngưỡng lên quy hoạch kiến trúc.

Đề tài NCKH cấp Nhà nước “Nghiên cứu bảo tồn và phát triển các mô hình định cư đô thị và nông thôn ở Việt Nam trong điều kiện đô thị hóa, biến đổi khí hậu với yêu cầu phát triển bền vững” của PGS.TS Tôn Thất Đại, PGS.TS Nguyễn Hồng

Thực và cộng sự (2015) [26]; tham luận “các luận cứ cho khoa học định cư ở Việt Nam trong quá trình phát triển” (2004) [24]; đề tài “Nghiên cứu tác động của điều kiện tự nhiên, khí hậu và văn hoá đến đặc điểm quy hoạch và kiến trúc đồng bằng và vùng núi Bắc Bộ” (2001) [21] đã nghiên cứu lý luận và thực tiễn về các mô hình định cư đô thị và nông thôn Việt Nam và cách tiếp cận môi trường sinh thái học đánh giá độ bền vững cư trú từ truyền thống đến hiện đại. Nghiên cứu các điều kiện mới về đô thị hóa, biến đổi khí hậu và yêu cầu phát triển bền vững trong bảo tồn và phát triển các mô hình định cư đô thị và nông thôn. Đề xuất mô hình định cư đô thị và nông thôn Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và biến đổi khí hậu theo nguyên tắc của footprint. Nghiên cứu các giải pháp có tính khả thi về lập quy hoạch, bảo tồn và thích nghi các mô hình định cư truyền thống trong bối cảnh hiện đại hóa và biến đổi khí hậu theo yêu cầu phát triển bền vững.

Đề tài NCKH “Mô hình và giải pháp tổ chức không gian nông nghiệp đô thị tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030” của GS.TS.KTS Đỗ Hậu năm 2023 [10]; đã làm rõ khái niệm nông nghiệp đô thị và không gian nông nghiệp đô thị; mô hình, giải pháp tổ chức không gian nông nghiệp đô thị phát triển bền vững thủ đô Hà Nội.

Đề tài “Tiêu chuẩn quy hoạch không gian xanh đô thị” của Phạm Thị Nhâm và cộng sự (2023) [22] nghiên cứu các chỉ tiêu KGX trong quy hoạch đô thị.

Cuốn sách “Agricultural management in peri-urban areas “do UMR Métafort của Clermont-Ferrand (Pháp) và Scuola Superiore S. Anna của Pisa (Italy) năm 2010 [45] chỉ ra vai trò của nông nghiệp trong quy hoạch các khu vực ven đô, cùng với các tác động đến hệ thống canh tác và nông nghiệp của mối quan hệ giữa thành phố và nông thôn. Đồng thời nghiên cứu các khái niệm nông nghiệp đô thị dựa trên thực tế hiện nay các đô thị tiếp tục mở rộng và giảm quy mô đất nông nghiệp vùng ven đô; nghiên cứu tác động của đô thị hoá vùng nông thôn xung quanh thành phố không chỉ đến khu vực xây dựng mà cả đến vùng trồng, nhất là khu vực đất nông nghiệp ven đô.

c) Nghiên cứu đặc trưng vùng ven đô và quy hoạch vùng nông thôn ven đô

- Nghiên cứu về vùng ven đô bắt đầu ở các quốc gia Bắc Mỹ và Tây Âu khi tốc độ đô thị hoá mở rộng nhanh chóng từ đô thị lõi đến vùng nông thôn xung quanh

do thúc đẩy công nghiệp hoá. Năm 1942, GS Wehrwein đưa ra khái niệm về “vành đai nông thôn – đô thị” (Rural urban fringe) [49], nhấn mạnh tính chất của khu vực chuyển giao giữa sử dụng đất của đô thị và khu vực nông thôn. Năm 1967, J.W.R.Whitehand đưa ra khái niệm “vùng ven đô” (Urban Fringe Belts) [78] nhấn mạnh về quy luật mở rộng tự nhiên của đô thị. Năm 1975, L.H.Russwurm (trong bài viết về khu vực ven đô và khu vực ảnh hưởng) đưa ra khái niệm “vùng ven đô” (Urban fringe) [95] là khu vực nằm liền kề với vùng phát triển của thành phố trong đó tính chất sử dụng đất đã chuyển đổi từ nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, trở thành khu vực xây dựng thành phố cao cấp, là khu vực trọng điểm chịu ảnh hưởng của tiến trình đô thị hoá (urbanisation) và ngoại ô hoá (suburbanisation).

Vấn đề ven đô được tiếp tục phát triển ở nhiều quốc gia khác đặc biệt là các quốc gia châu Á đang có tốc độ đô thị hoá nhanh. Khái niệm về khu vực ven đô (Rural-Urban fringe) của R.G.Pryor (1971) [66] nhận được sự đồng thuận cao của giới học thuật, cho rằng vùng ven đô là khu vực mà tính chất sử dụng đất đai, cấu trúc xã hội và cơ cấu kinh tế mang tính chất biến động. Vùng ven đô nằm ở giữa khu vực xây dựng (đô thị) và ngoại ô (suburb), là khu vực mang đặc điểm giao thoa của đô thị và nông thôn, có mật độ dân số và mật độ xây dựng thấp hơn khu vực đô thị và cao hơn khu vực nông thôn.

Ngày nay, khái niệm mới về vùng ven đô không chỉ là khu vực rìa xung quanh đô thị mà là vùng rộng lớn liên quốc gia có chức năng hỗn hợp đô thị - nông thôn, đang diễn ra ở nhiều quốc gia đạt tỷ lệ đô thị hoá đến 70-80%. Những khu vực ven đô đang phát triển nhanh hơn gấp bốn lần so với khu vực đô thị, với tốc độ mà nếu tiếp tục sẽ tăng gấp đôi diện tích 48.000 km² trong 30-50 năm nữa. Phát triển và mở rộng đô thị có rất nhiều tác động tích cực, là đầu tàu phát triển kinh tế, nhưng cũng có nhiều ảnh hưởng tiêu cực. Sử dụng đất nông nghiệp sẽ tiếp tục chuyển đổi ở tất cả các vùng của châu Âu. Cảnh quan nông thôn nhiều khu vực bị chia nhỏ. Hậu quả khác của sự lan toả đô thị là tắc nghẽn giao thông, sự xuống cấp của các khu vực nội đô, phong cách sống không lành mạnh và sự chia tách trong xã hội. PLUREL [65] đã chỉ ra được các xu hướng, rủi ro và tiềm năng cho vùng ven đô ở châu Âu, và đưa ra các khuyến nghị chính sách về các mục tiêu và ý tưởng mới nhằm tăng cường mối

liên kết đô thị - nông thôn. PLUREL đề xuất quan điểm phát triển đô thị cân bằng, bền vững đòi hỏi các quốc gia châu Âu quan tâm nhiều hơn đến chính sách ở cấp độ vùng và khu vực ven đô trong mối liên quan đến phát triển kinh tế, xã hội, giao thông, nông nghiệp, môi trường và cảnh quan.

- Đề tài NCKH “Nghiên cứu quản lý phát triển quy hoạch xây dựng NTM khu vực ven đô thành phố lớn (Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ) giai đoạn 2015 – 2035” của KTS Phạm Thị Nhâm năm 2017 [13]; nghiên cứu định hướng quy hoạch và quản lý nông thôn ven đô thành phố lớn tại Việt Nam; chưa đề cập đến tổ chức không gian khu vực nông thôn ven đô nằm trong các vành đai xanh, HLX đô thị.

Đề tài NCKH “Nghiên cứu định hướng và giải pháp quy hoạch xã nông thôn mới ven đô” của TS.KTS Lê Thị Bích Thuận năm 2021 ; đề xuất định hướng và giải pháp quy hoạch xây dựng xã NTM ven đô nhằm tăng cường liên kết đô thị và nông thôn, đảm bảo xây dựng NTM gắn với đô thị hóa, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư; hỗ trợ việc triển khai thực hiện và nâng cao các tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới về Quy hoạch và thực hiện quy hoạch, Hạ tầng kinh tế xã hội.

Tóm lại: Các nghiên cứu chỉ ra tính đô thị hoá vùng ven đô thành phố lớn là quá trình tất yếu của tăng trưởng kinh tế-xã hội đối với các quốc gia đang phát triển. Ở Việt Nam, giai đoạn từ nay đến 2035 xu hướng mở rộng đô thị và hình thành các vùng đô thị hoá sẽ tiếp diễn ở các vùng đồng bằng, nơi tụ cư đông đúc và cơ sở hạ tầng tốt để hấp dẫn các luồng dịch chuyển hàng hoá và dòng vốn tới. Vùng nông thôn ven đô đang tham gia mạnh mẽ vào quá trình tăng trưởng này. Quy hoạch và quản lý vùng nông thôn ven đô dựa trên đổi mới chính sách vĩ mô quốc gia đạt mục tiêu tăng trưởng thông minh, bền vững, toàn diện.

1.4.4. Nhận xét

Nhận xét chung về đối tượng, phạm vi, mục đích và kết quả các luận án và tài liệu nghiên cứu đã công bố.

- Về phạm vi nghiên cứu: hiện chưa có nghiên cứu cụ thể nào trong phạm vi phía Tây Hà Nội.

- Về đối tượng nghiên cứu: hiện chưa có nghiên cứu nào về tổ chức không gian gồm: chức năng, hình thái cấu trúc không gian, giải pháp tổ chức không gian hỗn hợp trong HLX phía Tây Hà Nội.

- Về nội dung nghiên cứu: tuy có sự kế thừa các quan điểm, nội dung và kết quả nghiên cứu về “Thiết lập cấu trúc quy hoạch HLX phía Tây Hà Nội” của TS. Nguyễn Văn Tuyên và “Tổ chức không gian ở điểm dân cư nông thôn trong HLX Hà Nội” của TS Đào Phương Anh, nhưng nội dung nghiên cứu của Luận án không trùng lặp với các nội dung đã công bố nêu trên.

- Về kết quả nghiên cứu: Luận án tập trung tổ chức không gian chức năng, hình thái không gian, giải pháp quy hoạch dựa trên các không gian hỗn hợp và khung gian chủ đề thích nghi với HLX phía Tây Hà Nội.

1.5. Các vấn đề tập trung nghiên cứu

1.5.1. Vai trò và tầm quan trọng của hành lang xanh Hà nội

- Tầm quan trọng của HLX, VDX trong cấu trúc đô thị lớn Hà Nội: Đô thị hoá Hà Nội là bao trùm lên các làng có mật độ dân cư đông đúc và hoạt động kinh tế đa dạng mang tính hỗn hợp cao. Ranh giới đô thị và nông thôn hoà trộn với nhau, cùng đan xen với cảnh quan tự nhiên, nông nghiệp trù phú, làng xóm đô thị hoá. Nông thôn ngoại thành Hà Nội âm thầm đô thị hoá và hội nhập vào đô thị nhanh chóng kể từ khi đất nước Đổi Mới.

Hà Nội đang gặp thách thức về môi trường, luôn đối mặt với BĐKH và thiên tai, đô thị hoá và bê tông hoá ngày càng lan rộng. Chiến lược phát triển đô thị Hà Nội giải quyết những thách thức về xã hội, sự bất bình đẳng giữa các khu vực trong thành phố, giữa quận với huyện, giữa HLX và khu vực phát triển đô thị; và thách thức trong phát triển kinh tế nông thôn, làm thế nào để làng tham gia vào nền kinh tế tri thức vượt qua các rào cản của thời kỳ đô thị tăng trưởng cao, bứt phá và hoà nhập quốc tế.

- Tổ chức không gian phía Tây Hà Nội: Các huyện phía Tây là vùng lãnh thổ nông thôn đồng hành với khởi nguồn phát triển Thăng Long - Hà Nội. Từ sông Đáy về phía Tây là những làng dầy đặc và nông nghiệp ven đô rộng lớn pha trộn chức năng. Trong đó không gian hỗn hợp là yếu tố đặc thù cần có sự nghiên cứu tổ chức không gian phù hợp với định hướng quy hoạch và quản lý phát triển Thủ đô.

- HLX: Kiên định với ý tưởng phát triển HLX trong giai đoạn quy hoạch (2030-2045), tầm nhìn đến năm 2065. HLX Hà Nội tham gia vào cấu trúc đô thị với vai trò cân bằng bảo tồn và phát triển. Từ đó đặt ra yêu cầu đổi mới phương pháp tiếp cận quy hoạch dựa trên kinh nghiệm thực tiễn những quốc gia áp dụng thành công mô hình HLX kiểm soát đô thị hoá lan toả và lý luận mới nhất thúc đẩy HLX bền vững.

1.5.2. Các yêu cầu nghiên cứu tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội

Từ phân tích nhận dạng hiện trạng hiện nay về không gian, kinh tế-xã hội, môi trường và văn hóa HLX phía Tây trong Chương 1, có thể thấy rằng: Tổ chức không gian HLX không chỉ đơn thuần là hình thái và cấu trúc không gian chức năng, mà phải mang tính tổng quát, bao trùm lên không gian địa lý tự nhiên, không gian kinh tế - xã hội, không gian văn hóa và các hoạt động sống... để bảo tồn và thích ứng môi trường sống xanh, bền vững như các giá trị lưu truyền cho các thế hệ tương lai. Từ nhận thức luận được tiếp cận theo hướng mới như vậy, Luận án sẽ mở ra các yêu cầu nghiên cứu không gian HLX phía Tây Hà Nội như sau:

- Yêu cầu mở ra hướng nghiên cứu mới cho qui hoạch không gian HLX đô thị: Tạo ra cách tiếp cận đa ngành và đa mục tiêu; Các phương pháp và công cụ mới để qui hoạch và kiểm soát phát triển không gian phức hợp như HLX phía Tây Hà Nội, trong bối cảnh đô thị hóa và công nghiệp hóa. Đó cũng là các vấn đề cốt lõi của khoa học tổ chức không gian HLX đô thị trong bối cảnh mới của Hà Nội đang điều chỉnh qui hoạch chung đô thị.

- Yêu cầu nghiên cứu cho các hiệu quả cao và bền vững: Hiệu quả kinh tế - xã hội, văn hóa và đời sống, bảo tồn tự nhiên và môi trường sống trong tổ chức hoạt động của HLX phía Tây Hà Nội. Từ đó đưa ra các giải pháp tổ chức không gian bền vững cho HLX phía Tây Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi mô hình phát triển hiện nay.

Chương 2: CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN VỀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN HÀNH LANG XANH PHÍA TÂY HÀ NỘI

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Lý luận về đô thị hoá và quan hệ đô thị - vùng ven

Luận án nghiên cứu lý luận về đô thị hoá và quan hệ đô thị - vùng ven gồm có 3 nội dung: (1) lý luận về đô thị hoá; (2) lý luận về đô thị lớn và siêu đô thị; (3) lý luận về vùng đô thị mở rộng của thành phố lớn, cực lớn.

Hệ thống lý thuyết về đô thị hoá giúp Luận án nhận thức được khoa học tổ chức không gian trong quy hoạch đô thị không chỉ đơn thuần là không gian vật thể; mà còn là mối quan hệ phức hợp đa chiều về không gian, thời gian với nhiều yếu tố tác động bao trùm đến đô thị, nông thôn ở từ sinh thái môi trường, kinh tế, xã hội. Hệ thống các lý luận về quan hệ đô thị - vùng ven giúp Luận án hiểu về bối cảnh đô thị hóa và công nghiệp hóa tác động đến đô thị lớn và vùng đô thị mở rộng, từ đó phân tích được những vấn đề, sự vật, hiện tượng nổi trội của vùng ngoại vi đô thị lớn Hà Nội có nhiều đặc điểm tương đồng với vùng ngoại vi đô thị lớn ở Đông Nam Á.

2.1.1.1. Lý luận về đô thị hoá

a) Mối quan hệ giữa đô thị với kinh tế: gồm có các lý thuyết về vị trí được sử dụng để phân tích các động lực phát triển đô thị, xác định các không gian kinh tế - xã hội đô thị. Lý thuyết về vị trí nông nghiệp do J.H. Von Thunen (1826) bàn về các vành đai nông nghiệp được hình thành dưới ảnh hưởng của thành phố. Lý thuyết địa điểm công nghiệp của A. Weber (1909) giải thích nguyên nhân cho sự tập trung công nghiệp vào một lãnh thổ. Lý thuyết vị trí đô thị của W. Christaller (1933) cho rằng thành phố như những cực hút, hạt nhân cho sự phát triển.

b) Mối quan hệ giữa đô thị với nông thôn: có các lý thuyết không gian như Lý thuyết không gian cân bằng của Olin về quan hệ giữa thương mại và phân công lao động. Các lý thuyết không gian phân cực như: Lý thuyết cực tăng trưởng của Franco Perroux (1955) cho rằng tăng trưởng kinh tế không xuất hiện tại mọi nơi mà chỉ kết tụ ở một số nơi nhất định. Lý thuyết phát triển điểm-trục của Taaffe, Morrill và Gould (1963), nghiên cứu cực tăng trưởng không tác động lan tỏa đều ra xung quanh mà là theo các tuyến giao thông, tạo nên các trục tăng trưởng. Lý luận Địa lý kinh tế mới

của Paul Krugman về sự tập trung công nghiệp và người lao động theo vùng. Lý thuyết Trung tâm và Ngoại vi (Core – Periphery Theory) sự hình thành kết cấu “lõi-ngoại vi”. Lý thuyết tích lũy theo chu kỳ của Gunnar Myrdal (1957) về cấu trúc “nền kinh tế kép địa lý”. Lý thuyết “tăng trưởng không cân bằng” của A. Hirschman (1958) về tính không khả thi của chiến lược tăng trưởng và khan hiếm nguồn lực.

c) Lý thuyết cấu trúc: Mô hình Lewis-Ranis-Fei Jingshan (1954) của W. Arthur Lewis về mô hình cấu trúc kép từ nông nghiệp truyền thống (làng xóm) thành khu công nghiệp hiện đại (thành phố). Mô hình Jorgensen (1961) của D. W. Jorgenson về mô hình phát triển kinh tế kép mới; thặng dư nông nghiệp là điều kiện để chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp.

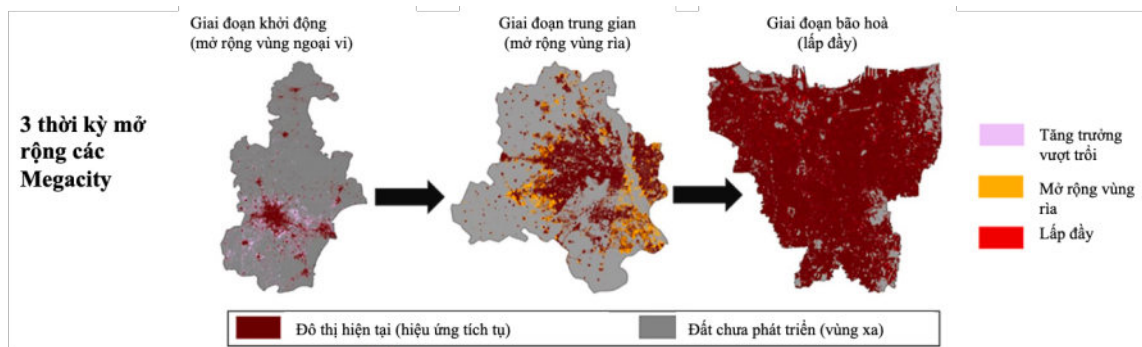
d) Lý thuyết 3 khu vực kinh tế: Jean Fourastier (1949) về mối quan hệ giữa kinh tế với đô thị hóa, sự biến đổi của 3 khu vực lao động theo giai đoạn phát triển;

e) Lý thuyết về động lực của đô thị hóa: là tiền đề chung của phát triển đô thị hóa, và đề cập đến các nguyên nhân và các yếu tố thúc đẩy của đô thị hóa.

g) Lý thuyết về các giai đoạn phát triển của đô thị hóa: “Giai đoạn phát triển đô thị” của P. Hall (1971), Krasson và cộng sự cải tiến (1981) về vòng đời đô thị.

h) Lý thuyết về quy luật đô thị hóa: Mối tương quan giữa đô thị hóa và công nghiệp hóa (1988) của Hollis Chanari nghiên cứu đo lường về mối tương quan giữa mức độ đô thị hóa và công nghiệp hóa. Ngoài các lý thuyết trên, còn có nhiều lý thuyết và trường phái khác nghiên cứu về đô thị hóa, tạo thành hệ thống lý thuyết xây dựng nghiên cứu đô thị hóa.

2.1.1.2. Lý luận về đô thị lớn và siêu đô thị



Hình 2. 1: Quá trình mở rộng và tăng trưởng đô thị trở thành các siêu đô thị

Siêu đô thị (megacity) có dân số từ 10 triệu cư dân trở lên. Liên Hợp Quốc ước tính rằng số lượng các siêu đô thị trên toàn thế giới trong thời gian tới sẽ chỉ tăng lên. Sự bành trướng của các siêu đô thị dẫn đến phá vỡ toàn bộ cấu trúc không gian cư trú khu vực nông thôn ngoại vi thành phố lớn và nguy cơ hình thành vành đai nghèo khó ở các nước đang phát triển.

2.1.1.3. Lý luận về vùng đô thị mở rộng của thành phố lớn và cực lớn

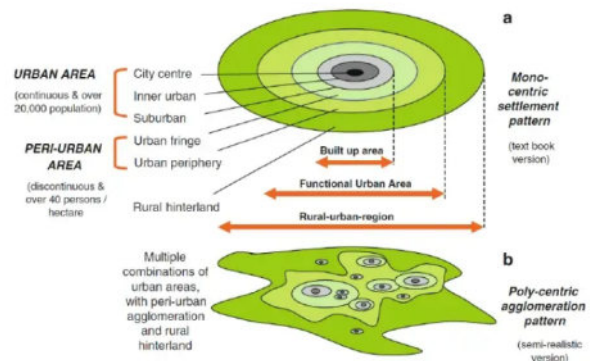
- *Mô hình vùng đệm nông thôn – đô thị*: là quá trình đô thị mở rộng về vùng nông thôn nhưng vẫn trong khuôn khổ của đô thị chức năng; có đặc trưng bởi sử dụng đất hỗn hợp và không có ranh giới rõ ràng giữa đô thị và nông thôn; tạo thành vùng chuyên tiếp (hỗn hợp) hoặc vùng đệm đô thị - nông thôn; vừa chịu ảnh hưởng của đô thị, vừa mang đặc trưng của nông thôn (Caruso, 2001) [37]. Theo Gallent (2006) [44], sự thay đổi của đô thị và nông thôn phụ thuộc chặt chẽ với nhau.

Piorr và những người khác (2011) [65] đã mở rộng lý luận vùng đệm nông thôn – đô thị trong bối cảnh địa lý (không gian) và định nghĩa về khu vực ven đô thị. Quản lý vùng ven rất phức tạp, nó luôn xâm lấn đất nông nghiệp và làm

tăng khoảng cách xã hội - kinh tế giữa đô thị và nông thôn.

Kiểm soát vùng ven đô rất phức tạp cần có khoa học liên ngành để giải quyết và khoa học tổ chức không gian là tiềm năng về vấn đề này; nhưng cần hiểu được ba đặc điểm chính của vùng ven đô là: (1) chức năng đa dạng, (2) không gian luôn chuyển đổi và biến động, (3) phát triển lan toả vùng. Các yếu tố tác động chính đến vùng ven đô là: kinh tế và việc làm, dân số và di cư, nhà ở và cộng đồng, di chuyển và giao thông, thực phẩm và canh tác, cảnh quan sinh thái và du lịch giải trí, và quản lý tăng trưởng.

- *Mô hình hỗn hợp đô thị và nông thôn theo dạng đô thị hoá phi tập trung (desakota)*. Ở phương tây, mô hình đô thị truyền thống phân đôi giữa nông thôn và



Hình 2. 2: vùng đệm nông thôn – đô thị nhìn từ mô hình định cư đơn tâm (a) và mô hình kết tụ đa tâm (b) [65]

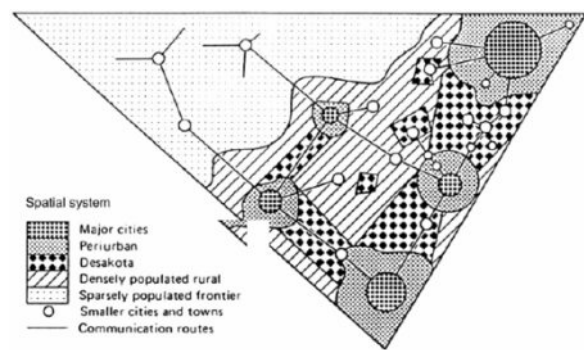
thành thị, có sự rõ ràng về ranh giới địa lý và phân công lao động (Lin, 2001; Lipton, 1984) [58]. Quá trình ngoại ô hóa tạo nên liên kết hình thành nên siêu đô thị (Gottmann, 1961; Lin, 2001) [50] [47]. Tuy nhiên, Ginsburg và McGee (1991)[63] đã lập luận sự khác biệt của quá trình đô thị hóa vùng ven đô châu Á. Thứ nhất, ranh giới giữa nông thôn và thành thị không rõ ràng do hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp là phổ biến. Thứ hai, đô thị hoá tại chỗ do sự phát triển kinh tế địa phương. Và thứ ba, nhà ở và sản xuất nhỏ tồn tại đồng thời. Sử dụng đất hỗn hợp khu vực ven đô châu Á khác với phương Tây.

Desakota là thuật ngữ tiếng Bahasa Indonesia - *desa* (làng) và *kota* (thị trấn) - nhấn mạnh bản chất kép của quá trình đô thị hóa diễn ra ở các làng và thị trấn nhỏ. Mô hình *desakota* thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) được điều hành bởi tập thể (tập thể làng hoặc nhiều gia đình) hoặc

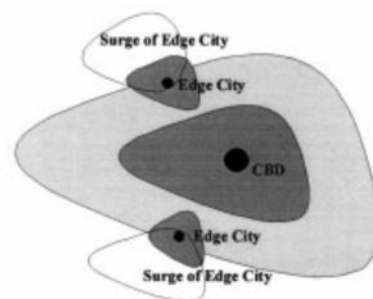
tư nhân (hộ gia đình cá thể) (Wang, 1997). Các khu vực *desakota* đóng vai trò là “máy phát tăng trưởng” trong quá trình đô thị hóa châu Á (Lin, 2001) [47]. Do đó, đặc trưng vùng ven đô thành phố châu Á là cân bằng đô thị và nông thôn, hình thành các cực đô thị và cực nông thôn, các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp, dân cư đô thị và nông thôn, tạo nên các cực/trục tăng trưởng.

- *Mô hình đô thị rìa (edge city):*

Với sự chuyển dịch việc làm ra các vùng ngoại ô, các thành phố trung tâm đã dần mất đi cơ sở kinh tế của mình. Joel Garreau (1991) [46] nhận thấy một kiểu đô thị mới đang nổi lên - các đô thị rìa - cách xa trung tâm thành phố cũ nhưng có tác động không gian sâu sắc đến cách



Hình 2. 3: Mô hình hệ thống không gian *desakota* lý tưởng (McGee, 1991)



Hình 2. 4: Tác động của các đô thị rìa đối với phân bố dân cư

mọi người làm việc và sinh sống. Các đô thị rìa là các trung tâm việc làm đa chức năng, là động lực thúc đẩy kinh tế cho các đô thị lõi, là các nút trong mạng lưới kinh tế đô thị chứ không phải là đô thị độc lập (Sultana, 2011) [69]. Hiện tượng đô thị hoá vùng ven đô (Bắc Mỹ), tạo nên chức năng nổi bật tiền đề hình thành: đô thị sân bay, đô thị công nghệ; tài chính ngân hàng.v.v... có mối quan hệ mật thiết với vành đai ven đô hơn là hướng tâm về đô thị trung tâm

Tóm lại: Vùng ven là không gian hỗn hợp (MIX) đô thị - nông thôn, trong mối quan hệ CỘNG SINH với đô thị. HLX đảm nhận 2 mục tiêu: (1) ngăn cản lan toả tự phát của đô thị trung tâm – TP mẹ (2) Trung tâm / cực tăng trưởng vùng nông thôn trong quan hệ với đô thị trung tâm – thành phố mẹ.

2.1.2. Lý luận về tổ chức không gian hành lang xanh đô thị

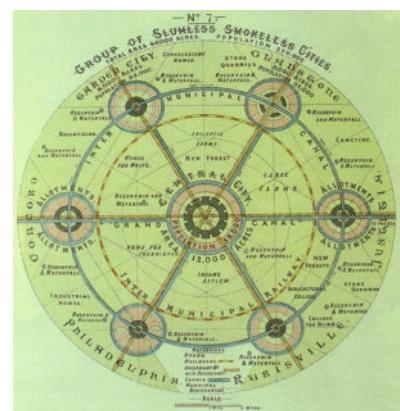
Luận án nghiên cứu tổ chức không gian HLX đô thị gồm: (1) lý luận về KGX, HLX, VĐX đô thị; (2) lý luận về tổ chức không gian HLX.

Hệ thống hoá các lý luận này, giúp Luận án hiểu về nguồn gốc, bản chất, xu hướng phát triển và quan điểm khoa học, thực tiễn của loại hình KGX hạn chế đô thị phát triển lan toả ở vùng ven đô (tương đồng với HLX Hà Nội). Vận dụng các Lý thuyết và Thực tiễn có tính quy luật trong tổ chức không gian (hình thái, cấu trúc, bố cục) làm cơ sở nhận dạng khoa học các khung chức năng theo chủ đề trong chuyên đổi mô hình tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội thích ứng bối cảnh đô thị hóa.

2.1.2.1. Lý luận về không gian xanh, hành lang xanh, vành đai xanh đô thị

a) Nguồn gốc về KGX hạn chế đô thị phát triển lan toả

Ý tưởng hình thành KGX có mục tiêu hạn chế sự phát triển lan toả từ Lý thuyết thành phố vườn của Ebenezer Howard (1889). Các thành phố vệ tinh tách ra khỏi thành phố trung tâm mẹ với khoảng 30km, được ngăn cách bởi VĐX nông nghiệp, cây xanh cảnh quan nhằm hạn chế phát triển khó kiểm soát của các đô thị lớn. Chủ trương giới hạn xây dựng của Howard là thành



Hình 2. 5: Lý thuyết thành phố vườn Ebenezer Howard (1889)

phố vườn không bị cô lập, tạo thành cụm các đô thị được thiết kế sao cho mỗi cư dân trong một đô thị có dân số tương đối nhỏ, có thể mua được nhà, giao thông dễ dàng, nhanh chóng, và chi phí thấp; mỗi cụm có vùng nông thôn riêng.

Ảnh hưởng lý thuyết thành phố vườn, năm 1901 Lord Meath thuộc Hội đồng hạt London đề xuất HLX nối các công viên thành thảm xanh liên tục, có hình chiếc nhẫn bầu dục. Năm 1929, kiến trúc sư trưởng của Hội đồng quy hoạch vùng đề xuất ý tưởng VĐX gồm toàn bộ vùng nông thôn ngoại vi Luân Đôn. Sau chiến tranh thế giới thứ 2, VĐX là một phần của ngôn ngữ quy hoạch quốc tế thông qua tuyên truyền của các nhà quy hoạch Anh và được thử nghiệm ở nhiều nơi như: Frankfurt, Berlin, Vienna (châu Âu), St Petersburg (Nga); Wellington, Christchurch, Brisbane, Melbourne và Sydney (Úc); Hồng Kông, Tokyo, Seoul (Đông Á)...

b) Các xu hướng lý thuyết về KGX đô thị

KGX hạn chế đô thị phát triển lan toả mặc dù có tầm quan trọng trong lịch sử quy hoạch Vương quốc Anh, nhưng các khái niệm tương tự đã xuất hiện từ trước đó như: con đường xanh, công viên xanh, đại lộ xanh... được sử dụng phổ biến trước đó về mối quan hệ giữa đô thị với thiên nhiên. Đó là xu hướng lý thuyết sau:

- Giữa thế kỷ XIX, các thành phần KGX thường có dạng hình học được xuất hiện ở đô thị cổ có dạng loại hình cấu trúc VĐX, tuyến xanh. Tiêu biểu là lý thuyết thành phố lý tưởng của J.F.Perret (1601), lý thuyết thành phố từ thiên nhiên của Morelli, lý thuyết đô thị của S.Fure (1820) hay lý thuyết đô thị của E.Kabe (1840).

- Cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX, KGX trở nên đa dạng hơn liên kết trong điểm sinh thái tự nhiên với chùm đô thị có các dạng cấu trúc VĐX, dải xanh hướng tâm hoặc dải xanh dọc hành lang sông. Tiêu biểu là lý thuyết thành phố dải của Soria-Y-Mata (1884), lý thuyết Thành phố vườn của Ebenezer Howard (1898 - 1902), lý thuyết đô thị của E.Enar (1904), lý thuyết đô thị của Rudolf Eberstadt (1910), lý thuyết đô thị của R.Envin (1922), lý thuyết đô thị của N.Baranov (1950).

- Nửa sau thế kỷ XX: xu hướng KGX có tác dụng ngăn chặn đô thị lan toả nhằm bảo vệ vùng nông thôn và tài nguyên tự nhiên; tiêu biểu là lý thuyết thành phố sinh thái của P. Xoleri (1960), thành phố phát triển theo đường hướng tâm của R. Hillebreht (1961), lý thuyết thành phố của đường cao tốc của I. Gluza năm (1972).

- Cuối thế kỷ XX, các thành phần KGX đô thị gắn với khái niệm PTBV đô thị, nông thôn; với sự xuất hiện những lý thuyết mới như phát triển bền vững (ESSD), Chủ nghĩa đô thị mới (New Urbanism) Tăng trưởng thông minh (Smart Growth).

- Đầu thế kỷ XXI, thành phố phát triển nhanh cả về chiều cao và bề rộng đã làm suy giảm môi trường cảnh quan tự nhiên vùng ven đô. Từ đó xuất hiện xu hướng tiếp cận mới như lý thuyết đô thị nén (Compact City); các lý thuyết đô thị TND (Traditional Neighborhood Development), Underground Development, Waterfront Development, TOD, Mixed Landuse Development, MXD. Điểm chung của những xu hướng mới này là bảo tồn và duy trì hình thái tự nhiên của đô thị và nông thôn.

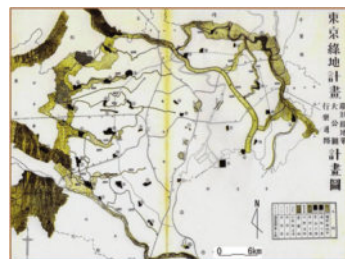
c) Các dạng KGX, HLX, VDX

- Các dạng KGX cơ bản: từ năm 1960 đến năm 1970 xuất hiện nhiều xu hướng mới về KGX đô thị, không chỉ thuần về khía cạnh môi trường mà có sự tham ra của các chức năng phát triển kinh tế như nông nghiệp đô thị, du lịch nông thôn và vui chơi giải trí; hình thành nhiều dạng KGX mới như: mạng xanh, nêr xanh... Từ năm 1970 đến nay KGX áp dụng phổ biến trong quy hoạch đô thị Châu Á. Trong đó, HLX có mục đích chủ đạo là duy trì hình thái tự nhiên, cải thiện môi trường đô thị và nông thôn; VDX có mục đích chủ đạo là hạn chế đô thị lan toả.

- VDX (green belt) thế giới:



VDX 2 lớp vùng Bắc Kinh [64]



Ý tưởng VDX vùng Tokyo (1939) [86]



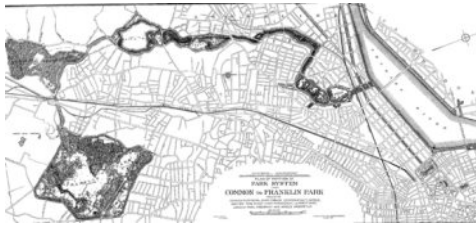
VDX vùng Seoul (2016)
(<https://www.kmib.co.kr/article/view>)

Hình 2. 6: Một số hình ảnh minh họa về VDX đô thị thế giới

VDX thế giới có vai trò hạn chế phát triển mở rộng đô thị lan toả và bảo vệ cảnh quan nông thôn; có cấu trúc không gian dạng mảng bao quanh toàn bộ đô thị hoặc một phần của đô thị; có chức năng chú trọng đến khía cạnh môi trường, trong đó chủ yếu là rừng, nông nghiệp và nông thôn ngoại vi bao bọc ngoài đô thị trung tâm; có

chính sách quản lý nhiều cấp độ: cấp quốc gia là hệ thống VĐX, cấp vùng là VĐX vùng đô thị, cấp đô thị là VĐX đô thị. VĐX UK là trung tâm trong quy hoạch đô thị của Vương quốc Anh và có tầm ảnh hưởng sâu rộng trên thế giới [34].

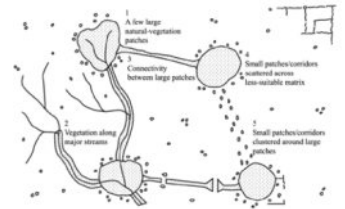
- *HLX (green corridor) thế giới:*



Hệ thống Công viên Olmsted của Boston, Mỹ (Nguồn: Boston Parks Department & Olmsted Architects, NPS Olmsted Archives)



HLX thành phố Brisbane, bang Queensland, Úc (Nguồn: Brisbane CBD, 2019)



HLX và mảng xanh thành phố cảng Mersin, Thổ Nhĩ Kỳ [81]

Hình 2. 7: Một số hình ảnh minh họa về HLX đô thị thế giới

HLX thế giới có vai trò kết nối các KGX trong đô thị; có cấu trúc không gian dạng tuyến như chuỗi dải công viên, đường xanh, đại lộ cây xanh, hành lang sinh thái dọc sông, trục cảnh quan xanh, hành lang bảo vệ cảnh quan; có chính sách quản lý ở cấp vùng đô thị và đô thị. HLX đô thị dựa trên khái niệm “Parkways” của Olmsted với ý tưởng kết nối tạo ra tính liên tục của các thành phần KGX đô thị. Theo J.Ahern (1995) [51], HLX có yếu tố thẩm mỹ kết nối chức năng sinh thái, giải trí, văn hóa. Theo Salici (2010) [59], HLX có cảnh quan hấp dẫn dọc theo sông, suối hay các đường tuyến đường sắt cũ phục vụ cho các hoạt động ngoài trời. Do đó HLX thế giới có mục đích kết nối, không có mục đích ngăn chặn đô thị lan tỏa.

c) Quan điểm mới trong tổ chức không gian HLX, VĐX

Ngày nay, cả VĐX và HLX đều có quan điểm mới trong phát triển, chúng có xu hướng biến đổi từ hình thái không gian xanh thuần túy ở khía cạnh môi trường sang các hình thái hỗn hợp kinh tế - sinh thái, dịch hệ sinh thái, hành lang/vành đai di sản làng xã truyền thống, hành lang/vành đai nông nghiệp – đô thị ven đô.v.v... Nghiên cứu quan điểm mới này, làm tiền đề xây dựng khung chủ đề nghiên cứu tổ chức không gian HLX Hà Nội.

- *Quan điểm về HLX sinh thái - kinh tế - xã hội:* theo Nico Herz, Jutta Wolff (2010) thuật ngữ HLX được sử dụng trên khắp thế giới theo quan điểm phức hợp sinh

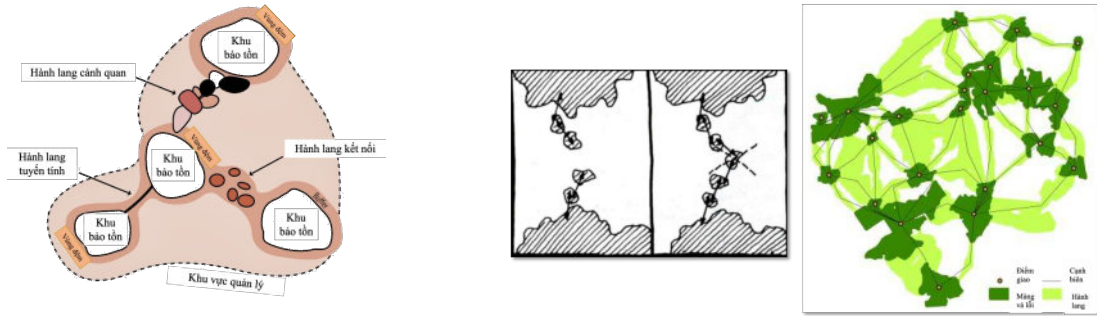
thái - kinh tế - xã hội, như: Hành lang xanh Thương mại - Green Trade Corridor (Mỹ, Mexico, Canada); Hành lang xanh Công nghệ - Green Technology Corridor (California, Mỹ); Hành lang xanh công viên đô thị - Green Urban Park Corridor (Singapore); Hành lang xanh cảnh quan - Green Landscape Transformation Corridor (Anh); Hành lang xanh Giao thông vận tải - Green Transport Corridor (Châu Âu). HLX được biến đổi theo hoàn cảnh khác nhau và phạm vi hoạt động lớn hơn nhiều so với ban đầu (cấp liên vùng, liên quốc gia).

Trong phạm vi đô thị và vùng đô thị, HLX có đa mục đích và đa chức năng gồm các mục đích sử dụng về môi trường, thể thao, văn hóa, giải trí, thẩm mỹ, v.v. có thể được kết hợp trong cùng một không gian; vừa bảo vệ ĐDSH và thúc đẩy các khía cạnh kinh tế xã hội. HLX có đặc trưng cấu trúc tuyến tính, thiên về chuyển động, dòng chảy và trao đổi, do đó HLX không chỉ kết nối các yếu tố cảnh quan ở các quy mô khác nhau, chúng đại diện cho một chiến lược phát triển kinh tế, xã hội hay bảo tồn cảnh quan vùng ven đô, di sản văn hoá nông thôn...

- *Quan điểm về VĐX mở tiếp cận với cộng đồng*: Quy hoạch hiện đại, quan điểm về KGX ngăn chặn đô thị lan toả theo ba quy tắc cơ bản: (i) sự tách biệt nghiêm ngặt “đô thị” và “nông thôn”, không chấp nhận bảo tồn các cảnh quan hỗn hợp đô thị-nông thôn, (ii) áp đặt cấm hoàn toàn xây dựng trong VĐX với giả thuyết bảo tồn phải nghiêm ngặt thì mới kiểm soát sự phát triển lan toả từ vùng ven, (iii) VĐX chỉ giữ lại các khu định cư quy mô nhỏ, với giả định tính toán ngưỡng quy mô dân số phù hợp để quản lý. Quy hoạch thời kỳ hậu hiện đại, theo Marco Amati [34] quan điểm mới về VĐX là chuyển đổi mô hình phát triển, tăng khả năng tiếp cận cộng đồng cho hoạt động giải trí và chức năng kinh tế mới nhưng phải cân bằng với hệ sinh thái tự nhiên lành mạnh và nâng cao giá trị, chất lượng cảnh quan; có sự tham gia của cộng đồng.

- *Quan điểm về sinh thái học đô thị*: Môi trường bền vững trong quy hoạch đô thị, nông thôn là một trong những yếu tố quan trọng để xây dựng tương lai xanh, tăng trưởng xanh, đô thị xanh.

Lý thuyết địa sinh học và sinh thái học đề cập đến bảo tồn đa dạng sinh học là mục tiêu quan trọng hàng đầu của các HLX, là lựa chọn tối ưu tổ chức không gian HLX; cung cấp giải pháp thiết kế các hành lang ĐDSH, tuyến đường xanh...

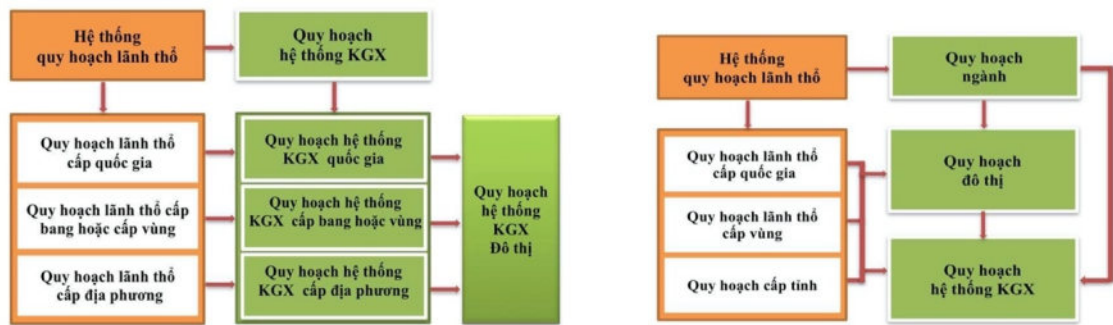


Hình 2. 8: Cấu trúc không gian khu vực bảo tồn Hình 2. 9: Quy hoạch/quy hoạch kiến trúc hành lang ĐDSH trong cảnh quan ĐDSH

Lý thuyết chuyển đổi kinh tế, xã hội và sinh thái là các liên kết giữa các yếu tố kinh tế - xã hội - sinh thái trong chiến lược phát triển của một quốc gia nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững. Quá trình này xem xét tác động các hoạt động kinh tế với xã hội, sinh thái hiện nay và giải pháp khắc phục, đảm bảo tính cân bằng, ổn định giữa các thành tố phát triển, hướng tới xã hội tương lai. Huan Qingzhi (2018) nhắc tới lý thuyết “Nền văn minh sinh thái” (Ecological Civilization) nhấn mạnh những thay đổi cần thiết để thích ứng và ứng phó với BĐKH toàn cầu và vấn đề xã hội dựa trên nguyên tắc sinh thái. Brand, U., và Wissen, M. (2017) đề cập đến “Kinh tế xanh”; “Chuyển đổi lớn về công nghệ xanh” (UNDP) năm 2011; “Nền kinh tế sinh thái sử dụng ít tài nguyên và có tính cạnh tranh” của Ủy ban Châu Âu (2011); hay “Cam kết xã hội vì sự bền vững” của Hội đồng Cố vấn về Thay đổi toàn cầu của Đức.

d) Quản lý quy hoạch

Thực tiễn, có hai yếu tố quyết định sự thành công của HLX, VĐX đô thị là (i) yếu tố chính trị, sự quyết tâm của Chính quyền, (ii) sự đồng lòng ủng hộ của xã hội và các tổ chức xã hội; về khoa học, lý luận được sử dụng nhằm tăng sự hợp lý sử dụng VĐX và HLX. Cuốn sách “Quy hoạch vùng” [8] và “Quy hoạch đô thị ở châu Á” [9] của PGS.TS. Trần Trọng Hanh, nhiều nước sử dụng hệ thống quy hoạch lãnh thổ chia làm 3 cấp: quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch địa phương. Nghiên cứu của Lương Tiến Dũng [6] về xu hướng quy hoạch KGX trong mối quan hệ với hệ thống quy hoạch lãnh thổ quốc gia là xu hướng quy hoạch hệ thống KGX lồng ghép trong quy hoạch lãnh thổ hợp nhất và trong quy hoạch lãnh thổ, quy hoạch ngành và quy hoạch đô thị.



Sơ đồ 2. 1: Xu hướng quy hoạch hệ thống KGX lồng ghép trong quy hoạch lãnh thổ hợp nhất

Sơ đồ 2. 2: Xu hướng quy hoạch hệ thống KGX trong quy hoạch lãnh thổ, quy hoạch ngành và quy hoạch đô thị

Phân cấp quản lý quy hoạch ở Việt Nam theo các cấp độ tương ứng với các cấp quản lý; HLX Hà Nội có quy mô lớn nằm trên địa bàn của nhiều huyện. Do đó nghiên cứu tổ chức không gian HLX trong Luận án có cơ sở đề cập ở các cấp độ sau: (1) vùng liên huyện, (2) vùng huyện, (3) cấp xã.

2.1.2.2. Lý luận về tổ chức không gian đô thị và hành lang xanh đô thị

Tổ chức không gian đô thị bao gồm ba thành tố cơ bản: Hình thái, Cấu trúc và các Bộ cục không gian (theo GS.TS Doãn Minh Khôi trong cuốn “Hình thái học đô thị” [11]). Các thành tố này cũng được áp dụng cho tổ chức không gian HLX đô thị, nhưng cần chi tiết hóa hơn để áp dụng qui mô không gian nhỏ hơn, gắn với lý thuyết Thiết kế đô thị (urban design).

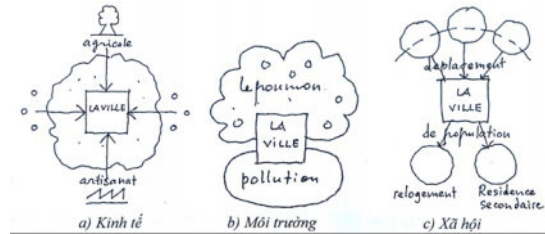
a) Hình thái không gian

- Lý thuyết về hình thái đô thị:

Nghiên cứu về hình dạng vật lý của không gian đô thị, sự tiến hoá trong mối quan hệ với những sự thay đổi của xã hội, kinh tế và dân số. Hình thái đô thị mở rộng theo các giai đoạn phát triển đô thị. Ban đầu hình thái không gian được hiểu thuần túy là hình thái không gian vật thể (mô thức làng xã, đô thị truyền thống). Sau đó hình thái không gian được mở rộng sang bao gồm hình thái kinh tế, xã hội. Ngày nay, hình thái không gian nhấn mạnh loại hình thái cộng sinh giữa không gian sinh thái tự nhiên và không gian kinh tế, xã hội với không gian văn hóa thích nghi với giai đoạn văn minh hậu công nghiệp và kinh tế trí thức; các lý thuyết cộng sinh được phát triển để minh chứng cho phương thức sử dụng các ‘không gian cộng sinh cùng phát triển’, khi đó sự chuyển đổi hình thái không gian ngày càng trở nên phức hợp, đa ngành, đa

cấp độ. Hình thái tổ chức không gian KGX là mối quan hệ đô thị với bảo tồn sinh thái tự nhiên; giải quyết vấn đề liên quan đến biến đổi từ hình thức cổ điển chứa đựng các chức năng lỗi thời, kết hợp các yếu tố mới tạo nên những không gian đô thị mới.

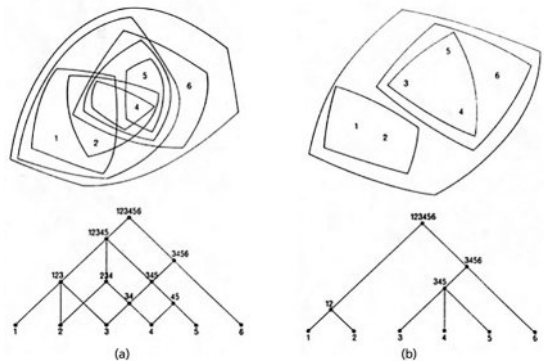
Luận án áp dụng lý thuyết nhận biết sự biến đổi hình thái HLX, các yếu tố tác động đến hình thái không gian, như: đặc trưng thiên nhiên, kinh tế - xã hội, vị trí địa điểm và đặc trưng văn hoá, kinh tế, dân số...



Hình 2. 10: Biến đổi hình thái không gian vùng giáp ranh [11]

- Lý thuyết phi tầng bậc

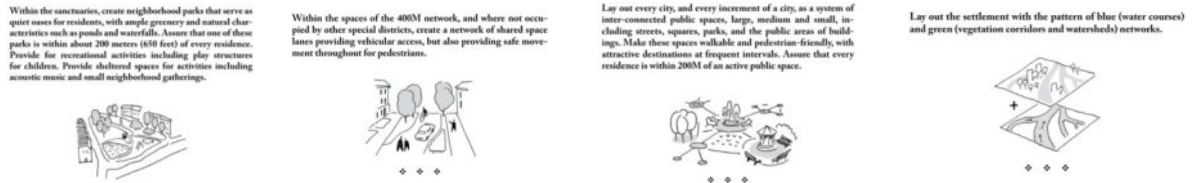
Cuốn sách “thành phố không phải là cái cây” của Christopher Alexander với luận điểm cốt lõi là tính phi tầng bậc trong hình thái đô thị theo nguyên tắc: tăng cường sự pha trộn (mix), tương tác, phương pháp TKĐT mở để đô thị luôn thích ứng với hoạt động không gian kinh tế - xã hội và ngược lại. Ông lập luận phương pháp quy hoạch đô thị hiện đại phân chia chức năng khu biệt kiểu cấu trúc cây, cần được thay đổi.



Lý thuyết “thành phố không phải là cái cây” cấu trúc tầng bậc và phi tầng bậc của Christopher Alexander

Lý thuyết “mẫu thiết kế” của Christopher Alexander (2017) [39], “ngôn ngữ kiểu mẫu” có khả năng thích ứng trong các bối cảnh đô thị khác nhau, đáp ứng nhu cầu và cảm xúc con người. Tiếp theo là Mehaffy và cộng sự trong “Ngôn ngữ mẫu mới cho các khu vực phát triển” (2020) [61], có nhiều mẫu được đề xuất bởi Chương trình nghị sự đô thị mới (năm 2016) về đô thị hoá được thông qua với 193 quốc gia của Liên hiệp quốc. Đây là bộ sưu tầm các mẫu giải quyết các vấn đề cấp bách của quá trình đô thị hoá tác động đến chất lượng cuộc sống của con người. Trong thời kỳ BDKH, đại dịch và nhu cầu mối quan hệ toàn cầu giữa các nền văn hóa khác nhau, tư tưởng của Christopher Alexander được Paul Downton (2020) đề cập đến “A Pattern Language for Urban Nature” [41]. Luận án vận dụng lý thuyết của Christopher trong

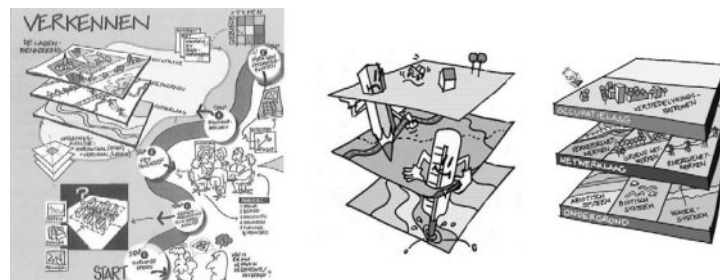
Luận án, cho phép xây dựng các khung chủ đề từ các dạng thức chủ đạo đã hiện thị trong hiện trạng HLX phía Tây Hà Nội, nơi có là hàng ngàn làng tự thân thích ứng với sự biến đổi của tự nhiên, kinh tế, xã hội theo lịch sử phát triển.



Mẫu “công viên khu vực” Mẫu “chia sẻ không gian làn xe” Mẫu “hệ thống không gian công cộng” Mẫu “mạng lưới xanh lam-xanh lục”
 Hình 2. 11: Một số mẫu thiết kế “A New Pattern Language for Growing Regions” [61]

b) Cấu trúc không gian theo lớp - khung chủ đề

- Phương pháp tiếp cận lớp cấu trúc không gian của Hà Lan trong quy hoạch và thiết kế đô thị (The Dutch Layers Approach to Spatial Planning and Design) [75] được phát triển từ năm 1998 bằng cách xác định cấu trúc lớp không gian đại diện cho các khía cạnh cần quan tâm kèm theo tư duy thời gian và không gian. Phương pháp tiếp cận cấu trúc lớp không gian của Hà Lan ban đầu được khởi xướng bởi De Hoog, Sijmons và Verschuuren xây dựng từ năm 1996 đến năm 1998 nghiên cứu lựa chọn chiến lược phát triển không gian đô thị tương lai của Hà Lan trong bối cảnh BĐKH, quản lý nước; và xây dựng vị thế kinh tế của Hà Lan trong mạng lưới động lực đô thị quốc tế liên quan đến giá trị và sức hấp dẫn của cảnh quan.



Hình 2. 12: Phương pháp tiếp cận lớp cấu trúc không gian của Hà Lan 3 lớp cấu trúc, và quá trình tạo đồng thuận trong quy hoạch và thiết kế đô thị

Phương pháp này khác với cách tiếp cận lớp trong thiết kế và quy hoạch không gian khác đã có trong lịch sử, ở chỗ phải hiểu sâu về nguồn gốc địa lý và bản chất trong mỗi lớp không gian về: (i) mức độ quy mô, không gian và thời gian, (ii) thứ bậc ưu tiên phân tích, (iii) nhiệm vụ cho mỗi lớp, (iv) diễn giải vấn đề trong các lớp. Phương pháp này đã được hoàn thiện dần vào năm 2009 cả về lý thuyết và ứng dụng.

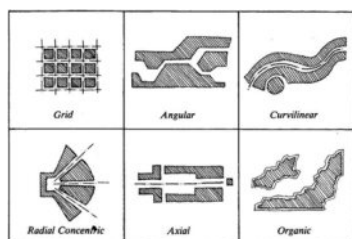
Ban đầu gồm có ba lớp cấu trúc gồm: (1) nền tự nhiên, (2) mạng lưới cơ sở hạ tầng, (3) hoạt động kinh tế - xã hội. Sau này được cải tiến đối với từng loại quy hoạch có thể là bốn hoặc năm lớp cấu trúc.

Yêu cầu đánh giá lớp cấu trúc mang tính liên ngành (i) chất lượng không gian và

cách tiếp cận lớp, (ii) tương tác trên và

giữa các lớp, (iii) tương tác phức tạp của các lớp năng động cao và ít năng động hơn, (iv) cách tiếp cận theo lớp như một công cụ để phát triển quy hoạch và hình thành các liên minh, và (v) sự phù hợp giữa lập kế hoạch theo định hướng phát triển và cách tiếp cận theo lớp. Phương pháp tiếp cận lớp cấu trúc không gian của Hà Lan cho phép nghiên cứu quy hoạch ở các vùng lãnh thổ có nhiều đối tượng chịu chi phối; có nhiều hoạt động đan xen ở quy mô không gian và thời gian khác nhau; có nhiều vấn đề cần phải giải quyết thuộc nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau...

- *Lý thuyết của Roger Trancik*: trong cuốn “Tìm kiếm không gian đã mất” [71] đã đề cập ba thủ pháp quy hoạch về: địa điểm, hình nền, kết nối để giúp phân tích nhận dạng không gian phức hợp và giải pháp đưa các vấn đề nhận dạng đó vào tổ chức không gian HLX. *Lý thuyết địa điểm* giúp nhận thức tầm quan trọng của giá trị di sản, giá trị văn hoá lối sống trong khung cảnh không gian nông nghiệp, nông thôn của HLX; từ đó nhận diện không gian bảo tồn, kiến tạo không gian sáng tạo, thiết lập mối quan hệ giữa cuộc sống hiện đại với ký ức lịch sử, cho phép hình thành nền kinh tế sinh thái phù hợp nhu cầu mới của người dân, không gian cảnh quan HLX.



lý thuyết hình - nền

Compositional Form



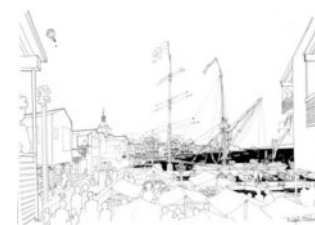
Mapiform



Group Form

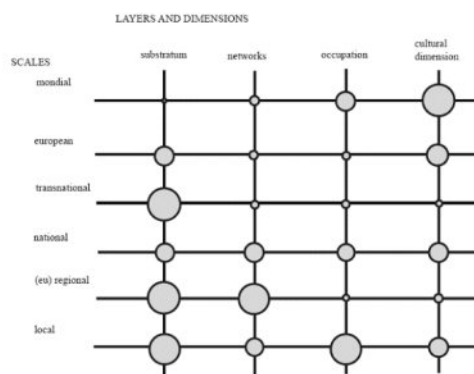


lý thuyết liên kết



lý thuyết địa điểm

Hình 2. 14: Lý thuyết TKĐT của Roger Trancik trong cuốn “Finding Lost Space” [71]

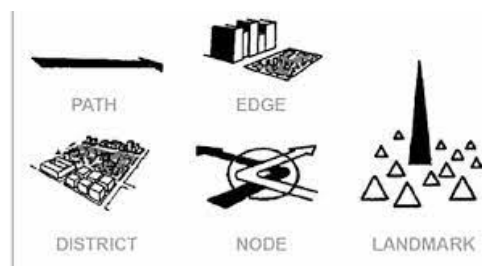


Hình 2. 13: Lớp cấu trúc và cấp độ quy mô

Lý thuyết hình nền: giúp nhận diện hình thái không gian đặc trưng của mỗi khu vực, xác định đặc điểm và giá trị những cấu trúc lớp không gian thành phần của HLX,; cho phép lượng hoá quy định về mật độ xây dựng, quản lý không gian trồng, ranh giới tăng trưởng không gian của không gian làng, TTCN, đô thị. *Lý thuyết kết nối* có vai trò quan trọng tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội, sử dụng các dạng tuyến tính để liên kết các yếu tố trong từng lớp không gian thành phần, nhằm tạo lập trật tự trong cấu trúc không gian đa dạng của HLX. Các yếu tố liên kết là những hành lang ĐDSH kết nối hệ sinh thái vùng nông thôn với đô thị trung tâm; là những con đường xanh cho người dân tiếp cận dễ dàng với công viên, khu TDTT ngoài trời; là đường dành cho người đi bộ, đường phố hay không gian mở; là kết nối hạ tầng có sử dụng đất tối ưu trong HLX.

c) Các bố cục cơ bản - chi tiết hóa các bố cục không gian trong khung chủ đề gắn với lý thuyết Thiết kế đô thị

Lý thuyết hình ảnh đô thị của Kevin Lynch [57] tạo bản sắc khu vực được biểu hiện bởi: (i) dạng hình tượng thông qua ba điều kiện: bản sắc (identity), cấu trúc (structure), ý nghĩa (meaning); (ii) năm tác nhân cấu thành



Hình 2. 15: Năm tác nhân cấu thành hình ảnh đô thị (Kevin Lynch)

hình tượng: lưu tuyến (path), khu vực (district), cạnh biên (edge), nút (node), cột mốc (landmark). Luận án áp dụng lý thuyết phân tích các yếu tố tạo bản sắc đặc trưng của vùng nông thôn của HLX phía Tây Hà nội.

Lý thuyết về hình thể, không gian và trật tự của Francis D.K. Ching [38] đề cập đến mối quan hệ giữa các không gian và bố cục không gian theo dạng: hướng tâm, dạng tuyến, dạng nhóm, tập trung và mạng lưới. Luận án áp dụng lý thuyết để thể hiện được các đặc tính cơ bản, các mối liên hệ không gian tương ứng như: bố cục các cấu trúc tự nhiên gắn kết với nông nghiệp; bố cục các mô thức làng xã truyền thống chuyển đổi thành nông thôn mới đan xen với TTCN; hay bố cục các mô thức mới đan cấy trong không gian tự nhiên với các trung tâm dịch vụ mới, du lịch di sản...

2.1.3. Lý luận về mô hình “không gian cộng sinh cùng phát triển” trong tổ chức không gian hành lang xanh

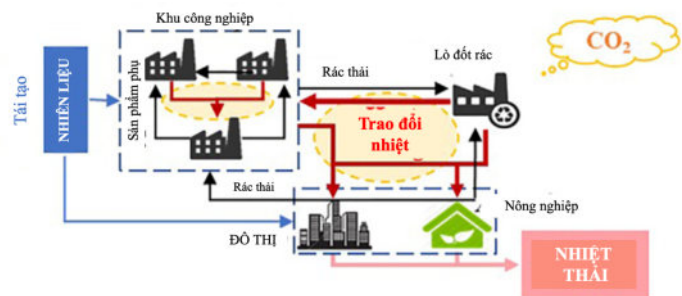
Luận án tổng hợp lý luận về mô hình cộng sinh thích hợp cho tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội: (1) Mô hình cộng sinh giữa sinh thái tự nhiên và đô thị; (2) Mô hình cộng sinh giữa đô thị và nông thôn; (3) Mô hình cộng sinh công nghiệp để tạo ra chu trình tuần hoàn về chất thải và giảm thải; (4) Mô hình cộng sinh giữa sinh thái và kinh tế; (5) Mô hình ‘không gian cộng sinh cùng phát triển’ trong các tổ chức không gian phức hợp; cho phép sử dụng hỗn hợp các không gian chức năng trong cùng một đơn vị lãnh thổ của HLX phía Tây

Cộng sinh là khái niệm thuộc lĩnh vực sinh thái học, theo Heinrich Anton de Bary (1879) định nghĩa cộng sinh là sự chung sống cùng nhau của những sinh vật không giống nhau. Liên kết cộng sinh được mở rộng ra các lĩnh vực khoa học khác, như: xu hướng cộng sinh công nghiệp, cộng sinh đô thị, cộng sinh đô thị - nông nghiệp.v.v... là cách tiếp cận đang được các cộng đồng doanh nghiệp, nhà quản lý chuyển từ mô hình kinh tế tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn, đổi mới tạo giá trị gia tăng và quản lý bền vững chất thải đầu ra.

2.1.3.1. Cộng sinh đô thị - nông thôn

Khái niệm *cộng sinh đô thị* (urban symbiosis) bởi Van Berkel và những người khác (2009) [74], nghĩa là “việc sử dụng các sản phẩm phụ (chất thải) từ các thành phố (hoặc khu vực đô thị) làm nguyên liệu thô thay thế hoặc nguồn năng lượng trong các hoạt động công nghiệp”. Cộng sinh đô thị và công nghiệp đặc biệt nhấn mạnh

vào phân tích quá trình các nguồn nhiệt và thiết kế không gian xuyên ngành của hệ thống sưởi ấm khu vực thông qua phân tích dòng tài nguyên/năng lượng (Dou và những người khác, 2021) [80].



Sơ đồ 2. 3: Hệ thống sưởi ấm trong khu vực cộng sinh đô thị và công nghiệp [80]

2.1.3.2. Cộng sinh công nghiệp

Cộng sinh công nghiệp (industrial symbiosis) là một nhánh của sinh thái công nghiệp (industrial ecology). Chertow (2000) [60] đưa ra một định nghĩa về cộng sinh công nghiệp “gắn kết các ngành công nghiệp truyền thống riêng biệt theo cách tiếp cận tập thể để đạt được lợi thế cạnh tranh liên quan đến trao đổi vật chất vật liệu, năng lượng, nước và/hoặc các sản phẩm phụ. Cộng sinh công nghiệp là một cách tiếp cận sáng tạo nhằm tập hợp các công ty từ các lĩnh vực khác nhau với nỗ lực thúc đẩy việc định giá chất thải, cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động đến môi trường (Trokanas và những người khác, 2014) [72]. Ủy ban châu Âu (2018) định nghĩa cộng sinh công nghiệp “là quá trình chất thải hoặc sản phẩm của một ngành hoặc quá trình công nghiệp trở thành nguyên liệu cho ngành khác; tạo ra một nền kinh tế tuần hoàn.” [43] Nó cũng góp phần giảm phát thải khí nhà kính (GHG).

2.1.3.3. Cộng sinh giữa sinh thái và kinh tế đô thị (ECO2)

Giải quyết các vấn đề giảm thiểu phát thải, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu một cách hiệu quả và toàn diện, phát triển đô thị đã chuyển dần từ đô thị chức năng sang đô thị sinh thái (Eco), đô thị sinh thái kinh tế (Eco2) và đô thị thích ứng để giải quyết các thách thức phát triển, thích ứng biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu TTX, phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững. Khái niệm Đô thị xanh - Eco city (đô thị sinh thái) được xây dựng trên nguyên tắc lấy môi trường làm nền tảng phát triển, giảm thiểu phát thải các bon, sử dụng năng lượng tái tạo và lồng ghép các yếu tố môi trường (cây xanh, mặt nước, hệ sinh thái tự nhiên) vào trong các hoạt động đô thị, tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo đói, tăng mật độ dân cư (nên bỏ vì không phù hợp với khái niệm TTX), tăng cường chất lượng môi trường sống- Eco2. Tiêu chuẩn quốc tế về đô thị sinh thái (International Ecocity Standard – IES), bao gồm các nhóm: (1) Cơ cấu đô thị; (2) Giao thông đô thị với thứ tự ưu tiên giao thông thân thiện, (3) Năng lượng; (4) Xã hội; (5) Nông nghiệp; (6) Quy hoạch các khu vực đặc thù và các công cụ quản lý; (6) Chính sách và thể chế quản lý; ...

2.1.3.4. Cộng sinh đô thị - nông nghiệp

Kể từ những năm 1970, các khái niệm mới đã bắt đầu xuất hiện để tái tạo sự phối hợp giữa thị trấn và nông nghiệp, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tuần

hoàn. Cộng sinh đô thị - nông nghiệp chú trọng vào các dòng vận chuyển trong các hệ thống nông sản thực phẩm, xem xét các mặt hàng thực phẩm, dòng chảy ngược dòng của sản xuất nông nghiệp liên quan đến nguồn cung cấp nông nghiệp và dòng chảy xuôi dòng tương ứng với quản lý chất thải. Nhiều quốc gia trên thế giới nhận thấy mối quan hệ giữa nông nghiệp và đô thị ở các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường. Việc vận dụng lý thuyết cộng sinh để nghiên cứu sự phát triển phối hợp của chúng là hợp lý (Leng, H. & Li, 2016) [56]. Phát triển cộng sinh tạo thuận lợi cho sự luân chuyển và chia sẻ nguồn nhân lực, công nghệ, quỹ thông tin... và hình thành một môi trường đổi mới, tạo ra công nghệ đổi mới, giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất (Yang, 2004) [79]; Nó cũng ủng hộ việc loại bỏ các mâu thuẫn xã hội để củng cố bản sắc văn hóa cũng như sự hài hòa xã hội.

2.1.3.5. Nông nghiệp đô thị

Trong vài năm trở lại đây, mối quan tâm mới cả về xã hội và chính trị, đối với nông nghiệp đô thị và vùng đệm nông thôn – đô thị đã được nhấn mạnh ở toàn châu Âu và từng quốc gia riêng. Sự thừa nhận hình thức nông nghiệp đô thị tích hợp các khía cạnh xã hội, kinh tế và môi trường, sẽ tác động đến nhiều lĩnh vực khác nhau và cung cấp giải pháp môi trường, an toàn thực phẩm, không gian mở, cảnh quan tự nhiên và đa dạng sinh học đang có nguy cơ ngày một bị thu hẹp và biến mất. Theo World Bank (2013) [35] nông nghiệp đô thị và ven đô - được gọi chung là 'nông nghiệp đô thị' nằm trong 'nội đô' hoặc ở rìa ('ven đô'). Nông nghiệp đô thị có thể được thực hiện trong các khu vườn, mái nhà, đất trống công cộng, hầm rượu hoặc các mảnh ruộng của cư dân đô thị từ nhiều nguồn gốc khác nhau.

Định hướng và quy mô của các hoạt động này có thể thay đổi từ trồng trọt tự cung tự cấp, đến các loại hình nông nghiệp giải trí hơn ở quy mô vi mô, thông qua những người làm vườn và chăn nuôi bán thương mại quy mô nhỏ, đến các doanh nghiệp thương mại quy mô vừa và lớn. Nông nghiệp đô thị đã đóng góp đáng kể vào lương thực cho các thành phố ở nhiều quốc gia. Tuy nhiên, với tốc độ tăng dân số đô thị nhanh chóng và mức độ dinh dưỡng thấp của người nghèo ở đô thị và ven đô, có rất nhiều cơ hội để tăng nguồn cung này.




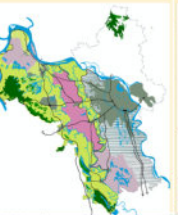

2.1.4. Thiết lập năm cấu trúc không gian – khung chủ đề trong tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội

Khung chủ đề là một công cụ chính trong NCKH, Luận án thiết lập để phục vụ cho tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội, với các nguyên tắc sau: (i) Xác định các chủ đề nghiên cứu thích ứng với hiện trạng, hiện hữu của HLX phía Tây Hà Nội; (ii) Các khung chủ đề nằm trong khuôn khổ của qui hoạch và chương trình mục tiêu phát triển đô thị; (iii) Có tính khả thi trong tổ chức không gian HLX.

Khung chủ đề: Theo mục 1.3, Chương I, Luận án tổng hợp và lựa chọn năm dạng không gian chủ đạo để thiết lập Khung chủ đề cho nghiên cứu tổ chức không gian HLX phía Tây Hà nội, gồm: (1) Khung chủ đề địa lý tự nhiên, môi trường và nông nghiệp; (2) Khung chủ đề làng xã truyền thống và di sản; (3) Khung chủ đề làng nghề, TTCN quy mô nhỏ; (4) Khung chủ đề phát triển đô thị trong bối cảnh đô thị hóa; (5) Khung chủ đề không gian hỗn hợp;

Giá trị và tiềm năng phát triển khung chủ đề: Xác định giá trị và tiềm năng phát triển của năm Khung chủ đề của HLX phía Tây Hà Nội trong (phụ lục 3)

Bảng 1. 3: Tổng hợp về giá trị năm Khung chủ đề HLX phía Tây Hà Nội

	Khung chủ đề địa lý tự nhiên, nông nghiệp	Khung chủ đề di sản và làng nông nghiệp, nông thôn	Khung chủ đề làng nghề - TTCN quy mô nhỏ	Khung chủ đề cảnh quan đô thị	Khung chủ đề hỗn hợp
Khung chủ đề					
Tiềm năng phát triển dựa trên giá trị	Sinh thái; Lịch sử Văn hoá Hạ tầng Cấu trúc quy hoạch Liên kết không gian đô thị – nông thôn	Xã hội Lịch sử Văn hoá Cấu trúc quy hoạch	Kinh tế Lịch sử Văn hoá Liên kết đô thị – nông thôn	Kinh tế Liên kết đô thị – nông thôn Kết nối toàn cầu	Sinh thái; Lịch sử/Văn hoá Kinh tế/Hạ tầng Cấu trúc quy hoạch Liên kết không gian đô thị – nông thôn Kết nối toàn cầu

2.2. Kinh nghiệm quốc tế

2.2.1. Kinh nghiệm về phát triển hành lang xanh đô thị

2.2.1.1. Dịch vụ hệ sinh thái

Dịch vụ hệ sinh thái (ecosystem services) là những lợi ích được cung cấp cho con người thông qua việc chuyển đổi tài nguyên (hoặc tài sản môi trường, bao gồm

đất, nước, thảm thực vật và khí quyển) thành dòng hàng hóa và dịch vụ thiết yếu, ví dụ: làm sạch không khí, nước và thực phẩm (Constanza et al. 1997) [40]. Dịch vụ hệ sinh thái bao gồm: dịch vụ cung cấp, ví dụ lương thực và nước; dịch vụ điều tiết, ví dụ kiểm soát lũ và dịch bệnh; dịch vụ văn hóa, ví dụ tinh thần, giải trí, văn hóa; và dịch vụ hỗ trợ, ví dụ chu trình dinh dưỡng giúp duy trì các điều kiện sống trên trái đất. Khái niệm “hàng hóa và dịch vụ hệ sinh thái” (ecosystem goods and services) cũng đồng nghĩa với khái niệm dịch vụ hệ sinh thái (UNEP, 2004) [73]. Cho đến nay, một loạt các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo rằng các dịch vụ hệ sinh thái tiếp tục được duy trì. Ước tính 40% nền kinh tế toàn cầu dựa trên các sản phẩm và các quá trình sinh học (WEHAB, 2002) [77]. Costanza và cộng sự (2014) [40] đã ước tính giá trị toàn cầu của các dịch vụ hệ sinh thái trung bình năm 2011 là 125 - 145 nghìn tỷ USD.

Ở Việt Nam, sử dụng các dịch vụ hệ sinh thái đã đóng góp giá trị quan trọng cho nền kinh tế quốc gia, đặc biệt trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, du lịch và y tế. Dịch vụ hệ sinh thái nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 22,04% tổng sản phẩm, cho thấy ý nghĩa và giá trị quan trọng về kinh tế có được từ các dịch vụ hệ sinh thái rừng, đất ngập nước và biển ở Việt Nam. Ngoài ra, các giá trị sử dụng gián tiếp chưa được đánh giá và thống kê đầy đủ.

2.2.1.2. Mô hình làng sinh thái, làng đô thị sinh thái

Khái niệm làng sinh thái đã có từ lâu ở nhiều nơi trên thế giới, nhưng chỉ được phổ biến rộng từ năm 1992. Đây là các nơi thu hút và sáng tạo, có các hoạt động du lịch, đào tạo, tạo ra xí nghiệp, nông nghiệp sinh thái, sáng tạo nghệ thuật... Phạm vi hoạt động của một làng sinh thái tạo ra một nền kinh tế địa phương – nông nghiệp sinh học, -đa dạng sinh học, -trồng trọt bền vững, -đón tiếp, đào tạo, - nghệ thuật và thủ công nghiệp, -vườn ươm xí nghiệp mang tính đạo đức, -giáo dục, nghiên cứu. Theo Norma dgurl’s Blog, March 18. 2009, làng sinh thái tên đầy đủ là làng Kinh tế sinh thái, là nơi tái lập lại cơ bản hệ sinh thái phù hợp với sự sống của con người, cây trồng, vật nuôi, được xác định bằng công thức: Đặc trưng sinh thái + Kiến thức bản địa (kiến thức truyền thống) + Kiến thức khoa học = Mô hình làng Kinh tế sinh thái.

2.2.1.3. Mô hình khu công nghiệp sinh thái

Mô hình KCN sinh thái (Eco-industrial park - EIP) đã xuất hiện ở các quốc gia phát triển từ thập niên 1990 và các quốc gia châu Á có thu nhập cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan từ năm 2000. Khái niệm KCN sinh thái bắt nguồn từ hai ý tưởng mạnh mẽ: tính bền vững và sinh thái công nghiệp. Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (USEPA) định nghĩa EIP là “một cộng đồng sản xuất và cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp đang muốn tăng cường hiệu suất kinh tế và hiệu quả môi trường bằng cách hợp tác trong việc quản lý các vấn đề môi trường và tái sử dụng, bao gồm năng lượng, nước và nguyên vật liệu”. Vai trò của KCN sinh thái nhằm: Cải thiện hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp; Giảm thiểu tác động môi trường; Đóng góp vào phúc lợi kinh tế và môi trường của cộng đồng.

2.2.1.4. Hạ tầng xanh

Khái niệm cơ sở hạ tầng xanh lần đầu tiên được đề xuất bởi hai nhà nghiên cứu Mark A. Benedict và Edward T. McMahon từ năm 2002. Theo đó, hạ tầng xanh là “...một mạng lưới liên kết những không gian xanh nhằm bảo tồn các giá trị và chức năng của hệ sinh thái, đồng thời mang đến các lợi ích cho con người”. Khái niệm này đã nâng tầm các không gian xanh trong đô thị thành một hệ thống hạ tầng có vai trò quan trọng như các hệ thống hạ tầng thiết yếu khác của đô thị như năng lượng, nước, giao thông hay thông tin liên lạc. Chính vì vậy, nó cũng cần được đối xử như một thành phần quan trọng trong các bản quy hoạch đô thị. Khái niệm hạ tầng xanh còn được sử dụng thay thế cho khái niệm hạ tầng Xanh - Xanh (Blue - Green Infrastructure), hạ tầng nước mưa xanh (Green Stormwater Infrastructure) hay phát triển tác động thấp (Low-Impact Development). Hạ tầng xanh là mạng lưới các thành tố “xanh” được bảo tồn, hoặc tăng cường, hoặc thiết lập nhằm giải quyết các tiêu cực của đô thị hóa dựa trên cách tiếp cận “xây dựng cùng thiên nhiên”, nghĩa là đảm bảo sự hài hòa không đối kháng giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn – tăng cường các giá trị của tự nhiên. Hạ tầng xanh xuất hiện ở tất cả các quy mô. Có thể có nhiều lợi ích cho sức khỏe và phúc lợi của cộng đồng dân cư đồng hành với lợi ích môi sinh thông qua giải quyết tốt hạ tầng xanh trong bối cảnh đô thị hóa.

2.2.2. Kinh nghiệm tổ chức không gian hành lang xanh các đô thị lớn

2.2.2.1. VĐX Anh quốc (VĐX UK)

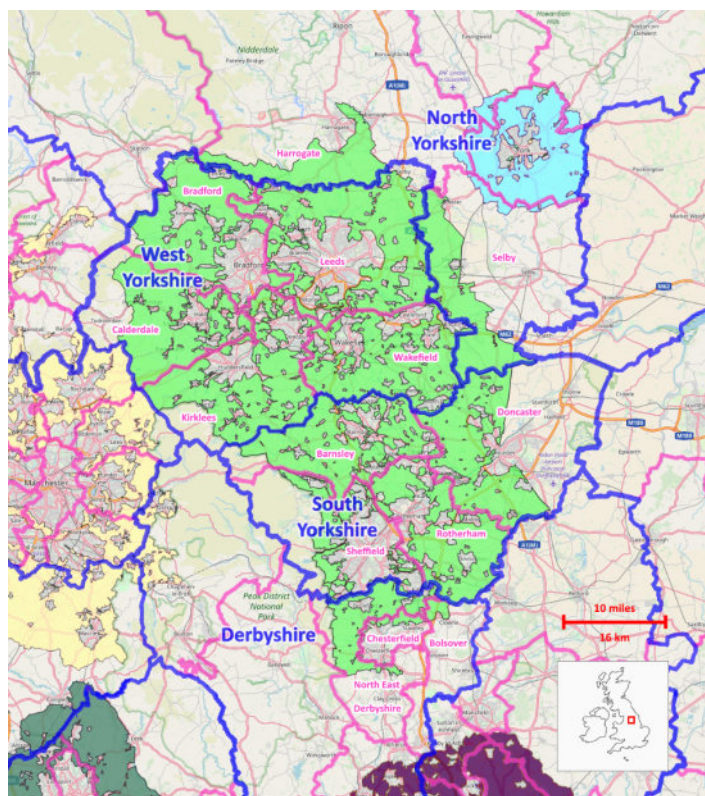
- Luận án lựa chọn VĐX UK nghiên cứu bởi sự tiến bộ, tính khả thi và quản lý vận hành thành công nhất trên thế giới. VĐX UK được đề cập trong Khung chính sách quy hoạch quốc gia (NPPF) nhằm đạt mục tiêu PTBV, có 5 mục đích: (1) kiểm tra sự mở rộng không giới hạn của các khu vực xây dựng lớn, (2) ngăn chặn các thị trấn lân cận sáp nhập vào nhau, (3) góp phần bảo vệ nông thôn khỏi sự xâm lấn, (4) bảo tồn khung cảnh và tính chất đặc biệt của các thị trấn lịch sử, (5) hỗ trợ tái tạo đô thị, khuyến khích tái chế đất bỏ hoang và đất đô thị khác. Vương quốc Anh có 14 vùng VĐX UK, chiếm khoảng 13% diện tích tự nhiên (1,6 triệu ha). VĐX UK có giá trị tạo mối quan hệ cộng sinh giữa con người với thiên nhiên, tăng vẻ đẹp cảnh quan, phát triển nông nghiệp sinh thái và đóng vai trò quan trọng hỗ trợ các dịch vụ hệ sinh thái mang lại lợi ích môi trường và duy trì hệ thống tự nhiên lành mạnh.

- VĐX UK không chỉ kiểm soát siêu đô thị, mà cả các thành phố trung bình; đa dạng về cấu trúc không gian, diện tích, dân số và mối quan hệ giữa đất VĐX với các thị trấn, làng mạc nằm trong đó.

Về cấu trúc không gian: VĐX chủ yếu có dạng vòng tròn khép kín xung quanh khu vực đô thị chính và các đô thị nhỏ hoặc làng mạc; một số trường hợp có dạng vành khuyên (VĐX South West Hampshire/South East Dorset) hoặc khu vực ngăn giữa 2 thị trấn (VĐX Burton upon Trent and Swadlincote). VĐX UK có thể bao quanh 1 khu vực đô thị chính hay 2, 3 đô thị chính (VĐX South and West Yorkshire).

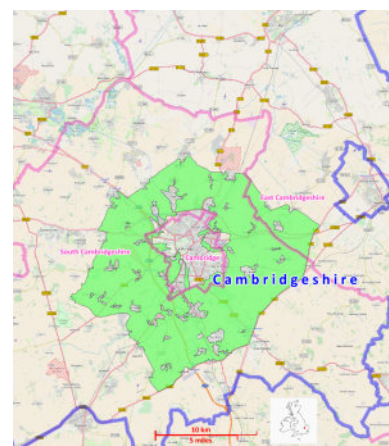
Về dân số: hầu hết các đô thị >200.000 người có VĐX. Vùng đô thị London (Metropolitan) có dân số lớn nhất khoảng > 7,2 triệu người. Thấp nhất là khu vực đô thị Derby khoảng 23 vạn người. Các đô thị nhỏ xung quanh đô thị chính có dân số 1000 người và diện tích tối thiểu 20 ha, cách nhau không quá 200 m.

Về diện tích: đất VĐX UK chỉ sử dụng phát triển chức năng XANH, không liền mạch bởi xung quanh các khu đô thị chính còn có vô số các thị trấn nhỏ, làng mạc. Diện tích lớn nhất thuộc VĐX London (Metropolitan) 484.173 ha, tiếp theo là VĐX North West khoảng 247.708 ha, VĐX South and West Yorkshire khoảng 248,241 ha, West Midlands khoảng 224.954 ha.



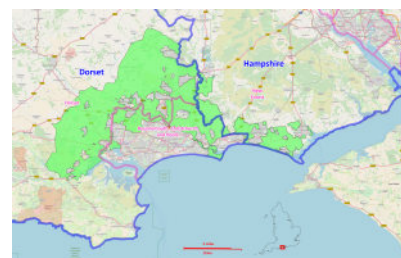
Green belt	Vành đai xanh South and West Yorkshire
County borders	Ranh giới tỉnh
District borders	Ranh giới huyện/quận
York green belt	Vành đai xanh York
North West green belt	Vành đai xanh North West
Stoke-on-Trent green belt	Vành đai xanh Stoke-on-Trent
Nottingham and Derby green belt	Vành đai xanh Nottingham và Derby

VĐX đô thị South và West Yorkshire [84]



County boundaries	Ranh giới tỉnh
District/city council borders	Ranh giới quận/huyện/thành phố thuộc tỉnh
Green belt	VĐX

VĐX đô thị Cambridge [83]

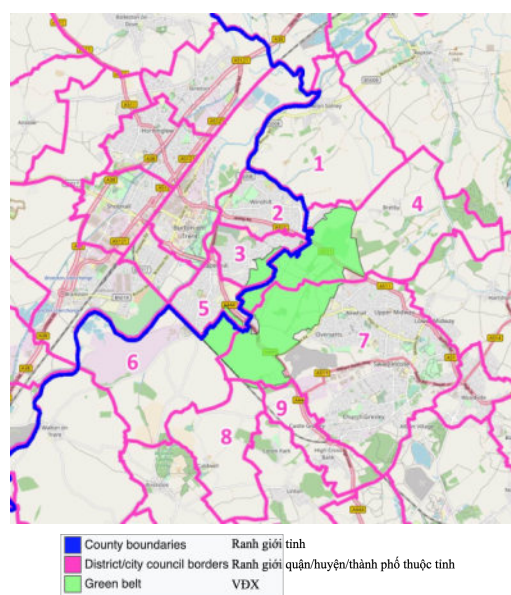


County boundaries	Ranh giới tỉnh
District/city council borders	Ranh giới quận/huyện/thành phố thuộc tỉnh
Green belt	VĐX

VĐX đô thị South West Hampshire/South East Dorset [85]

Hình 2. 16: Thị dụ một số VĐX UK

Các VĐX Cambridge khoảng 26.340 ha, VĐX South West Hampshire/South East Dorset 78.983 ha. Diện tích nhỏ nhất là VĐX Burton upon Trent and Swadlincote diện tích 714 ha, nhằm quản lý không gian nông thôn giữa các thị trấn Burton upon Trent và Swadlincote, thuộc các quận Derbyshire và Staffordshire, thuộc tỉnh East Midlands của Anh.



County boundaries	Ranh giới tỉnh
District/city council borders	Ranh giới quận/huyện/thành phố thuộc tỉnh
Green belt	VĐX

Hình 2. 17: VĐX đô thị Burton upon Trent và Swadlincote [82]

Các loại đất trong VĐX UK chủ yếu là: (1) đất nông nghiệp, trồng trọt hoặc vườn, (2) các đồng cỏ được cải thiện, (3) cỏ bán tự nhiên (4) núi, thạch nham hoặc đầm lầy, (5) rừng hỗn hợp, (6) rừng lá kim, (7) khu vực xây dựng hoặc vườn. (8) vùng nước, (9) biển. Trong VĐX UK được xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà ở nhưng được kiểm soát rất chặt chẽ.

- Về ranh giới HLX UK được thiết lập xung quanh đô thị khoảng cách 5km. Hình bên mô tả phương pháp xác định ranh giới VĐX West Midland, thành phố Birmingham và Coventry là khu đô thị chính.



Hình 2. 18: VĐX đô thị West Midland [42]

2.2.2.2. Kinh nghiệm cải cách chính sách VĐX Seoul

VĐX Seoul được thành lập theo mệnh lệnh của Tổng thống Park (1970), do cơ quan quận sự thực hiện và đưa vào Quy hoạch thành phố Seoul một năm sau đó. Vị trí, địa điểm của VĐX đã gặp khó khăn trong kế hoạch triển khai, do mâu thuẫn giữa chính quyền Trung ương và địa phương về kế hoạch thực hiện và những quy định xây dựng được thắt chặt. Nhiều lần, Bộ Xây dựng đã trình Quốc Hội phương án điều chỉnh VĐX nhằm mục tiêu nói lỏng quy định và cho phép phát triển dự án mới. Năm 1999, kế hoạch cải cách VĐX vùng đô thị Seoul được tiến hành. Điểm nhấn của chương trình cải cách dựa trên tiêu chí đánh giá môi trường (địa hình, độ dốc, sự phù hợp với đất nông nghiệp, mức độ che phủ cây trồng, sự phù hợp lâm nghiệp và chất lượng nước), làm cơ sở phân loại và xác định đặc điểm của VĐX. Kết quả là có bốn loại không gian được giải phóng ra ngoài VĐX, gồm: (i) các cộng đồng làng có mật độ nhà ở >10 đơn vị/ha và >300 ngôi nhà/1.000 người; (ii) dự án có diện tích >10ha, đóng góp > 60% diện tích che phủ cây trồng hoặc rừng; (iii) dự án phục vụ lợi ích quốc gia, (iv) dự án phục vụ lợi ích địa phương hoặc cộng đồng, ví dụ xây dựng nhà ở công. Kế hoạch cải cách VĐX diễn ra trong suốt giai đoạn 1999 – 2006, cuối cùng diện tích đất VĐX đã giảm 8,8% (2006) so với quy định ban đầu [55].

2.2.2.3. Kinh nghiệm thay thế VĐX Tokyo bằng nông nghiệp đô thị

- VĐX Tokyo ra đời từ năm 1927 bởi sự nỗ lực của các nhà khoa học và nhà quy hoạch Nhật Bản, sau này đã gặp thất bại do yếu tố lịch sử liên quan đến nhu cầu tái thiết đô thị tại vùng ven nơi dự kiến thành lập VĐX sau chiến tranh thế giới thứ II. Nguyên nhân thất bại của VĐX Tokyo, là: (i) thiếu quyết tâm chính trị thực hiện: quy hoạch VĐX được nhà nước ban hành trong Đạo luật quy hoạch thành phố đặc biệt và Đạo luật Quốc gia về Tái thiết khu vực thủ đô (NCSRA) (1956), sau này bãi bỏ thay bằng Luật quy hoạch thành phố mới cho phép phát triển đô thị trong VĐX và Đạo luật Không gian mở sản xuất nhằm thúc đẩy nông nghiệp đô thị; (ii) thiếu sự hợp tác đa ngành quản lý VĐX; (iii) thiếu sự ủng hộ của chính quyền địa phương; (iv) đất đai trong VĐX chủ yếu thuộc sở hữu tư nhân đã gây áp lực đô thị hoá đến VĐX; có 16 đô thị và làng mạc nằm trong VĐX đã thành lập một Hiệp hội để chống lại việc thiết lập VĐX.

- Giải pháp thay thế VĐX bằng chính sách thúc đẩy nông nghiệp đô thị và quản lý ranh giới phát triển đô thị (phân vùng khuyến khích và phân vùng hạn chế phát triển) [76].

2.2.2.4. Kinh nghiệm tổ chức không gian VĐX của Pháp

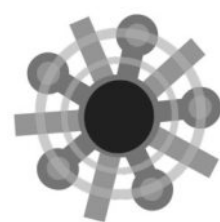
Tổ chức không gian KGX, VĐX, HLX đề cập trong bản thảo nghiên cứu Quy hoạch tổng thể vùng Paris-Ile-de-France [62] các dạng bố cục không gian định hình cấu trúc đô thị:



Bố cục không gian dạng ngón tay với các mảng xanh lớn hướng tâm



Bố cục không gian dạng VĐX với đô thị đa tâm



Bố cục không gian dạng hỗn hợp nhấn mạnh liên kết đô thị-vùng ven

Hình 2. 19: Các phương án bố cục không gian VĐX trong quy hoạch tổng thể vùng Paris-Ile-de-France

Tóm lại: HLX Hà Nội là một dạng cấu trúc KGX có những đặc điểm chung giống VĐX thế giới, như là: (i) định hình cấu trúc không gian đô thị, (ii) ngăn chặn

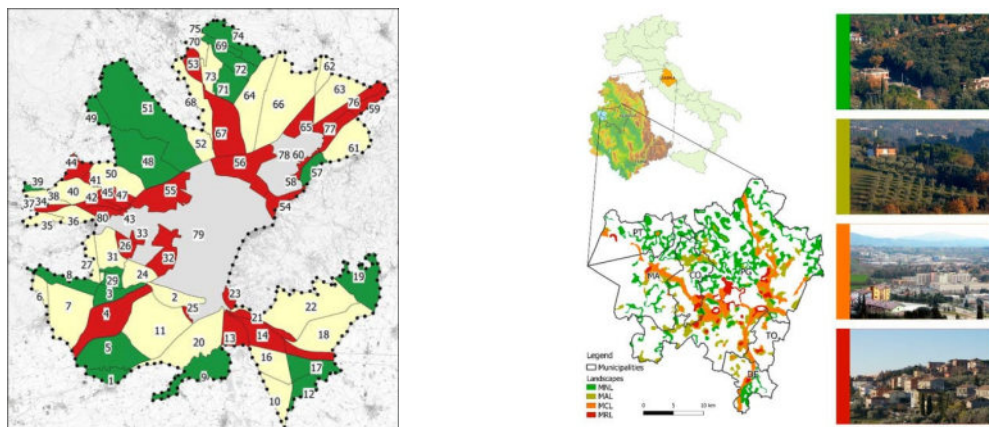
đô thị hoá lan toả và các đô thị dính liền nhau. (iii) có cấu trúc không gian được cấu thành từ tự nhiên, nông nghiệp và công viên đô thị.

2.2.3. Kinh nghiệm về tổ chức các chức năng hỗn hợp

2.2.3.1. Bài học: Phát triển các chức năng hỗn hợp đô thị, nông thôn

- Trung Quốc: Kể từ khi cải cách và mở cửa bắt đầu vào năm 1978, Trung Quốc đã phát triển và đô thị hóa nhanh chóng, và nền kinh tế kép thành thị-nông thôn đã phát triển ở các khu vực siêu đô thị. Phối hợp phát triển đô thị-nông thôn đã trở thành chính sách quốc gia từ năm 2003, và Trung Quốc bắt đầu thử nghiệm *phát triển đô thị-nông thôn tích hợp* vào năm 2006. Mục đích của các chính sách này bao gồm tạo ra quá trình đô thị hóa hiệu quả và công bằng hơn, mang lại lợi ích cho cả khu vực thành thị và nông thôn bằng cách tạo điều kiện thuận lợi cho sự di chuyển của con người, hàng hóa, vốn và dịch vụ, đồng thời thu hẹp khoảng cách về thu nhập, dịch vụ công, cơ sở hạ tầng và năng suất giữa thành thị và nông thôn. Phối hợp phát triển đô thị-nông thôn nhằm giúp hợp lý hóa việc sử dụng đất vật chất ở các khu vực ven đô - những khu vực phát triển nhanh nhất và năng động nhất trong các thành phố châu Á.

- Châu Âu:



Hình 2. 20: Vùng đệm nông thôn – đô thị của hai thành phố Ý Turin (trái) và Perugia (phải)

Quy hoạch vùng và quy hoạch các thành phố của châu Âu, vùng đệm nông thôn – đô thị được xác định rất rõ ràng, và thường được phân loại kỹ càng dựa trên chức năng và loại hình cảnh quan chủ đạo của chúng, từ đó, để có những cơ chế kiểm soát phát triển tương ứng với đặc thù của khu vực.

thiết và có ý nghĩa quan trọng. Tỉnh Hắc Long Giang là một tỉnh nông nghiệp trọng điểm với tổng cộng 113 trang trại tại 74 quận; chiếm diện tích 56200 km². Các trang trại và thị trấn kết nối với nhau, đặt ra các vấn đề bất cân xứng về tổ chức không gian giữa hai loại hình này. Nguyên nhân gây ra việc phân bố không hợp lý do: Tập quán lạc hậu, các bộ phận ban ngành không hợp tác hiệu quả, quy hoạch không nhất quán, thể chế quản lý song song và chuỗi cộng sinh quá dài. Khắc phục khó khăn này, tỉnh Hắc Long Giang đã xây dựng chiến lược phát triển cộng sinh nông nghiệp và đô thị, trang trại và thị trấn với bốn trụ cột:

(1) Tích hợp các yếu tố cộng sinh cho nông trại và thị trấn; (2) Tối ưu hóa và mở rộng giao diện cộng sinh; (3) Lựa chọn và nâng cấp chế độ cộng sinh; (4) Xây dựng một môi trường cộng sinh tích cực. Tạo nên môi trường cộng sinh tích cực thúc đẩy phối hợp của các trang trại và thị trấn khi chính sách hỗ trợ quyền và lợi ích đảm bảo hỗ trợ tài chính.



Hình 2. 22: Mô hình hệ thống cộng sinh cho một trang trại và một thị trấn

2.3. Cơ sở pháp lý

2.3.1. Các văn bản quy phạm pháp luật

2.3.1.1. Luật và các văn bản dưới luật

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12, ngày 17 tháng 6 năm 2009 quy định các yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị; quy định lập, thẩm định phê duyệt các quy hoạch đô thị, nông thôn.

- Luật quy hoạch số 21/2017/QH14, ngày 24 tháng 11 năm 2017 [15]: quy định các yêu cầu về tích hợp quy hoạch giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống quy hoạch lãnh thổ.

- Luật Thủ đô số 25/2012/QH13, ngày 21 tháng 11 năm 2012 quy định các chính sách xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô [16]; yêu cầu quản lý không gian,

kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị phải tạo lập không gian xanh của Thủ đô; yêu cầu bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các di tích quốc gia đặc biệt, làng nghề truyền thống; yêu cầu quản lý và bảo vệ môi trường theo nguyên tắc phát triển bền vững gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa và lịch sử ở Thủ đô; bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch... sẽ tác động đến nghiên cứu Luận án.

- *Luật Đất đai 2024*, đã được Quốc Hội thông qua, tạo điều kiện sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả hơn để cho ngành nông nghiệp ngày càng phát triển, sẽ tác động tích cực đến cả nền kinh tế và thị trường bất động sản trong quá trình đô thị hóa và phát triển các khu dân cư nông thôn.

- *Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020* đã bổ sung nhiều giải pháp bảo vệ các thành phần môi trường, đặc biệt là môi trường không khí, môi trường nước; thúc đẩy phân loại rác thải tại nguồn; định hướng cách thức quản lý, ứng xử với chất thải, góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam; cụ thể hóa các quy định về ứng phó BĐKH, thúc đẩy phát triển thị trường các-bon trong nước; tạo lập chính sách phát triển các mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, phục hồi và phát triển nguồn vốn tự nhiên.

- *Các nghị định của Chính phủ*: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị; số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 về Quản lý đầu tư phát triển đô thị; số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 về Quản lý cây xanh đô thị.

2.3.1.2. Các tiêu chuẩn, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

- Tiêu chuẩn khu công nghiệp sinh thái: quy định tại Điều 37 Nghị định 35/2022/NĐ-CP quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, cụ thể: (1) Kết cấu hạ tầng phải đúng pháp luật, bảo vệ môi trường, đầy đủ dịch vụ cơ bản, (2) Sản xuất sạch, sử dụng tài nguyên hiệu quả, (3) Có tối thiểu 25% diện tích đất dành cho công trình xanh, (4) Có ít nhất 1 liên kết cộng sinh công nghiệp với ít nhất 10% tổng số doanh nghiệp thành viên tham gia, (5) Có giải pháp đảm bảo nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động, (6) Có cơ chế giám sát, quản lý đầu vào,

đầu ra, hoạt động hiệu quả tài nguyên, phát thải, (7) Thực hiện công bố báo cáo bảo vệ môi trường hàng năm.

- Chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh (Thông tư 01/TT-BXD ngày 5 tháng 1 năm 2018) về đưa ra 24 chỉ tiêu xây dựng và đánh giá đô thị tăng trưởng xanh được chia thành 4 nhóm: kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế. Các chỉ tiêu đã nhấn mạnh tính “xanh” đi kèm cùng tăng trưởng kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội. Các chỉ tiêu được đánh giá liên tục hàng năm, để qua một quá trình thấy rõ tính tăng trưởng, vượt trội trong ưu tiên các vấn đề về môi trường sinh thái đô thị.

2.3.2. Chủ trương, định hướng lớn của quốc gia và thủ đô Hà Nội

a) Các chiến lược, quy hoạch phát triển quốc gia

- *Chiến lược phát triển bền vững*: PTBV là "sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...". Mục tiêu Phát triển Bền vững gồm 17 mục tiêu liên kết với nhau giải quyết những thách thức phát triển lớn mà thế giới đang phải đối mặt; kêu gọi hành động toàn cầu nhằm xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và khí hậu trái đất. PTBV tại Việt Nam bước đầu có chính sách và hành động được nhiều địa phương cả nước thực hiện. Về khía cạnh môi trường, giảm thiểu tác động của con người đến môi trường như: tái chế chất thải vô cơ, rác phân hủy sinh học, nhà máy điện mặt trời, trang trại gió, nông nghiệp sinh thái, du lịch sinh thái; đặt mục tiêu trồng 1 tỷ cây xanh trong giai đoạn 2021-2025. Về khía cạnh kinh tế nhà nước ban hành Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khí thải nhà kính, Luật Tài nguyên nước,... nhằm tạo hành lang pháp lý cho phát triển kinh tế xanh. Về khía cạnh xã hội tạo ra các cơ hội công bằng và tiến bộ cho mọi người dân như: nâng cao học vấn, xóa mù chữ, ổn định dân số và phát triển nông thôn để giảm sức ép di dân vào đô thị, bình đẳng giới và quan tâm tới nhu cầu và lợi ích giới...

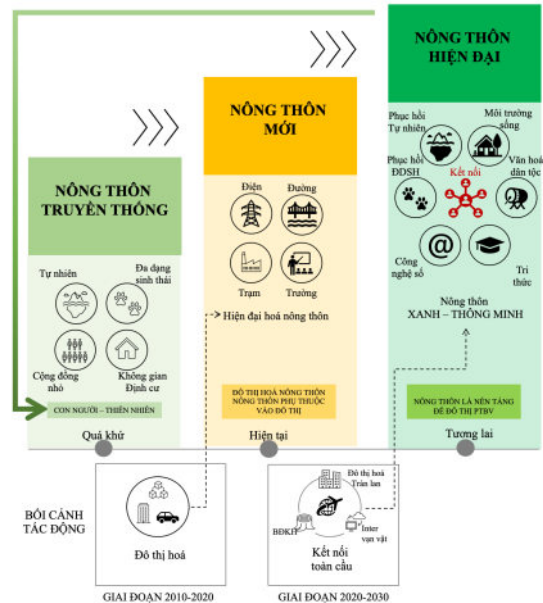
- *Chương trình mục tiêu quốc gia NTM*: CTMTQG -XDNTM là một chương trình tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng triển khai trên phạm vi nông thôn toàn quốc; tập trung giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Giai đoạn 2010 – 2020, kết thúc thời kỳ 10 năm thực hiện CTMTQG -XDNTM, có 50% số xã đạt tiêu chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí quốc gia về NTM. Đến

nay, Nhà nước tiếp tục thực hiện CTMTQG -XDNTM giải đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 263/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 – 2025.

Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 do Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII ban hành, nêu: gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình *đô thị hoá* theo hướng "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh"; mục tiêu tổng quát đến năm 2030 đòi hỏi thích ứng với *BĐKH* và *chuyển đổi số*.

Chuyển đổi mô hình định cư từ nông thôn truyền thống sang nông thôn mới và nông thôn hiện đại tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Hội nghị lần thứ V ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 về Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt ra các yêu cầu mới đối với tổ chức HLX phía Tây Hà Nội.

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH ĐỊNH CƯ NÔNG THÔN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045



Sơ đồ 2. 4: Sơ đồ định hướng xây dựng NTM quốc gia (nguồn tác giả)

- *Quyết định 84/QĐ-Ttg* ngày 19 tháng 1 năm 2018 về Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030; có mục tiêu “thúc đẩy chuyển dịch mô hình tăng trưởng kinh tế đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo phát triển kinh tế khu vực đô thị nhanh, hiệu quả, bền vững, góp phần tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, nâng cao năng lực chống chịu ứng phó biến đổi khí hậu của hệ thống các đô thị, đóng góp cho cam kết quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính” [30].

- *Quyết định 950/QĐ-TTg* ngày 01 tháng 8 năm 2018 về Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Nhằm xây dựng dữ liệu liệu số, ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông (ICT) để quy hoạch, quản lý và tiện ích từ đô thị thông minh.

b) Văn bản pháp lý liên quan đến quy hoạch Thủ đô

- *Nghị quyết số 15-NQ/TW* ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 chỉ rõ mục tiêu phát triển Thủ đô Hà Nội là Thành phố "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại". Nghị quyết 15 là một cơ sở pháp lý và thực tiễn để phát triển bền vững Thủ đô trong đó có vùng HLX phía Tây Hà Nội. HLX Hà Nội là sự pha trộn các hình thái không gian cảnh quan của HLX và vành đai xanh, vận dụng linh hoạt trong bối cảnh phía Tây Hà Nội nơi có rất nhiều làng cổ truyền với hoạt động kinh tế đa dạng.

- *Chương trình số 04-CTr/TU* về đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế, đời sống, vật chất, tinh thần cho nông thôn. Nông thôn Hà Nội thuộc các huyện ngoại thành, một phần được quy hoạch vào ranh giới khu vực phát triển đô thị, còn lại nằm trong HLX.

- *Quy hoạch chung Hà Nội (QĐ 1259)* quy định chức năng HLX bảo tồn và phát triển dựa trên bảo tồn chức năng HLX phía Tây Hà Nội.

- *Quyết định số 700/QĐ-0TTg* ngày 16 tháng 6 năm 2023 về *Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065* trên nguyên tắc kế thừa các định hướng cơ bản của Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; yêu cầu phát triển bền vững về môi trường sinh thái, bảo vệ cấu trúc sinh thái tự nhiên khu vực nông thôn, đảm bảo tính chống chịu và khả năng phục hồi trước những tác động biến đổi.

- *Quyết định số 313/QĐ-TTg* ngày 07 tháng 3 năm 2022 về *Nhiệm vụ lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an sinh xã hội thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, nâng cao mức sống của người dân; bảo vệ môi

trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa của Thủ đô ngàn năm văn hiến.

Tóm lại: Cơ sở pháp lý tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội chủ yếu là mang tính định hướng vĩ mô, chưa có các văn bản quy định hoặc hướng dẫn mang tính quốc tế hoặc quốc gia.

2.4. Các yếu tố tác động đến tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội

2.4.1. Bối cảnh quốc tế, trong nước và liên kết vùng Hà Nội

a) Bối cảnh quốc tế, trong nước

Nghiên cứu tổng quan HLX, VĐX cho thấy vai trò của nó mang tầm vóc quốc gia và ảnh hưởng đến PTBV đô thị lớn trong quá trình đô thị hoá.

- Các yếu tố tác động quốc tế tác động đến các định hướng quy hoạch đô thị, nông thôn là toàn cầu hóa, khu vực hóa và tăng trưởng kinh tế thế giới; phát triển cân bằng, môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu; cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế số hóa; địa chính trị thế giới và khu vực; các sáng kiến hợp tác, kết nối khu vực. Thế kỷ XXI đô thị hóa tiếp tục là xu thế và quy luật tất yếu của thời đại, gắn với phát triển bao trùm với những xu hướng và vai trò mới. Đó đó VĐX, HLX là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo đô thị lớn PTBV.

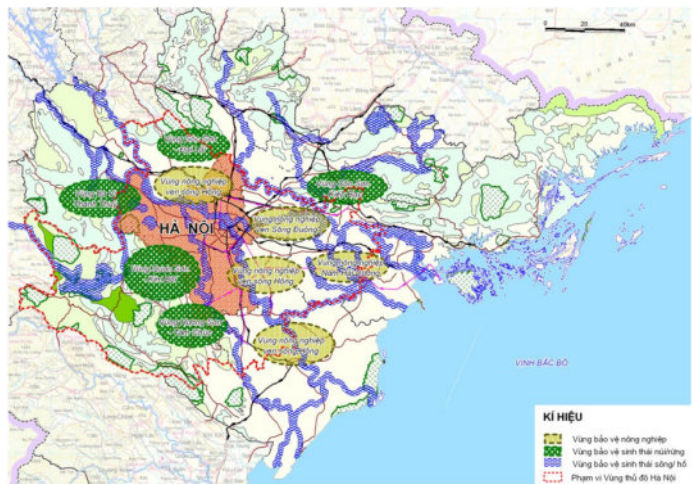
- Các yếu tố tác động trong nước đến các định hướng quy hoạch đô thị, nông thôn là chủ trương cơ cấu lại nền kinh tế; tham gia cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư; phát triển đô thị và nông nghiệp, nông thôn, nông dân; chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp, năng lượng, du lịch quốc gia. Thế kỷ XXI Việt Nam thúc đẩy TTX gắn với phát triển đô thị - nông thôn; đô thị thông minh giải quyết căn bệnh đô thị và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; thời kỳ 2021-2030 phát triển kinh tế đô thị nhanh và bền vững; tiếp tục thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới; nghị quyết 81 Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nếu tỷ lệ đô thị hoá toàn quốc sẽ tăng từ 38% năm 2020 lên >50% năm 2030 và đạt khoảng 70% năm 2050. Đó đó VĐX, HLX là một trong những yếu tố đảm bảo cân bằng giữa đô thị và nông thôn trong quá trình tăng trưởng đô thị hoá và mở rộng đô thị

b) Liên kết vùng và mở rộng đô thị

Các yếu tố tác động đến quy hoạch Hà Nội và HLX phía Tây Hà Nội.

- Liên kết không gian vùng: vùng đô thị Hà Nội phát triển mô hình chùm đô thị đa cực nhằm nâng tầm các đô thị chính, như: đô thị Bắc Ninh, Hải Dương, Hoà Bình, Vĩnh Yên,...) nhằm khai thác thế mạnh kinh tế vùng. Vai trò của HLX Hà Nội không chỉ quan trọng kiểm soát đô thị hoá lan toả cho riêng Hà Nội, mà cần được mở rộng ở cấp độ vùng. HLX có ý nghĩa thúc đẩy quản lý hiệu quả đất đai và tập trung nguồn lực ở các khu vực trọng điểm tăng trưởng kinh tế vùng.

- Liên kết tự nhiên: Hành lang sông Đáy đóng vai trò quan trọng kết nối sinh thái vùng phía Tây Hà Nội với vùng đồng bằng thấp trũng Nam ĐBSH, nơi chứa đựng chuỗi di sản dày đặc; cần bằng sinh thái với vùng phía Bắc ĐBSH.



Hình 2. 23: Sơ đồ liên kết và bảo vệ các vùng tự nhiên

2.4.2. Tác động của đô thị hoá

Nghiên cứu mối quan hệ giữa đô thị hoá và HLX, theo John Sturzaker and Ian Mell [53] có hai nhóm tác động chính. Nhóm thứ nhất: tác động đến sự phát triển đô thị mở rộng là vấn đề đô thị hoá lan toả, ngăn chặn vật lý và các chức năng nhảy cóc và hình thái đô thị; Nhóm thứ hai: HLX bền vững hay không bền vững là các tác động môi trường, xã hội, kinh tế, giá đất và nhà ở BĐS. Khu vực phía Tây Hà Nội luôn chịu áp lực đô thị hoá, đặc biệt là các khu vực từ đường vành đai 4 đến đê sông Đáy, khu vực dọc hành lang quốc lộ 1 và khu vực đất đai dọc tuyến đường hướng tâm về đô thị trung tâm. Khu vực xung quanh các dự án BĐS. Cuối cùng là các làng có mật độ xây dựng cao, có nghề TTCN phát triển mạnh, có hình thái không gian liên kết thành cụm làng, chuỗi làng quy mô lớn có tiềm năng đô thị hoá tự thân cao. Ranh giới HLX phía Tây vẫn đề cần chú trọng trong tổ chức không gian.

2.4.3. Yếu tố tác động đến sự biến đổi hình thái hành lang xanh

Yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó yếu tố môi trường và xã hội phản ánh bản chất HLX, yếu tố kinh tế cần được chuyển đổi tương thích với HLX. Hình thái HLX là bức tranh phản ánh hình thái kinh tế-xã hội, môi trường của HLX và tính đặc trưng không gian hỗn hợp, cộng sinh đô thị-nông thôn.

2.4.3.1. Điều kiện tự nhiên, môi trường

Các yếu tố tự nhiên (khí hậu, địa hình, cảnh quan, mặt nước cây xanh...) có vai trò quyết định trong việc hình thành nên hình thái không gian HLX. Cách can thiệp và khai thác điều kiện tự nhiên để tạo lập cấu trúc theo hướng cân bằng sinh thái là điều kiện quan trọng nhất. Tác động của BĐKH, ô nhiễm môi trường là vấn đề được thu hút sự quan tâm đặc biệt trên quy mô toàn cầu. Do đó HLX với điều kiện tự nhiên thể hiện chủ yếu trong lựa chọn các thành phần bảo tồn và mô hình phát triển, mối quan hệ giữa không gian trồng và không gian xây dựng để bảo PTBV của HLX. Tuy nhiên sự thay đổi của các điều kiện tự nhiên, môi trường có thể làm biến đổi hình thái không gian các thành phần của HLX.

2.4.3.2. Điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá

Quá trình biến đổi kinh tế - xã hội – văn hoá là yếu tố nền tảng tác động đến nghiên cứu tổ chức không gian HLX nhìn từ khía cạnh tổ chức lãnh thổ. Các đường vành đai vùng thủ đô Hà Nội cho thấy không gian đô thị đang mở về phía Đông, tạo ra cơ hội cho vùng phía Tây phát triển kinh tế sinh thái. Tuy nhiên cơ hội này sẽ bị phá huỷ nếu phát triển ồ ạt hoặc tự phát những lĩnh vực kinh tế phi sinh thái. Cơ hội này cũng có thể trở nên tiêu cực về xã hội và văn hoá bản địa nếu đô thị hoá lấn sang vùng phía Tây dưới 3 hình thức: (1) ảnh hưởng trực tiếp của đô thị trung tâm, sự bùng nổ đô thị từ tâm; (2) ảnh hưởng gián tiếp của đô thị trung tâm, sự xuất hiện lối sống đô thị phòng ngủ; (3) đô thị hoá tại chỗ do dân số tăng với sinh kế không có nền tảng sinh thái. Cả 3 điều này đều có chung một nguồn gốc: nền kinh tế sinh thái của vùng phía Tây không đủ lớn mạnh để trở thành nguồn động lực nội tại, mà vùng này tiếp tục bị xô đẩy theo các động lực ngoại tại, tức là bị khối trung tâm chi phối. Có thể dùng chính sách để xoay chuyển tình huống này. Và chỉ có chính sách mới là công

cụ hữu hiệu để tránh cho vùng này thoát khỏi tương lai trở thành vùng nửa xanh nửa xám.



Hình 2. 24: Các đường vành đai vùng Thủ đô Hà Nội

2.4.3.2. Chính trị

Yếu tố thể chế chính trị và hành chính ảnh hưởng lớn đến sự thành công hay thất bại của HLX trên thế giới. Yếu tố chính trị được cụ thể hoá bằng đường lối, chính sách và chiến lược quản lý thông qua hệ thống luật pháp điều tiết các hoạt động của đô thị. Như phân tích nêu trên, tầm quan trọng của chính sách phát triển kinh tế sinh thái là lĩnh vực yếu, không phát triển tự phát mà cần sự hỗ trợ của chính sách, bao gồm các chính sách: hạn chế đô thị hoá, hạn chế công nghiệp hoá với các hệ thống ngành nghề phi sinh thái; có định hướng phát triển kinh tế sinh thái, khuyến khích các ngành kinh tế sinh thái, tạo dựng các mô hình hệ thống kinh tế sinh thái, tạo dựng các mô hình định cư – sản xuất sinh thái, hỗ trợ tài chính để phát triển các mô hình kinh tế sinh thái. Hiện nay Hà Nội đã định hướng tuy chưa rõ ràng để phát triển kinh tế sinh thái ở vùng nông thôn ngoại vi. Mô hình chuỗi kinh tế sinh thái có thể phát triển ở khu vực phía Tây là: du lịch sinh thái, nông nghiệp sinh thái, công nghiệp sinh thái, định cư sinh thái. Áp dụng ở các quy mô: vùng huyện/liên huyện, xã/liên xã, khu/cụm dân cư, hộ/nhóm hộ.

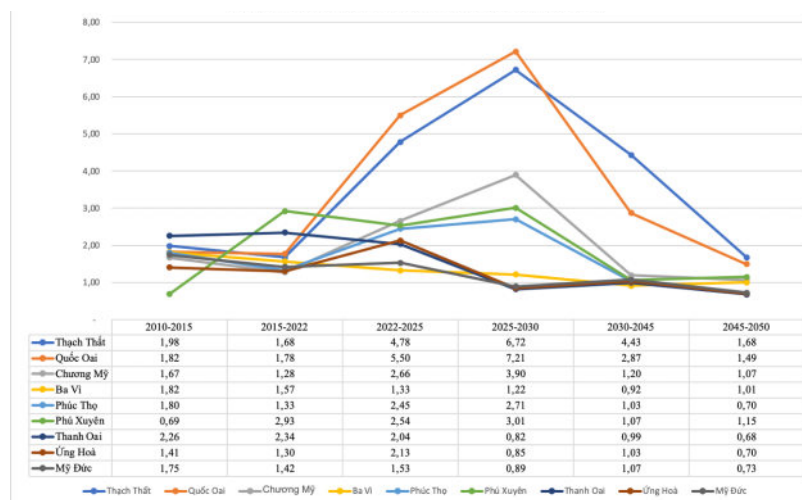
2.4.4. Nhu cầu phát triển mới và dự báo phát triển

a) Nhu cầu phát triển mới

a) Những định hướng quy hoạch Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. Quan điểm phát triển Hà nội là khơi dậy khát vọng phát triển Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, ngang tầm với thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. So với QĐ 1259, lần điều chỉnh quy hoạch lần này tiếp tục đề xuất phát triển Hành lang xanh; kết hợp với xây dựng nông thôn gắn với bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di tích lịch sử, giá trị đặc trưng khu vực nông thôn gắn với hành lang xanh, hài hòa cảnh quan tự nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu; quy hoạch chỉnh trang, bảo tồn các làng cổ, làng nghề có giá trị, đồng thời hoàn chỉnh các cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đảm bảo các tiêu chí nông thôn mới; tập trung quy hoạch xây dựng nâng cao chất lượng các xã nông thôn nằm ngoài đê theo quy hoạch phòng chống lũ và đê điều; có biện pháp di dời các khu dân cư ngoài bãi sông để đảm bảo an toàn theo quy hoạch phòng chống lũ và đê điều.

b) Dự báo dân số đất đai

- Về dân số: (nguồn VIUP) dự báo tăng trưởng dân số không đồng đều ở các huyện phía Tây Hà Nội, do mức độ ảnh hưởng đô thị hoá khác nhau. Thạch Thất và Quốc Oai là hai huyện có mức tăng trưởng dân số cao nhất do hình thành đô thị Hoà Lạc và thị trấn sinh thái Quốc Oai.



Sơ đồ 2. 5: Biểu đồ tốc độ tăng trưởng dân số huyện (%)

Tiếp theo là huyện Chương Mỹ do có đô thị vệ tinh Xuân Mai và thị trấn sinh thái Chương Mỹ. Dân số và mật độ dân số không ngừng tăng thêm trong các giai đoạn đến năm 2030, 2045 và tầm nhìn đến năm 2065. Tăng trưởng dân số và phân bố dân số tăng thêm vào trong các đô thị vệ tinh và thị trấn sinh thái.

- Về đất đai: nhu cầu đất đai cho các chức năng phát triển trong HLX gồm có 3 nhóm đối tượng là (1) đất phát triển khu dân cư nông thôn hiện hữu đến năm 2030 bằng 5% x tổng diện tích xây dựng khu dân cư hiện hữu, bao gồm các hạ tầng thiết yếu; (2) đất mở rộng các cụm TTCN, (3) Các hạ tầng khác. Dự báo nhu cầu đất đai (nguồn VIUP), tổng đất xây dựng HLX phía Tây Hà Nội tăng từ 28% lên 30% tức là tăng thêm khoảng 2%, tỷ lệ tăng này không đồng đều giữa các huyện. Nhu cầu đất xây dựng tác động đến tổ chức không gian HLX. So với VĐX UK và VĐX Hàn Quốc thì HLX Hà Nội có tỷ trọng đất xây dựng lớn hơn nhiều lần.

- Khả năng phát triển lan toả: khả năng các điểm dân cư nông thôn phát triển lan toả rất lớn; một số khu vực có tiềm năng hình thành các cực tăng trưởng nông thôn. Các dạng thực khu vực xây dựng có xu hướng lan toả, gồm: (1) mở rộng ranh giới làng về các phía, (2) hướng về phía các khu TTCN hoặc đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái; (3) bám dọc theo các trục đường liên huyện và liên thôn.

c) Xu hướng hình thành các chức năng mới trong hành lang xanh

Vùng nông thôn ngoại vi thường là vùng hậu phương của đô thị trung tâm, phát triển nông nghiệp, cản trở bùng nổ đô thị, bảo tồn thiên nhiên, điều hoà khí hậu, hạn chế tác động thiên tai, cân bằng vật chất, năng lượng, phát thải; lưu truyền giá trị văn hoá bản địa. Phát triển kinh tế sinh thái là chìa khoá duy nhất để HLX hoàn thành chức năng của nó.

Vùng hậu phương (hinter land): Mỗi dịch vụ tại đô thị đòi hỏi có một nền tảng hậu phương ở ngoài đô thị Đại diện tiền phương ở đô thị có quy mô nhỏ hơn hậu phương của nó nhiều lần. Nếu vùng ngoại vi gần không thể cung cấp đủ cho các nhu cầu này, sẽ cần các hậu phương xa hơn làm thay vai trò này, dẫn đến giá vận tải tăng, và giá hàng hoá tăng theo. Nếu đô thị huỷ hoại hậu phương gần của nó, nền kinh tế đô thị sẽ tăng dần tính chất “ăn hại”, dấu chân sinh thái của đô thị sẽ vươn ngày càng xa hơn. Nếu đô thị biết kiềm chế sự bùng nổ của mình, điều đó không chỉ có nghĩa là

cần giảm thiểu bùng nổ ranh giới xây dựng, mà còn cần xác lập vùng hậu phương bền vững. Điều này cần có tầm nhìn và chính sách lớn, chứ không thể để thị trường tự điều tiết. Nhiều bằng chứng cho thấy công nghiệp hóa không phải là con đường duy nhất của phát triển, mà hiện đại hóa nông nghiệp có thể đưa đến hiệu quả bền vững hơn. Tuy nhiên, nếu để phát triển tự phát theo thị trường, đất hậu phương sẽ bị tàn phá trước khi có đủ khả năng hiện đại hóa nông nghiệp. Có nghĩa là cần bảo vệ đất nông nghiệp, bảo hộ nông dân trước khi quá muộn.

Xác lập vùng hậu phương bền vững chưa thể tính toán cần bao nhiêu đất để cung cấp cho 8,5 triệu người. Tuy nhiên, có thể xác định được xu hướng hình thành các chức năng mới bền vững trong HLX từ khía cạnh kinh tế, văn hoá - xã hội, môi trường và hạ tầng.

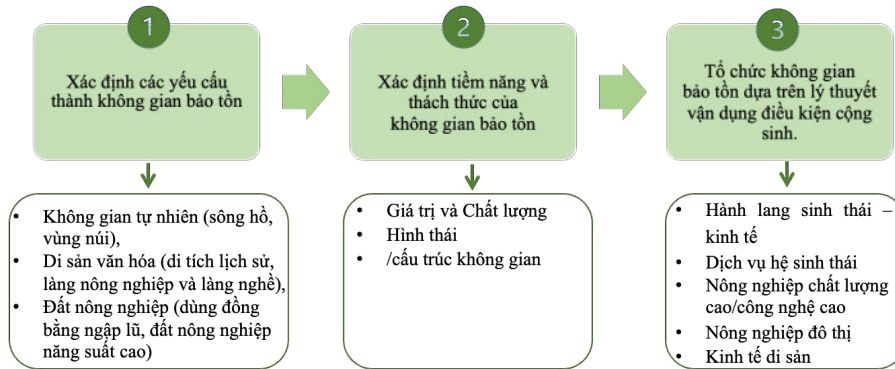
Bảng 2. 1: Xu hướng hình thành các chức năng mới trong HLX từ các khía cạnh kinh tế, văn hoá - xã hội, môi trường và hạ tầng.

Chức năng	kinh tế	văn hoá - xã hội	môi trường	hạ tầng
KGX tự nhiên	Dịch vụ du lịch sinh thái	Công viên giải trí, TDTT, Golf	Hành lang bảo tồn liên khu vực	Hạ tầng xanh
KGX nông nghiệp	Trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	Phục hồi vùng nông sản đặc sản địa phương	Công viên nông nghiệp đô thị	Tuyến đường danh cho giao thông xanh; Hạ tầng đô thị
Không gian xây dựng	Hạ tầng thương mại, dịch vụ, TTCN	Hạ tầng phục vụ an sinh xã hội, nhà ở giãn dân và tái định cư	Công viên và vườn hoa; Quảng trường	Hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn

2.5. Yêu cầu và điều kiện tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội

2.5.1. Yêu cầu và điều kiện bảo tồn không gian xanh phía Tây Hà Nội

Theo (QH 1259), HLX bảo tồn không gian tự nhiên (sông hồ, vùng núi), di sản văn hóa (di tích lịch sử, làng nông nghiệp và làng nghề), đất nông nghiệp (dùng đồng bằng ngập lũ, đất nông nghiệp năng suất cao).

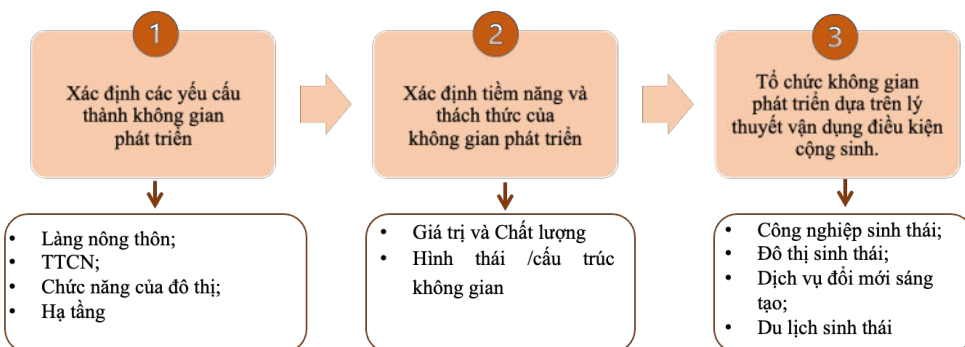


Sơ đồ 2. 6: Yêu cầu và điều kiện bảo tồn không gian xanh phía Tây Hà Nội

Theo lý luận tại mục 2.1.2.2. Lý luận về tổ chức không gian đô thị và HLX đô thị, yêu cầu bảo tồn trong tổ chức không gian HLX là: (1) Xác định các yếu tố thành không gian bảo tồn, gồm các đặc trưng tự nhiên, di sản, lối sống nông nghiệp-nông thôn; (2) Xác định tiềm năng và thách thức của không gian bảo tồn; (3) Tổ chức không gian bảo tồn dựa trên lý thuyết vận dụng điều kiện cộng sinh. (phụ lục 6)

2.5.2. Yêu cầu và điều kiện phát triển trong hành lang xanh phía Tây Hà Nội

Theo (QH 1259), HLX phát triển không gian làng nghề - điểm công nghiệp, khu vực có đặc trưng đô thị và không gian hỗn hợp (mix).



Sơ đồ 2. 7: Yêu cầu và điều kiện phát triển trong hành lang xanh phía Tây Hà Nội

Theo lý luận tại mục 2.1.2.2. Lý luận về tổ chức không gian đô thị và HLX đô thị, yêu cầu phát triển trong tổ chức không gian HLX là: (1) Xác định các yếu tố

thành không gian phát triển; (2) Xác định tiềm năng và thách thức của không gian phát triển; (3) Tổ chức không gian phát triển dựa trên lý thuyết vận dụng điều kiện cộng sinh. (phụ lục 7).

2.5.3. Yêu cầu và điều kiện về chuyển đổi mô hình phát triển

Chuyển đổi mô hình phát triển của HLX là vấn đề lớn mang tính liên ngành, đòi hỏi nắm bắt được nguồn gốc của không gian hỗn hợp (mix) của HLX; sự chuyển đổi của nó do tác động của công nghiệp hoá và đô thị hoá; các yêu cầu tổ chức hình thái không gian hỗn hợp để khắc phục những vấn đề bất cập và phát huy tiềm năng của nó; các yêu cầu chuyển đổi mô hình không gian hỗn hợp (mix) (phụ lục 8)

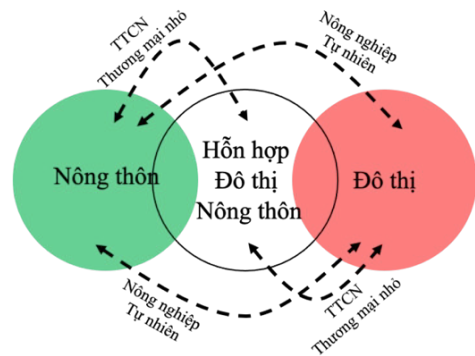
a) Điều kiện tích tụ không gian hỗn hợp của HLX

- Không gian hỗn hợp trong hình thái tổ chức không gian truyền thống xuất hiện những dấu hiệu từ rất sớm trong lịch sử Việt Nam bắt nguồn từ các mối quan hệ kinh tế - xã hội giữa làng và thành thị được phân tích ở chương I.

Từ mối quan hệ giữa làng, cụ thể là các làng nghề, với thị trường là thành thị, đã hình thành nên liên kết chuỗi giá trị: Sản xuất (nông thôn) → tiếp cận thị trường → chuyên giao sản phẩm → tiêu dùng (thành thị), được khái quát thông qua bảng như sau:

- Sự chuyển đổi không gian hỗn hợp do tác động của CNH và ĐTH:

Quá trình công nghiệp hóa trên thế giới gắn liền với các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật. Cùng với công nghiệp hóa, đô thị hóa (urbanization)



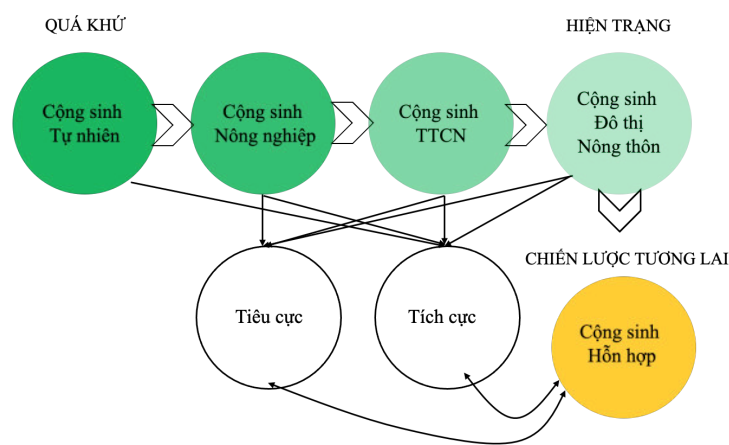
Sơ đồ 2. 8: Không gian hỗn hợp và mối quan hệ cộng sinh đô thị – nông thôn



Sơ đồ 2. 9: Không gian hỗn hợp và mối quan hệ cộng sinh đô thị – nông thôn do tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa

được xem như một khía cạnh quan trọng của sự vận động đi lên của xã hội. Ở Việt Nam, công nghiệp hóa chính thức bắt đầu từ năm 1976. Khởi đầu Đổi mới (1986) đã gợi ý một quá trình công nghiệp hóa. Đến đầu những năm 1990, công nghiệp hóa chính thức phát triển trong nhiều khu vực và trên nhiều bàn của cả nước.

- Sự chuyển hoá hình thái tổ chức không gian hỗn hợp: về lý thuyết, không gian hỗn hợp (mix) có nhiều mục đích sử dụng (dân cư, thương mại, văn hóa, thể chế hoặc giải trí) vào một không gian, trong đó các chức năng đó ở một mức độ nào đó về mặt vật lý và tích hợp chức năng, và điều đó cung cấp kết nối cho người dân.



Sơ đồ 2. 10: Sự chuyển đổi không gian hỗn hợp và quan hệ cộng sinh vùng nông thôn ven thành phố lớn ở Việt Nam

Ở Việt Nam, mặc dù không gian hỗn hợp (mix) mang tính chất tự phát này đáp ứng hiệu quả cho nhu cầu sản xuất và thương mại, nhưng không tránh khỏi kéo theo nhiều bất cập, như: (1) Khung tự nhiên bị thu hẹp và ô nhiễm; (2) Nông thôn và nông nghiệp bị xâm lấn; (3) Công nghiệp – làng nghề song song với công nghiệp hóa ở nông thôn; (4) Đô thị hóa gây hình thành làng – phố thị hóa và các khu đô thị mới theo mô hình làng nghề → khu công nghiệp theo hộ sản xuất → phố thương mại.

b) Yêu cầu chuyển đổi không gian hỗn hợp thời kỳ hậu COVID:

Sự bình thường mới hậu COVID nhiều khả năng sẽ đặt ra các yêu cầu mới, đòi hỏi các thành phố phải xanh hơn, với lối sống bền vững hơn vì đại dịch khiến cho nhu cầu về môi trường xanh và không khí sạch trở nên cấp thiết hơn. Đối với khu vực nông thôn đòi hỏi tiếp cận nhiều hơn với các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp; công nghệ số giúp làng thúc đẩy thương mại địa phương, dịch vụ nghỉ dưỡng theo hướng sinh thái, lao động thâm dụng tri thức.



Sơ đồ 2. 11: Các tác động chi phối không gian hỗn hợp và mối quan hệ cộng sinh đô thị – nông thôn thời kỳ hậu COVID

Khái niệm về khả năng phục hồi, đặc biệt phục hồi lãnh thổ cần phải đặc biệt chú trọng trong công tác quy hoạch. Các đô thị, nông thôn cần phải lựa chọn mô hình phát triển phù hợp theo hướng bền vững, thông minh và có khả năng chống chịu với thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm bất bình đẳng xã hội, tái tổ chức không gian đô thị theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững, chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế khu vực đô thị, thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh, bền vững và bao trùm và đặc biệt tăng cường tính liên kết và hỗ trợ giữa các đô thị trong mạng lưới đô thị vùng và đô thị quốc gia.

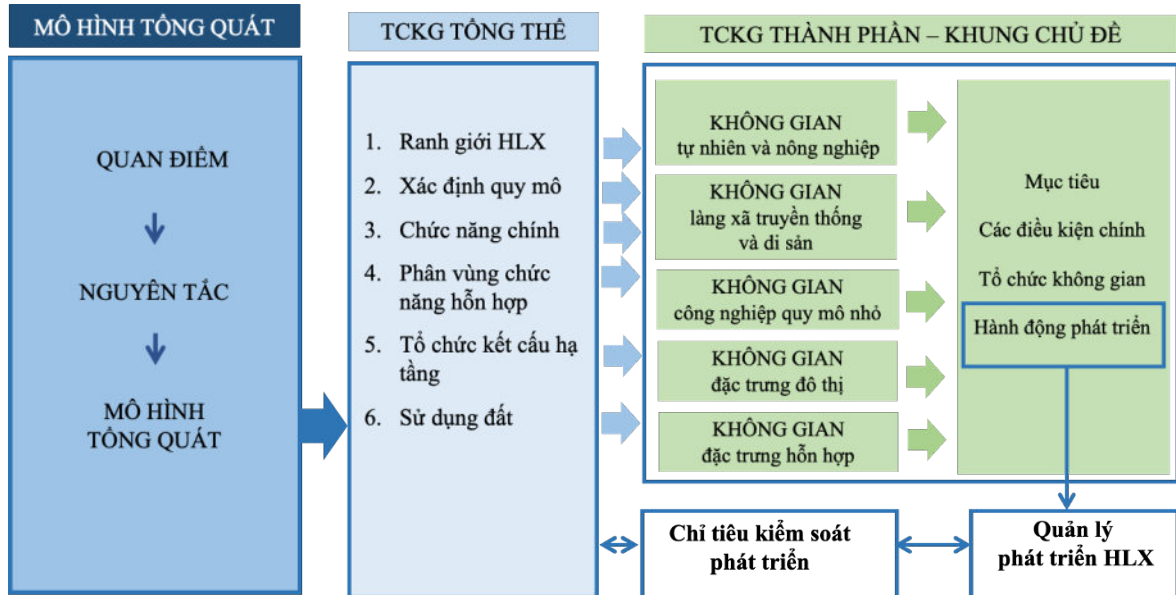
Bảng 2. 2: Chuyển đổi mô hình tổ chức không gian hỗn hợp trong HLX phía Tây Hà Nội

	Khung chủ đề địa lý tự nhiên, nông nghiệp	Khung chủ đề di sản và làng nông nghiệp, nông thôn	Khung chủ đề làng nghề - TTCN quy mô nhỏ	Khung chủ đề cảnh quan đô thị	Khung chủ đề hỗn hợp
1- Chuyển đổi xanh					
2- Chuyển đổi số					
3- Tăng trưởng thông minh					
4- Khả năng phục hồi khủng hoảng					
5- Kết nối xã hội và lãnh thổ					
CHỈ TIÊU	Tỷ lệ % tối thiểu đất rừng & đất NN Tỷ lệ KGX tối thiểu làng	MDDS tối đa Ngưỡng dân số tối đa MDXD tối đa	Tỷ lệ % hộ gia đình Chuyển đổi số, ĐMST Ngưỡng nước thải & CTR tối đa	Tỷ lệ đất phi nông nghiệp tối đa Mức độ hiện đại hoá cơ sở hạ tầng	Tỷ lệ % xã/thôn chuyển đổi Mô hình phát triển Khả năng tiếp cận dân cư Đô thị đến HLX

Thời kỳ hậu COVID, làng nông thôn HLX phía Tây Hà Nội dễ bị tổn thương ở nhiều chiều cạnh kinh tế - xã hội – môi trường trước các tác động của đô thị hoá, BĐKH, kinh tế số. Sự hoàn chỉnh hình thái tổ chức không gian hỗn hợp (mix) theo hướng quy hoạch tích hợp nhằm tìm ra giải pháp khả năng phục hồi lãnh thổ dựa trên các trụ cột: chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, tăng trưởng bền vững & thông minh, khả năng phục hồi khủng hoảng, gắn kết xã hội và lãnh thổ.

2.5.4. Yêu cầu về tổ chức không gian hành lang xanh

HLX phía Tây Hà Nội nằm trên địa bàn nhiều huyện nông thôn, tổ chức không gian HLX theo hệ thống quy hoạch địa phương, gồm: quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch huyện và quy hoạch xã. Dựa trên cơ sở hồ sơ quy hoạch (QĐ 1259), đánh giá hiện trạng và phân tích SWOT (chương I) và phương pháp chồng lớp bản đồ, các yêu cầu tổ chức không gian HLX theo quy hoạch gồm: (1) vị trí, ranh giới; (2) quy mô, giới hạn phát triển; (3) tính chất, chức năng theo hoạt động khuyến khích phát triển kinh tế, xã hội; (4) hình thái không gian theo phương pháp tiếp cận Lớp không gian của Hà Lan.



Sơ đồ 2.12: Yêu cầu tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội sử dụng trong Luận án

Chương 3: GIẢI PHÁP TỔ CHỨC KHÔNG GIAN HÀNH LANG XANH PHÍA TÂY HÀ NỘI

3.1. Quan điểm, nguyên tắc

3.1.1. Quan điểm

HLX phía Tây Hà Nội là khu vực nông thôn nằm trong bán kính ảnh hưởng 30-60 km của đô thị lớn. Chúng hội tụ đầy đủ các giá trị về lịch sử, văn hoá, cảnh quan, liên kết đô thị-nông thôn; vừa đảm nhận chức năng hạn chế kiểm soát sự mở rộng lan toả đô thị trung tâm Hà Nội. Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội theo hướng tích hợp đảm bảo PTBV là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đô thị hoá, công nghệ số và BĐKH được thực hiện trên quan điểm sau:

- Quan điểm thứ nhất: Tích hợp đa chức năng.

HLX phía Tây Hà Nội trong cấu trúc đô thị Hà Nội đảm bảo chức năng là HLX “phân cách” không để hệ thống chùm đô thị phát triển lan toả dính liền nhau.

HLX phía Tây Hà Nội đảm bảo chức năng là vùng nông thôn ngoại vi thành phố lớn, khác biệt với vùng nông thôn thông thường, bởi đây là vùng lãnh thổ luôn vận động và không ngừng biến đổi, phát triển tiếp nối theo thời gian. Do đó HLX phải là HLX linh hoạt phát triển hỗn hợp, đa chức năng bao gồm: rừng và mặt nước tự nhiên, di sản văn hoá, khu nông nghiệp, khu vực du lịch - vui chơi giải trí, khu sản xuất làng mật độ thấp.v.v... theo mô hình “tăng trưởng - thông minh – bền vững”;

HLX phía Tây Hà Nội được quản trị tích hợp đa chức năng; vừa bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hoá, cảnh quan khu vực nông thôn; vừa tạo động lực và tăng trưởng mới phát triển khu vực nông thôn trong mối quan hệ với đô thị trung tâm Hà Nội và các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái.

- Quan điểm thứ hai - Bảo tồn không gian trong HLX không phải kiểm soát kìm hãm sự phát triển, mà cần phát huy các tiềm năng nổi trội về lịch sử, văn hoá, hệ sinh thái của khu vực nông thôn để chúng tạo nên những giá trị mới về cảnh quan tự nhiên và văn hoá xứ Đoài. Cần tiếp cận mới yêu cầu bảo tồn dựa trên nền kinh tế sinh thái và kinh tế di sản.

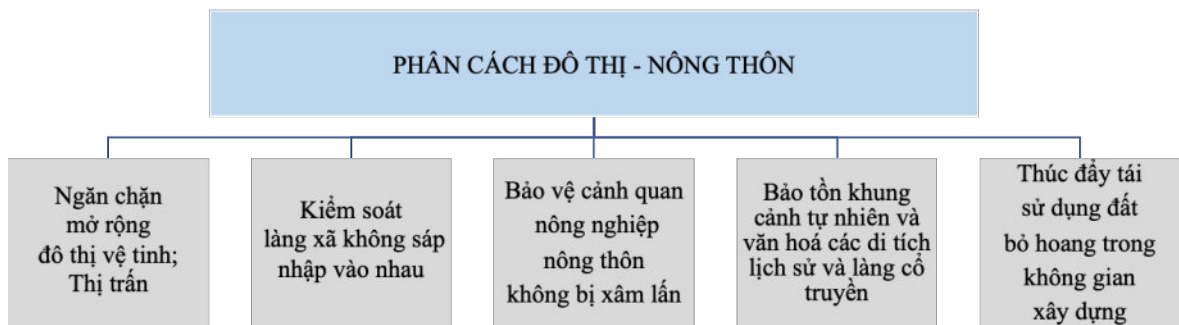
- Quan điểm thứ ba: Phát triển hoạt động mới trong HLX là tiền đề để bảo vệ và phát huy các giá trị đặc trưng của điểm dân cư nông thôn trong HLX phía Tây Hà

Nội. Phát triển bền vững các không gian kinh tế làng, sản xuất, nông nghiệp trong mối quan hệ cộng sinh với đô thị hoá. *Phát triển cân bằng dựa trên bảo tồn* thông qua các giải pháp tổ chức không gian hỗn hợp được liên kết cộng sinh, đảm bảo khu vực nông thôn trong HLX phía Tây Hà Nội có khả năng tự phục hồi trong bối cảnh đô thị hoá, BDKH và công nghệ số.

3.1.2. Nguyên tắc

Đáp ứng chức năng HLX trong cấu trúc đô thị Hà Nội là “phân cách” không để hệ thống chòm đô thị phát triển lan toả dính liền nhau và là vùng nông thôn ngoại vi “tăng trưởng - thông minh – bền vững”. Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội có 2 nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1: Hành lang xanh phân cách



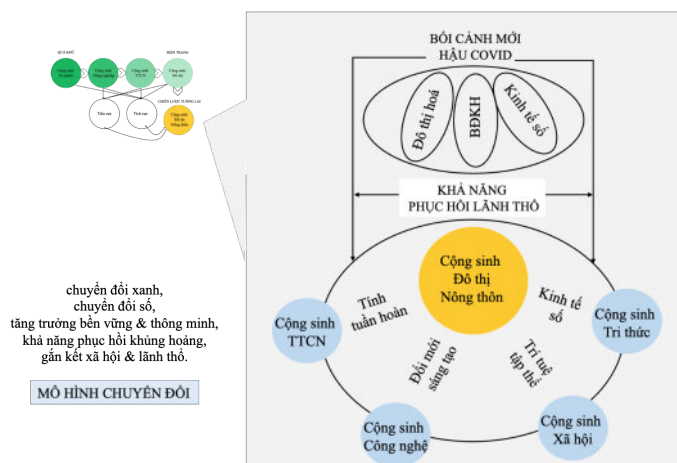
Sơ đồ 3. 1: Nguyên tắc HLX phân cách ngăn chặn đô thị hoá lan toả

HLX phân cách: tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội được tiếp cận theo kinh nghiệm của VDX UK, nhằm: (1) Ngăn chặn sự mở rộng tự phát, các phát triển mang tính tiêu cực của đô thị, làng, các khu TTCN và chức năng khác; (2) Kiểm soát không gian xây dựng các làng sáp nhập vào nhau; (3) Bảo vệ cảnh quan văn hoá nông nghiệp, nông thôn; (4) Bảo tồn môi trường cảnh quan các khu định cư lịch sử, các di sản văn hoá có giá trị; (5) Thúc đẩy sử dụng đất hiệu quả, tái thiết các khu vực xây dựng và tái sử dụng đất bỏ hoang.

Nguyên tắc 2: Tăng trưởng - thông minh – bền vững

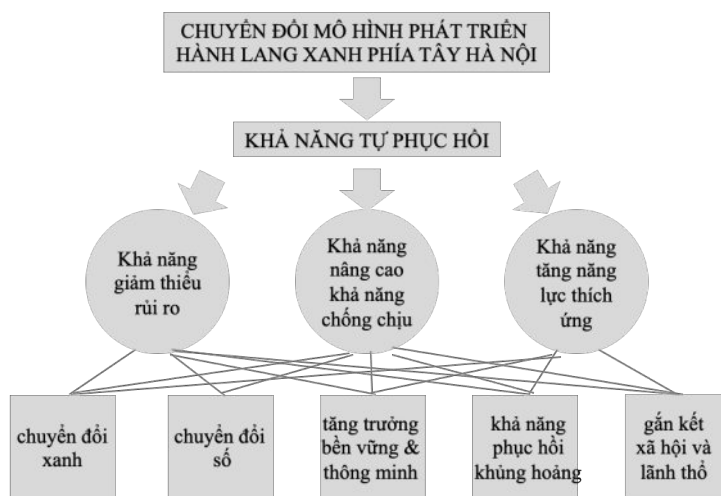
HLX phía Tây Hà Nội tăng trưởng - thông minh – bền vững được tiếp cận theo hướng tích hợp đa ngành về các lĩnh vực kinh tế, văn hoá – xã hội, môi trường, quản trị và tổ chức không gian.

Các phân tích tại Chương II, HLX phía Tây Hà Nội dễ bị tổn thương ở nhiều chiều cạnh kinh tế - xã hội – môi trường dưới tác động của đô thị hoá, BĐKH, kinh tế số. Khả năng tự phục hồi lãnh thổ theo phương pháp tiếp cận liên ngành, nhằm tìm ra giải pháp chuyển đổi hệ thống sinh thái-xã hội-công nghệ cho không gian hỗn hợp của HLX phía Tây Hà Nội. Các mối quan hệ cộng sinh đô thị, nông thôn dựa trên các trụ cột: chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, tăng trưởng bền vững & thông minh, khả năng phục hồi khủng hoảng, gắn kết xã hội và lãnh thổ.



Sơ đồ 3. 2: Mô hình tăng trưởng - thông minh – bền vững HLX phía Tây Hà Nội dựa trên lý luận khả năng tự phục hồi lãnh thổ

Dựa trên những nguyên tắc cơ bản “khả năng tự phục hồi” là giảm thiểu rủi ro, nâng cao khả năng chống chịu, tăng năng lực thích ứng. Đề xuất nguyên tắc khả năng tự phục hồi HLX phía Tây Hà Nội, đảm bảo cho HLX tăng trưởng - thông minh – bền vững:



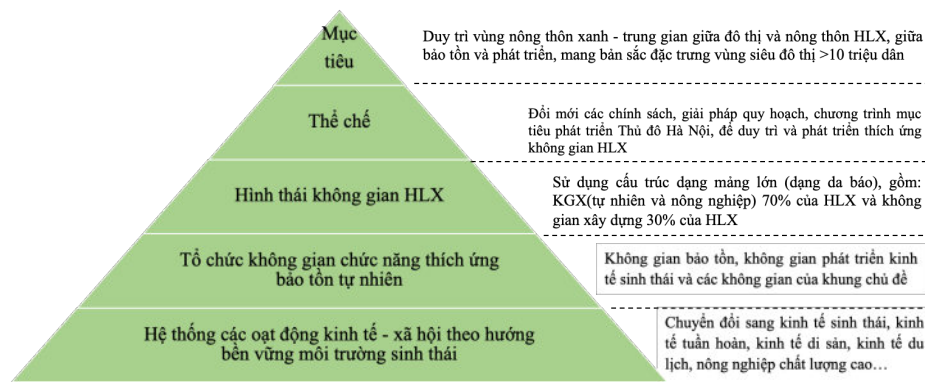
Sơ đồ 3. 3: Nguyên tắc khả năng tự phục hồi HLX phía Tây Hà Nội

3.2. Mô hình tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội

3.2.1. Mô hình tổng quát

Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội dựa trên thiết lập mô hình tổng quát, với mục tiêu chính duy trì vùng nông thôn xanh làm trung gian giữa đô thị và nông thôn, hài hoà giữa bảo tồn và phát triển của vùng ven một siêu đô thị. Mô hình tổng quát gồm các vấn đề cốt lõi như một điều kiện biên trong phát triển, như sau:

a) Mục tiêu: HLX Hà Nội trong quy hoạch, phát triển đô thị Hà Nội có ý nghĩa trung gian giữa đô thị và nông thôn, giữa bảo tồn và phát triển, mang bản sắc đặc trưng vùng ven đô thị lớn Đông Nam Á. HLX phía Tây Hà Nội là quá trình tiếp nối lịch sử từ vùng văn hoá “Xứ Đoài” mang dấu ấn cảnh quan nông thôn hoang sơ “Hà Tây quê lụa”, đến thời đại của toàn cầu hoá mà ở đó nhu cầu của cộng đồng mong muốn gìn giữ Nông thôn Xanh trong lòng Thủ đô “Văn Hiến-Văn Minh-Hiện Đại”.

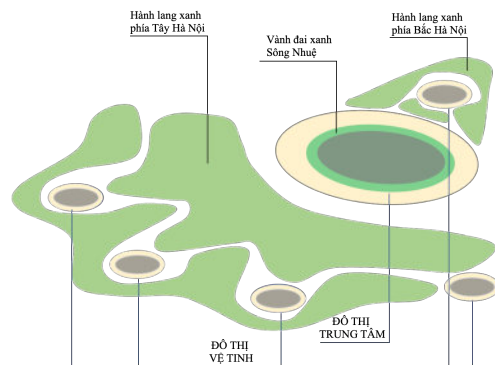


Hình 3. 1: Mô hình tổng quát tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội

b) Thể chế: đổi mới các chính sách, giải pháp quy hoạch, chương trình mục tiêu phát triển Thủ đô Hà Nội, để duy trì và phát triển thích ứng không gian HLX.

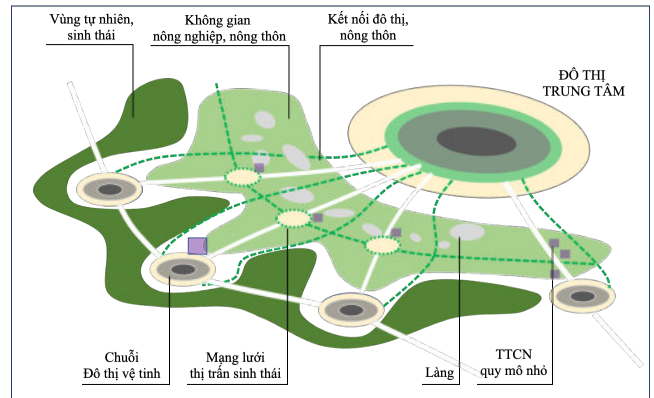
c) Hình thái không gian: HLX

Hà Nội có cấu trúc dạng mảng lớn, thiết lập nên vùng kinh tế - sinh thái bao bọc các đô thị vệ tinh ở phía Tây và tạo nên thể cân bằng sinh thái với đô thị trung tâm đang có xu hướng lệch về phía Đông.



Hình 3. 2: Cấu trúc không gian HLX trong đô thị Hà Nội, có dạng mảng tạo nên vùng kinh tế - sinh thái phía Tây

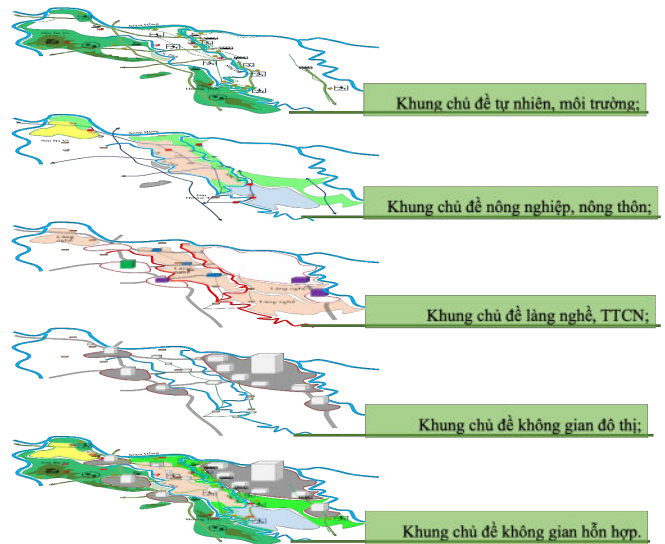
HLX phía Tây Hà Nội có hình thái không gian dạng da báo; các không gian chức năng gồm: KGX (rừng, mặt nước, nông nghiệp) chiếm 70% HLX đan xen với di sản, làng, TTCN, đô thị tạo nên các dạng không gian hỗn hợp bên trong là những hoạt động kinh tế - xã hội sôi động không ngừng phát triển, mang đậm nét văn hoá bản địa.



Hình 3. 3: HLX phía Tây Hà Nội có hình thái không gian dạng da báo, các chức năng đan xen tạo nên không gian hỗn hợp

d) Tổ chức không gian chức năng thích ứng bảo tồn tự nhiên: HLX ngoài mục đích ngăn chặn đô thị hoá lan toả, bảo tồn giá trị sinh thái tự nhiên, văn hoá bản địa và cảnh quan nông thôn truyền thống; còn phải tăng khả năng tiếp cận và cơ hội giải trí của người dân, tăng chức năng kinh tế mới cân bằng với môi trường, nâng cao giá trị và chất lượng cảnh quan để có hệ sinh thái tự nhiên lành mạnh.

e) Hệ thống các hoạt động kinh tế - xã hội theo hướng bền vững môi trường sinh thái: là các mô hình liên kết cộng sinh đô thị - nông thôn, cộng sinh kinh tế - xã hội với môi trường, cộng sinh yếu tố hiện hữu với nhân tố mới theo hướng PTBV, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, tăng trưởng thông minh, gắn kết cộng đồng và duy trì tính bền vững của HLX; được hoạch định tổ chức không gian theo năm Khung chủ đề, gồm: (i) Khung



Hình 3. 4: HLX có cấu trúc năm Khung chủ đề

chủ đề địa lý tự nhiên, môi trường; (ii) Khung chủ đề nông nghiệp, nông thôn; (iii) Khung chủ đề làng nghề, TTCN quy mô nhỏ; (iv) Khung chủ đề phát triển đô thị; (v) Khung chủ đề không gian hỗn hợp.

3.2.1. Giải pháp tổng thể tổ chức không gian hành lang xanh phía Tây Hà Nội

3.2.2.1. Ranh giới HLX

a) Cơ sở xác định ranh giới: Ranh giới đóng vai trò quan trọng trong tổ chức không gian HLX, giới hạn về vật lý quyết định các khu vực xây dựng và khu vực xanh. Ranh giới HLX được học hỏi từ kinh nghiệm VDX UK, phụ thuộc hình thái không gian các chức năng hỗn hợp.

Bảng 3. 1: Bảng xác định ranh giới HLX

Hướng dẫn	Tính ổn định vĩnh viễn	Tính ổn định tương đối	Không ổn định
Kiểm soát mở rộng không hạn chế của các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái	x		
Ngăn chặn các làng sáp nhập vào đô thị	x		
Hỗ trợ và bảo vệ nông thôn không bị lấn chiếm		x	
Bảo tồn khung cảnh và tính chất đặc biệt của không gian xây dựng		x	x
Hỗ trợ tái tạo đô thị, thúc đẩy tái sử dụng đất bỏ hoang trong không gian xây dựng		x	x

Khu vực tiếp tục ở lại HLX: Các khu vực KGX tự nhiên và KGX nông nghiệp được bảo vệ không được xâm phạm, như: khu đất rừng; dòng sông, hồ; các vùng đất trong đô; các vùng đất thuộc vùng thoát lũ thủy lợi; các vùng nông sản đặc sản.

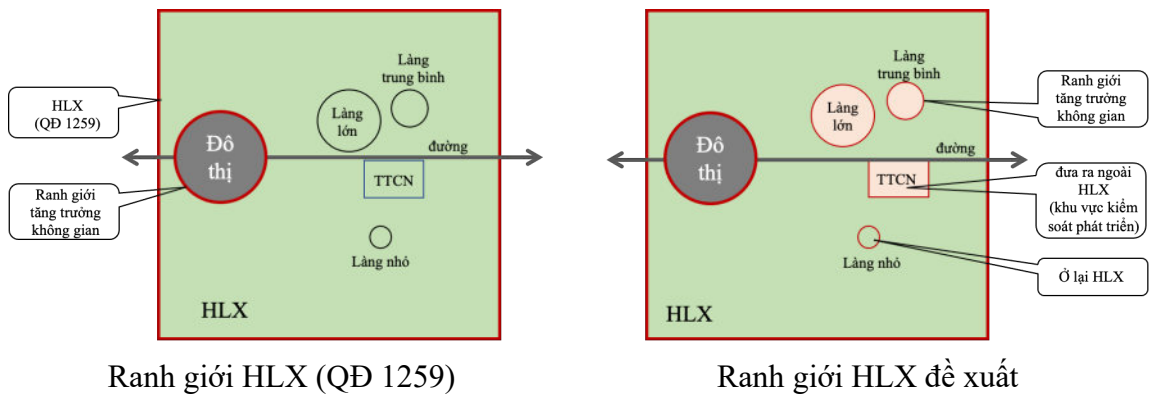
Khu vực kiến nghị đưa ra bên ngoài HLX: Các không gian xây dựng có mật độ dân số cao, phát triển làng nghề mạnh, chịu tác động đô thị hoá từ trực giao thông hướng tâm kết nối đô thị vệ tinh và đô thị trung tâm kiến nghị đưa ra bên ngoài HLX.

Bảng 3. 2: Bảng đề xuất các khu vực xây dựng dự kiến đưa ra ngoài HLX

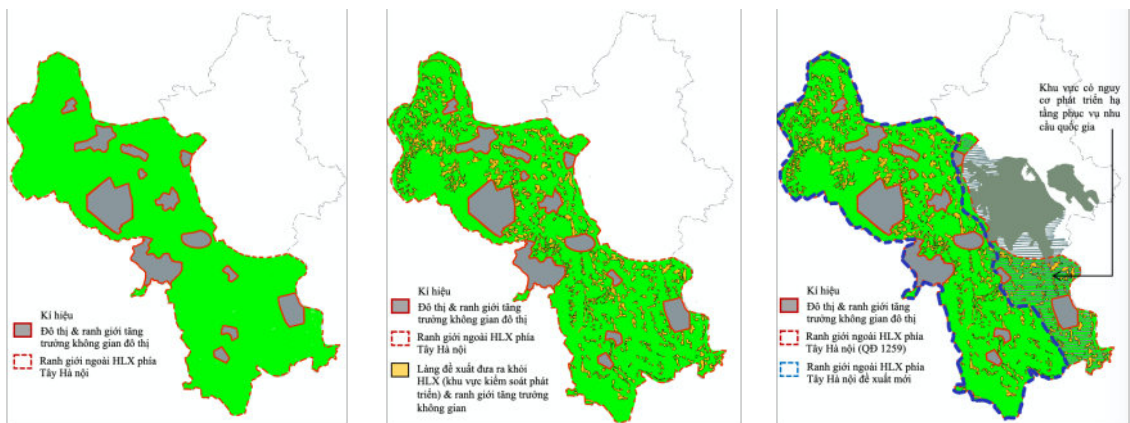
	Các khu vực xây dựng	Giữ lại trong HLX	Đưa ra ngoài HLX thuộc khu vực kiểm soát phát triển
1	Các loại làng		
-	Làng loại lớn (hoặc liên thôn) từ trên 3.000 người trở lên		x
-	Làng loại trung bình từ 1.000 – 3.000 người	x (làng thuần nông)	x (làng nghề)
-	Làng loại nhỏ dưới 1.000 người	x (nằm xa trung tâm tăng trưởng nông thôn)	x (nằm gần trung tâm tăng trưởng nông thôn)
2	Khu TTCN		x

Các khu vực tiếp giáp giữa không gian xây dựng và KGX cần được rà soát theo các tiêu chí (1) tính ổn định vĩnh viễn, (2) tính ổn định tương đối, (3) không ổn định. Đối với khu vực tiếp giáp có tính ổn định vĩnh viễn: xác định hoạt động phù hợp với tính chất và chức năng của ranh giới HLX. Đối với khu vực tiếp giáp có tính ổn định tương đối: loại bỏ các yếu tố có nguy cơ làm cho khu vực nông thôn bị lấn chiếm. Đối với khu vực tiếp giáp có tính không ổn định: trường hợp bất khả kháng kiến nghị đưa ra bên ngoài HLX.

b) Kiến nghị điều chỉnh ranh giới HLX phía Tây: Ranh giới tổng thể tiếp tục thực hiện theo QĐ 1259, ranh giới bên trong được điều chỉnh đảm bảo tính khả thi và PTBV của HLX.



Hình 3. 5: Xác lập khu vực xây dựng đề xuất đưa ra ngoài ranh giới HLX



Ranh giới HLX phía Tây Hà Nội (QĐ 1259)

Ranh giới HLX phía Tây Hà Nội đề xuất (Luận án)

Khu vực có nguy cơ không nằm trong HLX

Hình 3. 6: Đề xuất ranh giới HLX phía Tây Hà nội

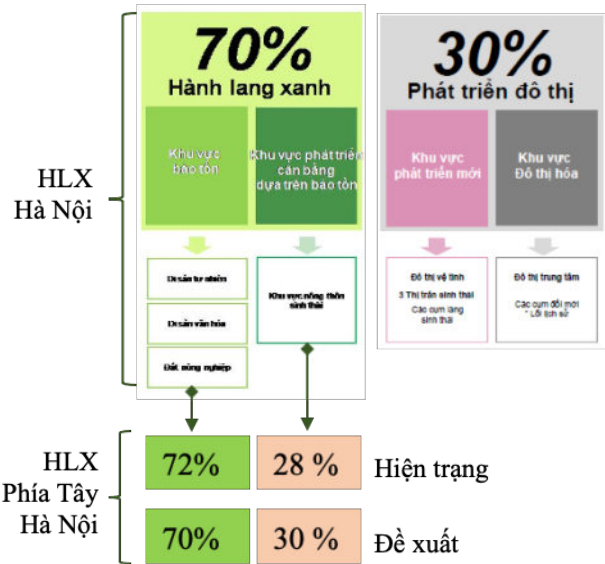
Trong ranh giới tổng thể đó, không gian xây dựng cho dù ở bên trong hoặc bên ngoài HLX đều áp dụng quy định kiểm soát phát triển, ranh giới tăng trưởng không

gian. Đồng thời thúc đẩy tái sử dụng đất bỏ hoang trong không gian xây dựng để hỗ trợ tái tạo khu vực xây dựng và phát triển mô hình nén.

3.2.2.2. Quy mô đất đai

- Quy mô HLX Hà Nội (QĐ 1259) chiếm khoảng 70% diện tích tự nhiên của thành phố Hà Nội. Bao gồm khu vực bảo tồn là KGX (tự nhiên, văn hoá, nông nghiệp) và không gian xây dựng (làng, TTCN, hạ tầng...).

- HLX phía Tây Hà Nội theo đánh giá Chương I, hiện trạng KGX chiếm 72% và không gian xây dựng chiếm 28%.

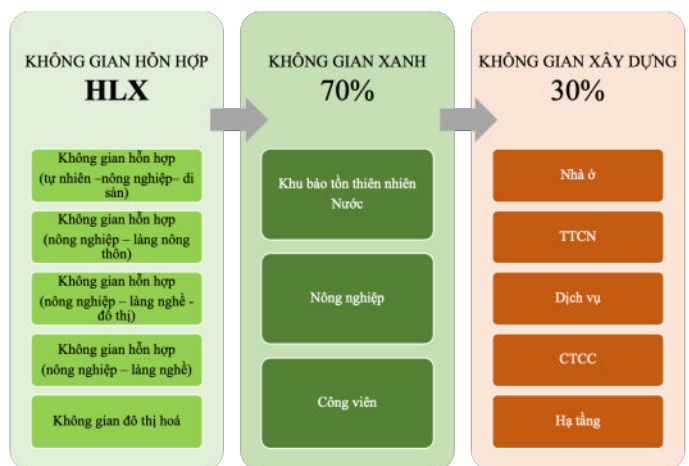


Hình 3. 7: Đề xuất quy mô HLX phía Tây Hà Nội

Dự báo nhu cầu phát triển theo Chương II, không gian xây dựng khu dân cư nông thôn và TTCN phía Tây Hà Nội tăng thêm 2%. Do đó ngưỡng phát triển tối đa của không gian xây dựng là 30%, và ngưỡng tối thiểu của KGX là 70%.

HLX là không gian hỗn hợp, quy hoạch và quản lý HLX phía Tây Hà nội được phân vùng không gian hỗn hợp thành phần để kiểm soát đất đai hàng năm.

Quy định ngưỡng giới hạn KGX gồm: khu bảo tồn tự nhiên, mặt nước, công viên và nông nghiệp chiếm khoảng 70%; Không gian xây dựng khoảng 30% gồm: Nhà ở, TTCN, dịch vụ, CTCC, hạ tầng. Kiểm soát đất đai theo công cụ Ranh giới tăng trưởng không gian của đô thị và làng, kết hợp



Hình 3. 8: Đề xuất ngưỡng giới hạn KGX và không gian xây dựng

với kế hoạch bảo vệ các vùng nông nghiệp năng suất cao, bảo vệ các vùng dễ xảy ra lũ, ảo tồn văn hóa và di sản, khuyến khích các hoạt động xanh, thân thiện môi trường;

cho phép duy trì, nâng cấp các làng nghề truyền thống hiện nay và thúc đẩy du lịch sinh thái, tạo thuận tiện cho GTCC tiếp cận của người dân với không gian mở.

3.2.2.3. Chức năng chính và phân vùng hỗn hợp

a) Chức năng chính

HLX phía Tây Hà Nội là không gian có chức năng hỗn hợp, được phân bố thành hai nhóm chức năng chính theo sử dụng đất đai, gồm KGX (tự nhiên và nông nghiệp) và không gian xây dựng.

- KGX (tự nhiên và nông nghiệp): KGX là khu vực yếu tố quan trọng nhất đóng góp mục tiêu tăng trưởng, bền vững, thông minh của HLX, mất KGX là mất HLX.

Bảo tồn và phục hồi các không gian tự nhiên như sông, hồ, đồi núi, không gian tự nhiên và bán tự nhiên của di sản văn hóa như di tích lịch sử của làng nghề và làng nông nghiệp, đất nông nghiệp của các vùng đồng bằng ngập lũ, đất nông nghiệp năng suất cao.

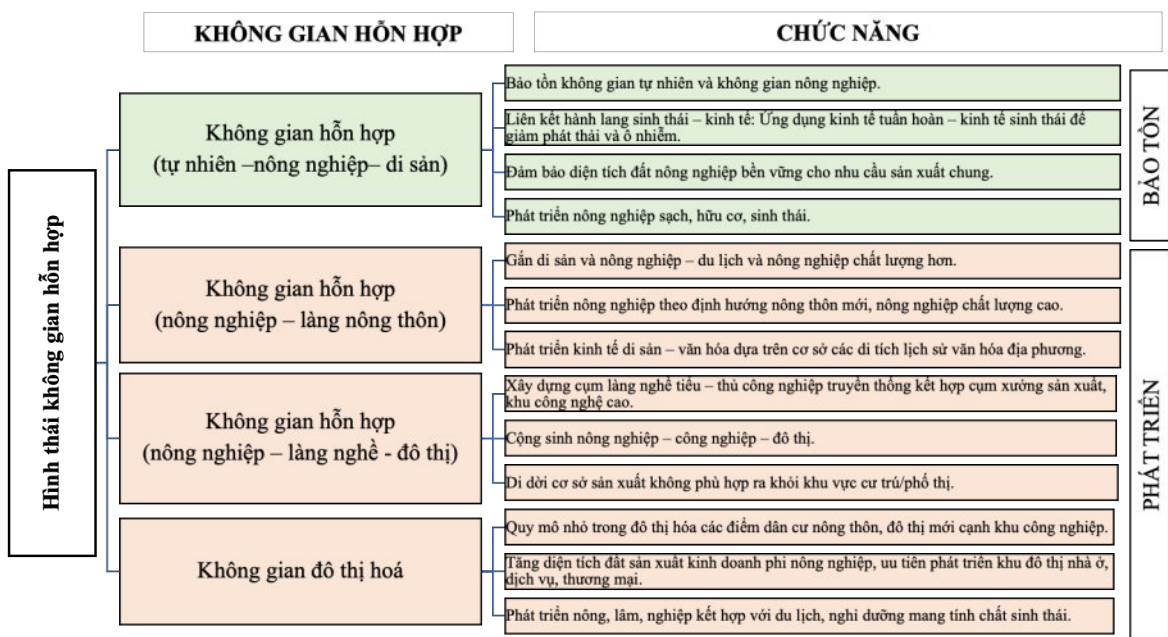
Các chức năng mới, là những chức năng: (1) tạo cơ hội cho cư dân thành phố tiếp cận dễ dàng HLX: cung cấp các không gian giải trí ngoài trời, các tuyến đường xanh và tuyến đường dành cho người đi xe đạp, các công viên lớn phục vụ hoạt động giáo dục và giải trí theo lứa tuổi, hoạt động giải trí phục vụ sức khỏe; (2) phát triển các hoạt động TDTT và giải trí ngoài trời gần khu vực đông dân cư: sân golf, đua ngựa, đua mô tô, TDTT dưới nước tổ chức trên hồ lớn; (3) gìn giữ các cảnh quan hấp dẫn, tăng cường cảnh quan gần nơi người dân sinh sống: cảnh quan vĩ mô và cảnh quan vi mô đều cần được chú trọng đến chất lượng cảnh quan, lập hành lang ĐDSH, tăng cường đa dạng sinh học ở các khu rừng hiện hữu; (4) tái tạo đất hoang hoá cho sản xuất nông nghiệp hoặc cộng đồng: phục hồi các khu đất bỏ bỏ hoang để tái sinh rừng, hoặc bố trí trang trại, vườn nông nghiệp hoặc khu giải trí; (5) tăng cường hiệu quả và đa dạng hoá các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp: Phục hồi các khu nông sản đặc sản, như cam canh, bưởi diển, hoa, cây cảnh, chăn nuôi, vùng rau sạch.

- Không gian xây dựng: là khu vực phát triển dựa trên bảo tồn, được kiểm soát phát triển để duy trì tính bền vững của HLX.

Cải tạo chỉnh trang các làng nông thôn nông nghiệp và làng nghề, khu TTCN, hạ tầng...

Các chức năng mới khi phát triển theo các điều kiện: (1) khuyến khích mô hình “nhỏ gọn” ở đô thị vệ tinh, thị trấn, làng; (2) có ranh giới tăng trưởng không gian rõ ràng: xác định ranh giới bao gồm quỹ đất dự phòng mở rộng; (3) thúc đẩy giải pháp giảm phát thải khí nhà kính: làng nghề, khu TTCN quy mô nhỏ và khu xử lý nước thải, rác thải; (4) ban hành chính sách dẫn dân đến các khu vực đô thị tập trung: phát triển khu dân cư và hạ tầng; (5) hiện đại hoá các công trình an sinh xã hội: giáo dục, y tế, văn hoá, TDTT, thương mại, dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

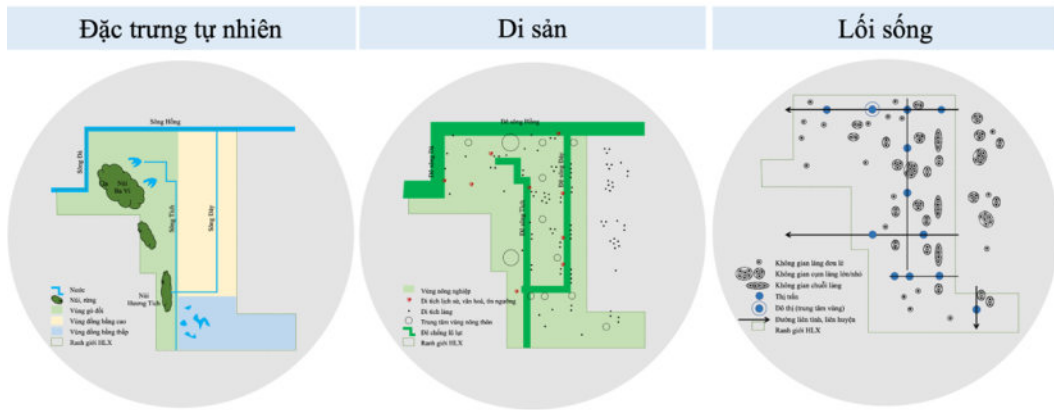
- Các chức năng chính được thể hiện trong bảng dưới đây.



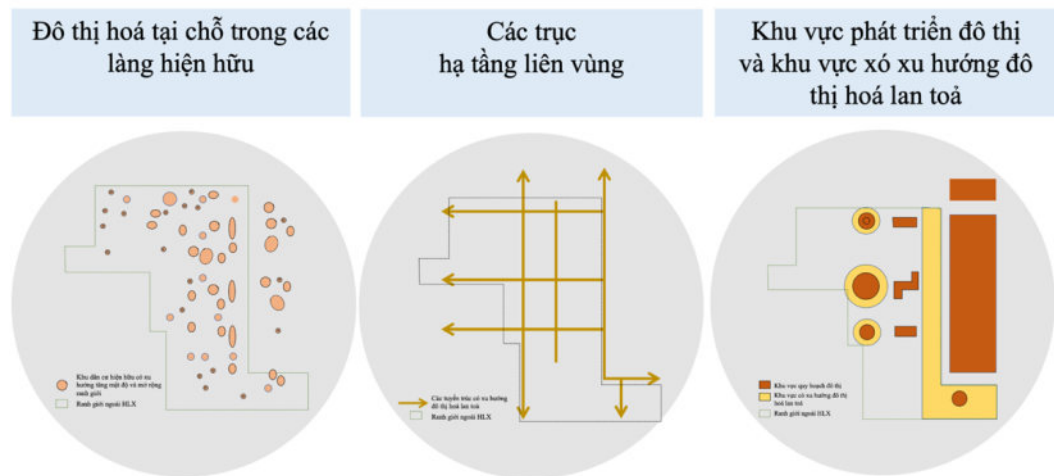
Sơ đồ 3. 4: Các chức năng HLX phía Tây Hà Nội

b) Phân vùng chức năng hỗn hợp

- Phân vùng chức năng hỗn hợp HLX phía Tây Hà Nội dựa trên: (i) Nghiên cứu hiện trạng tại Chương I về các yếu tố cấu thành nên HLX (gồm: tự nhiên, nông nghiệp, di sản, làng, TTCN) và đặc điểm các dạng không gian chủ đạo; (ii) Lý luận hình thái học đô thị tại Chương II về các yếu tố bất biến để xác định các thành tố bảo tồn và các yếu tố biến đổi để xác định các thành tố phát triển.



Hình 2. 25: Xác định các thành tố bảo tồn



Hình 2. 26: Xác định các thành tố phát triển và biến đổi

- Đề xuất phân vùng chức năng hỗn hợp HLX gồm:

(1) Không gian cảnh quan hỗn hợp với KGX làm chủ đạo gồm cảnh quan tự nhiên - nông nghiệp - di sản, chủ yếu nằm ở khu vực vùng núi gò gò đồi Ba Vì, Hương Tích dọc quốc lộ 21 và hành lang dọc các lưu vực sông. Không gian này chiếm 70% diện tích tự nhiên HLX.

(2) Không gian hỗn hợp nông nghiệp – làng nông thôn chủ yếu nằm dọc bên trong đê các sông Đáy, sông Tích, sông Hồng và vùng gò đồi.

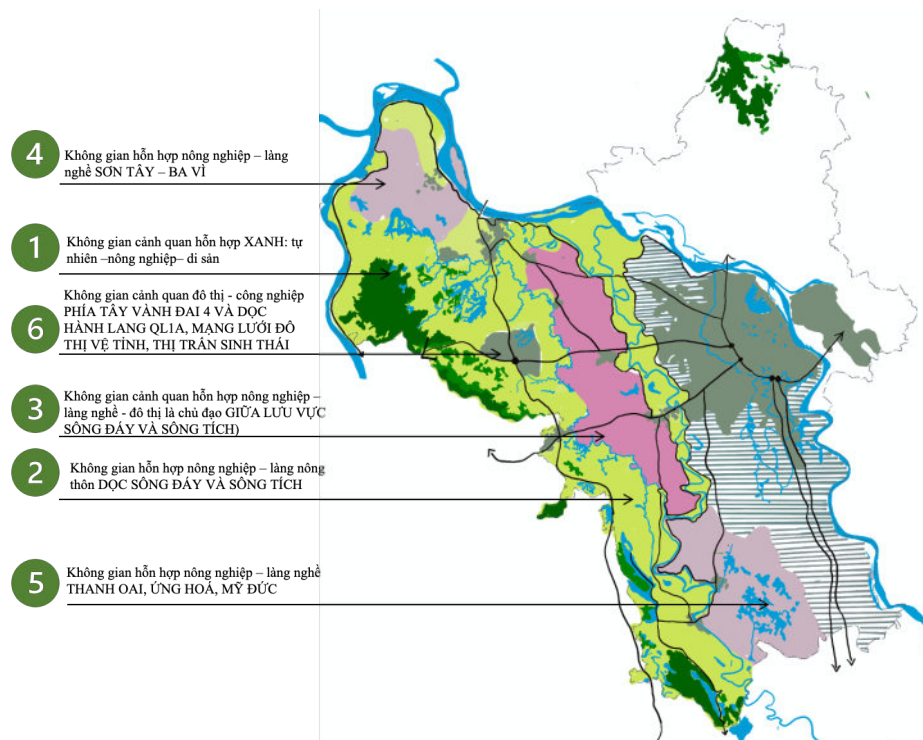
(3) Không gian hỗn hợp nông nghiệp – làng nghề - đô thị nằm trên vùng đồng bằng cao giữa sông Đáy và sông Tích, chịu ảnh hưởng trực tiếp của khu vực phát triển đô thị dọc các tuyến giao thông hướng tâm Hà Nội

(4) Không gian hỗn hợp nông nghiệp – làng nghề nằm trên vùng gò đồi thấp ở phía Bắc thuộc huyện Ba Vì và Sơn Tây, ít chịu tác động của đô thị hoá;

(5) Không gian hỗn hợp nông nghiệp - làng nghề nằm trên vùng đồng bằng thấp trũng ở phía Nam thuộc huyện Ứng Hoà, Mỹ Đức; chịu tác động của đô thị hoá ở mức độ trung bình.

(6) Không gian cảnh quan mang đặc trưng đô thị - công nghiệp, thuộc các khu vực phát triển đô thị và nằm trên tuyến đường vành đai 4, tuyến hành lang quốc lộ 1, cao tốc quốc lộ 1.

Phân vùng không gian hỗn hợp là cơ sở để tổ chức không gian Khung chủ đề.



Hình 3. 9: Phân vùng không gian hỗn hợp HLX phía Tây Hà Nội

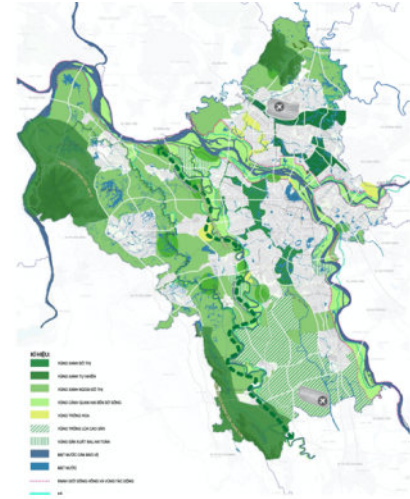
3.2.2.4. Tổ chức kết cấu hạ tầng (hạ tầng xanh, hạ tầng kinh tế, hạ tầng văn hoá - xã hội, hạ tầng kỹ thuật)

Tổ chức kết cấu hạ tầng của HLX là hạ tầng tích hợp gồm hạ tầng xanh, hạ tầng xã hội, hạ tầng văn hoá, hạ tầng kinh tế trong quan hệ HLX với đô thị.

a) Hạ tầng xanh

Phát triển hạ tầng xanh dựa trên các phân vùng sinh thái theo: (1) địa hình tự nhiên phía Tây Hà Nội: núi, đồi thấp, đồng bằng cao và đồng bằng thấp; theo dòng chảy.

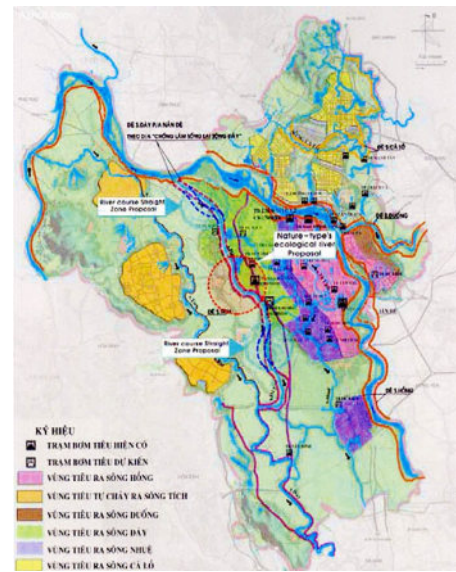
sông Hồng và sông Đáy thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. (2) Mạng lưới sinh thái sông, hồ, đầm tự nhiên. Phát triển hạ tầng xanh, theo nguyên tắc: (i) phù hợp với điều kiện tự nhiên, (ii) tăng tỷ lệ không gian xanh công cộng phục vụ cộng đồng như công viên giải trí, khu TDDT ngoài trời; (iii) tăng tỷ lệ phủ xanh công trình và đường phố trong đô thị vệ tinh, thị trấn và làng; (iv) duy trì vùng trữ nước, ngập úng phòng BDKH hoặc thiên tai, (v) kiểm soát hành



Hình 3. 10: Phân bố KGX (VIUP)

lang đê sông Đáy, sông Tích và khu bảo tồn thiên nhiên Ba Vì, Hương Tích hình thành hành lang ĐDSH, (vi) kiểm soát bảo vệ đất nông nghiệp, xoá bỏ các yếu tố tạo xâm lấn đất nông nghiệp.

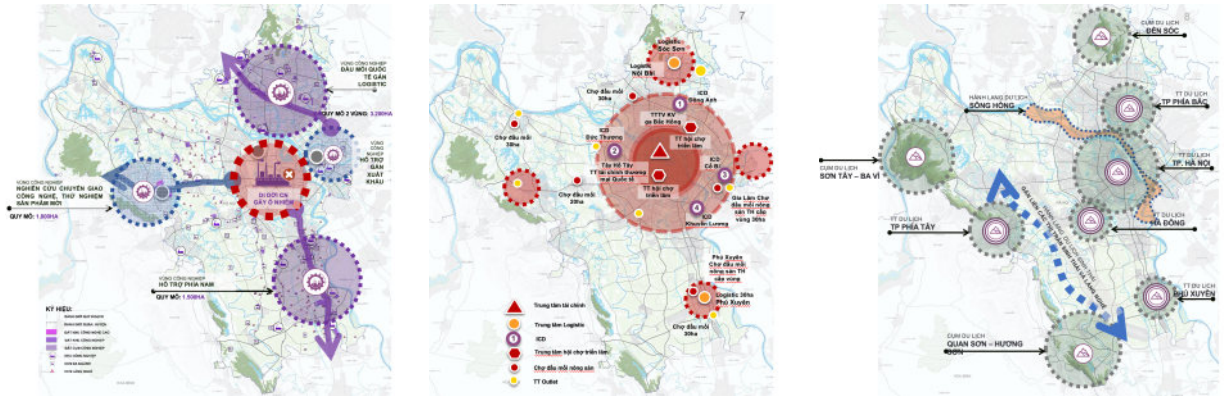
Hồi sinh các dòng sông: Sông Hồng, sông Đà, sông Đáy, sông Tích chảy qua Hà Nội theo chiều Bắc – Nam, tạo thành dạng địa hình 5 bậc thềm thành mạng lưới nước dày đặc, là nguồn gốc của nền nông nghiệp phát triển, cũng là nền tảng của sự phát triển thành thị sau đó. Khai thác các dòng sông phải dựa trên yêu cầu bảo tồn giá trị sinh thái ban đầu của chúng, các hoạt động kinh tế mới phải có giải pháp hồi sinh các dòng sông chết, và kiểm soát môi trường nước.



Hình 3. 11: Hồi sinh các dòng sông

b) Hạ tầng kinh tế

Hạ tầng kinh tế có mối quan hệ mật thiết HLX với hệ thống các KCN, CCN, mạng lưới làng nghề; hệ thống trung tâm dịch vụ thương mại, logistic quốc gia và quốc tế đóng trên địa bàn của Hà Nội, hệ thống các chuỗi điểm du lịch tạo nên ngành kinh tế mũi nhọn cho Hà Nội. Công trình hạ tầng kinh tế quy mô lớn xác định trong quy hoạch Hà Nội, gắn kết chặt chẽ cộng sinh với hệ thống hạ tầng kinh tế đô thị.



Công nghiệp

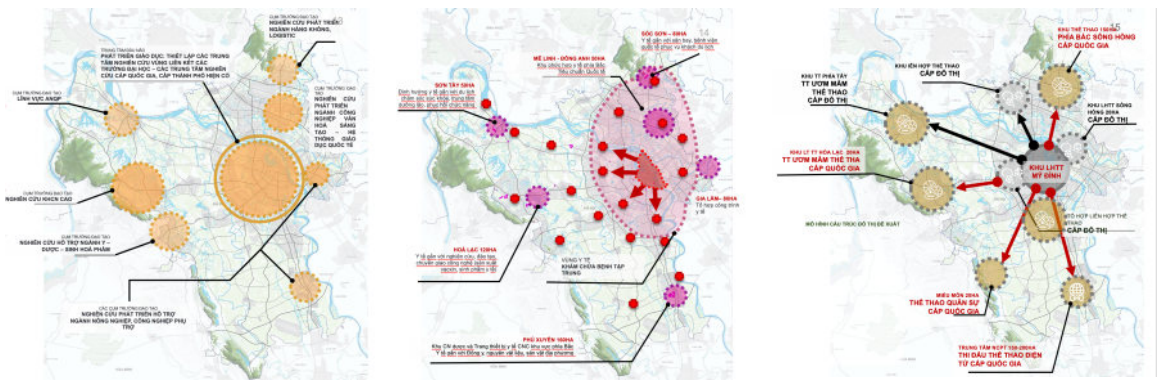
Dịch vụ thương mại

Du lịch

Hình 3. 12: Hạ tầng kinh tế Hà Nội trong mối quan hệ với HLX (VIUP)

c) Hạ tầng văn hoá – xã hội

Hạ tầng văn hoá – xã hội Hà Nội có mối quan hệ mật thiết HLX, với hệ thống trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, trung tâm chăm sóc sức khoẻ, văn hoá và TDTT của vùng ĐBSH và quốc gia trên địa bàn Hà Nội. Hệ thống hạ tầng văn hoá – xã hội quy mô lớn được định hình trong không gian đô thị. HLX phía Tây Hà Nội phân bố hạ tầng văn hoá – xã hội quy mô nhỏ trong các làng theo tiêu chí NTM, gắn kết chặt chẽ cộng sinh với hệ thống hạ tầng văn hoá – xã hội đô thị.



Giáo dục

Y tế

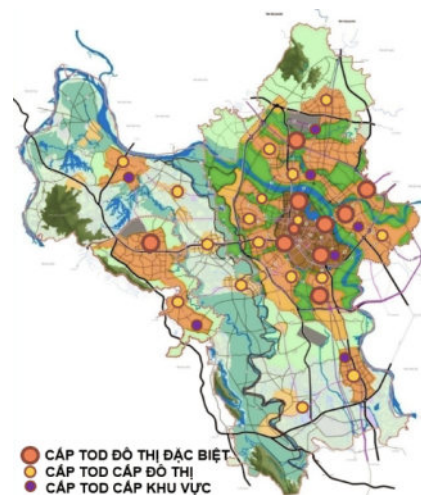
TDTT

Hình 3. 13: Hạ tầng văn hoá – xã hội Hà Nội trong mối quan hệ với HLX (VIUP)

d) Hạ tầng kỹ thuật

Mô hình phát triển đô thị TOD (Transit Oriented Development) gắn kết với GTCC, tạo điều kiện cho việc gia tăng mật độ dân cư, phù hợp với những thành phố lớn (NQ 15). Hà Nội tập trung phát triển GTCC từ đó kết nối các đô thị với HLX. Một số hạ tầng lớn khác như sân bay thứ 2 hoặc ga đường sắt quốc gia sẽ bố trí dọc theo hành lang kinh tế Bắc – Nam. Hệ thống giao thông nằm trong HLX đã được định

hình tại QĐ 1259. Hệ thống giao thông nông thôn đã được đầu tư xây dựng theo Chương trình XD NTM. Trên cơ sở đó, thiết lập các tuyến đường xanh dành cho xe buýt, xe đạp trong HLX liên kết các không gian công cộng đô thị với không gian mở, công viên, khu TDTT ngoài trời tại HLX phía Tây Hà Nội. Xây dựng các tuyến kỹ thuật xây dựng hệ thống đường dây, đường ống như cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, năng lượng kết nối hạ tầng đô thị với làng.

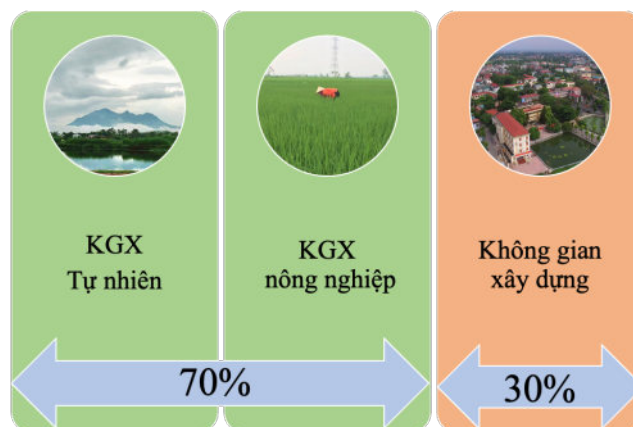


Hình 3. 14: Hạ tầng kỹ thuật

3.2.2.5. Sử dụng đất

Liên kết sử dụng đất và tổ chức không gian HLX

Liên kết sử dụng đất và tổ chức không gian HLX nhằm quản lý hiệu quả KGX tự nhiên, KGX nông nghiệp và không gian xây dựng. KGX chủ yếu là không gian tự nhiên (sông hồ, đồi núi) và bán tự nhiên: nông nghiệp, thoát lũ; các KGX nhân tạo (di tích lịch sử, không gian công cộng, không gian trồng trong làng và khu chức năng). Không gian xây dựng được quy hoạch “nén nhỏ gọn”; liên kết đô thị trung tâm, đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái với các khu vực HLX thành mạng lưới theo chức năng.



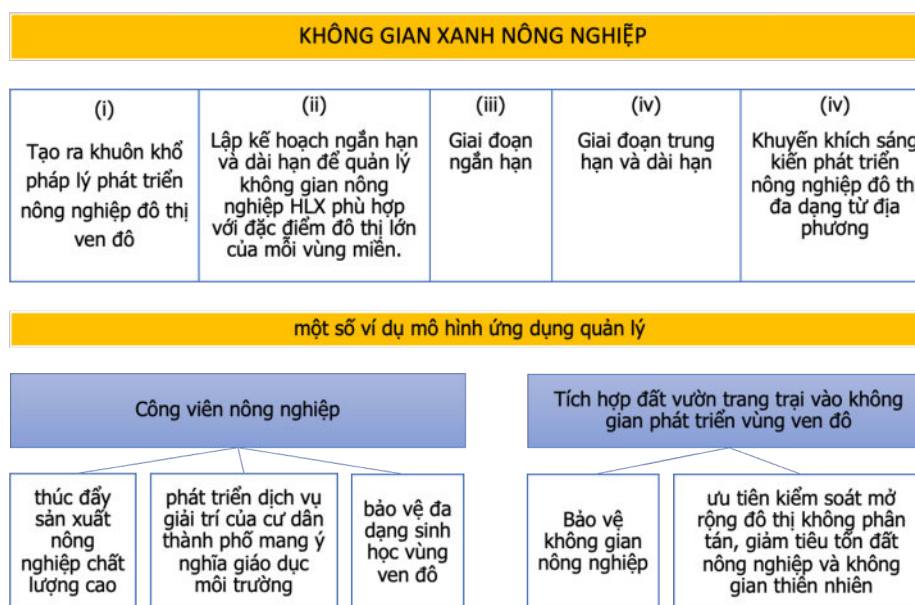
Sơ đồ 3. 5: Tổ chức không gian cảnh quan HLX Hà nội

a) KGX tự nhiên: có vai trò của hạ tầng xanh quản lý KGX, thiết lập khu vực thiên nhiên để bảo tồn tài nguyên sinh thái rất quan trọng trong bối cảnh BĐKH ngày càng gia tăng, gồm: (1) Tài nguyên cần bảo tồn và phục hồi theo cấp độ quốc gia/vùng/khu vực/tiểu khu vực; (2) bảo tồn và phát huy các khu vực có giá trị về sinh thái môi trường; (3) Sự phù hợp với sinh thái môi trường HLX phía Tây Hà Nội.



Sơ đồ 3. 6: Tổ chức KGX tự nhiên (hạ tầng xanh) HLX phía Tây Hà Nội

b) KGX nông nghiệp: không gian cảnh quan nông nghiệp đóng vai trò quan trọng là hồn cốt biểu hiện đặc trưng của “nơi chốn”, là yếu tố căn cốt tạo dựng văn hoá bản sắc khu vực nông thôn. Khu vực nông nghiệp ở vùng thuần nông là nơi sản xuất hàng hoá nông nghiệp. Khu vực nông nghiệp ở vùng nông thôn đô thị hoá là động lực tiềm năng phát triển ngành dịch vụ đô thị; du lịch; tạo dựng môi trường sống đô thị; là hạ tầng xanh của đô thị.

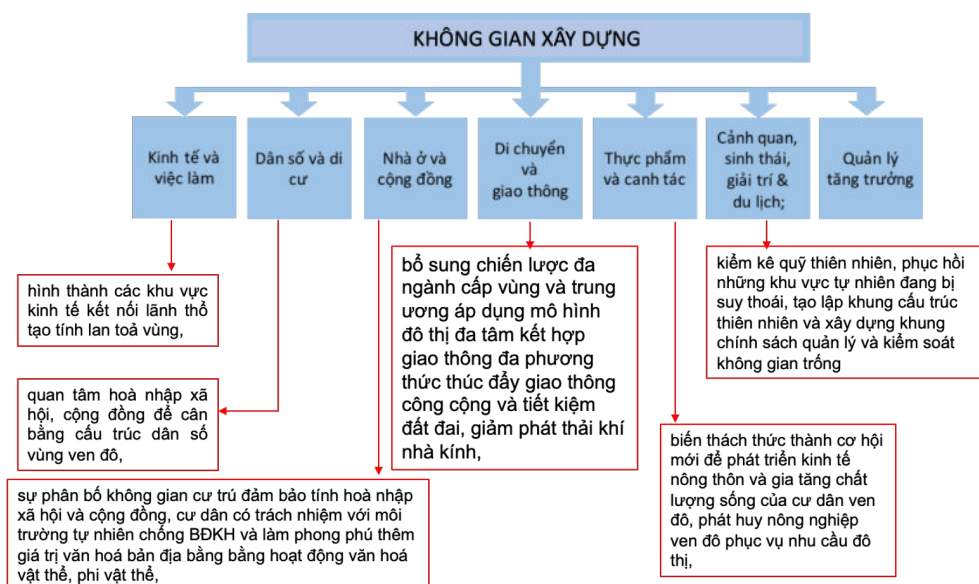


Sơ đồ 3. 7: Tổ chức KGX nông nghiệp HLX phía Tây Hà Nội

Để quản lý không gian nông nghiệp hiệu quả cần tạo dựng khuôn khổ pháp lý mới phát triển nông nghiệp đô thị ven đô, lập kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để quản

lý không gian nông nghiệp ven đô phù hợp với đặc điểm đô thị lớn của mỗi vùng miền, khuyến khích sáng kiến phát triển nông nghiệp đô thị đa dạng từ địa phương.

c) Không gian xây dựng: Hình thành cấu trúc khung phát triển đô thị quản lý không gian xây dựng. Với các công cụ quy hoạch và quản lý không gian xây dựng theo các nguyên tắc mô hình chùm đô thị và quản lý thị trường bất động sản đô thị.

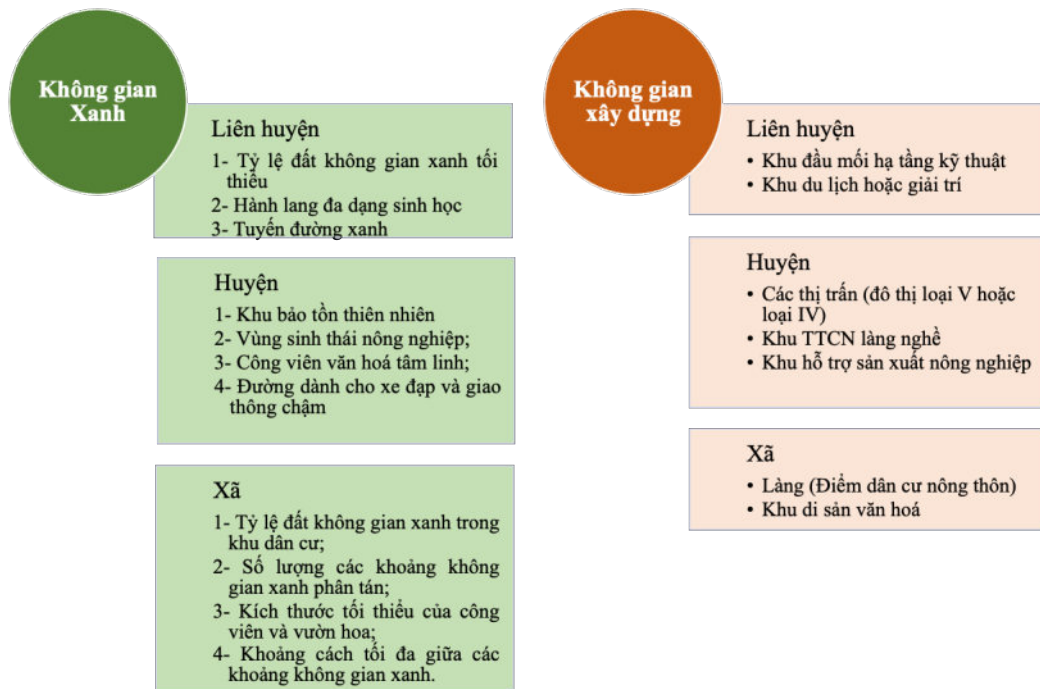


Sơ đồ 3. 8: Tổ chức không gian xây dựng trong HLX phía Tây Hà Nội

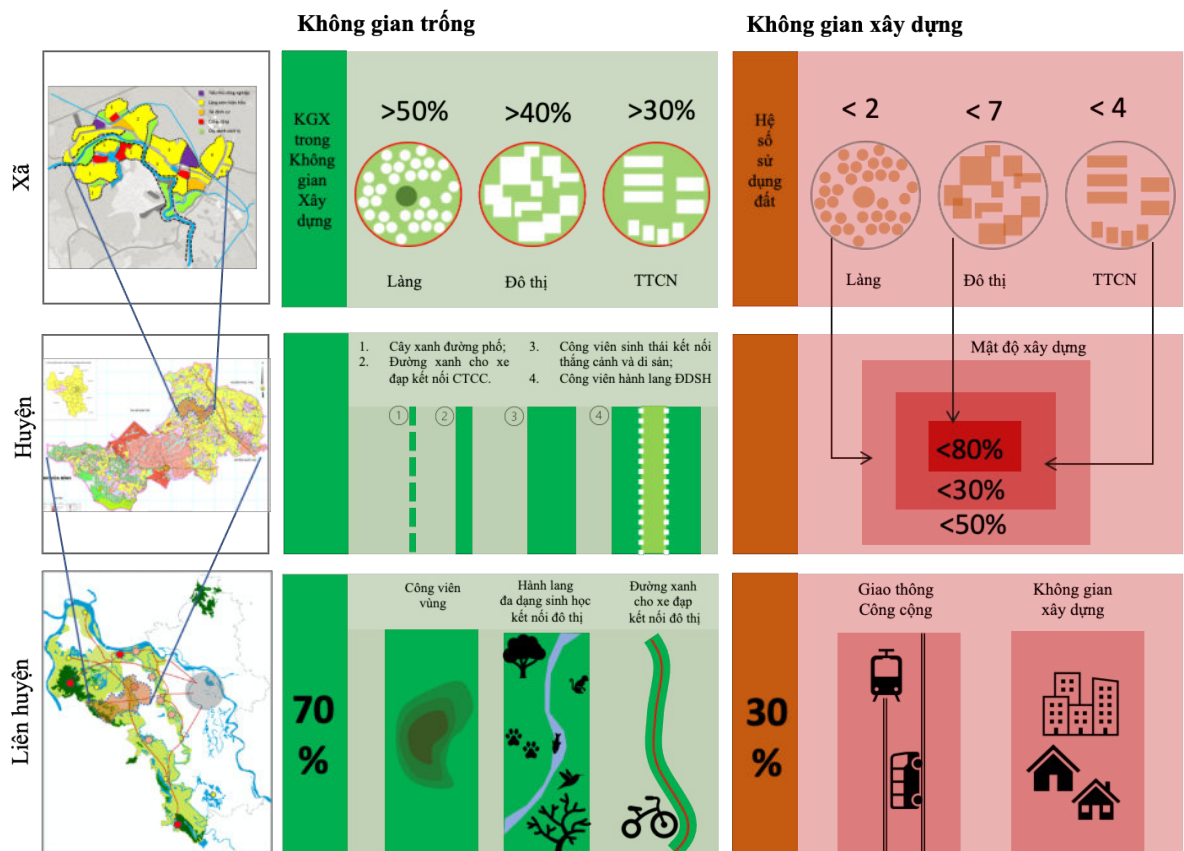
Thiết lập sử dụng đất không gian hỗn hợp

HLX bao phủ lên diện tích rất lớn gồm nhiều huyện ngoại thành Hà Nội đang trong quá trình chuyển dịch một phần từ nông thôn sang đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái tạo thành vùng không gian hỗn hợp. Do đó, cấu trúc không gian HLX được xem xét ở 2 cấp độ nghiên cứu: tổng thể và thành phần. Mỗi cấp độ nghiên cứu xem xét ở 3 phạm vi không gian: vùng liên huyện, vùng huyện, xã; theo nguyên tắc:

- (i) thúc đẩy phát triển “nén” theo hướng sinh thái,
- (ii) phát triển không gian mở phục vụ cộng đồng trong làng,
- (iii) dành đủ đất nâng cấp và hiện đại hoá hạ tầng làng và hạ tầng xanh tại HLX,
- (iv) kiểm soát quỹ đất bỏ hoang trong KGX (tự nhiên và nông nghiệp) và không gian xây dựng, lên kế hoạch sử dụng đúng mục đích.

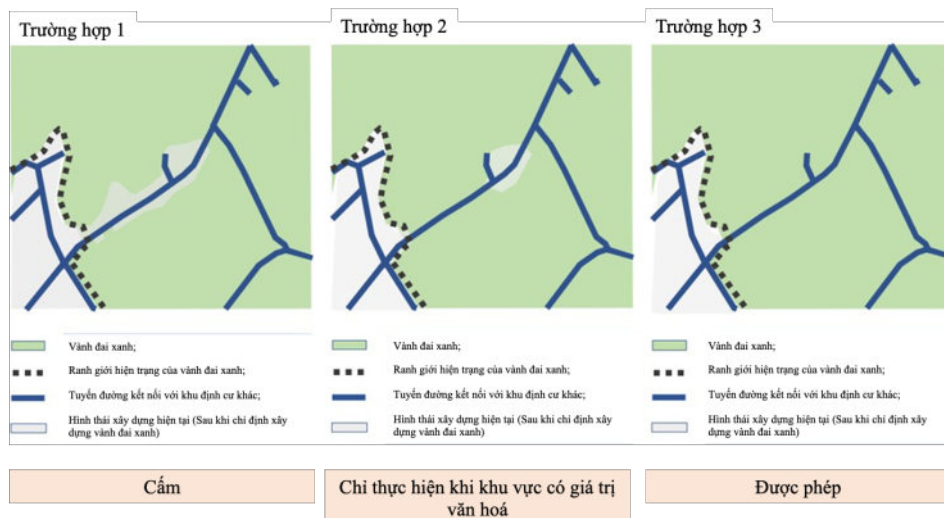


Sơ đồ 3. 9: Yêu cầu kiểm soát sử dụng đất không gian hỗn hợp trong HLX phía Tây Hà Nội



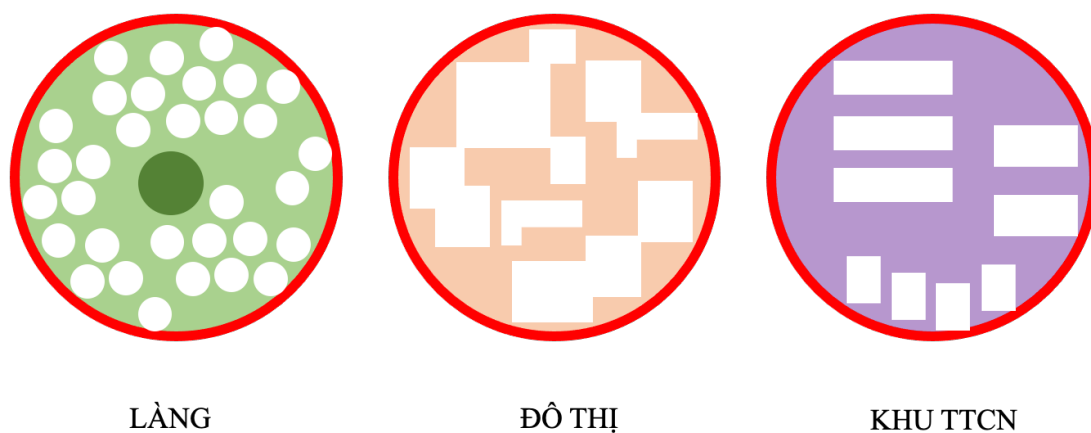
Sơ đồ 3. 10: Minh hoạ thiết lập sử dụng đất không gian hỗn hợp HLX phía Tây Hà Nội

Quy định về ranh giới tăng trưởng không gian



Hình 3. 15: Kiểm soát ranh giới

Xác lập ranh giới tăng trưởng không gian làng, đô thị và khu TTCN, theo nguyên tắc đảm bảo tính ổn định vĩnh viễn. Đối với các khu vực có tính ổn định tương đối hoặc không ổn định kiểm soát theo đồ án quy hoạch.



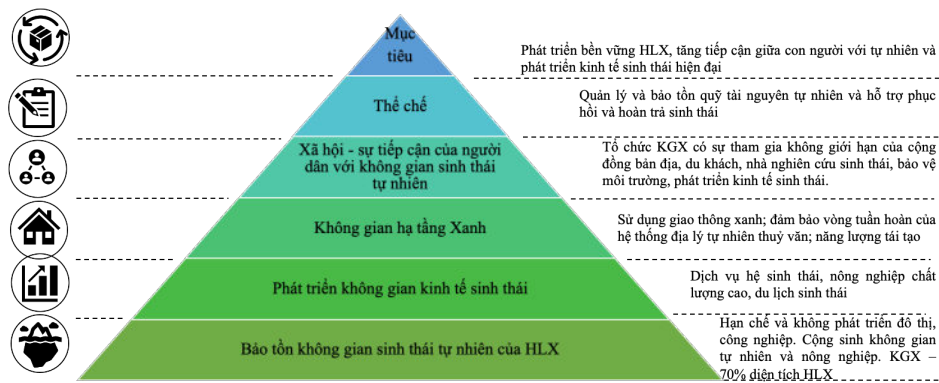
Hình 3. 16: Ranh giới tăng trưởng không gian làng, đô thị và khu TTCN

3.3. Giải pháp tổ chức không gian theo các Khung chủ đề của hành lang xanh phía Tây Hà Nội

3.3.1. Tổ chức theo Khung chủ đề tự nhiên và nông nghiệp

a) **Mục tiêu:** PTBV và bảo tồn tài nguyên sinh thái HLX phía Tây Hà nội; phục hồi tài nguyên nước; phát triển các hành lang ĐDSH; phát triển các mô hình kinh tế sinh thái với sự tham gia cộng đồng; liên kết xanh đô thị – nông thôn, tạo không gian có ý nghĩa về sức khỏe, giáo dục, KHCN để người dân tiếp cận với thiên nhiên.

b) Các điều kiện chính



Sơ đồ 3. 11: Các điều kiện tổ chức Khung chủ đề xanh (tự nhiên và nông nghiệp)

Bảo tồn diện tích tự nhiên hiện hữu, hạn chế cấm không phát triển đô thị, công nghiệp. Thúc đẩy và ứng dụng các mô hình dịch vụ hệ sinh thái và nông nghiệp chất lượng cao. Sử dụng không gian xanh và mặt nước phục vụ mục đích sinh thái và cộng đồng, cây xanh công cộng, vui chơi giải trí, tái tạo ven mặt nước. Thể chế quản lý quỹ tài nguyên tự nhiên và hỗ trợ phục hồi sinh thái. Quy hoạch và phát triển đô thị, thiết lập hình thái KGX dựa trên nguyên lý dòng chảy tự nhiên của nước để các không gian sinh thái liên kết liền mạch; hạn chế sự phân mảnh rời rạc làm tổn hại đến KGX.

c) **Giải pháp tổ chức không gian:** Các yếu tố cấu thành chính: (1) Không gian rừng, núi, sông, hồ, vùng trũng, khu bảo tồn thiên nhiên; (2) Dịch vụ hệ sinh thái: đường mòn xanh, công viên vùng, TDTT ngoài trời; (3) Hạ tầng xanh điều hoà khí hậu, điều tiết lũ lụt; (4) Không gian



Sơ đồ 3. 12: Sơ đồ giải pháp tổ chức không gian Khung chủ đề tự nhiên và nông nghiệp

nông nghiệp sinh thái; nông nghiệp đô thị, khu nông sản địa phương; (5) kiểm soát đô thị hoá lan toả (6) TKĐT, cảnh quan tự nhiên - chất lượng cảnh quan HLX.

(1) Bảo tồn tài nguyên sinh thái: Quản lý diện tích KGX tự nhiên tương đương 14% diện tích tự nhiên HLX. Bảo tồn không gian núi, rừng (các núi Ba Vì và Hương Tích; các hồ lớn Suối Hai, Đồng Mô, Xuân Khanh, Quan Sơn... thuộc vùng gò đồi phía Tây) theo Luật chuyên ngành (Luật Lâm nghiệp và Luật bảo vệ môi trường); phát triển trồng rừng tại những khu vực đã bị phá hoại hoặc chưa sử dụng (cây bụi). Hình thành hành lang ĐDSH kết hợp phục hồi sinh thái mặt nước (sông Đáy, sông Tích) mở rộng không gian bảo vệ lòng hồ, dọc bờ sông...

(2) Thiết lập các không gian mở (hành lang đa dạng sinh thái, đường mòn xanh, khu giải trí, TDTT ngoài trời, công viên quy mô vùng) kết nối con người với thiên nhiên, kết nối khu cư trú đô thị/nông thôn với không gian mở.

(3) Phát triển hạ tầng xanh điều hoà khí hậu, điều tiết lũ lụt: Phân loại hệ thống sinh thái, gồm: vùng bảo vệ đặc biệt, vùng bảo vệ tích cực, vùng bảo vệ thông thường, vùng bảo vệ linh hoạt. Lập kế hoạch trồng cây xanh, tăng tỷ lệ che phủ rừng. Giảm thiểu tác động và bảo vệ hệ sinh thái HLX phía Tây Hà Nội theo nguyên tắc: phòng tránh, bồi đắp/bù hoàn, giảm thiểu.

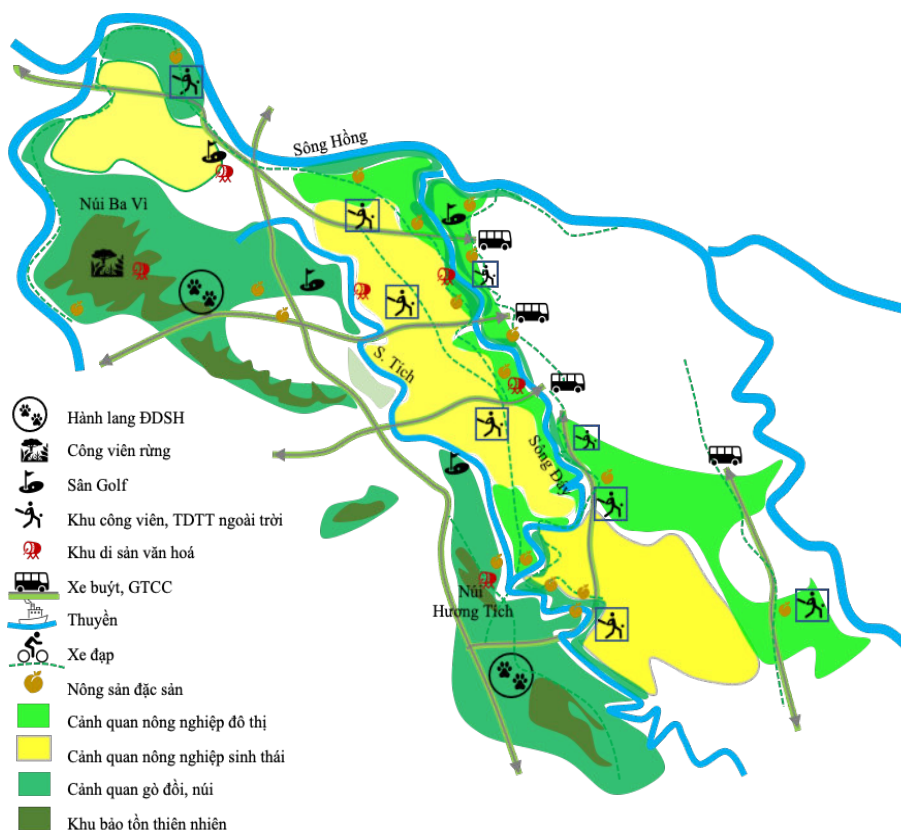
(4) Duy trì vùng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đô thị: có diện tích khoảng 56% diện tích tự nhiên HLX. Chủ động kiểm soát không gian nông nghiệp đang có xu hướng phân mảnh rời rạc, kiểm soát khỏi sự xâm lấn từ hoạt động xây dựng nhà ở, sản xuất, hạ tầng. Phân vùng phát triển nông nghiệp dựa trên sinh thái cảnh quan: (i) cảnh quan nông nghiệp đô thị, (ii) cảnh quan nông nghiệp sinh thái, (iii) cảnh quan gò đồi, núi trồng cây lâu năm và lâm nghiệp, (iv) các vùng cây đặc sản.

Khuyến khích các mô hình trang trại, nghiên cứu khoa học phục vụ nông nghiệp. Duy trì các khu vực trồng lúa, hoa màu, khu làng nghề trồng hoa cây cảnh và cây ăn quả, đặc biệt là những khu vực năng suất cao dựa trên mô hình khu nông nghiệp công nghệ cao, kết hợp diện tích canh tác hiện có và môi trường tự nhiên. Liên kết giữa sản phẩm nông nghiệp và các hoạt động thương mại thông qua các trung tâm triển lãm, hội chợ hoa, hội chợ nông sản, trung tâm khoa học công nghệ chuyên ngành hoa và cây cảnh kết hợp với khu dịch vụ sinh thái có chức năng thu gom, chuyên hóa năng lượng tái tạo phục vụ phát triển nông nghiệp. Phát triển các tuyến du lịch gắn

với di sản văn hóa địa phương, đa dạng hóa các loại hình du lịch: du lịch văn hóa, du lịch di sản, du lịch sinh thái – nghỉ dưỡng, du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm...

(5) Kiểm soát đô thị hoá lan toả đến KGX tự nhiên và nông nghiệp: lập danh mục các lô đất xanh tiếp giáp với ranh giới làng, đô thị, khu TTCN; các lô đất nằm trên các tuyến đường hướng tâm, đường liên huyện, liên xã; kiểm soát hàng năm về số lượng, diện tích đất và chỉ số về xây dựng trong lô đất xanh tại cấp huyện và xã.

(6) TKĐT, cảnh quan tự nhiên và chất lượng cảnh quan HLX đặc trưng bởi:



Hình 3. 17: Sơ đồ tổ chức Khung chủ đề tự nhiên và nông nghiệp

Hình thái KGX đặc trưng bởi các (i) các vùng cảnh quan sinh thái (cảnh quan nông nghiệp đô thị, cảnh quan nông nghiệp sinh thái, cảnh quan gò đồi, núi trồng cây lâu năm và lâm nghiệp, các khu bảo tồn thiên nhiên); (ii) Kết nối dọc - kết nối tự nhiên theo các tuyến dòng chảy của sông tạo thành những hành lang sinh thái ĐDSH. Hệ thống sông, hồ liên kết các vùng cảnh quan sinh thái hình thành các hành lang ĐDSH; đồng thời kết nối các: Di sản văn hoá, (Di tích lịch sử, Làng nông nghiệp và làng nghề); các vùng cây đặc sản; các khu giải trí và TDTT ngoài trời; (iii) kết nối ngang - kết nối nhân tạo, phát triển hệ thống các tuyến đường xanh dành cho xe bus,

xe đạp kết nối từ đô thị trung tâm đến HLX, các tuyến đường rợp bóng cây kết nối từ trung tâm làng đến hoạt động giải trí, TDTT ngoài trời; (iv) Các trọng điểm thu hút hoạt động là các công trình di sản văn hoá, các vùng cây đặc sản địa phương, và các công viên vùng, khu giải trí và TDTT ngoài trời phát triển mới.

d) Hành động phát triển

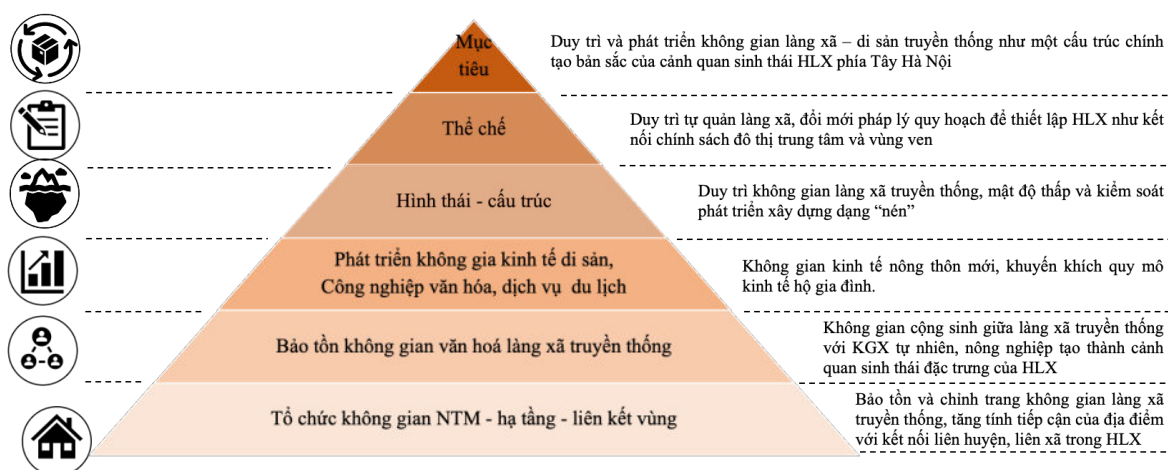


Sơ đồ 3. 13: Hành động phát triển Khung chủ đề tự nhiên và nông nghiệp

3.3.2. Tổ chức theo Khung chủ đề làng xã truyền thống và di sản

a) Mục tiêu: (1) duy trì bản sắc văn hoá làng nông thôn truyền thống gắn với cảnh quan nông nghiệp, cảnh quan di tích lịch sử văn hoá; (2) duy trì vành đai sinh thái nông nghiệp ngăn cản đô thị hoá lan toả; (3) thúc đẩy mô hình “nén” trong cấu trúc không gian làng.

b) Các điều kiện chính: Ưu tiên bảo tồn di sản văn hóa và cảnh quan nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy kinh tế nông thôn, kết hợp dịch vụ sinh thái, nông nghiệp chất lượng cao với kinh tế di sản – văn hóa – du lịch. Kiểm soát tốc độ đô thị hóa khu vực nông thôn. Tăng cường chất lượng sống trong KDCNT, tăng KGX trong các làng, trong lô đất ở và CTCC. Quy hoạch và phát triển đô thị, củng cố hình thái và cấu trúc không gian làng xã mang đậm bản sắc văn hoá “Xứ Đoài”



Sơ đồ 3.14: Các điều kiện tổ chức Khung chủ đề làng và di sản

c) Giải pháp tổ chức không gian

gian: Các yếu tố cấu thành chính: (1) Mạng lưới không gian làng xã truyền thống; (2) Mạng lưới di sản làng xã và kinh tế di sản; thống; (3) Hạ tầng nông thôn xanh; (4) Kiểm soát phát triển “nén”; (5) TKĐT cảnh quan nông nghiệp, nông thôn và du lịch di sản.



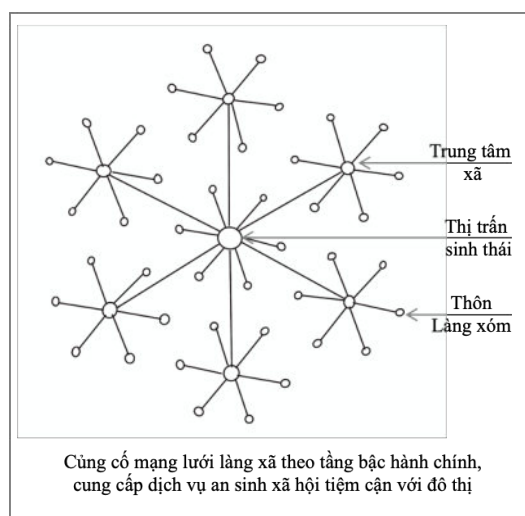
Sơ đồ 3.15: Sơ đồ giải pháp tổ chức không gian Khung chủ đề làng truyền thống, di sản

(1) Bảo tồn và phục dựng mạng lưới di sản gồm các di tích lịch sử, văn hoá riêng lẻ. Cải tạo, khôi phục lại không gian công cộng truyền thống (đình, chùa, miếu, cây đa, bến nước, giếng làng...) theo Luật di sản văn hoá. Giữ gìn cấu trúc làng truyền thống gắn với cảnh quan nông nghiệp; bảo vệ không gian cảnh quan xanh xung quanh di sản; duy trì các lễ hội gắn với di tích lịch sử, tôn giáo. Phát triển các chức năng hiện đại có ứng dụng công nghệ số để kết nối di sản với người dân và giới trẻ; kết hợp phát triển nền kinh tế di sản (du lịch văn hoá, tâm linh, NCKH, giáo dục).

(2) Không gian làng xã (không gian ở và không gian công cộng), có diện tích đất khoảng 17% diện tích tự nhiên của HLX phía Tây Hà Nội. Phát triển mô hình làng “nén, nhỏ gọn” quy định bởi các chỉ tiêu mật độ dân số và mật độ xây dựng tại quy hoạch huyện và xã. Phân loại làng theo quy mô (làng lớn, làng trung bình, làng nhỏ), theo tính chất (làng thuần nông, làng nghề), theo địa lý (làng thấp trũng, làng

đồng bằng, làng vùng cao gò đồi), đưa các làng có quy mô xây dựng lớn ra ngoài ranh giới HLX. Không xây dựng, mở rộng thêm các điểm dân cư nông thôn (làng).

Củng cố mạng lưới làng theo tầng bậc hành chính, cung cấp dịch vụ an sinh xã hội tiệm cận với đô thị; phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ nông nghiệp, chợ nông sản...; tôn tạo cảnh quan làng trở thành không gian sống chất lượng cao với mật độ thấp gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp sinh thái. Về nhà ở: nhà ở mới phải được thiết kế phù hợp với cảnh quan nông thôn; phải được xây dựng bền vững và có

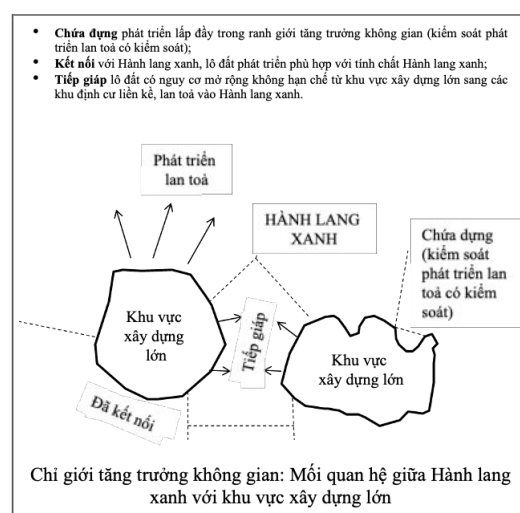


Hình 3. 18: Mạng lưới làng - thị trấn

hiệu quả năng lượng cao, giảm thiểu việc sử dụng nước, năng lượng và đất đai.

(3) Hạ tầng nông thôn: Củng cố mạng lưới giao thông kết nối làng với thị trấn hoặc các đô thị vệ tinh. Hình thành các trọng điểm phát triển nông thôn; cụm đổi mới trong đó phát triển các cơ sở đào tạo nghề, hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu sản phẩm tăng giá trị và đạt tiêu chuẩn sản phẩm “Xanh”.

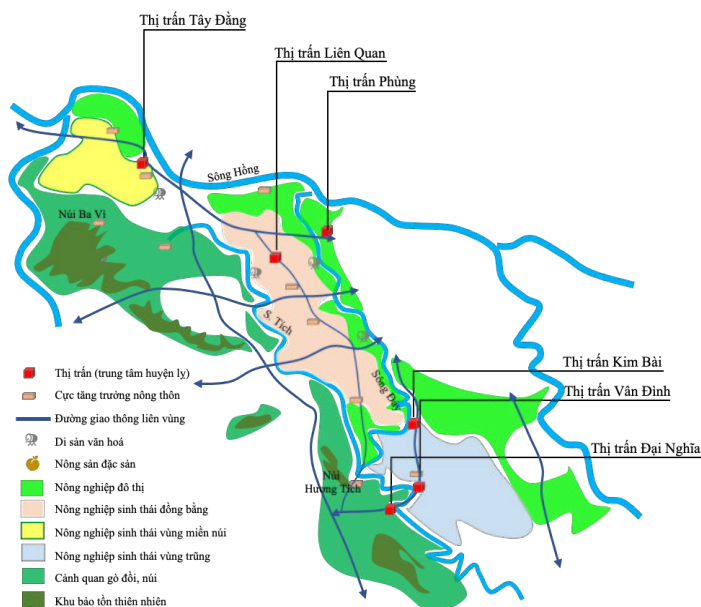
(4) Kiểm soát đô thị hoá lan toả: Thiết lập ranh giới tăng trưởng không gian làng, xác định các khu vực đất đai tiếp giáp ranh giới làng và nông nghiệp theo 3 tiêu chí: (i) tính ổn định vĩnh viễn, (ii) tính ổn định tương đối, (iii) không ổn định để loại bỏ các yếu tố có nguy cơ làm cho khu vực nông thôn bị lấn chiếm. Số lượng làng trong HLX rất lớn, có nhiều nguy cơ phát triển lan toả xâm lấn vào KGX (tự nhiên và nông nghiệp).



Hình 3. 19: Quản lý các lô đất tiếp giáp ranh giới làng

Quy định ranh giới tăng trưởng không gian; ứng dụng công nghệ số bảo vệ đất nông nghiệp; xác định ranh giới phát triển làng xóm, đô thị, khu TTCN... không xâm lấn vào đất nông nghiệp. Kiểm soát tốc độ đô thị hóa bằng các tiêu chí về quy hoạch và thiết kế đô thị, giới hạn mật độ xây dựng; giảm thiểu tác động tiêu cực từ đô thị hoá, thúc đẩy làng đạt tiêu chí xã nông thôn nâng cao và kiểu mẫu; phù hợp với đặc trưng điều kiện tự nhiên, văn hoá lối sống làng; tạo cơ hội để làng hội nhập và quốc tế hoá, phù hợp với mục tiêu HLX phía Tây Hà Nội.

(5) TKĐT và chất lượng cảnh quan nông nghiệp, nông thôn: Hình thái không gian mạng lưới làng nông thôn được đặc trưng bởi: (i) các vùng sinh thái cảnh quan nông nghiệp – nông thôn tạo nên cụm làng, chuỗi làng và điểm làng phân tán đặc trưng; (ii) Chuỗi không gian cư trú bám theo dòng sông, làng nằm trên hành lang các tuyến hạ tầng giao thông; (iii) Các trọng điểm phát triển nông thôn.



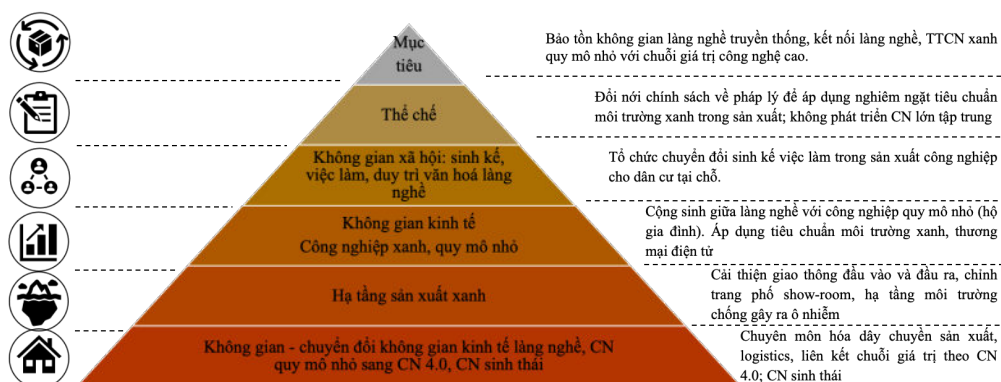
Hình 3. 20: Sơ đồ minh họa tổ chức không gian chủ đề làng truyền thống và di sản

Làng trong các vùng sinh thái cảnh quan: Làng riêng lẻ trong vùng địa hình thấp trũng gắn với trang trại vườn, trang trại nuôi trồng thủy sản; cụm làng lớn/nhỏ và chuỗi làng nằm đan xen trong không gian cảnh quan nông nghiệp hoặc bám dọc các con đê. Bổ sung không gian mở phục vụ công cộng trong làng để nâng cao chất lượng sống và cải thiện cảnh quan khu cư trú.

3.3.3. Tổ chức theo Khung chủ đề công nghiệp quy mô nhỏ

a) **Mục tiêu:** Phát triển dựa trên hệ thống sản xuất và buôn bán của làng nghề truyền thống đã sẵn định hình lâu đời trong lịch sử. Thiết lập quan hệ cộng sinh giữa hoạt động sản xuất CN với du lịch, dịch vụ sinh thái tạo thành vành đai kinh tế - sinh thái phía Tây Hà Nội.

b) Các điều kiện chính:

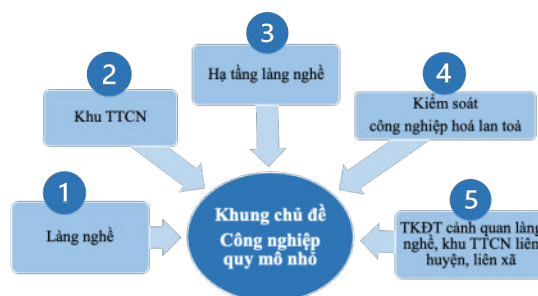


Sơ đồ 3.17: Các điều kiện tổ chức Khung chủ đề làng nghề, TTCN quy mô nhỏ

Không gian TTCN làng nghề chuyển đổi mô hình sản xuất đảm bảo HLX “tăng trưởng, thông minh, bền vững”, làng nghề, khu TTCN tham gia vào nền kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chú trọng yếu tố cải thiện cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường và chỉnh trang cảnh quan cư trú và sản xuất; vận dụng thế mạnh của những phố thị - showroom đã xuất hiện để phát triển dịch vụ - thương mại; áp dụng nghiêm ngặt tiêu chuẩn môi trường trong sản xuất.

c) Giải pháp tổ chức không gian

Các yếu tố cấu thành chính: (1) các cơ sở sản xuất làng nghề, (2) khu TTCN; (3) Hạ tầng làng nghề lan toả, (4) Kiểm soát công nghiệp hoá, (5) TKĐT cảnh quan làng nghề, khu TTCN liên huyện, liên xã.



Sơ đồ 3.18: Sơ đồ giải pháp tổ chức không gian Khung chủ đề công nghiệp quy mô nhỏ

(1) Bảo tồn làng nghề truyền thống: Duy trì các không gian xanh trong các làng xóm, làng nghề truyền thống và khu vực xung quanh di tích để hạn chế các tác động

của đô thị hóa. Bảo tồn hệ thống di sản văn hoá (đình, chùa, miếu, mạo..) và các làng nghề truyền thống, làng nghề thủ công.

Thiết lập lại hệ thống giao thông đáp ứng những tiêu chuẩn thiết kế của đường đô thị, đặc biệt tại các phố thị - showroom, đường ngõ cấp 1, 2, 3... mở thêm đường vòng và đường bao. Lan tỏa liên kết đường bộ tới các đường trục chính, các trung tâm huyện. Cải tạo, chỉnh trang lại khu dân cư, ô phố trong vùng đô thị hóa tự phát. Dựa trên các tiêu chí cơ học như diện tích, dân số, môi trường, nếu khu vực có mật độ dân cư đậm đặc, dân cư quá tải và không đảm bảo tiêu chí tối thiểu thì cũng cần có phương án giãn cư, dịch cư. Di dời các khu sản xuất, cụm xưởng xí nghiệp không đạt tiêu chuẩn môi trường và gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư. Quy hoạch những khu sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ với hệ thống logistics, kho bãi đầy đủ, kết nối với đường lớn.

(2) khu TTCN, điểm CN có diện tích đất <1% diện tích tự nhiên của HLX phía Tây Hà Nội. Giới hạn quy mô sản xuất công nghiệp ở quy mô nhỏ và vừa, khuyến khích phát triển các ngành tiểu – thủ công nghiệp như đồ gỗ nội thất (Hữu Bằng), mộc (Chàng Sơn, Canh Nậu, Dị Nậu), kim khí (Phùng Xá) tạo ra sản phẩm mũi nhọn và có thương hiệu trên thị trường. Có thể phát triển các phố hàng, phố thị tại chỗ, trở thành điểm thu hút khách đến, phát triển thương mại và dịch vụ.

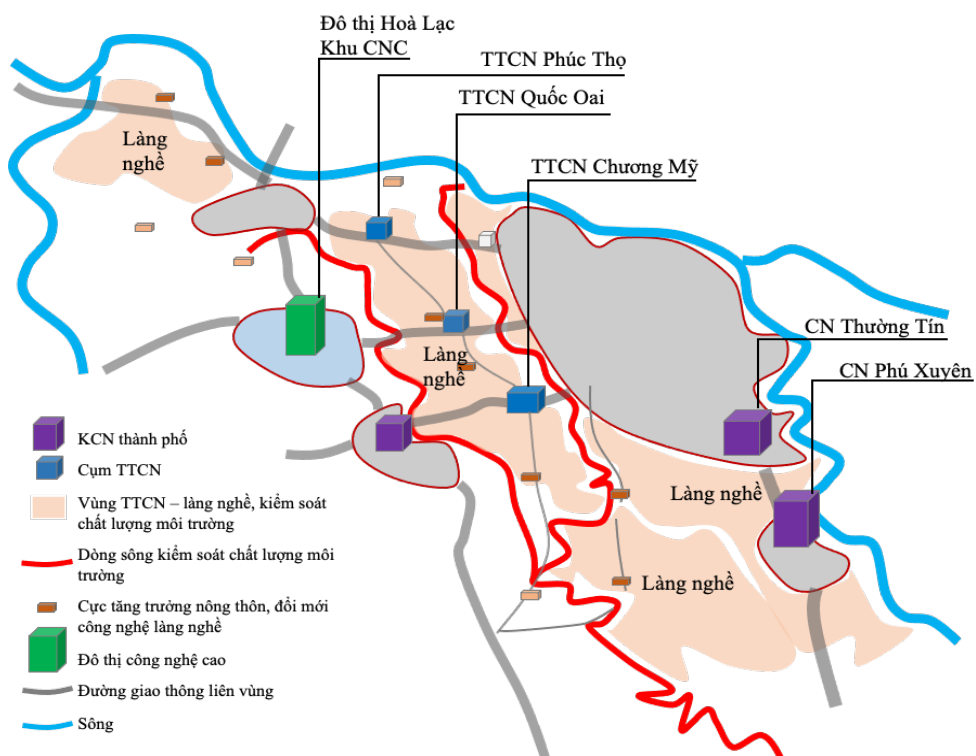
(3) Phát triển mạng lưới hạ tầng công nghệ cao để liên kết làng nghề, khu TTCN với chuỗi giá trị. Ứng dụng cộng sinh công nghiệp thúc đẩy cộng tác giữa các nhà xưởng, cụm sản xuất gần nhau nhằm tối ưu hóa việc sử dụng các yếu tố đầu vào, đầu ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Sản phẩm phụ hoặc chất thải được tạo ra trong quá trình sản xuất ra một sản phẩm chính của nhà xưởng A sẽ trở thành nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản phẩm chính của nhà xưởng B, qua đó tạo mối quan hệ cộng sinh đôi bên có lợi, giảm chi phí sản xuất, giảm sử dụng tài nguyên, nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững. Khuyến khích tái sử dụng, tái chế và tái chế tạo theo hướng tuần hoàn.

(4) Kiểm soát công nghiệp hoá: Khuyến khích phát triển công nghiệp quy mô nhỏ, cần hướng trọng tâm vào phát thải thấp và trung hòa carbon. Áp dụng các tiêu

chuẩn khí thải trong sản xuất công nghiệp, giảm phát thải CO₂. Quy hoạch các khu – cụm công nghiệp quy mô nhỏ ứng dụng công nghệ sản xuất mới làm giảm thiểu tác hại môi trường, đáp ứng được các tiêu chí môi trường. Khống chế về MĐXD và tăng cao tránh tình trạng bê tông hoá ngày càng lan rộng trong làng nghề.

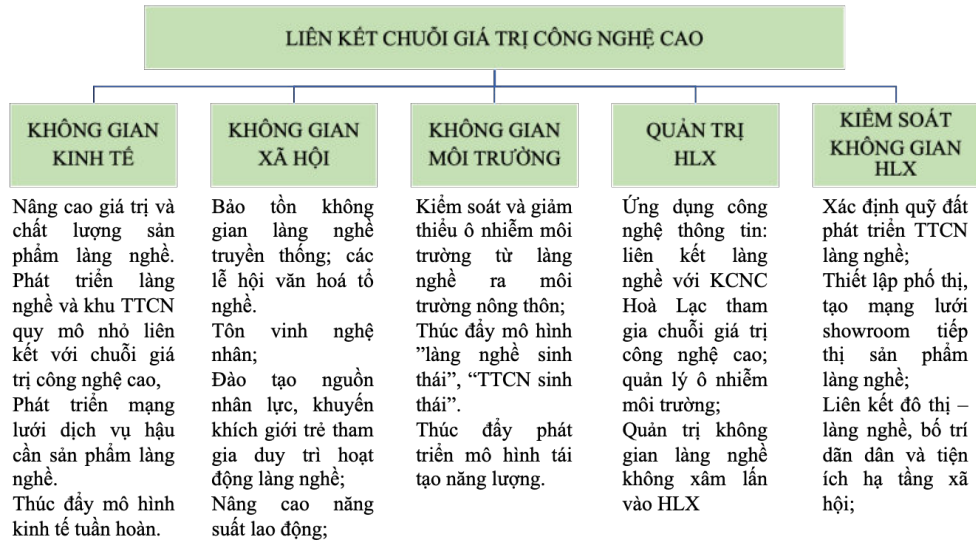
(5) TKĐT cảnh quan làng nghề, khu TTCN: Hình thái không gian đặc trưng bởi cụm làng nghề có sản phẩm đặc trưng (kim khí, mây tre đan, đồ gỗ nội thất, thêu, dệt, chế biến thực phẩm, khảm trai sơn mài, đa ngành...). Kết nối làng nghề, khu TTCN với khu CNC Hoà Lạc để lan toả kinh tế tri thức ứng dụng công nghệ đổi mới và phát triển kinh tế xanh. Phát triển các cụm làng nghề trở thành trung tâm tăng trưởng nông thôn, phát triển trung tâm dịch vụ làng nghề, đổi mới khoa học công nghệ, đào tạo nghề, marketing.

Các cụm TTCN theo mô hình sinh thái, mô hình kinh tế tuần hoàn, kiểm soát nước thải và chất thải công nghiệp được gắn với các thị trấn hoặc đô thị vệ tinh trên các trục hướng về đô thị trung tâm. Kiểm soát ranh giới tăng trưởng không gian khu TTCN, không xâm lấn vào đất nông nghiệp.



Hình 3. 23: Sơ đồ tổ chức Khung chủ đề làng nghề TTCN quy mô nhỏ

d) Hành động phát triển

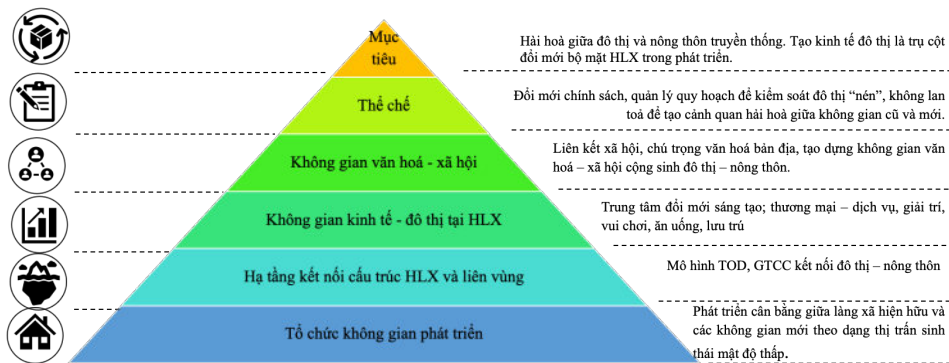


Sơ đồ 3. 19: Hành động phát triển Khung chủ đề công nghiệp quy mô nhỏ

3.3.4. Tổ chức theo Khung chủ đề phát triển đô thị

a) Mục tiêu: (1) Đô thị là các cực tăng trưởng kinh tế - xã hội phía Tây Hà Nội; (2) liên kết đô thị – nông thôn để người dân nông thôn có thêm nhiều cơ hội tiệm cận với cơ hội phát triển.

b) Các điều kiện chính: Phát triển dựa trên bảo tồn là điều kiện tiên quyết; chòm đô thị phía Tây (nằm ngoài ranh giới HLX) gắn với các tuyến hạ tầng hướng về đô thị trung tâm, tạo xu hướng phát triển lan toả nền kinh tế sinh thái trong HLX. Phát triển đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái theo mô hình đô thị nén, đô thị sinh thái nhằm cân bằng giữa khu làng hiện hữu và các khu phát triển mới. Phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, thương mại – dịch vụ hiện đại được hỗ trợ bởi hệ thống GTCC. Kiểm soát phát triển đô thị tự phát đến HLX.



Sơ đồ 3. 20: Các điều kiện tổ chức Khung chủ đề phát triển đô thị

c) Giải pháp tổ chức không gian

Các yếu tố cấu thành chính:

- (1) đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái,
- (2) các khu phố chợ trong làng xã;
- (3) hạ tầng phục vụ đô thị trên địa bàn nông thôn;
- (4) kiểm soát đô thị hoá lan toả,
- (5) Thiết kế cảnh quan đô thị.



Sơ đồ 3. 21: Sơ đồ giải pháp tổ chức không gian Khung chủ đề phát triển đô thị

(1) Xây dựng đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái: phân bố dân số đô thị và giảm áp lực tăng dân số của làng nông thôn. Ưu tiên chính sách phát triển nhà ở tại thị trấn, đô thị sinh thái, đô thị vệ tinh cho các hộ gia đình trẻ trong làng di chuyển đến. Nâng cao tiêu chuẩn quy hoạch đô thị để người dân dễ tiếp cận không gian xanh, không gian sinh thái, không gian công cộng chất lượng cao.

(2) Chính trang không gian khu phố thương mại, phố chợ trong làng xã theo dạng chuỗi, bám dọc tuyến đường chính hoặc đường liên thôn, xung quanh các khu chợ đầu mối nông sản hoặc chợ sản phẩm nghề trở thành không gian mở thân thiện giao tiếp của làng với bên ngoài. Bố trí đầy đủ các tiện nghi công cộng như: bãi đỗ xe, dịch vụ nhà hàng, quầy tín dụng, giới thiệu sản phẩm...

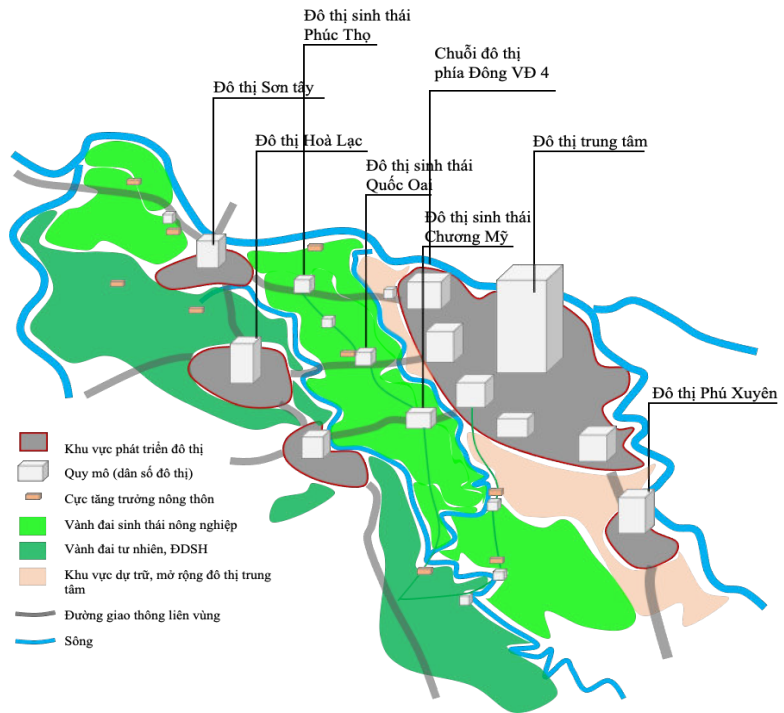
(3) Phát triển hạ tầng phục vụ đô thị trên địa bàn nông thôn đồng bộ, hiện đại (giao thông và các hạ tầng cấp điện, nước...), có diện tích đất khoảng 12% diện tích tự nhiên của HLX phía Tây Hà Nội (không bao gồm diện tích phát triển đô thị); phân bố theo dạng chuỗi, bám dọc dọc giao thông hướng về đô thị trung tâm.

(4) Kiểm soát ranh giới tăng trưởng không gian đô thị, không xâm lấn vào đất nông nghiệp.

(5) Thiết kế cảnh quan đô thị: Không gian các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái tạo thành mạng lưới thu hút tăng trưởng kinh tế phía Tây Hà Nội. Chuỗi đô thị Phúc Thọ, Quốc Oai, Trúc Sơn (Chương Mỹ) trong vành đai nông nghiệp giữa sông Đáy và sông Tích; Chuỗi đô thị Sơn Tây, Hoà Lạc, Xuân Mai trong vành đai tự nhiên gò đồi được

kiểm soát Ranh giới tăng trưởng không gian; liên kết hoạt động an sinh xã hội, việc làm giữa đô thị và nông thôn.

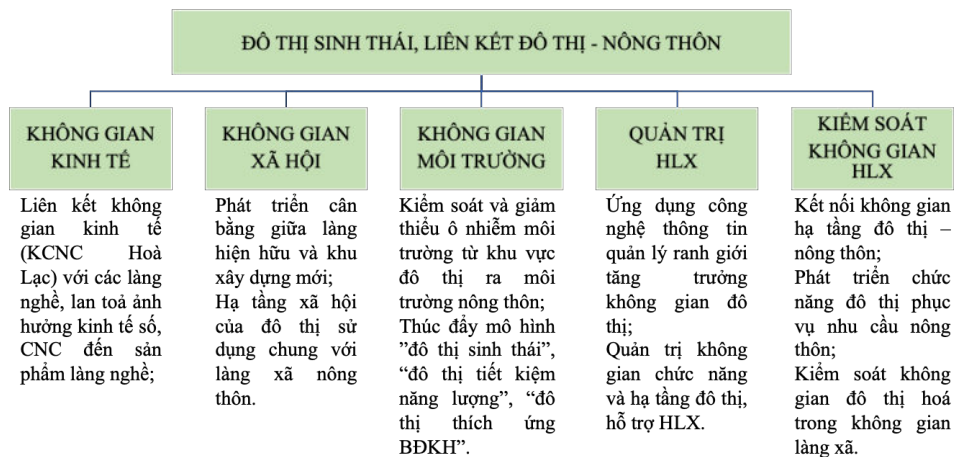
Trong bối cảnh mới, Hà Nội thúc đẩy mô hình TOD và phát triển GTCC tăng cường liên kết đô thị trung tâm với các đô thị trong HLX. Do đó, cảnh quan khu vực từ đường vành đai IV đến đê sông Đáy và dọc hành lang kinh tế Bắc – Nam (QL1) đi qua đô thị Phú Xuyên chịu áp lực đô thị hoá lan toả từ đô thị trung tâm, thúc đẩy phát triển



Hình 3. 24: Sơ đồ minh họa tổ chức Khung chủ đề cảnh quan đô thị

vành đai nông nghiệp đô thị gồm: các khu nông nghiệp đặc sản, các công viên, khu TDTT ngoài trời và bên đầu mối giao thông kết nối đô thị - nông thôn. Dự trữ một số khu đất phát triển hạ tầng quốc gia hoặc đô thị (sân bay thứ 2 Hà Nội).

d) Hành động phát triển



Sơ đồ 3. 22: Hành động phát triển Khung chủ đề phát triển đô thị

3.3.5. Tổ chức theo Khung chủ đề không gian hỗn hợp

a) **Mục tiêu:** Không gian hỗn hợp khởi phát dựa trên hiện trạng chông lán của các hình thái không gian khác nhau trong khu vực HLX, do đó đặt “tích hợp”, “bền vững”, “hài hoà” làm mục tiêu phát triển, hướng đến tạo ra không gian đa chức năng đáp ứng được song song vai trò bảo tồn và phát triển, đảm bảo (1) tối ưu hoá các không gian hỗn hợp theo mô hình chuyên đổi xanh, thông minh, bền vững; (2) liên kết các không gian hỗn hợp nhằm tạo nên hiệu ứng lan toả bảo vệ môi trường sinh thái, bền vững của HLX phía Tây Hà Nội.

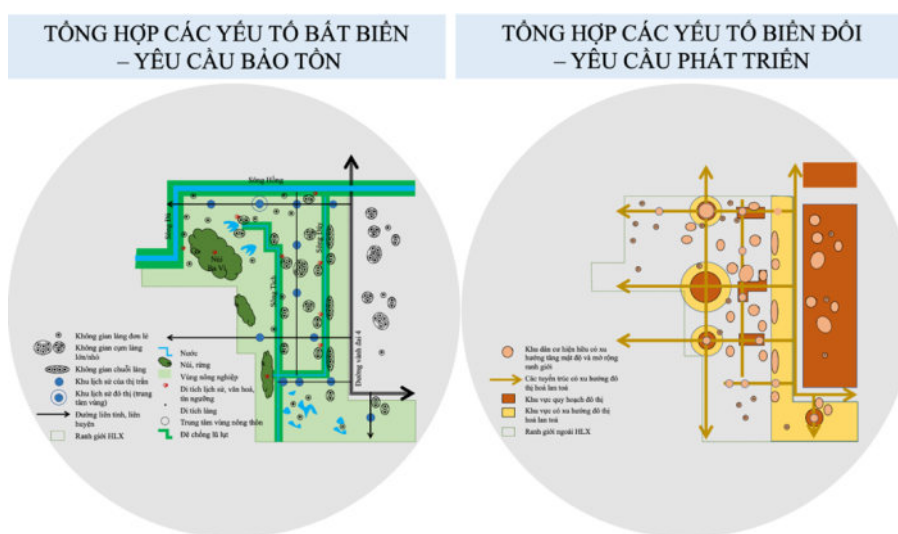
b) Các điều kiện chính

- Không gian hỗn hợp dựa trên hiện trạng đan xen, cộng sinh các hoạt động của các hình thái không gian khác nhau trong HLX phía Tây Hà Nội bảo đảm tính tối ưu để hoàn thiện, thống nhất giữa các ngành, lĩnh vực; khắc phục sự chông chéo, xung đột giữa các quy hoạch khi lập riêng lẻ. Từ đó đảm bảo được mục tiêu phát triển cân đối, hiệu quả, bền vững giữa các ngành, các địa phương trong HLX.



Sơ đồ 3. 23: Các điều kiện tổ chức Khung chủ đề không gian hỗn hợp

- Không gian pha trọng giữa bảo tồn và phát triển:



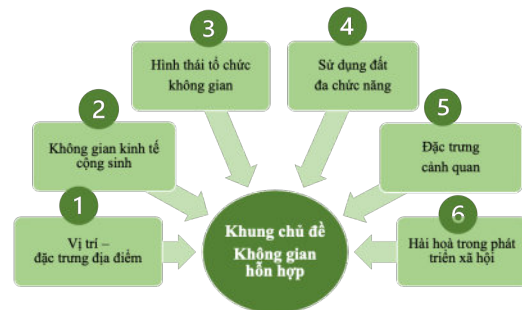
Hình 3. 25: Các thành phần bảo tồn và phát triển trong HLX phía Tây Hà Nội

Các thành tố bất biến đổi, bảo tồn: rừng núi, sông, hồ, nông nghiệp, di tích lịch sử văn hoá, không gian làng, không gian lịch sử các thị trấn cổ, đô thị cổ (Sơn Tây) liên kết với nhau tạo thành cấu trúc đặc trưng; chúng lấy các dòng chảy của sông là khung cốt lõi chi phối cảnh quan văn hoá nông nghiệp nông thôn xứ Đoài. Hệ thống núi, sông, di sản phân bố khá đều và rộng khắp toàn bộ HLX phía Tây; các không gian làng xã với nhiều hình thái lớn, nhỏ hay phân tán, tập trung theo cụm, tập trung theo chuỗi được coi là một phần của không gian bảo tồn bởi vì ở đó là cuộc sống của cư dân nông thôn với những lễ hội, lối sống truyền thống lưu truyền từ ngàn đời.

Các thành tố biến đổi và phát triển: là các phố chợ trong làng, những không gian xung quanh khu TTCN, khu vực đô thị mới, dọc các trục giao thông liên vùng, nhất là khu vực dọc tuyến đường vành đai 4 và quốc lộ 1A, cao tốc quốc lộ 1A. Các khu vực này phân bố khá tập trung thành các cụm, điểm và dải không gian lớn.

c) Giải pháp tổ chức không gian:

Không gian hỗn hợp tại HLX có nhiều cách thức xác định như: nắm bắt xu hướng bất biến và biến đổi chức năng làm các cơ sở phân vùng, hoặc xác định các khu vực có tính chất tương đồng của vùng nông thôn ven đô, theo các thông số: (i) vị trí, (ii) mật độ dân số, (iii) hình thái không gian, (iv) sử dụng đất, (v) đặc trưng cảnh quan, (vi) đặc trưng cộng đồng.



Sơ đồ 3. 24: Sơ đồ giải pháp xác định Khung chủ đề không gian hỗn hợp

Tổ chức theo 6 phân vùng hỗn hợp đặc thù:

(1) Không gian hỗn hợp XANH (tự nhiên, nông nghiệp, di sản): khu vực núi Ba Vì, Hương Tích tích hợp bảo tồn ĐDSH và du lịch tâm linh;

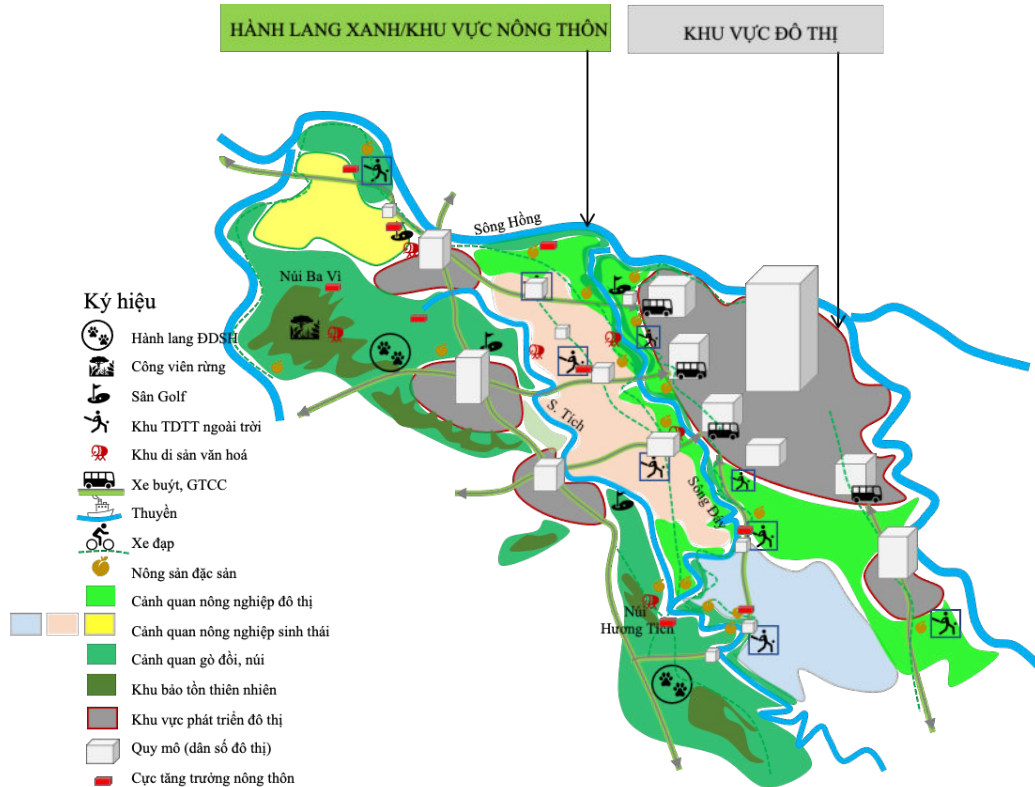
(2) Không gian hỗn hợp nông nghiệp – làng nông thôn: dọc lưu vực dòng sông Đáy, sông Tích, các hồ lớn Đồng Mô, Suối Hai, Xuân Khanh, Quang Sơn tích hợp thiết lập hành lang bảo tồn ĐDSH, quản lý nước tổng hợp, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đô thị, làng nông nghiệp, du lịch sinh thái, công viên giải trí vùng, khu TDTT ngoài trời với các không gian ...;

(3) Không gian hỗn hợp nông nghiệp – làng nghề - đô thị giữa sông Đáy và sông Tích: các cụm điểm xung quanh trục QL 32, đại lộ Thăng Long, QL6 tích hợp các làng nghề, cụm đổi mới, phố nghề, phố thương mại, cảnh quan di tích (chùa Thầy, chùa Tây Phương, chùa Trăm Gian...), cảnh quan nông nghiệp hình thành trung tâm tăng trưởng nông thôn;

(4) Không gian hỗn hợp nông nghiệp – làng nghề Ba Vì và Sơn Tây: trên QL 32 tích hợp làng nghề, cụm đổi mới, vùng cảnh quan nông nghiệp gò đồi, chăn nuôi gia súc và cây lâu năm;

(5) Không gian hỗn hợp nông nghiệp - làng nghề Thanh Oai, Ứng Hoà, Mỹ Đức: trên QL 21B tích hợp làng nghề, cụm đổi mới, vùng cảnh quan nông nghiệp thấp trũng, nuôi trồng thủy sản;

(6) Không gian cảnh quan đô thị - công nghiệp phía Tây đường vành đai 4 và dọc hành lang quốc lộ 1, cao tốc quốc lộ 1: tích hợp làng nghề, TTCN, đô thị, cảnh quan nông nghiệp đô thị, các khu giải trí TDTT ngoài trời (Golf, tennis, bóng đá...), hạ tầng của quốc gia hoặc thành phố.



Hình 3. 26: Sơ đồ minh họa tổ chức không gian hỗn hợp

3.4. Giải pháp quản lý phát triển hành lang xanh phía Tây Hà Nội

3.4.1. Bộ tiêu chí kiểm soát về tổ chức không gian HLX

a) Xác định bộ tiêu chí tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội

Từ phân tích các cơ sở khoa học trên, có thể nhận thấy trong tương lai, việc kiểm soát HLX phía Tây phải dựa trên đầy đủ các nhu cầu phát triển và bảo tồn. Trước đây khi nói đến HLX, các nghiên cứu thường chỉ nhấn mạnh đến yếu tố “bảo tồn”, tuy nhiên trong (mục 2.5.2) luận án đã chỉ ra rằng không chỉ bảo tồn mà cần phát triển HLX một cách có kiểm soát dưới tập hợp một bộ tiêu chí. Cụ thể, các tiêu chí cần đặt ra với HLX phía Tây Hà Nội sẽ là:

(1) Trước hết, cần xác định các *thành phần bảo tồn* trong HLX: đối với HLX phía Tây Hà Nội, đó là 3 yếu tố: Tự nhiên, di sản, lối sống. Trong các thành phần này cần đề ra những tiêu chí kiểm soát cụ thể.

(2) Thứ hai, các *thành phần phát triển* trong HLX (có kiểm soát) sẽ là: làng, trung tâm tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ, đô thị và các khu xây dựng mới. Trong các thành phần này cũng cần đề ra những tiêu chí kiểm soát cụ thể, như (1). Đây có thể coi là khu vực phát triển cân bằng dựa trên bảo tồn.

(3) Thứ ba, các thành phần ở (1) và (2) dù bảo vệ hay phát triển cần phải được xác định rõ dưới *các tiêu chí cụ thể cho các thành phần* (về tiếp cận, đa dạng sinh học...).

(4) Thứ tư, nhìn dưới góc độ quản lý, cần phải xem xét dưới các quy mô quy hoạch khác nhau (vùng liên huyện, vùng huyện, xã... theo Luật quy hoạch đô thị và Luật Xây dựng) và dưới *các xu hướng chuyển đổi* phát triển thịnh hành (tăng trưởng xanh, thông minh, số hóa...) để đáp ứng đúng mục đích của HLX phía Tây trong cấu trúc đô thị Hà Nội là phân cách, không để hệ thống chòm đô thị phát triển lan toả dính liền nhau và là vùng nông thôn ngoại vi “tăng trưởng - thông minh – bền vững”.

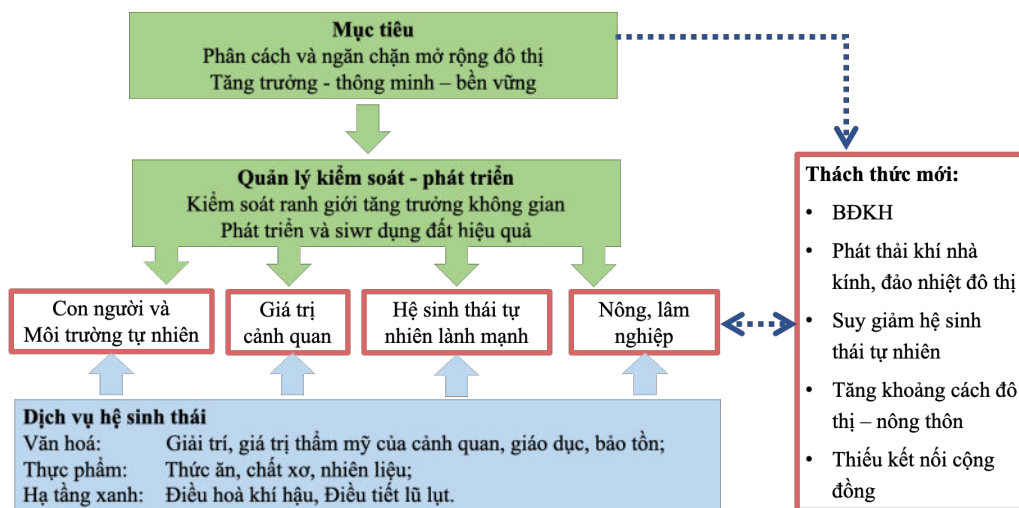
b) Cơ sở xác định bộ tiêu chí

- Xác định các thành phần bảo tồn: theo các phần trên phân tích, những thành phần cần phải bảo tồn trong HLX sẽ là: (i) *tự nhiên*: các yếu tố về địa hình, cảnh quan thiên nhiên... (2) *di sản*: các di sản vật thể và phi vật thể xứ Đoài, đồng thời cả những

yếu tố nhân tạo đặc trưng như hệ thống đê, trung tâm làng xã truyền thống, cảnh quan nông nghiệp... (3) *lối sống*: các lễ hội, các thiết chế truyền thống làng xã...

- Xác định các thành phần phát triển: những thành phần cần phát triển có kiểm soát trong HLX: (1) *Làng xã nông thôn*: các cấu trúc làng xã nông thôn phải biến đổi phù hợp bối cảnh mới về kinh tế - xã hội, do đó cần kiểm soát dựa theo các tiêu chí: mật độ dân số; hình thái không gian; sử dụng đất; yếu tố cảnh quan; đặc trưng cộng đồng. (2) *TTCN quy mô nhỏ*: ở HLX Hà Nội tồn tại 2 dạng: làng nghề và khu TTCN, trong đó các chỉ tiêu cần lưu ý khi kiểm soát là sử dụng đất và yếu tố môi trường. (3) *Các khu vực hiện hữu có đặc trưng đô thị và khu xây dựng mới*: cần kiểm soát các yếu tố: tăng trưởng kinh tế; tăng trưởng dân số; mật độ dân số; hạ tầng kỹ thuật; hạ tầng xã hội; kiến trúc cảnh quan.

- Xác định các yếu tố chung cần kiểm soát phát triển:



Sơ đồ 3. 25: Mối quan hệ VDX và dịch vụ hệ sinh thái trong chính sách quy hoạch

Bên cạnh những yếu tố kiểm soát cho từng khu vực, bên cạnh đó cần quy định rõ về các vấn đề về sử dụng và quản lý không gian HLX, đó là: (1) *Liên kết giữa con người và thiên nhiên*: đảm bảo quyền tiếp cận của người dân đến không gian công cộng; cung cấp các không gian giải trí, TDTT ngoài trời, công viên, các tuyến đường xanh xe đạp và đi bộ; (2) *giá trị cảnh quan hấp dẫn*: bên cạnh bảo tồn và phục hồi các cảnh quan nông nghiệp, cần xác định tính chất cảnh quan vùng giáp ranh giới HLX; phục hồi, tái sinh, trồng mới cây cối và rừng; chú ý cảnh quan khu vực di sản tăng tính thẩm mỹ và ý nghĩa lịch sử, văn hoá; hình thành các môi trường sống bán

hoang dã; chú ý Chất lượng môi trường nước và Quản lý chất thải rắn. (3) *Đa dạng sinh thái tự nhiên*: bảo tồn đa dạng quần thể chim, bướm; Hành lang đa dạng dọc sông Đáy, sông Tích, sông Hồng, sông Đà, các hồ tự nhiên, nhân tạo cũng như Nhận thức của công chúng với thiên nhiên trong HLX. (4) *Phát triển nông nghiệp bền vững*: bảo tồn củng cố: hạ tầng nông nghiệp; chất lượng đất nông nghiệp; vùng nông nghiệp đặc sản; đa dạng hoá loại trang trại; hình thành các tiêu chí nông nghiệp đô thị, mạng lưới siêu thị nông sản; các tuyến hạ tầng liên kết công đồng và rừng cộng đồng.

- Xác định tiêu chí về chuyển đổi mô hình phát triển HLX: Xét về quản lý và liên kết khu vực, chúng ta cần phải để ý đến sự liên kết giữa các không gian với nhau để sự chuyển đổi diễn ra một cách đồng bộ, đồng thời đáp ứng các xu hướng đã có. Cụ thể là: (1) *Cấp độ chuyển đổi mô hình phát triển*: vùng liên huyện; Vùng huyện; Xã; (2) *Chuyển đổi mô hình phát triển*: chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, tăng trưởng thông minh, khả năng phục hồi khủng hoảng, gắn kết xã hội và lãnh thổ.

Hình 3. 27: Sơ đồ tổng quát về quy định tổ chức không gian HLX theo cấp độ không gian

Cấp liên huyện	Cấp huyện	Cấp xã
<p>Mối quan hệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đô thị - nông thôn; • Không gian trồng HLX với Không gian xây dựng. 	<p>Mối quan hệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cụm làng và thị trấn; • Không gian trồng Huyện với Không gian xây dựng 	<p>Mối quan hệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chức năng của làng; • Không gian trồng Xã với Không gian xây dựng

c) Tổng hợp bộ tiêu chí kiểm soát về tổ chức không gian HLX

Các tiêu chí được tổng hợp trong bảng dưới đây. Các hướng dẫn, trọng số cho mỗi chỉ tiêu sẽ được đề cập trong Chương III; được chi tiết tại (phụ lục10)

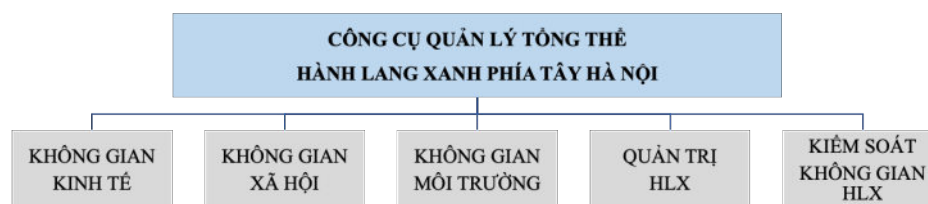
Bảng : Xác định những tiêu chí kiểm soát HLX phía Tây Hà Nội

TT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu
1	Tiêu chí xác định các thành phần bảo tồn	Tự nhiên	Nước
			Núi rừng
			Công viên
		Di sản	Cảnh quan nông nghiệp
			Di tích lịch sử tín ngưỡng
			Không gian văn hoá làng xã
			Trung tâm vùng nông thôn
Đê chống lũ lụt			
Lối sống	Cảnh quan làng xã		
2	Tiêu chí xác định các thành phần phát triển	Làng nông thôn	Mật độ dân số
			Hình thái không gian
			Sử dụng đất
			Yếu tố cảnh quan
			Đặc trưng cộng đồng
		TTCN quy mô nhỏ	Làng nghề
			Khu TTCN
		Đô thị và khu xây dựng mới	Tăng trưởng kinh tế
			Tăng trưởng dân số
			Mật độ dân số
			Hạ tầng kỹ thuật
			Hạ tầng xã hội
			Kiến trúc cảnh quan
3	Kiểm soát phát triển	Con người và tự nhiên	Quyền/mật độ tiếp cận của người dân đến không gian công cộng
			Cung cấp các không gian giải trí, TDTT ngoài trời, công viên.
			Cung cấp các tuyến đường xanh xe đạp và đi bộ
			Cung cấp GTCC
		Giá trị cảnh quan hấp dẫn	Cảnh quan nông nghiệp
			Cảnh quan vùng giáp ranh giới HLX
			Phục hồi, tái sinh, trồng mới cây cối và rừng
			Cảnh quan khu vực di sản tăng tính thẩm mỹ và ý nghĩa lịch sử, văn hoá
			Hình thành các môi trường sống bán hoang dã
			Chất lượng môi trường nước
			Quản lý chất thải rắn
			Tái sử dụng đất bỏ hoang
		Đa dạng sinh thái tự nhiên	Đa dạng quần thể chim, bướm
			Hành lang đa dạng dọc sông Đáy, sông Tích, sông Hồng, sông Đà, các hồ tự nhiên, nhân tạo
			Nhận thức của công chúng với thiên nhiên trong HLX

		Phát triển nông nghiệp bền vững	Hạ tầng nông nghiệp Chất lượng đất nông nghiệp Vùng nông nghiệp đặc sản Đa dạng hoá loại trang trại Nông nghiệp đô thị mạng lưới siêu thị nông sản Các tuyến hạ tầng liên kết công đồng Khu rừng cộng đồng
4	Tiêu chí về chuyển đổi mô hình phát triển HLX	Cấp độ quy hoạch và phát triển đô thị Chuyển đổi mô hình phát triển	Vùng liên huyện Vùng huyện Xã Chuyển đổi xanh Chuyển đổi số, Tăng trưởng thông minh, Khả năng phục hồi khủng hoảng Gắn kết xã hội và lãnh thổ

3.4.2. Các các chiến lược, quy hoạch, quy chế quản lý phát triển

a) Chiến lược phát triển HLX phía Tây Hà Nội



Sơ đồ 3. 26: Công cụ quản lý tổng thể HLX phía Tây Hà Nội theo tiếp cận đa ngành

Về kinh tế cần đa dạng hóa hoạt động kinh tế khu vực nông thôn; đổi mới kinh doanh; thực hiện dự án chiến lược kinh tế có giá trị liên kết vùng, tăng trưởng GDP hoặc cạnh tranh quốc tế, khuyến khích phục hồi các sản phẩm kinh tế địa phương và gia tăng việc làm tại chỗ, đa dạng hóa nông thôn; tái thiết chức năng hiện hữu nhằm cải thiện liên kết nông thôn - đô thị theo hướng bảo quản tài sản xã hội, trách nhiệm môi trường và tiếp cận cộng đồng; Khuyến khích ngành kinh tế mang tính xã hội và doanh nghiệp xã hội.

Về xã hội khuyến khích sự tham gia cộng đồng để cung cấp dịch vụ an sinh xã hội và nhà ở, dịch vụ du lịch và giải trí; tăng năng lực cộng đồng để đối phó với những thay đổi của bối cảnh, tự bảo vệ các giá trị văn hoá bản địa và bảo vệ các địa điểm thiên nhiên quan trọng. Cải thiện không gian sống và tạo lập cơ hội tiếp cận việc làm cho các khu vực định cư hợp pháp trong khu vực nông thôn.

Về môi trường thiết lập chính sách về dịch vụ hệ sinh thái và hệ thống cơ sở hạ tầng làm giảm nhẹ và thích nghi với biến đổi khí hậu, bảo tồn cảnh quan và môi trường sống, cơ sở hạ tầng xanh đa cấp độ. Đa dạng hóa chức năng sử dụng đất nông lâm nghiệp.

Về không gian dựa trên công cụ quy hoạch không gian, kết hợp phát triển đất đô thị với hạ tầng ít ảnh hưởng; kiểm soát mở rộng không gian đô thị tràn lan; ưu tiên liên kết và mối quan hệ nông thôn - đô thị; đổi mới công cụ quy hoạch và quản lý không gian vùng đô thị - nông thôn. Tạo cơ hội chuyển đổi từ quy hoạch truyền thống sang quy hoạch tích hợp/chiến lược. Tuy nhiên, cần có thêm nhiều công cụ khác để hỗ trợ, ví dụ: luật quản lý đô thị, luật quản lý tăng trưởng, quy định về chuyển nhượng quyền phát triển... Hình thành vùng đô thị hiệu quả về kinh tế - xã hội - môi trường ở khu vực nông thôn Hà Nội không chỉ phụ thuộc vào công cụ quy hoạch không gian, mà còn phụ thuộc vào năng lực quản trị của chính quyền các cấp và nhận thức xã hội về sử dụng đất đai bền vững. Đất đai vùng ven đô có hệ số sử dụng đất hiệu quả, kết hợp với cơ sở hạ tầng thích ứng với BĐKH và tiết kiệm năng lượng, đồng thời khuyến khích phát triển các nguồn năng lượng tái tạo mới.

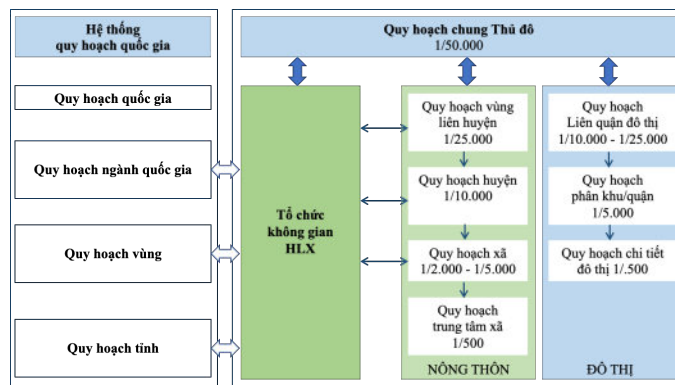
Về quản trị cần đào tạo nâng cao năng lực quản lý đô thị - nông thôn các cấp, quản trị tài chính lành mạnh đóng vai trò tích cực thúc đẩy nền kinh tế địa phương. Khuyến khích sự tham gia của công chúng và các bên liên quan. Năng lực điều phối thực hiện chiến lược ở cấp liên lãnh thổ trong vùng nông thôn - đô thị phát triển bền vững đảm bảo phục vụ nhu cầu của tất cả các bên liên quan.

Bảng 3. 3: Phát triển bền vững khu vực nông thôn HLX phía Tây Hà Nội thông qua mô hình quản lý

KINH TẾ	MÔI TRƯỜNG	XÃ HỘI	QUẢN LÝ
Tái cấu trúc không gian kinh tế vùng ven đô trở thành động lực phát triển thành phố	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên HLX góp phần cân bằng giữa bảo tồn – phát triển	Phân bố dân cư đồng đều	Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý HLX
Khu vực trọng điểm kinh tế quốc gia		Thiết lập danh sách cộng đồng tự chủ nâng cấp môi trường sống thị trấn và làng xã	
Khu vực kinh tế cấp tiểu vùng			
Khu vực kinh tế chính quy	Khu vực bảo tồn ưu tiên đa cấp độ	Quản lý không gian công cộng vùng HLX	Quản trị tích hợp
Vành đai nông nghiệp – du lịch ven đô			

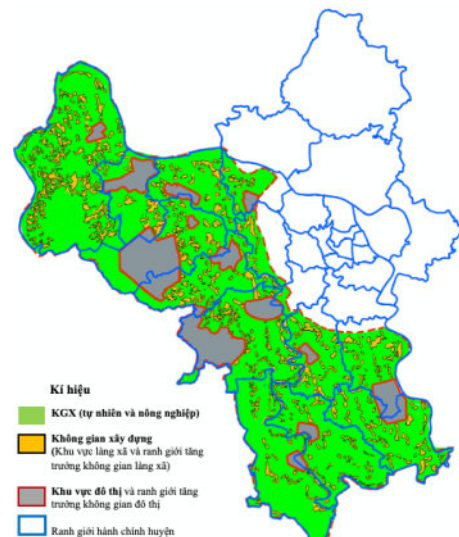
Quản lý theo chính sách thể chế: Đào tạo nâng cao năng lực quản lý đô thị - nông thôn các cấp, quản trị tài chính lành mạnh đóng vai trò tích cực thúc đẩy nền kinh tế địa phương. Khuyến khích sự tham gia của công chúng và các bên liên quan. Năng lực điều phối thực hiện chiến lược ở cấp liên lãnh thổ trong vùng nông thôn - đô thị phát triển bền vững đảm bảo phục vụ nhu cầu của tất cả các bên liên quan.

b) Quy hoạch đô thị và nông thôn: Lập các quy hoạch đô thị, nông thôn trong HLX phía Tây Hà nội ở các cấp độ sau: Đối với hệ thống quy hoạch quốc gia: tổ chức không gian HLX trong quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia; quy hoạch vùng và các quy hoạch tỉnh. Đối với hệ thống quy hoạch địa phương: tổ chức không gian HLX trong (1) vùng liên huyện, (2) vùng huyện, (3) cấp xã.



Sơ đồ 3. 27: Đề xuất tổ chức không gian HLX theo hệ thống quy hoạch Việt Nam

Triển các quy hoạch huyện, quy hoạch xã nông thôn, trên nguyên tắc: (i) xác định ranh giới tăng trưởng không gian đô thị và làng; (ii) xác định tỷ lệ đất dành cho KGX (tự nhiên và nông nghiệp), không gian xây dựng; (iii) xác định tính chất và chức năng chính cấp huyện và xã; (iv) xác định liên kết không gian và liên kết hạ tầng; (v) Xác định các yêu cầu sử dụng đất cấp huyện và xã.



Hình 3. 28: Ranh giới tăng trưởng không gian và ranh giới hành chính

c) Quản lý theo quy chế phát triển

Thực hiện quy chế quản lý HLX phía Tây Hà Nội đảm bảo vai trò (i) Phân cách và ngăn chặn mở rộng đô thị; (ii) Tăng trưởng, thông minh, bền vững. Quản lý kiểm soát ranh giới tăng trưởng không gian đô thị và làng. Phát triển không gian, sử dụng đất hiệu quả nhằm: kết nối Con người – Môi trường tự nhiên, tăng cường Giá trị cảnh quan; thiết lập Hệ sinh thái tự nhiên lành mạnh; đa dạng hoá các mô hình nông lâm nghiệp. Vai trò của cộng đồng: Thúc đẩy dịch vụ hệ sinh thái thông qua các hoạt động cộng đồng về: Văn hoá (giai trí, giá trị thẩm mỹ của cảnh quan, giáo dục, bảo tồn di sản văn hoá; Nông nghiệp: thức ăn thực phẩm sạch và giàu chất xơ; Hạ tầng xanh: Điều hoà khí hậu, điều tiết lũ lụt.

3.5. Bàn luận về các kết quả đạt được

3.5.1. Bàn luận về áp dụng kết quả nghiên cứu trong công tác quy hoạch đô thị, nông thôn

a) Kết quả nghiên cứu đưa ra các luận điểm khoa học giải đáp các vấn đề đặt ra trong Điều chỉnh quy hoạch kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050:

(1) Nên tiếp tục duy trì HLX Hà Nội; và HLX Hà Nội đề xuất trong quy hoạch (QĐ 1259) đến nay còn nguyên giá trị; (2) Tiếp tục theo đuổi ý tưởng HLX, nhưng phát triển vùng nông thôn phía Tây Hà Nội cần đổi mới mô hình phát triển: chuyển đổi xanh-thông minh và kết nối cộng đồng; (3) Phát triển HLX là hành lang kinh tế - sinh thái là sự lựa chọn tối ưu cho khu vực phía Tây Hà Nội.

b) Cung cấp phương pháp luận áp dụng nội dung nghiên cứu trong quy hoạch đô thị, nông thôn Hà Nội

- *Về khái niệm:* HLX Hà Nội có nhiều đặc điểm tương đồng với VĐX thế giới. Nguyên cứu tổ chức không gian HLX có thể áp dụng các lý luận của HLX thế giới để vận dụng.

- *Về thực trạng:* HLX phía Tây Hà Nội mang tính đặc thù khác với VĐX, HLX thế giới, là không gian hỗn hợp chứa đựng nhiều yếu tố bất biến đổi và biến đổi không có quy luật, được nhận dạng gồm năm dạng chức năng chủ đạo: 1) không gian cảnh quan địa lý tự nhiên, 2) không gian cảnh quan nông nghiệp và nông thôn, 3) không gian cảnh quan làng nghề, công nghiệp hoá, 4) không gian cảnh quan đô thị, 5) không

gian cảnh quan hỗn hợp. Các không gian hỗn hợp trong HLX biểu hiện mối quan hệ cộng sinh giữa đô thị và nông thôn, xuất hiện trong quá khứ gắn liền với lịch sử kinh thành Thăng Long và chuyển hoá dần trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá trở thành vùng nông thôn ngoại vi Thủ đô Hà nội (thành phố lớn thứ 2 của Việt Nam)

- *Về vai trò và ý nghĩa:* HLX tham gia giải quyết các thách thức khu vực phía Tây Hà Nội trong vai trò là HLX ngăn cản phát triển đô thị lan tỏa và thúc đẩy vùng nông thôn ven đô tăng trưởng bền vững, thông minh.

Ý nghĩa HLX ngăn cản phát triển đô thị lan tỏa: quản lý tăng trưởng đô thị hoá, giảm thiểu và thích ứng với BĐKH, bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đất nông nghiệp, bảo vệ di sản văn hoá nông thôn;

Ý nghĩa Ý nghĩa HLX tăng trưởng bền vững, thông minh: tạo tăng trưởng tích cực ở khu vực nông thôn, hỗ trợ kinh tế địa phương, thúc đẩy kinh tế du lịch, sức khoẻ, giáo dục và giải trí; phát triển các tiến bộ về kinh tế-xã hội-môi trường cho thế hệ tương lai.

- *Về Phương pháp quy hoạch tích hợp đa ngành:* dựa trên các yêu cầu chính: (i) chuyển đổi mô hình nông thôn truyền thống kết hợp nông thôn hiện đại sang nông thôn bền vững Xanh, Thông minh; (ii) chuyển đổi không gian hỗn hợp có khả năng tự phục hồi: giảm thiểu rủi ro, tăng khả năng chống chịu, tăng khả năng thích ứng. Từ đó xác định các nhiệm vụ tổ chức tổ chức không gian HLX:

Nhiệm vụ HLX ngăn cản đô thị phát triển lan tỏa: (1) Kiểm soát mở rộng các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái, làng; (2) Ngăn chặn các làng sáp nhập vào nhau; (3) Hỗ trợ và bảo vệ cảnh quan nghiệp nông thôn không bị lấn chiếm; (4) Bảo tồn khung cảnh và tính chất đặc biệt của không gian xây dựng; (5) Hỗ trợ tái tạo đô thị, thúc đẩy tái sử dụng đất bỏ hoang trong các không gian xây dựng.

Nhiệm vụ HLX tăng trưởng bền vững, thông minh: thúc đẩy không gian hỗn hợp chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, khả năng phục hồi khủng hoảng, gắn kết xã hội và lãnh thổ trên 5 nội dung quy hoạch (i) không gian kinh tế, (ii) không gian xã hội, (iii) không gian môi trường, (iv) quản trị HLX, (v) kiểm soát không gian HLX.

- *Ranh giới HLX:* Kiến nghị các làng quy mô trung bình và lớn, làng nghề ra bên ngoài ranh giới HLX. Nhiệm vụ HLX không những phân cách ngăn cản phát triển lan tỏa giữa các đô thị, mà còn phân cách ngăn cản phát triển lan tỏa hàng ngàn

làng nông thôn phía Tây Hà Nội. Từ đó xác định quy mô, gồm: KGX (tự nhiên và nông nghiệp) chiếm 70% diện tích tự nhiên HLX phía Tây Hà Nội và không gian xây dựng chiếm 30% diện tích tự nhiên HLX phía Tây Hà Nội. Không gian xây dựng là các làng trong HLX, thuộc chính sách kiểm soát phát triển.

- *Sử dụng đất*: tổ chức phân bổ sử dụng đất các chức năng của HLX đáp ứng yêu cầu của phía Tây Hà nội đang trong quá trình đô thị hoá khi có nhiều xã nông thôn chuyên đổi trở thành đô thị. Ba mức độ kiểm soát được thực hiện, gồm: vùng liên huyện, vùng huyện và xã.

- *Bảo tồn KGX (tự nhiên và nông nghiệp), di sản*: theo nguyên tắc (i) kết nối con người và tự nhiên, (ii) giá trị cảnh quan, (iii) Hệ thống tự nhiên lành mạnh, (iv) Nông lâm nghiệp phát triển.

Tổ chức KGX (tự nhiên và nông nghiệp) chú trọng (i) bảo tồn tài nguyên sinh thái HLX phía Tây Hà nội; (ii) bảo tồn và phục hồi tài nguyên nước; (iii) thúc đẩy phát triển các hành lang đa dạng sinh học; (iv) phát triển các mô hình kinh tế sinh thái với sự tham gia cộng đồng; (v) phát triển liên kết xanh đô thị – nông thôn, tạo không gian có ý nghĩa về sức khỏe, giáo dục, KHCCN để người dân tiếp cận với thiên nhiên.

- *Phát triển không gian làng, TTCN làng nghề, đô thị hoá*: theo nguyên tắc (i) Sử dụng đất hiệu quả, (ii) kiểm soát tăng trưởng không gian, (iii) Hấp dẫn nơi chốn, (iv) liên kết đô thị - nông thôn.

Tổ chức không gian làng chú trọng (i) duy trì bản sắc văn hoá làng nông thôn truyền thống gắn với cảnh quan nông nghiệp, cảnh quan di tích lịch sử văn hoá; (ii) duy trì vành đai sinh thái nông nghiệp ngăn cản đô thị hoá lan toả; (iii) thúc đẩy phát triển mô hình “đô thị nén” trong cấu không gian làng.

Tổ chức không gian TTCN làng nghề chú trọng (i) bảo tồn không gian làng nghề truyền thống; (ii) liên kết làng nghề với chuỗi giá trị công nghệ cao.

Tổ chức không gian đô thị: (i) phát triển “mô hình nén”, ”đô thị sinh thái”, “đô thị tiết kiệm năng lượng”, “đô thị thích ứng BĐKH”, đô thị vừa là các cực tăng trưởng kinh tế - xã hội, vừa thúc đẩy mô hình chuyển hoạt động trong HLX theo hướng PTBV; (ii) liên kết đô thị – nông thôn để người dân nông thôn có thêm nhiều cơ hội tiếp cận với cơ hội phát triển và giảm khoảng cách đô thị - nông thôn, trong đó liên kết không gian KT-XH và liên kết hạ tầng

3.5.2. Bàn luận áp dụng kết quả nghiên cứu trong quản lý phát triển hành lang xanh phía Tây Hà Nội

- *Mô hình phát triển HLX phía Tây Hà Nội theo hướng chuyển đổi kinh tế, sinh thái, xã hội (tiếp cận mới của PTBV)*. Trên cơ sở nhận diện đặc điểm và giá trị khu vực phía Tây Hà Nội, thiết lập các không gian hỗn hợp theo khung chủ đề không gian chủ đạo; và các nguyên tắc chuyển đổi mô hình tổ chức không gian HLX PTBV.

- *Ranh giới tăng trưởng không gian*: đề xuất giới hạn mở rộng không gian đô thị, TTCN-làng nghề, làng tại khu vực phía Tây.

- *Mô hình tổ chức không gian tổng thể HLX phía Tây Hà nội*: các nghiên cứu đề xuất ranh giới, quy mô, chức năng, tỷ lệ giữa KGX và không gian xây dựng; các chỉ số hướng dẫn quy hoạch sử dụng đất ở 3 cấp độ là liên huyện/huyện/xã.

- *Giải pháp tổ chức không gian theo chủ đề không gian chủ đạo*: nghiên cứu đề cập đến các điều kiện tổ chức không gian và hành động phát triển.

- *Tính hiệu quả của mô hình, giải pháp, ứng dụng thực tiễn*: Mô hình tổ chức không gian HLX có tính ứng dụng cao, do được nghiên cứu từ thực trạng khu vực phía Tây ở nhiều khía cạnh: điều kiện địa lý tự nhiên, văn hoá-xã hội, sinh kế và kinh tế; hình thái phân bố dân cư, sử dụng đất.v.v.. Hà Nội theo đuổi tầm nhìn “Thủ đô Văn hiến, Văn Minh, Hiện đại” và thúc đẩy phát triển nông thôn bền vững. Nghiên cứu làm rõ khái niệm và nhận thức về vai trò và tầm quan trọng đối với HLX phía Tây; phương pháp lập giải pháp tổ chức không gian HLX.

3.5.3. Bổ sung các lý luận nghiên cứu khoa học đối với các dạng KGX đô thị và kiểm soát tình trạng đô thị hóa lan toả tự phát

- *Bổ sung lý luận liên quan* đến HLX phía Tây Hà Nội về thực trạng và quá trình chuyển đổi không gian hỗn hợp trong HLX có đặc trưng riêng của đô thị Châu Á.

- *Bổ sung lý luận về HLX*. Từ HLX phân cách ngăn cản phát triển lan tỏa giữa các đô thị sang HLX kết hợp phân cách ngăn cản phát triển lan tỏa giữa các đô thị và tăng trưởng bền vững, thông minh.

- *Bổ sung phương pháp quy hoạch tiếp cận tích hợp đa ngành*, thiết lập Khung chủ đề nhằm tổng hợp và phân tích các yếu tố ảnh hưởng chính; liên kết sâu chuỗi thông tin, dữ liệu, các yếu tố tác động có liên quan làm nền tảng quan trọng quyết định tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Nghiên cứu Tổ chức không gian HLX đô thị là vấn đề mới trong NCKH ở Việt Nam. Vai trò và ý nghĩa của HLX đô thị rất cần thiết đối với quy hoạch và phát triển đô thị Việt Nam, trong xu thế hiện nay các đô thị đang có xu hướng dính liền nhau thành mảng đặc lớn xâm lấn vào không gian tự nhiên và không gian văn hoá cần phải bảo vệ trong quá trình đô thị hoá. Khi lựa chọn khu vực HLX phía Tây HN làm đối tượng nghiên cứu của Luận án, các nội dung và sản phẩm nghiên cứu đã thể hiện một cách tốt nhất có thể Phương pháp luận tổng thể: Khảo sát kỹ hiện trạng HLX phía Tây để hiểu và nhận dạng các biểu hiện không gian hiện trạng, ẩn dưới là các hoạt động kinh tế, xã hội, cư trú và văn hóa; Từ đó lựa chọn cách tiếp cận, các lý luận mới nhất về đô thị hóa, tổ chức không gian HLX, không gian cộng sinh và thiết lập khung chủ đề nghiên cứu chính phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế tại địa bàn nghiên cứu; Cuối cùng đề xuất các quan điểm, nguyên tắc, mô hình và giải pháp tổ chức không gian, quản lý phát triển HLX phía Tây HN;

Kết quả của đề tài đã đáp ứng tốt mục đích nghiên cứu đề ra như sau:

- Nghiên cứu tổng quan tổ chức không gian HLX, VDX trong nước và thế giới và Việt Nam. nghiên cứu tính đặc trưng của phía Tây Hà Nội nơi áp dụng mô hình HLX. Đó là không gian hỗn hợp đô thị - nông thôn đang trong quá trình chuyển đổi đô thị hoá nông thôn, có nhiều sự khác biệt so với thế giới, nhưng tương đồng với các đô thị châu Á (desakota). Các xu hướng phát triển mới, nghiên cứu liên quan đề tài.

- Nghiên cứu nhận diện hiện trạng và đặc điểm các Dạng tổ chức chính hiện nay: Không gian xanh (Tự nhiên và nông nghiệp); Làng xã truyền thống và di sản; Công nghiệp qui mô nhỏ và làng nghề; Đô thị hóa tại chỗ với mật độ thấp; Các dạng không gian hỗn hợp khác (Mix không gian).

- Nghiên cứu các giá trị sử dụng Mô hình 'không gian cộng sinh' để tổ chức khoa học các hoạt động của các chức năng hỗn hợp trong không gian HLX phía Tây Hà nội. Từ đó hình thành cơ sở lý luận và thực tiễn về Tổ chức không gian theo các khung chủ đề của HLX theo mô hình qui mô nhỏ và vừa. Đây cũng là kết quả mới đóng góp cho chuyển đổi không gian làng xã và sản xuất truyền thống trong HLX phía

Tây sang mô hình mới, thích ứng với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hóa, chuyển đổi số và BDKH

- Cuối cùng, nghiên cứu quan điểm, nguyên tắc, mô hình, các giải pháp Tổ chức không gian và quản lý phát triển HLX phía Tây Hà Nội (về chức năng và cấu trúc) theo các khung chủ đề, các chỉ tiêu quy hoạch cơ bản (sử dụng đất, hạ tầng, không gian cảnh quan) và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

Luận án **Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội** đã nghiên cứu toàn diện về cội nguồn, hiện tại và tương lai HLX phía Tây Hà Nội (gần như bao trọn xứ Đoài lịch sử), và đã đạt được các yêu cầu về quan điểm, nội dung và kết quả từ góc độ khoa học tổ chức không gian, đã có thể trả lời toàn diện về sự tồn tại và phát triển thích ứng HLX phía Tây trong các giai đoạn quy hoạch tiếp theo của Hà Nội, về mặt lý luận và giải pháp.

2. Kiến nghị

Luận án xin góp một số kiến nghị sau đây để có thể đưa ra các chính sách, mục tiêu và quản lý tốt cho tương lai bảo tồn và phát triển HLX phía Tây HN như sau: (1) Để phù hợp với thuật ngữ chung thế giới, đề nghị thay đổi tên gọi HLX Hà Nội và VDX Hà Nội; và Quy hoạch Hà Nội có 2 VDX: VDX nhỏ ở bên trong là VDX sông Nhuệ và VDX lớn bên ngoài thuộc vùng nông thôn ngoại thành; (2) Bổ sung vào hệ thống văn bản thúc đẩy phát triển mô hình HLX, VDX ngăn cản phát triển lan toả sáp nhập các đô thị; (3) Kiến nghị những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong các đề tài khoa học như sau: (i) Mô hình HLX, VDX cấp quốc gia, học hỏi kinh nghiệm từ Vương quốc Anh, Baccelona và Hàn Quốc; (ii) Luận án tập trung nghiên cứu tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội ở cấp độ vùng liên huyện, chưa đầy đủ cho tiếp cận HLX ở cấp huyện và xã. Chính vì vậy kiến nghị nghiên cứu tiếp ở cấp độ huyện và xã; (iii) Tiếp tục nghiên cứu định lượng ngưỡng quy mô dân số và ngưỡng chịu tải sinh thái môi trường ./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ
CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

A. CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC

1. **Phạm Thị Nhâm (2023) “Hành lang xanh trong cấu trúc đô thị phát triển bền vững”, Tạp chí Quy hoạch xây dựng số 126 năm 2023; ISSN 1859 - 3054**
2. **Phạm Thị Nhâm (2023) “Đặc điểm và giá trị khu định cư nông thôn phía Tây Hà nội”, Tạp chí Quy hoạch xây dựng số 126 năm 2023 ; ISSN 1859 - 3054**
3. **Phạm Thị Nhâm (2020) “Sự khác biệt giữa mô hình phát triển vùng ven đô ở Mỹ và châu Âu”, Tạp chí Quy hoạch xây dựng số 103+104 năm 2020; ISSN 1859b- 3054**
4. **Phạm Thị Nhâm, Nguyễn Thị Hồng Diệp (2020), “Mô hình phát triển nông nghiệp đô thị - kinh nghiệm tại một số đô thị Việt Nam”, Tạp chí Quy hoạch xây dựng số 103+104 năm 2020; ISSN 1859 - 3054**
5. **Phạm Thị Nhâm, Phan Thị Vân Anh (2020), “Tổng quan về khu vực ven đô các thành phố lớn trong quá trình đô thị hóa nhanh”, Tạp chí Quy hoạch xây dựng số 103+104 năm 2020; ISSN 1859 - 3054**
6. **Lưu Đức Cường, Phạm Thị Nhâm (2020) “Suy nghĩ về đổi mới công tác lập quy hoạch ở vùng ven đô các thành phố lớn Việt Nam”, Tạp chí Quy hoạch xây dựng số 103+104 năm 2020; ISSN 1859 - 3054**
7. **Phạm Thị Nhâm (2020) “Khái niệm và các vấn đề của khu vực ven đô các thành phố lớn trên thế giới và Việt Nam”, Tạp chí Quy hoạch xây dựng số 103+104 năm 2020; ISSN 1859 - 3054**
8. **Lưu Đức Cường, Phạm Thị Nhâm, Phó Đức Tùng (2019) “Đề xuất những định hướng phát triển hệ thống đô thị Việt Nam giai đoạn đến năm 2035 theo hướng tích hợp đa ngành”, Tạp chí Quy hoạch xây dựng số 97+98 năm 2019; ISSN 1859 -3054**

9. Phạm Thị Nhâm (2017) “Quy hoạch phát triển bền vững khu vực xây dựng mới vùng ven đô Hà Nội trong quá trình hội nhập”, Tạp chí Quy hoạch xây dựng số 89+90 năm 2017; ISSN 1859 - 3054

10. Phạm Thị Nhâm (2016) “Quá trình xây dựng nông thôn mới ở Nhật Bản và bài học với Việt Nam trong công tác quy hoạch quản lý và phát triển”, Tạp chí Quy hoạch xây dựng số 82 năm 2016. ISSN 1859 - 3054

B. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Phạm Thị Nhâm (2023) “Tiêu chuẩn quy hoạch không gian xanh đô thị” Đề tài NCKH cấp Bộ.

2. Phạm Thị Nhâm (2019) “Nghiên cứu quản lý phát triển quy hoạch xây dựng nông thôn mới ven đô thành phố lớn, giai đoạn 2015-2035 (3 trường hợp nghiên cứu Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ)” Đề tài NCKH trọng điểm cấp Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

1. Trương Thái Hoài An (2017), "Định hướng phát triển không gian vùng ven thành phố Hồ Chí Minh", *Luận án tiến sĩ*.
2. Đào Phương Anh (2019), "Tổ chức không gian ở điểm dân cư nông thôn trong HLX Hà Nội", *Luận án tiến sĩ*
3. Hà Duy Anh (2016), Các nguyên tắc hình thành hệ thống không gian xanh đô thị, *Tạp chí Quy hoạch đô thị*, 26, tr. 12-15.
4. Ban Chỉ đạo Quốc gia Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long (2010), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Phát triển bền vững thủ đô Hà Nội văn hiến, anh hùng, vì hòa bình*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội., Hà Nội.
5. Phạm Hùng Cường (2009), "Làng Việt và những giá trị di sản Kiến trúc cảnh quan", *Tạp chí kiến trúc Việt Nam*.
6. Lương Tiến Dũng (2017), "Quản lý hệ thống không gian xanh các đô thị du lịch vùng ĐBSH và ĐHĐB, lấy đô thị Ninh Bình làm ví dụ", *Luận án tiến sĩ*.
7. HAIDEP (1998), "Chương trình phát triển đô thị tổng thể Hà Nội ", *Báo cáo quy hoạch, UBND Hà Nội*.
8. Trần Trọng Hanh (2015), *Quy hoạch vùng*, Nhà xuất bản Xây dựng.
9. Trần Trọng Hanh (2017), *Quy hoạch đô thị ở Châu Á*, Nhà xuất bản Xây dựng.
10. Đỗ Hậu (2023), "Mô hình và giải pháp tổ chức không gian nông nghiệp đô thị tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030", *Đề tài khoa học*.
11. Doãn Minh Khôi (2017), *Hình thái học đô thị*, Nhà xuất bản Xây dựng.
12. Nguyễn Tá Nhí, Đặng Văn Tu (2007), *Địa chí Hà Tây (tái bản, sửa chữa và bổ sung)*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tây, Hà Tây.
13. Phạm Thị Nhâm (2017), "Nghiên cứu quản lý phát triển quy hoạch xây dựng nông thôn mới khu vực ven đô thành phố lớn giai đoạn 2015 – 2035", *Đề tài khoa học cấp Bộ Xây Dựng*.
14. Pierre Gourou (2015), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
15. Quốc Hội (2009), "Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009".
16. Quốc Hội (2012), "Luật Thủ đô số 25/2012/QH13".
17. Quốc Hội (2017), "Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017".
18. SIUP (2013), *Quy hoạch đô thị Đà Lạt* Viện quy hoạch xây dựng Miền Nam.
19. Lã Hồng Sơn (2023), "Quản Lý QHXD, KTCQ các huyện thành phố Hà Nội - Thực trạng và giải pháp", *Đề tài khoa học*.
20. Đỗ Hậu và cộng sự (2006), "Mô hình và giải pháp quy hoạch kiến trúc các vùng sinh thái đặc trưng của Việt Nam-", *Đề tài khoa học*.

21. Nguyễn Hồng Thục và cộng sự (2001), "Nghiên cứu tác động của điều kiện tự nhiên, khí hậu và văn hoá đến đặc điểm quy hoạch và kiến trúc đồng bằng và vùng núi Bắc Bộ", *Đề tài khoa học*.
22. Phạm Thị Nhâm và cộng sự (2023), "Tiêu chuẩn quy hoạch không gian xanh đô thị", *Đề tài khoa học*.
23. TCTK (2021), *Niên giám Thống kê*, NXB Thống Kê.
24. Nguyễn Hồng Thục (2004), "Các luận cứ cho khoa học định cư ở Việt Nam trong quá trình phát triển", *Hội thảo khoa học*.
25. Vũ Quốc Thúc (1951), *Kinh tế công xã Việt Nam. Tiếng Pháp: L'économie communaliste du Vietnam*, Presse Universitaire, Hanoi.
26. Tôn Thất Đại, Nguyễn Hồng Thục và cộng sự (2015), "Nghiên cứu bảo tồn và phát triển các mô hình định cư đô thị và nông thôn ở Việt Nam trong điều kiện đô thị hóa, biến đổi khí hậu với yêu cầu phát triển bền vững".
27. TTCP (2011), "Quyết định số 1259/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050".
28. TTCP (2013), "Quy hoạch thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050", *Thuyết minh quy hoạch*.
29. TTCP (2018), "Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.", *Thuyết minh quy hoạch*.
30. TTCP (2018), "Quyết định 84/QĐ-Ttg ngày 19/01/2018 về Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030".
31. TTCP (2023), "Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/03/2023 về Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050".
32. Nguyễn Quốc Tuấn (2014), "Bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc đô thị khu phố Pháp tại thành phố Hải Phòng", *Luận án tiến sĩ*.
33. Nguyễn Văn Tuyên (2018), "Thiết lập cấu trúc quy hoạch HLX phía Tây Hà Nội", *Luận án tiến sĩ*.

2. Tài liệu tiếng Anh

34. Amati, Marco (2016), *Urban Green Belts in the Twenty-first Century*, Ashgate, Publishing Limited, England.
35. Bank, World (2013), *Urban agriculture: findings from four city case studies*, Urban development series knowledge papers, World Bank Group., Washington, D.C.
36. Byung-Rim, Yoo (2001), "Metropolitan growth management and green belt in Korea", *DBPIA-NURIMEDIA*.
37. Caruso, G. (2001), "Periurbanisation, the situation in Europe: a bibliographical note and survey of studies in the Netherlands, Belgium, Great Britain, Germany, Italy and the Nordic Countries."

38. Ching, Francis D.K. (2014), *Architecture: Form, Space, and Order 4 E*, John Wiley & Sons Inc.
39. Christopher Alexander, Sara Ishikawa, Murray Silverstein (1977), *A Pattern Language: Towns, Buildings, Construction*, Oxford University Press.
40. Costanza R, d'Arge R, De Groot R, Farber S, Grasso M, Hannon B, Limburg K, Naeem S, O'Neill RV, Paruelo J, Raskin RG, Sutton P and Vandenbelt M (1997), "The value of the world's ecosystem services and natural capital", *Nature*. 387, tr. 253–260.
41. Downton, Paul (2020), *A Pattern Language for Urban Nature* The nature of city, truy cập ngày January 29-2024, tại trang.
42. England, Natural England and the Campaign to Project Rural (2010), *Green Belts: a greener future*.
43. European Commission, Directorate-General for Internal Market, Industry, Entrepreneurship and SMEs, Artola, I., Doranova, A., Domenech, T. (2018), *Cooperation fostering industrial symbiosis : market potential, good practice and policy actions : final report*.
44. Gallent, N.; Bianconi, M.; Andersson, J. (2006), "Planning on the edge: England's rural-urban fringe and the spatial-planning agenda", *Environment and Planning B: Planning and Design*. 33 (3), tr. 457-476.
45. Galli, Mariassunta và các cộng sự. (2010), "Agricultural management in peri-urban areas", *Land Lab-Scuola Superiore Sant'Anna (Italy), INRA et AgroParisTech-ENGREF, UMR Métafort Clermont Ferrand (France)*.
46. Garreau, Joel (1991), *Edge City: Life on the New Frontier*, The Washington Post.
47. GCS, Lin (2001), "Metropolitan development in a transitional socialist economy: spatial restructuring in the Pearl River Delta, China", *Urban Studies*. 38, tr. 383–406.
48. GPCI (2023), "The Global Power City Index ".
49. GS., Wehrwein (1942), "The Rural Urban Fringe", *Economic Geography*. (18): 217-28,.
50. J, Gottmann (1961), *Megalopolis: The Urbanized Northeastern Seaboard of the United States*, Twentieth Century Fund, New York.
51. J., Ahern (1995), "Greenways as a planning strategy", *Landscape and urban planning*. 33(1-3), tr. 131-155.
52. Jeon, Jae Sik (2012), "The Effect of Green Belt Policy Reform on the Seoul Metropolitan Area Housing Market", *ACSP*.
53. John Sturzaker, Ian Mell (2016), *Green Belts: Past; present; future?*, Routledge.

54. Kampman, Sara Macdonald và Aleigha (2022), "Ontario's Greenbelt in a Global Context", *Greenbelts Around the World Responding to Local and Global Challenges*.
55. Kim, J. và Kim, T. K. (2008), "Issues with green belt reform in the Seoul metropolitan area", tr. 37-57.
56. Li Shuting, Hong Leng, Qing Yuan (2019), "A symbiotic development strategy for farm areas and townships in Heilongjiang, China", *International Review for Spatial Planning and Sustainable Development*. 7(1), tr. 66-82.
57. Lynch, Kenvin (1964), *The Image of the City*, MIT Press.
58. M, Lipton (1984), "Urban bias revisited", *Journal of Development Studies*. 20, tr. 139–166.
59. M.A., Salici A. and Altunkasa (2010), "Investigating the usability of Seyhan River along the axe of Çatalan River Dam Lake and Deli Burun as a greenway system", *Ekoloji*. 19(76), tr. 36-49.
60. M.R., Chertow (2000), "Industrial symbiosis: literature and taxonomy", *Annual review of energy and the environment*. 25, tr. 313-337.
61. Mehaffy, Michael và các cộng sự. (2020), *A New Pattern Language for Growing Regions: Places, Networks, Processes*.
62. Nicolas Lauren, Corinne Legenne (2005), "The Paris-Ile-de-France Ceinture Verte".
63. Norton Sydney Ginsburg, Bruce Koppel, TG McGee (1991), *The Extended Metropolis: Settlement Transition Is Asia*, University of Hawaii
64. Parks, Beijing Municipal Bureau of (2003), "Suggestions on improving the speed of building the second greenbelt by Beijing Municipal Government.", *Executive Order*. No. 15.
65. Piorr, A.; Ravetz, J.; Tosics, I. (2011), *Peri-urbanisation in Europe. Towards a European Policies to sustain Urban-Rural Futures*, University of Copenhagen: Academic Books Life Sciences.
66. Pryor, Robin J. (1971), *Defining the Rural-urban Fringe*.
67. Shafer, C. (1999), "US National Park buffer zones: historical, scientific, social, and legal aspects", *Environ. Manage.* 23 (1), tr. 49–73.
68. Smith, Hellmund and (2006), *Designing Greenways: Sustainable Landscapes for Nature and People*, Island Press, Washington, DC, USA.
69. Sultana, Selima (2011), *Edge Cities in the Era of Megaprojects*, Engineering Earth: The Impacts of Mega-engineering Projects, Vol. Chapter: 61. Springer, In Stan Brunn.
70. Taylor, Francis (2017), Villages and Urbanization (làng và quá trình đô thị hóa), *Tạp chí khoa học trường Đại học Westminster*.
71. Trancik, Roger (1986), *Finding Lost Space*, Wiley

72. Trokanas, N., Cecelja, F., Yu, M. , Raafat, T. (2014), "Optimising environmental performance of symbiotic networks using semantics", *Computer Aided Chemical Engineering*.
73. UNEP (2004), *Ecosystems and human well-being: synthesis*, Report Based on the Findings of the Millennium Ecosystem Assessment.
74. Van Berkel R., Fujita T., Hashimoto S., Geng Y. (2009), "Industrial and urban symbiosis in Japan: Analysis of the Eco-Town program 1997-2006", *Journal of Environmental Management*. 90, tr. 1544–1556.
75. van Schaick, Jeroen và Klaasen, Ina (2011), "The Dutch Layers Approach to Spatial Planning and Design: A Fruitful Planning Tool or a Temporary Phenomenon?", *European Planning Studies*. 19, tr. 1775-1796.
76. Watanabe, T. và các cộng sự. (2008), "The Abandonment of Tokyo's green belt and the search for a new discourse of preservation in Tokyo's suburbs", *Urban Green Belts in the Twenty-first Century*, tr. 21-36.
77. WEHAB (2002), "A framework for action on biodiversity and ecosystem management", *World Summit on Sustainable Development, Johannesburg*.
78. Whitehand, J. W. R. (1967), *Fringe Belts: A Neglected Aspect of Urban Geography*, Institute of British Geographers,.
79. Yang, B (2004), "Analysis of Regional Coordinated Development", *City Planning Review*. 5, tr. 20-24.
80. Yi Dou, Lu Sun, Minoru Fujii, Yasunori Kikuchi, Yuichiro Kanematsu, Jingzheng Ren (2021), *Towards a renewable-energy-driven district heating system: key technology, system design and integrated planning*, Jingzheng Ren. Renewable-Energy-Driven Future, Vol. Academic Press.
81. Yılmaz, Merve và Terzi, Fatih (2019), "The Effects of Urban Spatial Development on Coastal Ecosystems: The Case of Mersin, Turkey", *IOP Conference Series: Materials Science and Engineering*. 471, tr. 102026.
82. Wikipedia, "Burton upon Trent and Swadlincote Green Belt".
83. Wikipedia, "Cambridge Green Belt".
84. Wikipedia, "South and West Yorkshire Green Belt".
85. Wikipedia, "South West Hampshire/South East Dorset Green Belt".
86. Yokohari, Makoto, Murayama, Akito và Terada, Toru (2020), "The Value of Grey", tr. 57-96.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các thời kỳ phát triển và quá trình mở rộng đô thị - nông thôn phía Tây Hà Nội

Các thời kỳ phát triển và quá trình mở rộng đô thị - nông thôn phía Tây Hà Nội có thể chọn mốc khởi đầu là cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, khi các yếu tố nông thôn và đô thị đã xuất hiện hoàn chỉnh và dần phân hóa. Có thể chia thành 4 thời kỳ phát triển chính gồm: (1) Thời Pháp thuộc; (2) Thời Chiến tranh; (3) Thời Hậu chiến và Đổi mới – Mở cửa; (4) Thời đô thị hóa nông thôn và xuất hiện các không gian mix giữa nông thôn và đô thị, tương ứng với mỗi thời kỳ là những lần điều chỉnh địa giới hành chính Hà Nội.

(i) Thời Pháp thuộc

Vào thời Pháp thuộc, tỉnh Hà Nội chia nhỏ thành tỉnh Hà Nam (1890); tỉnh Cầu Đơ (1902) tức là tỉnh Hà Đông và thành phố Hà Nội (1888). Tỉnh Hà Đông có 4 phủ: Hoài Đức, Thường Tín, Ứng Hòa và Mỹ Đức. Cùng 6 huyện: Đan Phượng, Hoàn Long, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thanh Oai, Thanh Trì và những vạn chài sống trên các triền sông trong tỉnh. Toàn tỉnh có 105 tổng và 820 xã (theo J. Rouan – *Hà Đông tỉnh* – 1925). Năm 1889, thành lập ngoại thành Hà Nội, gồm một số xã của các huyện Vĩnh Thuận, Thọ Xương, Từ Liêm, Thanh Trì. Năm 1904, nội thành Hà Nội được chia thành 8 quận (arrondissement). Năm 1915, Ngoại thành Hà Nội đổi thành Huyện Hoàn Long trực thuộc tỉnh Hà Đông. Năm 1942, Pháp sáp nhập một phần huyện Thanh Trì của tỉnh Hà Đông vào Hà Nội, thành lập Đại lý đặc biệt Hà Nội gồm huyện Hoàn Long và 22 xã thuộc phủ Hoài Đức, được chia thành 8 tổng, 60 xã.

(ii) Thời Chiến tranh

Sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Hà Nội khi đó gồm 5 khu nội thành và 120 xã ngoại thành. Ngay sau khi Kháng chiến chống Pháp bùng nổ ngày 19 tháng 12 năm 1946, vào ngày 20 tháng 12 năm 1946, chính phủ ban hành Sắc lệnh số 1, đổi cấp bộ thành cấp khu. Cả nước chia thành 12 khu hành chính, trong đó Hà Nội là khu XI. Tháng 5 năm 1947, khu XI được mở rộng thêm, gồm cả các tỉnh Hà Đông và Sơn Tây. Tháng 9 năm 1947, bốn huyện: Hoài Đức, Đan Phượng, Thanh Oai và Thanh Trì của tỉnh Hà Đông được sáp nhập vào Hà Nội. Sau đó Hà Nội lại được tổ chức thành 3 liên quận huyện. Tháng 5 năm 1948, Hà Nội sáp nhập với Hà Đông thành tỉnh Lương Hà thuộc Liên khu III. Sau khi sáp nhập, Liên khu III cắt hai huyện Liên Bắc và Liên Nam trả về cho Hà Đông, Hà Nội chỉ còn nội thành và 2 huyện ngoại thành. Tháng 9 năm 1948, 3 quận, huyện của Hà Nội được tổ chức thành 2 huyện: Trần Tây và Trần Nam. Ngày 1 tháng 10 năm 1948, Trung ương Đảng ra chỉ thị tách Hà Nội ra khỏi Lương Hà.

Năm 1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ và hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc được giải phóng, Hà Nội tiến hành cải tạo xã hội và bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa, bởi vậy nhu cầu mở rộng thành phố trở nên bức thiết. Ngày 4/1/1960, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 98/NQ-TW về quy hoạch cải tạo và mở rộng thành phố Hà Nội. Nghị quyết khẳng định phải xây dựng Hà Nội - trung tâm chính trị và văn hóa của cả nước trở thành một thành phố công nghiệp và một trung tâm kinh tế. Căn cứ Nghị quyết của Bộ Chính trị, Hội đồng Chính phủ đệ trình Quốc Hội Dự án mở rộng thành phố Hà Nội đồng tâm về 4 hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, sáp nhập các vùng phụ cận vốn có quan hệ với thành phố Hà Nội và có cơ sở kinh tế xã hội tương đối phù hợp với khu vực ngoại thành của Hà Nội.

Ngày 20/4/1961, Quốc hội khóa II kỳ họp thứ 2 đã ra nghị quyết phê chuẩn quy hoạch mở rộng đồng tâm thành phố Hà Nội về 4 hướng và phân vạch địa giới mới của Hà Nội mở rộng. Theo Nghị quyết, Hà Nội sáp nhập 18 xã, 6 thôn và 1 thị trấn thuộc tỉnh Hà Đông; 29 xã và 1 thị trấn của tỉnh Bắc Ninh; 17 xã và một nửa thôn của tỉnh Vĩnh Phúc; 1 xã của tỉnh Hưng Yên. Địa giới Hà Nội sau khi mở rộng năm 1961: phía Đông giáp tỉnh Hưng Yên và Bắc Ninh, phía Tây và Nam giáp tỉnh Hà Đông, phía Bắc giáp tỉnh Vĩnh Phúc và Bắc Ninh. Diện tích Hà Nội năm 1961 là: 586,13 km² gồm 4 khu nội thành và 4 huyện ngoại thành; dân số là 910.000 người, địa giới gấp gần 4 lần và dân số gấp 1,5 lần so với năm 1960. Thành phố Hà Nội được mở rộng lần thứ nhất (tính từ năm 1954) đồng tâm về 4 hướng, không chỉ ngoại thành được mở rộng gấp hai lần khu vực nội và ngoại thành cũ, mà khu vực nội thành mới cũng được mở rộng thêm đáp ứng nhu cầu phát triển và xây dựng Thủ đô trong quy hoạch dài hạn.

(iii) Thời Hậu chiến và Đổi mới – Mở cửa

Năm 1975, đất nước thống nhất, đánh dấu giai đoạn bước vào thời Hậu chiến và thiết lập những cơ sở cho Đổi mới – Mở cửa. Trong bối cảnh cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Hà Nội cần mở rộng địa giới hành chính. Để đảm bảo yếu tố an ninh quốc phòng và để tránh lũ, Đảng và Nhà nước định hướng mở rộng Hà Nội về phía bắc sang đất của tỉnh Vĩnh Phú và về phía tây sang đất của tỉnh Hà Sơn Bình.

Ngày 29/12/1978, Quốc hội khóa VI kỳ họp thứ 4 đã phê chuẩn đề án của Chính phủ về việc mở rộng địa giới hành chính thành phố Hà Nội bằng việc sáp nhập một số huyện, thị xã, xã và thị trấn của tỉnh Hà Sơn Bình và tỉnh Vĩnh Phú vào thành phố Hà Nội. Hà Nội sau mở rộng năm 1978, có diện tích là 2,123 km², gồm 4 khu nội thành và 12 huyện thị xã ngoại thành, dân số là 2.500.000 người. Sau đó, Hà Nội tiếp tục có những biến đổi địa giới hành chính nhỏ, chủ yếu là mở rộng địa giới hành chính về phía Tây và phía Bắc. Đến trước ngày 12-8-1991, Hà Nội có diện tích là 2.139km²,

dân số là 3.057.000 người, địa giới: phía Đông giáp Hà Bắc và Hải Hưng, phía Tây giáp Vĩnh Phú, phía Nam giáp Hà Tây, phía Bắc giáp Vĩnh Phú và Bắc Thái.

Ngày 12/08/1991, Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 9 ra nghị quyết điều chỉnh theo hướng thu hẹp địa giới hành chính thành phố Hà Nội: chuyển huyện Mê Linh của thành phố Hà Nội về tỉnh Vĩnh Phúc, chuyển thị xã Sơn Tây và 5 huyện: Hoài Đức, Phúc Thọ, Đan Phượng, Ba Vì và Thạch Thất của thành phố Hà Nội về tỉnh Hà Tây. Địa giới Hà Nội sau khi thu hẹp: phía Đông giáp Hà Bắc và Hải Hưng, phía Tây giáp Vĩnh Phú, phía Nam giáp Hà Tây, phía Bắc giáp Vĩnh Phú và Bắc Thái. Diện tích Hà Nội thu hẹp còn 921,8 km², gồm 4 quận nội thành và 5 huyện ngoại thành; dân số 2.052.000 người.

(iv) Thời đô thị hóa nông thôn và xuất hiện không gian mix

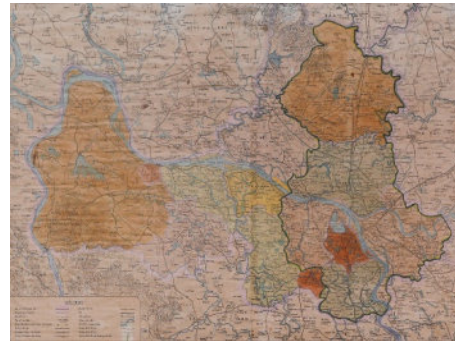
Trên cơ sở đánh giá 5 phương án mở rộng địa giới hành chính thành phố Hà Nội được xây dựng và đề xuất, ngày 29/5/2008, Quốc hội khóa XII kỳ họp thứ 5 đã thông qua nghị quyết số 15 điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, thành phố Hà Nội rộng 3.344,7 km² gấp 3,6 lần diện tích cũ; với 29 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 10 quận nội thành, 18 huyện và 1 thị xã ngoại thành; dân số là 6.232.940 người chiếm 7,2% cả nước. Địa giới: phía Đông giáp các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và Hưng Yên; phía Tây giáp tỉnh Hòa Bình và Phú Thọ; phía nam giáp tỉnh Hà Nam và Hòa Bình; phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Phúc.

Bảng 1-1: Sơ đồ điều chỉnh địa giới hành chính Hà Nội sau 1954



Hà Nội được mở rộng khu vực ngoại thành vào năm 1961 (lần I)

Diện tích: 586,2 km²
 8 quận, huyện, thị xã
 101 xã
 363 phường
 3 thị trấn
 Dân số: 913.400 người
 Mật độ dân số: 1558 người/km²
 Tính chất: Mở rộng đồng tâm thành phố Hà Nội về 4 hướng



Hà Nội mở rộng vào năm 1979 (lần II)

Diện tích: 2130,5 km²
 16 quận, huyện, thị xã
 278 xã
 82 phường
 6 thị trấn
 Dân số: 2.450.600 người
 Mật độ dân số: 1150 người/km²
 Tính chất: Mở rộng địa giới hành chính về phía Tây và phía Bắc



Hà Nội điều chỉnh địa giới hành chính năm 1991 (lần III)

Diện tích: 922,8 km²
 9 quận, huyện, thị xã
 128 xã
 84 phường
 10 thị trấn
 Dân số: 2.127.600 người
 Mật độ dân số: 2145 người/km²
 Tính chất: Thu hẹp địa giới hành chính, mở rộng phát triển về phía Bắc



Hà Nội mở rộng vào năm 2008 (lần IV)

Diện tích: 3344,7 km²
 29 quận, huyện, thị xã
 408 xã
 147 phường
 22 thị trấn
 Dân số: 6.232.940 người
 Mật độ dân số: 1883 người/km²
 Tính chất: Nội đô là lõi trung tâm, mở rộng về phía Tây và phát triển các đô thị vệ tinh

Phụ lục 2: Phân tích SWOT các dạng không gian chủ đạo HLX phía Tây Hà Nội

<i>Bảng 1. 4: Phân tích SWOT về không gian cảnh quan địa lý tự nhiên</i>	
<i>Điểm mạnh:</i> Không gian cảnh quan địa lý tự nhiên tạo dựng giá trị cảnh quan và đảm bảo chu trình tuần hoàn sinh thái cho Thủ đô.	<i>Điểm yếu:</i> Nhiều vùng nông nghiệp trọng điểm thiếu hệ thống thủy lợi nội đồng, phải dùng nước ngầm sản xuất nông nghiệp.
<i>Cơ hội:</i> Phát triển du lịch sinh thái và các ngành kinh tế dựa trên sinh thái	<i>Thách thức:</i> Môi trường đều bị ô nhiễm trầm trọng

<i>Bảng 1. 5: Phân tích SWOT về không gian cảnh quan quần cư nông nghiệp truyền thống – kinh tế di sản – du lịch xứ Đoài – Chùa Thầy và Chùa Tây Phương hiện hữu</i>	
<i>Điểm mạnh</i> Có cơ sở thổ nhưỡng là một vùng văn hóa – tín ngưỡng trù phú (xứ Đoài), với nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, lễ hội tâm linh có hàm lượng giá trị lịch sử văn hóa lớn. Nguồn lao động tại địa phương dồi dào cũng như thị trường tại chỗ ổn định. Điều kiện tự nhiên thích hợp cho sự phát triển nông nghiệp, nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chủ yếu. Trình độ thâm canh khá cao, công nghệ chế biến nông sản đang trên đà phát triển. Bước đầu xác định hệ thống cây trồng chủ lực.	<i>Điểm yếu</i> Quá trình đô thị hóa nhanh làm đất đai trong nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, gây ô nhiễm môi trường, cảnh quan quần cư truyền thống bị thay đổi. Hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn thiếu tính đồng bộ phục vụ sản xuất và sinh hoạt của cư dân Các nguồn lực phát triển nông nghiệp giảm trong khi ô nhiễm môi trường tăng. Một số khu vực quy hoạch chuyển đổi đất nông nghiệp sang nhà ở và khu vui chơi không phù hợp khung cảnh quan truyền thống
<i>Cơ hội</i> Trên cơ sở HLX phát triển giải pháp nông nghiệp đô thị, trồng rau an toàn, hoa cây cảnh, vườn trại sinh thái, làng sinh thái ven đô, hướng tới phát triển nông nghiệp xanh – sạch – chất lượng cao, cung cấp nông sản cho các vùng lân cận và thành phố Hà Nội. Phát triển dịch vụ văn hóa và dịch vụ sinh thái, đặc biệt là kinh tế di sản – du lịch. Hòa vào định hướng quy hoạch tổng thể của thủ đô trong việc đẩy mạnh các dịch vụ du lịch trên trục Láng – Hòa Lạc. Chính phủ có nhiều chính sách khuyến khích đầu tư và hỗ trợ kết cấu hạ tầng.	<i>Thách thức:</i> Bảo tồn các di sản văn hóa trên địa bàn trước sự xâm lấn của các công trình có mục đích sử dụng khác. Bảo tồn khung cảnh quan tự nhiên. Biến đổi văn hóa cả về vật chất lẫn tinh thần, dẫn đến thay đổi lối sống. Khả năng cạnh tranh bị tác động mạnh từ nông sản những địa phương lân cận và ngoại nhập. Tình trạng ô nhiễm môi trường cùng với các quy hoạch chưa hoàn thiện, sản xuất còn mang tính tự phát, chưa có định hướng cho từng vùng, từng ngành.

<i>Bảng 1. 6: Phân tích SWOT không gian cảnh quan phố thị và làng nghề TTCN</i>	
<p>Điểm mạnh</p> <p>Có cơ sở lịch sử là các làng nghề giàu truyền thống, kết hợp lại với nhau thành các cụm công nghiệp ngành nghề rất năng động.</p> <p>Xác định được ngành nghề mũi nhọn: đồ gỗ nội thất, cơ kim khí.</p> <p>Khai thác tối đa những lợi thế và tiềm năng truyền thống lẫn óc kinh doanh sẵn có, tạo ra các sản phẩm đa dạng, có tính ứng dụng cao trong đời sống.</p> <p>Chuyển đổi từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp một cách tự nhiên, đẩy mạnh phát triển sản xuất TTCN theo hướng công nghiệp hóa.</p>	<p>Điểm yếu</p> <p>Các cụm ngành nghề đang đô thị hóa tự phát, không có quy hoạch.</p> <p>Phát triển sản xuất theo kiểu tự phát. Còn hạn chế về dự báo cung – cầu, về vốn, công nghệ, thiết bị sản xuất, trình độ kỹ thuật và quản lý còn hạn chế.</p> <p>Khả năng tiếp thị, nắm bắt thị trường chuyển giao công nghệ còn chậm.</p> <p>Quy trình sản xuất ở trình độ cơ giới, chưa chú trọng đến yếu tố bảo vệ môi trường, gây ra bụi, tiếng ồn, ô nhiễm nguồn nước...</p>
<p>Cơ hội</p> <p>Với sự quy hoạch và hỗ trợ đúng đắn của nhà nước, có thể trở thành các mô hình cho công nghiệp hóa và đô thị hóa ven đô.</p> <p>Có điều kiện phát triển mô hình cộng sinh công nghiệp – thương mại dịch vụ theo hướng township</p> <p>Thu hút lao động từ các vùng lân cận, cải thiện thu nhập cho người dân và giữ người nông dân ở lại với nông thôn. Góp phần hạn chế di dân cơ học về thành phố trung tâm.</p> <p>Có thể xây dựng thương hiệu, chuyên nghiệp hóa sản xuất và xuất khẩu hàng hóa trong nước lẫn quốc tế.</p> <p>Trở thành các phố hàng, phố thị tại chỗ, thu hút khách đến, phát triển thương mại và dịch vụ.</p>	<p>Thách thức</p> <p>Không gian cư trú và sản xuất bị lấn lộn, người dân tận dụng đất ở để sản xuất.</p> <p>Mật độ dân cư và xây dựng trở nên dày đặc.</p> <p>Cơ sở hạ tầng còn chưa được đầu tư đồng bộ và đáp ứng mật độ dân cư: đường giao thông chật hẹp, xuống cấp khiến việc vận chuyển hàng hóa không thuận lợi, hệ thống thoát nước chưa hoàn thiện gây ngập úng.</p> <p>Có nguy cơ trở thành cụm công nghiệp lạc hậu, chật hẹp, tắc nghẽn.</p>

<i>Bảng 1. 7: Phân tích SWOT về không gian cảnh quan về đô thị</i>	
<p>Điểm mạnh</p> <p>Thị trấn Liên Quan được quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo định hướng đô thị.</p>	<p>Điểm yếu</p> <p>Mật độ dân cư thấp, hiệu quả khai thác đô thị chưa cao.</p>

<p>Còn quỹ đất dự trữ để phát triển. Có vị trí trung tâm, tuyến đường giao thông thuận lợi kết nối giữa các khu làng nghề – phố thị và khu công nghệ cao – đào tạo.</p>	<p>Chưa trở thành điểm đến thu hút dân cư và người lao động.</p>
<p><i>Cơ hội</i> Có thể phát triển theo hướng đô thị thương mại – dịch vụ kết hợp với đô thị sinh thái. Xây dựng cơ sở hạ tầng cung cấp dịch vụ lưu trú và giải trí đáp ứng cho nguồn nhân lực chất lượng cao ở khu Công nghệ cao Láng – Hòa Lạc và khu ĐHQGHN.</p>	<p><i>Thách thức</i> Mở rộng phát triển đô thị có kiểm soát, tránh phá cấu trúc các khu dân cư truyền thống đã có. Cần đôn bẩy để thu hút dân cư dịch chuyển và duy trì động lực phát triển đô thị sinh thái mật độ thấp.</p>

Phụ lục 3: Đặc điểm và giá trị đặc trưng HLX phía Tây là Hà Nội các không gian chủ đạo

Bảng 1: Đặc điểm và giá trị của năm khung cảnh quan trong HLX vùng ven đô phía Tây Hà Nội

	Khung địa lý tự nhiên	Khung cảnh quan nông nghiệp và nông thôn	Khung cảnh quan làng nghề - công nghiệp hóa theo làng	Khung đô thị hóa	Khung cảnh quan hỗn hợp
Đặc điểm	Nằm trong lưu vực hai con sông Đáy và sông Tích. Sở hữu các yếu tố tự nhiên nguyên thủy: núi, sông, hồ.	Là loại hình điểm dân cư nông thôn cơ bản và phân bố nhiều nhất trong HLX vùng ven đô phía Tây Hà Nội. Xen kẽ giữa quần cư nông thôn (làng), cảnh quan tự nhiên (ruộng) và tâm linh (chùa). Kinh tế nông nghiệp là chủ đạo.	Là các làng nghề truyền thống lâu đời có mối liên hệ chặt chẽ với nội đô Hà Nội. Sản phẩm và chịu ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa nông thôn mạnh mẽ. Mật độ dân cư lớn. Đô thị hóa mang tính chất chủ động, tự phát. Hình thành cụm công nghiệp và phố thị showroom. Kinh tế sản xuất TTCN là chủ đạo.	Được quy hoạch theo hướng thị trấn sinh thái mật độ thấp (Liên Quan, Quốc Oai, Chúc Sơn). Mật độ dân cư thấp. Kinh tế dịch vụ là chủ đạo.	Vùng phát triển nông thôn: hỗn hợp (mix) giữa vùng công nghiệp, vùng nhà ở trên đất nông nghiệp năng suất thấp. Hội tụ các điều kiện biên: tích tụ về hình thái hỗn hợp (mix) không gian, văn hóa tự chủ - tự quản của làng truyền thống, cộng sinh nông nghiệp – đô thị.
Giá trị	Cảnh quan tự nhiên: mặt nước và sông hồ. Nguồn cung cấp nước cho canh tác nông nghiệp.	Vùng văn hóa tín ngưỡng phong phú, sở hữu nhiều di tích lịch sử, lễ hội tâm linh.	“Công xưởng” gia công và sản xuất hàng hóa phục vụ thị trường thành phố. Thu hút lao động từ các khu vực lân cận, giữ	Trung tâm kinh tế - xã hội của các vùng, huyện, liên huyện; đầu mối	Tiềm năng kết hợp hài hòa giữa cả bốn yếu tố tự nhiên (cảnh quan), nông nghiệp (bao gồm cả di sản), công nghiệp (TTCN, đô thị).

Đóng vai trò là vùng chậm lũ-xả lũ để giảm lũ lụt cho nội đô Hà Nội. Hỗn hợp (Mix) chức năng: cảnh đẹp tự nhiên phục vụ du lịch sinh thái và dịch vụ kinh tế sinh thái.	Phát triển nông nghiệp chất lượng cao song song với tiềm năng dịch vụ sinh thái và kinh tế di sản, du lịch tâm linh. Hỗn hợp (Mix) chức năng: cảnh quan tự nhiên, quần cư nông nghiệp và di sản.	người nông dân ở lại nông thôn, hạn chế di dân cơ học về trung tâm thành phố. Hỗn hợp (Mix) chức năng: phố thị, cụm xưởng sản xuất TTCN.	về hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng, sản xuất. Phát triển thương mại – dịch vụ, giải trí, vui chơi, ăn uống, lưu trú.	Phát triển trở thành trung tâm đô thị vùng phía Tây Hà Nội về khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo (Hòa Lạc), kinh tế trí thức và kinh tế công nghệ cao.
---	--	--	--	---

(1) Tự nhiên – nông nghiệp

Khung tự nhiên nông nghiệp của HLX phía Tây Hà Nội gắn kết chặt chẽ với vùng địa văn hóa trong quá khứ là xứ Đoài. Gồm vùng đồng bằng ô trũng được xen kẽ với vùng bán sơn địa là những đồi gò dạng bát úp nằm rải rác, bên cạnh những cánh đồng bao la do phù sa của sông Hồng, sông Đà, sông Đáy, sông Nhuệ, sông Tích bồi đắp tạo nên. Vùng đồi núi phía Tây – Tây Bắc đất đỏ nổi bật với núi Ba Vì, núi Tản. Vùng núi cao Ba Vì, rừng già đại ngàn với muôn loại động – thực vật quý hiếm cùng với hàng trăm dòng suối thác như: Thác Ao Vua, thác mơ, thác Hương, suối Tiên, thác Đa, Thiên Sơn – thác Ngà...

Giá trị này rất có ý nghĩa đối với du lịch nông nghiệp, nông thôn. Đã từng tồn tại ở hầu hết các làng vùng đồng bằng sông Hồng nói chung với đặc trưng hệ sinh thái nông nghiệp trồng lúa nước. Gần đây môi trường sinh thái, hệ sinh thái tự nhiên của khu vực HLX phía Tây Hà Nội đã suy giảm rõ rệt, tuy nhiên có khả năng phục hồi.

Xen giữa các khu vực đó là hành lang dọc theo sông Đáy, sông Tích và sông Cà Lồ, đầm Vân Trì là vùng nông thôn hiện hữu của thủ đô với các thị trấn, làng xóm, di tích lịch sử văn hóa rất có giá trị của quốc gia. Tại các khu vực này đang bị đô thị hóa tự phát làm phá vỡ những không gian đô thị truyền thống, hình thành những không gian đô thị thiếu bản sắc và những công trình kiến trúc thiếu sự gắn bó với cảnh quan tự nhiên của khu vực.

Mặt khác, đất nông nghiệp vùng Hà Nội tập trung chủ yếu ở các huyện thuộc tỉnh Hà Tây cũ. Tỷ trọng đất nông nghiệp/ tổng diện tích tự nhiên của các huyện cụ

thể: Ba Vì là 67,8% (trong đó đất lâm nghiệp chiếm 36,9% đất nông nghiệp), Đan Phượng - 47,46%, Phúc Thọ - 61,26%, Thạch Thất - 45,17%, Hoài Đức - 51,14%, Quốc Oai - 67,3%, Chương Mỹ - 61,3%, Thanh Oai - 69,7%, Thường Tín - 62%, Mỹ Đức - 59%, Ứng Hoà - 70%, Phú Xuyên - 66,2%, Sóc Sơn - khoảng 39%, Đông Anh - khoảng 28%, Mê Linh - khoảng 56,30%, Gia Lâm - khoảng 24%.

Nông thôn trong HLX phía Tây Hà Nội nằm trong khoảng cách bán kính 40km từ đô thị trung tâm, có nhiều lợi thế về thị trường, lao động, khả năng thu hút đầu tư... Do đó, cần tận dụng tối đa tiềm năng và lợi thế so sánh để phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế phục vụ trực tiếp đô thị, giúp người dân đô thị tiếp cận với sản xuất tại địa phương, nâng cao được trình độ và nhận thức của người dân nông thôn là một trong những hướng phát triển đúng đắn và hợp lý.

(2) Làng nông nghiệp

Làng nông nghiệp là tổ chức định cư cổ truyền chủ đạo trong khu vực HLX phía Tây Hà Nội, làm nên đặc trưng cho các điểm dân cư nông thôn trong khu vực này.

Qua nhận diện các loại hình di sản như cấu trúc làng, công trình tôn giáo tín ngưỡng (đình, chùa, miếu, văn chỉ, võ chỉ, quán thờ), cổng làng ao làng giếng làng, chợ, cầu, quán, nhà cổ, cây cổ thụ, lũy tre, cảnh quan đặc trưng ở tất cả các làng trong khu vực HLX phía Tây Hà Nội cho thấy các làng (ở cả nhóm làng nhiều di sản và nhóm làng nghề) đều có các công trình kiến trúc truyền thống có giá trị văn hóa, lịch sử, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, có cảnh quan đặc trưng, sử dụng vật liệu địa phương và kinh nghiệm xây dựng môi trường cư trú cộng đồng rất cao. Nhiều làng có các giá trị di sản vật thể rất cao như Hành Thiện, Nôm, Cựu, Ước Lễ, Chuông... thể hiện toàn diện một cấu trúc làng truyền thống có lịch sử hình thành 400-500 năm đã được lưu giữ đến ngày nay.

Các giá trị di sản phi vật thể của làng rất cao, vừa có văn hóa làng và văn hóa vùng. Nổi bật nhất là các giá trị về văn hóa, tập quán của lối sống có tính cộng đồng cao, tự quản. Các giá trị nổi bật còn giữ được ở nhiều làng như nghệ thuật biểu diễn, ẩm thực, lễ hội, quan hệ xóm giềng, dòng họ. Các giá trị văn hóa nghề, di sản kiến trúc cảnh quan, văn hóa phi vật thể được tích hợp và hòa quyện trong không gian và cộng đồng làng, tạo nên một giá trị văn hóa tổng hòa về giá trị xây dựng môi trường cư trú của làng truyền thống.

Các làng nông nghiệp có điều kiện thuận lợi để xây dựng chương trình phát triển NTM:

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội khu vực nông thôn.
- Phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất khu vực nông thôn.
- Phát triển văn hóa-xã hội và bảo vệ môi trường khu vực nông thôn.

Với phát triển du lịch nông thôn, “Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm - (OCOP)” đặt nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch nông thôn là một trong 6 nhóm sản phẩm. Trong giai đoạn 2021 đến 2030, chủ đề “OCOP và du lịch: “*Xây dựng mô hình*

tổ chức OCOP gắn với du lịch” sẽ là chủ đề ưu tiên tập trung hàng đầu của chương trình.

Về phát triển du lịch tín ngưỡng, di tích lịch sử: được hình thành từ chuỗi các điểm du lịch đình, chùa, miếu, mạo đẹp, có tính chất lịch sử như: Chùa Thầy, chùa Trăm Gian, chùa Tây Phương, chùa Hương,...

(3) Làng nghề - điểm công nghiệp

Trong những năm qua cùng với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, các làng nghề ở khu vực nông thôn trong khu vực đã được khôi phục và phát triển mạnh mẽ cả về quy mô lẫn số lượng. Các làng nghề là một yếu tố đặc trưng của nông thôn đồng bằng sông Hồng nói riêng và của Việt Nam nói chung. Đây là các làng ở khu vực nông thôn với nguồn thu nhập chủ yếu từ các hoạt động nghề, đặc biệt là các nghề thủ công. Theo thống kê năm 2002, Hà Tây (cũ) có 88 làng Hà Nội có 30 làng. Đa số các làng nghề ở đây là các làng nghề truyền thống, tập trung chủ yếu vào các loại hình sản xuất sau: chế biến nông sản thực phẩm, dệt nhuộm, giày da, tái chế chất thải, sản xuất hàng mây tre đan, sơn mài, đồ gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ kim khí, gốm sứ...

Nhưng trên cơ sở thừa hưởng nền sản xuất truyền thống, nhiều làng nghề đã có xu hướng chuyển dịch sang sản xuất dây chuyền với quy mô và năng suất lớn hơn, cùng với đó hình thành nên các cụm xưởng – điểm công nghiệp vừa và nhỏ. Các điểm sản xuất thu hút một lượng lớn lao động ở các xã lân cận, tạo nên sự tụ cư và đô thị hóa tại chỗ. Song song với đó là hệ thống cửa hàng tiêu thụ tại chỗ, tạo nên cảnh quan mới đó là phố thị với hàng loạt các showroom trưng bày. Điển hình cho khung chủ đạo này là Hữu Bằng, Phùng Xá (Thạch Thất)...

Làng nghề gỗ nội thất Hữu Bằng (huyện Thạch Thất, Hà Nội) với 4.500 hộ dân trong đó có hơn 2.000 hộ hoạt động sản xuất kinh doanh nghề gỗ, trong đó, có khoảng 10 cơ sở chế biến gỗ quy mô lớn, hơn 60 doanh nghiệp nằm trên địa bàn xã. Các hộ tham gia vào chế biến khoảng 500 – 600 hộ, còn lại là các hộ kinh doanh dịch vụ như nguyên liệu gỗ, mút, xốp, máy chế biến, phụ kiện, ốc vít, keo,.... Ngoài lao động tại xã tham gia nghề gỗ, các lao động từ địa phương khác tới làm thuê từ 7.000 – 8.000 người.

Hay theo thống kê của UBND xã Phùng Xá (2015), toàn xã hiện có 134 công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), doanh nghiệp (DN) tư nhân và hơn 1.100 cơ sở sản xuất, kinh doanh. Ở Phùng Xá, trung bình 4 hộ dân thì có một giám đốc hoặc 1 chủ xưởng ngành cơ kim khí. Trong đó, 20% số DN này có doanh thu từ vài chục tỷ đồng cho đến hàng trăm tỷ đồng/năm và tạo công ăn việc làm cho khoảng 5.000 lao động trong và ngoài địa phương.

(4) Đô thị hóa

Đọc theo tuyến đường cảnh quan trong HLX, còn gọi là trục Bắc – Nam, sẽ có ba điểm giao cắt chính với đường quốc lộ 6, đường cao tốc Đại lộ Thăng Long và quốc lộ 32 nối với 3 đô thị vệ tinh ở phía tây HLX: Sơn Tây, Hòa Lạc và Xuân Mai.

Khu vực này sẽ dễ dàng bị đô thị hoá và làm suy yếu khái niệm HLX vì vậy, các thị trấn sinh thái với mật độ thấp và được quy hoạch theo mô hình TOD (mô hình phát triển tập trung dựa trên GTCC) quanh ba khu vực giao cắt này để ngăn chặn đô thị hoá. Những thị trấn sinh thái này có chức năng cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho các điểm dân cư nông thôn trong phạm vi HLX và sẽ là những trung tâm phát triển kinh tế xã hội bền vững.

Các thị trấn sinh thái mật độ thấp cũng được đưa vào quy hoạch là Quốc Oai, Liên Quan, Chúc Sơn. Các thị trấn này là trung tâm kinh tế - xã hội của các vùng, huyện, liên huyện; đầu mối về hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng, sản xuất. Bên cạnh đó, dựa trên cơ sở vật chất và quỹ đất có thể phát triển thương mại – dịch vụ, giải trí, vui chơi, ăn uống, lưu trú.

Khu vực Hòa Lạc hiện nay được Chính phủ tiến hành nhiều dự án cấp quốc gia: Dự án tuyến Đại lộ Thăng Long nối dài, Dự án đường quốc lộ 21 nâng cấp mở rộng, Dự án đường Hồ Chí Minh, khu công nghệ cao Hòa Lạc 1.600 ha, Đại học Quốc gia 1.000 ha. Ngoài ra khu vực còn bao gồm cả Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Đồng Mô Làng Văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam. Thành phố Hòa Lạc trong tương lai sẽ là thành phố khoa học theo hướng “đô thị thông minh”, nơi tập trung trí tuệ và công nghệ tiên tiến nhất của Việt Nam, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đô thị Hòa Lạc còn là đô thị du lịch nghỉ dưỡng, trung tâm vùng phía Tây Hà Nội được xây dựng dựa trên cấu trúc địa hình tự nhiên, gắn kết với hệ thống Ba Vi- Đồng Mô và sông Tích, hệ thống hạ tầng kỹ thuật quốc gia như QL21, đường Hồ Chí Minh.

(5) Hỗn hợp

Là hình thái xuất hiện đan xen và chồng lấp trong HLX phía Tây Hà Nội, gồm vùng phát triển nông thôn: hỗn hợp (mix) giữa vùng công nghiệp, vùng nhà ở trên đất nông nghiệp năng suất thấp. Hội tụ các điều kiện biên: tích tụ về hình thái hỗn hợp (mix) không gian, văn hóa tự chủ - tự quản của làng truyền thống, cộng sinh nông nghiệp – đô thị. Sở hữu tiềm năng kết hợp hài hòa giữa cả bốn yếu tố tự nhiên (cảnh quan), nông nghiệp (bao gồm cả di sản), công nghiệp (TTCN, đô thị.

Phụ lục 4: So sánh 3 luận án nghiên cứu về HLX Hà Nội và sự không trùng lặp

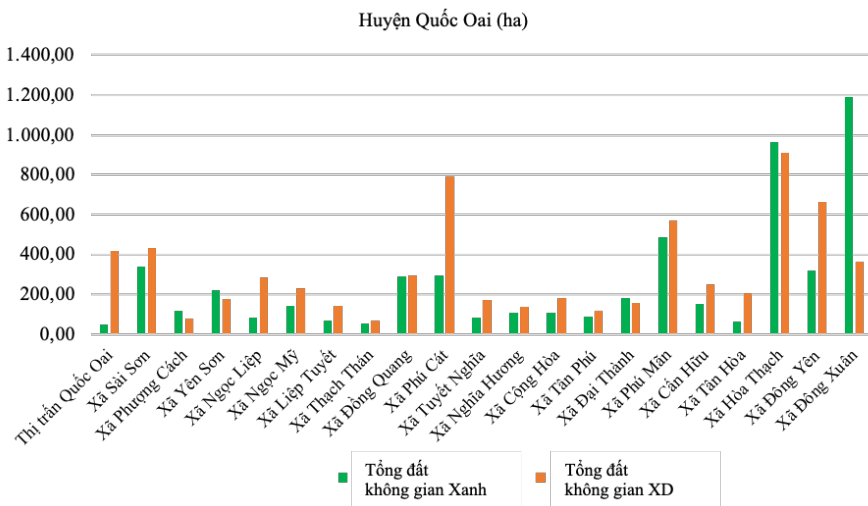
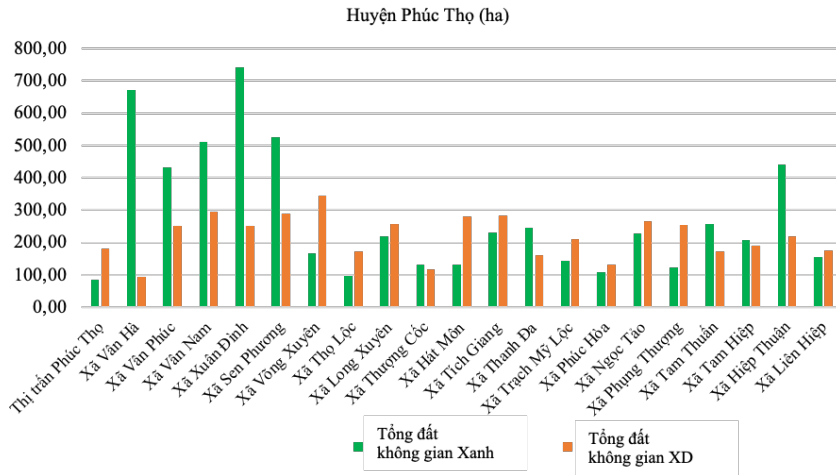
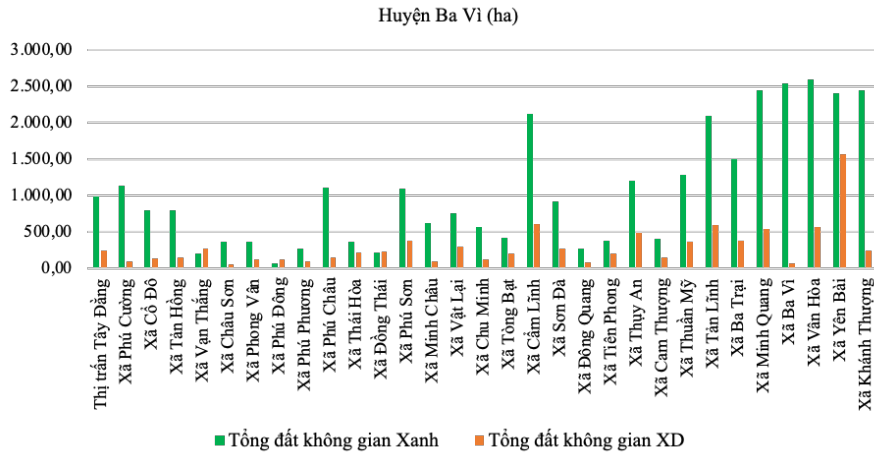
Bảng 1. 8: So sánh 3 luận án nghiên cứu về HLX Hà Nội và sự không trùng lặp

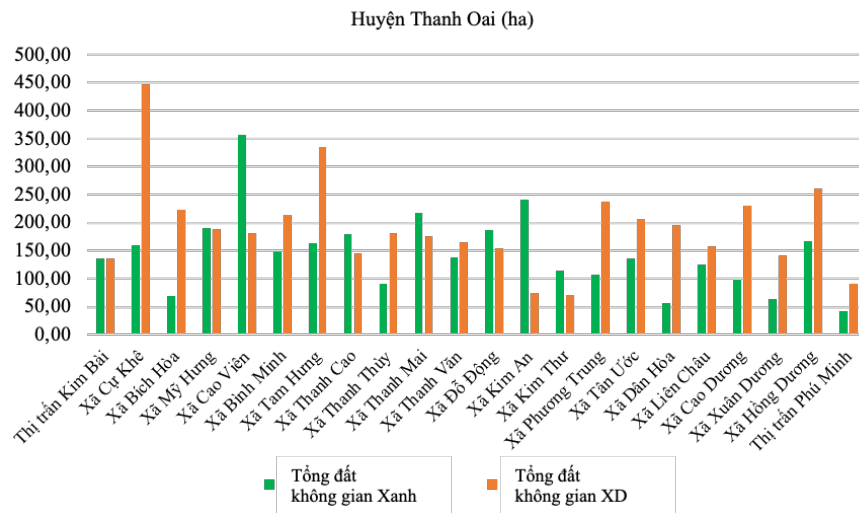
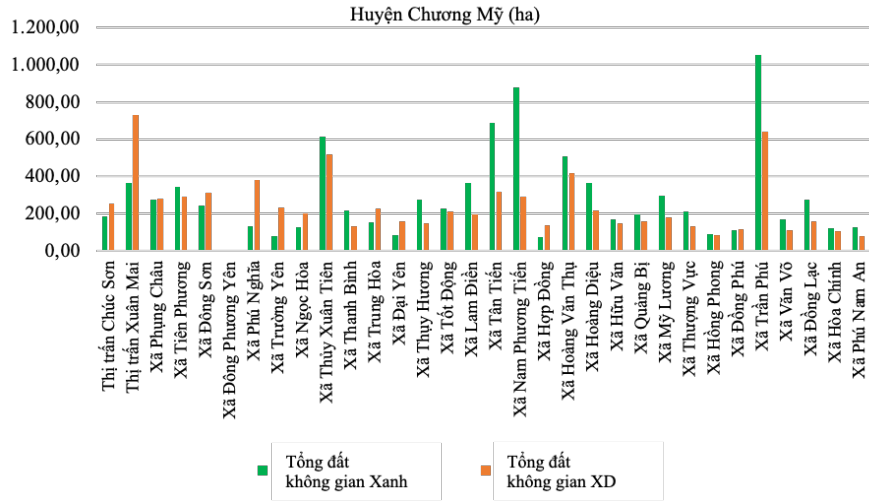
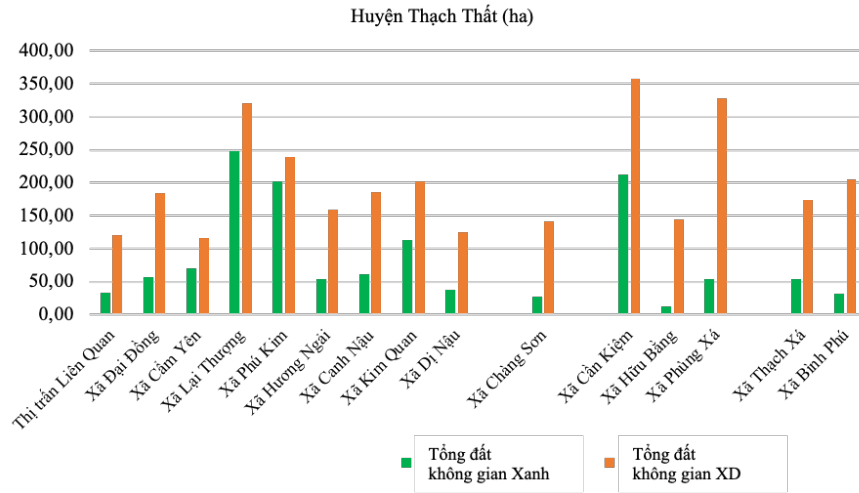
Tên luận án	Luận án tiến sĩ “Thiết lập cấu trúc quy hoạch HLX phía Tây Hà Nội” của TS. Nguyễn Văn Tuyên	Luận án tiến sĩ “Tổ chức không gian ở điểm dân cư nông thôn trong HLX Hà Nội” của TS. Đào Phương Anh	Luận án tiến sĩ “Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội” của NCS Phạm Thị Nhâm
Đối tượng nghiên cứu	Cấu trúc quy hoạch HLX Hà Nội	Không gian ở, nhà ở tại các điểm dân cư nông thôn trong HLX Hà Nội	HLX phía Tây Hà Nội
Mục đích nghiên cứu	Đề xuất các giải pháp thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội nhằm tạo lập và phát triển bền vững HLX, phục vụ công tác quản lý xây dựng, quy hoạch và bảo vệ môi trường đô thị (thích ứng BĐKH).	Đề xuất giải pháp về tổ chức không gian ở và tổ chức kiến trúc nhà ở tại các điểm dân cư nông thôn trong HLX Hà Nội nhằm: phát huy vai trò của khu vực hành lang xanh thành phố Hà Nội; nâng cao điều kiện sống, sinh kế cho người dân nông thôn; các điểm dân cư nông thôn phát triển hài hòa, thân thiện, bảo vệ môi trường; duy trì và phát triển giá trị nông thôn truyền thống	<p>- Mục đích nghiên cứu về nhận thức luận: Tổ chức không gian HLX không chỉ đơn thuần là hình thái và cấu trúc không gian chức năng, mà nó còn bao trùm lên không gian địa lý tự nhiên, không gian kinh tế - xã hội, không gian văn hóa và các hoạt động sống... để bảo tồn và thích ứng môi trường sống xanh, bền vững như các giá trị lưu truyền cho các thế hệ tương lai.</p> <p>- Mục đích mở ra nghiên cứu mới cho qui hoạch không gian HLX đô thị: Tạo ra cách tiếp cận đa ngành và đa mục tiêu; Các phương pháp và công cụ mới để qui hoạch và kiểm soát phát triển không gian phức hợp như HLX phía Tây Hà Nội, trong bối cảnh đô thị hóa và công nghiệp hóa. Cũng là các vấn đề cốt lõi của khoa học tổ chức không gian</p>

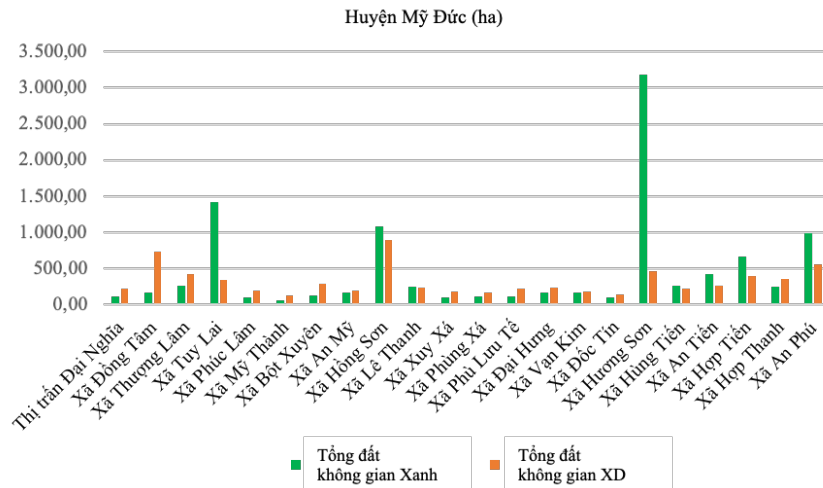
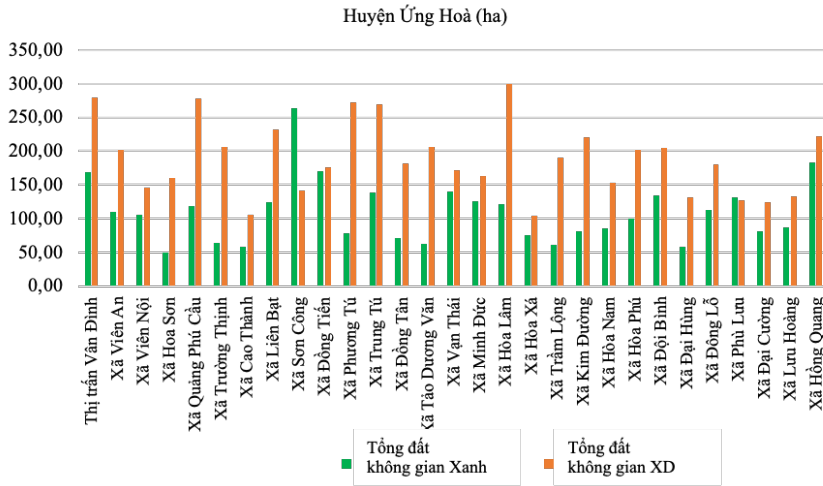
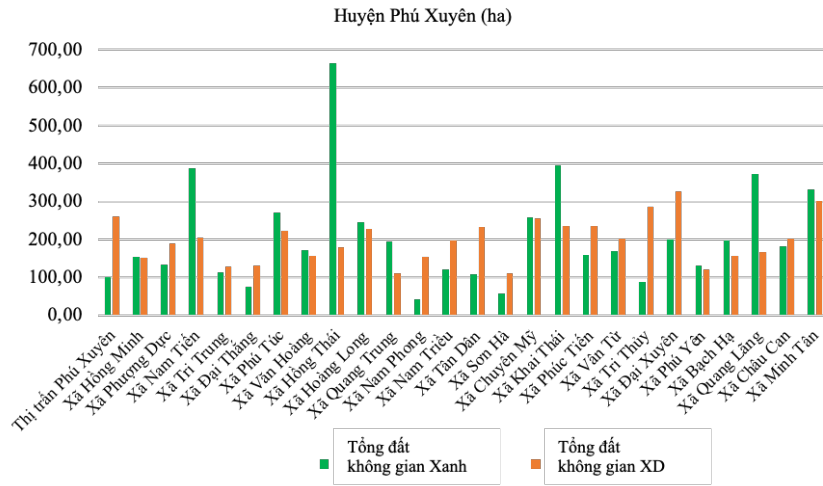
			<p>HLX đô thị trong bối cảnh mới của Hà Nội đang điều chỉnh qui hoạch chung đô thị.</p> <p>- Mục đích nghiên cứu cho các hiệu quả cao và bền vững: Hiệu quả kinh tế - xã hội, văn hóa và đời sống, bảo tồn tự nhiên và môi trường sống trong tổ chức hoạt động của HLX phía Tây Hà Nội. Từ đó đưa ra các giải pháp tổ chức không gian bền vững cho HLX phía Tây Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi mô hình phát triển hiện nay.</p>
Phạm vi nghiên cứu	HLX Hà Nội và kết nối với KGX đô thị trung tâm	HLX Hà Nội	HLX phía Tây Hà Nội
Đóng góp mới của luận án	<p>(1) Nhận diện được các thách thức về sự PTBV của thành phố Hà Nội trước mắt và tương lai, từ đó chứng minh chiến lược “Thiết lập CTQH HLX” là cần thiết và là giải pháp quan trọng đảm bảo đô thị PTBV; (2) nghiên cứu cơ sở lý luận thiết lập CTQH HLX áp dụng cho các thành phố lớn của Việt Nam; (3) Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và giải pháp thiết lập CTQH HLX Hà Nội từ đó điều chỉnh lại QĐ 1259.</p>	<p>(1) đã nhận diện bản chất, giá trị của hành lang xanh; (2) vai trò của hệ thống điểm dân cư nông thôn đối với sự phát triển bền vững, bản sắc của đô thị Hà Nội; (3) đã xác định được nguyên tắc và quy trình sáu bước về tổ chức không gian ở điểm dân cư nông thôn trong hành lang xanh Hà Nội; (4) đã đề xuất các giải pháp tổ chức không gian ở và kiến trúc nhà ở điểm dân cư nông thôn trong hành lang xanh Hà Nội.</p>	<p>- Nhận thức mới về lý luận đa ngành và đa chức năng để đạt được hiệu quả đa mục tiêu trong Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội, phù hợp với đặc thù và nhu cầu phát triển của thành phố Hà Nội;</p> <p>- Nhận dạng khoa học về Tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội theo 05 Khung chủ đề: Bảo tồn không gian xanh (tự nhiên và nông nghiệp); Làng xã truyền thống và di sản; Công nghiệp qui mô nhỏ và làng nghề; Đô thị hóa tại chỗ với mật độ thấp; Các dạng không gian hỗn hợp khác (mix không gian);</p>

			<p>Thiết lập các nguyên tắc của mô hình ‘không gian cộng sinh’ cho HLX phía Tây Hà Nội, từ đó thiết lập các giải pháp chức năng, cấu trúc, tổ chức không gian, chỉ tiêu quy hoạch (sử dụng đất, tổ chức hạ tầng, không gian cảnh quan và tổ chức thực hiện quy hoạch) đối với các khung chủ đề và và khung không gian hỗn hợp (không gian Mix), trong chuyên đổi không gian nông nghiệp và làng xã thích ứng với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hóa, chuyên đổi số và BDKH.</p>
--	--	--	--

Phụ lục 5: Đặc điểm đất KGX và không gian xây dựng trên địa bàn cấp xã thuộc 9 huyện khảo sát tại HLX phía Tây Hà Nội







Phụ lục 6: Yêu cầu và điều kiện bảo tồn KGX hành lang xanh phía Tây Hà Nội

a) Các yếu tố cấu thành không gian bảo tồn

Theo (QH 1259), HLX bảo tồn không gian tự nhiên (Sông hồ, Vùng núi), Di sản văn hóa (Di tích lịch sử, Làng nông nghiệp và làng nghề), Đất nông nghiệp (Vùng đồng bằng ngập lũ, Đất nông nghiệp năng suất cao). Khu vực bảo tồn gồm: (1) Tự nhiên; (2) nông nghiệp, (3) Di sản văn hoá làng nông nghiệp. Lý thuyết vận dụng điều kiện cộng sinh không gian bảo tồn (phụ lục 3).

Bảng 2. 3: Không gian bảo tồn, các yếu tố cấu thành không gian bảo tồn và điều kiện cộng sinh trong HLX phía Tây Hà Nội

Không gian bảo tồn	Các yếu tố cấu thành không gian bảo tồn	Lý thuyết vận dụng điều kiện cộng sinh
<i>Tự nhiên</i>	Các yếu tố cảnh quan tự nhiên: sông, hồ, núi.	Hành lang sinh thái – kinh tế Dịch vụ hệ sinh thái
<i>Nông nghiệp</i>	Cảnh quan nông nghiệp: cánh đồng, ruộng lúa.	Nông nghiệp chất lượng cao/công nghệ cao
<i>Di sản văn hoá làng nông nghiệp</i>	Là các điểm định cư đã hình thành lâu dài và ổn định trong lịch sử, có kết chặt chẽ. Gắn liền với sản xuất nông nghiệp. Xen giữa cảnh quan nông nghiệp và quần cư nông thôn là di sản lịch sử – văn hóa – tâm linh (đình, chùa).	Cộng sinh nông nghiệp – đô thị Nông nghiệp đô thị Nông thôn thành thị (desakota) Kinh tế di sản

b) Tiềm năng và thách thức

Bảng 2. 4: Tiềm năng, thách thức và hướng tiếp cận tổ chức không gian bảo tồn trong HL

Đối tượng bảo tồn	Tiềm năng	Thách thức	Hướng tiếp cận trong tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội		
			Giá trị	Hình thái /cấu trúc không gian	Chức năng
Rừng	Diện tích: 20.000 ha (7% diện tích HLX); Danh thắng cấp quốc gia (Ba Vì, Hương Tích); Gắn với truyền thuyết lịch sử văn hoá dân tộc;	Nguy cơ suy giảm hệ sinh thái do tác động bởi ĐTH và BĐKH;	Đa dạng sinh học Văn hoá, lịch sử; Cấu trúc đô thị	Cụm điểm nhấn trọng điểm không gian phía Tây;	Phát triển lâm nghiệp; Công viên rừng; Trung tâm đa dạng sinh học, du lịch,

	Cách trung tâm Hà Nội khoảng 50-60 km				giáo dục, giải trí
Mặt nước	Diện tích: 16.900ha (6% diện tích HLX), sông Đà, sông Đáy, sông Tích, sông Bùi, các hồ lớn (Đồng Mô, Quan Sơn, Suối Hai...); Sóng chính: sông Hồng Mạng lưới nước liên kết đô thị – nông thôn, tạo nên đặc trưng cảnh quan đô thị Hà Nội;	Ô nhiễm môi trường nước; Các mạch dòng chảy không liên thông; Lũ lụt	Môi trường sống; Hạ tầng xanh; Văn hoá, cảnh quan.	Các dải dòng chảy liên kết bên trong và ngoài HLX; kết nối danh thắng, các làng mạc, điểm di tích.	Nước sinh hoạt, sản xuất; Cảnh quan đô thị; Không gian giải trí; Hạ tầng thoát nước.
Nông nghiệp	Diện tích: 164.200 ha (57% diện tích HLX); Thực phẩm tươi sống; Nhiều đặc sản nông nghiệp địa phương; Tạo dựng văn hoá, cảnh quan làng nông thôn.	Giảm diện tích nhanh chóng do đô thị hoá; Đất nông nghiệp bỏ hoang;	Kinh tế; Văn hoá; Môi trường sống và Cảnh quan nông thôn;	Vùng sinh thái cảnh quan xanh bao quanh chum đô thị Hà Nội; Các điểm nông sản giá trị.	Phát triển nông nghiệp; Du lịch nông thôn; Không gian văn hoá nông thôn truyền thống;
Di sản	Mật độ di sản dày đặc; Công trình tôn giáo tín ngưỡng nổi tiếng như: chùa Tây Phương, chùa Thầy, chùa Trăm gian, chùa Hương, đền Núi Tản.v.v... Hệ thống công trình tín ngưỡng làng gắn với lễ hội dân gian truyền thống.	Công trình xuống cấp; Cảnh quan xung quanh di tích bị xâm lấn bởi đô thị hoá.	Văn hoá, lịch sử; Kiến trúc; Cảnh quan; Giáo dục;	Điểm riêng lẻ	Không gian công cộng; Văn hoá; Du lịch tâm linh

Lý thuyết vận dụng điều kiện cộng sinh không gian bảo tồn

- Mô hình dịch vụ hệ sinh thái/kinh tế sinh thái

Về mặt thể chế: Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2612/QĐ-TTg ngày 30/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sử dụng công nghệ sạch giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia

thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, với mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP; xanh hóa các ngành kinh tế. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, trong đó quy định lộ trình phát triển, thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước.

Xác định quy mô tổ chức tối ưu cho nền kinh tế sinh thái và dịch vụ hệ sinh thái HLX phía Tây Hà Nội: Dựa trên hai trụ cột (1) nền kinh tế dựa vào tự nhiên (nature-based) tự cung tự cấp, nền nông nghiệp hữu cơ và sử dụng năng lượng tự nhiên; và (2) nền kinh tế công nghiệp, phát triển năng lượng nhân tạo và chất thải, trên cơ sở tái chế, tái sử dụng chất thải làm nguyên liệu đầu vào tiết kiệm tài nguyên. Khuyến khích thu gom và khai thác nguồn nước mưa. Chất thải và nước thải cần được quản lý kết hợp với các giải pháp kỹ thuật (biogas, phân bón vi sinh...) xử lý trước khi xả ra môi trường. Bên cạnh đó khuyến khích khai thác và áp dụng các nguồn năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió...

Điều kiện tiên quyết là bảo tồn khung tự nhiên và cảnh quan truyền thống: Các dịch vụ hệ sinh thái phải gắn với hoàn trả tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn nước, thực hiện các dịch vụ điều tiết như điều tiết khí hậu (thu hồi và lưu trữ cacbon, điều tiết nhiệt độ, ánh sáng cực tím), điều chỉnh lại các tai biến thiên nhiên (bảo vệ và kiểm soát xói mòn đất, lượng mưa, ngăn chặn điều tiết lũ lụt), điều tiết môi trường (giảm ô nhiễm khuếch tán từ đất, nước và khí quyển, giảm tiếng ồn, lọc nước và xử lý chất thải).

- Mô hình kinh tế du lịch – di sản:

Về mặt thể chế: Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam 2001 – 2010 đã xác định mục tiêu phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa lịch sử... trong đó du lịch văn hóa là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch Bắc Bộ và vùng du lịch Bắc Trung Bộ. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 mở rộng phạm vi và đối tượng của du lịch văn hóa, trong đó đặc biệt vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc phát triển du lịch văn hóa với các giá trị của nền văn minh lúa nước và các nét sinh hoạt truyền thống ĐBBB. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 nhấn mạnh quan điểm phát triển du lịch văn hóa, gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc; chú trọng phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử, truyền thống của dân tộc; gắn phát triển du lịch văn hóa với trải nghiệm đời sống cộng đồng để nâng cao đời sống kinh tế, văn

hóa, góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Tích hợp vào khu đô thị hóa với kinh tế dịch vụ là chủ đạo: Trang trại sinh thái, biệt thự nghỉ dưỡng cho du lịch, xây dựng các đô thị mật độ thấp.

Khai thác giá trị di sản văn hóa giàu truyền thống sẵn có: Xây dựng các tuyến du lịch danh thắng văn hóa tôn giáo – du lịch tâm linh (con đường tâm linh đi từ Thánh đến Phật/Ba Vì xuống Sài Sơn), khai thác các kiến trúc truyền thống nổi tiếng như đình Tây Đằng, đình Chu Quyển, đình Ngọc Than, đình So, đình Cấn...; chùa Thầy, chùa Tây Phương, chùa Trăm Gian, chùa Hương...

Về không gian – cảnh quan: Mở rộng đường trục chính của làng thành đường đô thị, tại đó có một trung tâm GTCC; bảo tồn và tôn tạo các di sản vật thể và cảnh quan đẹp; Phát triển tuyến đường chính và một số đường phụ thành đường phố để các hộ dân sống dọc đường có thể mở hàng quán kinh doanh, tạo việc làm và cung cấp dịch vụ giải trí và sinh hoạt.

- Mô hình kinh tế nông nghiệp chất lượng cao

Về mặt thể chế: Xây dựng chiến lược dựa trên cơ sở Nghị quyết số 06-NQ/TW, 05/11/2016 về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhấn mạnh những định hướng về phát triển nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao như: “Hiện đại hóa, thương mại hóa nông nghiệp, chuyển mạnh sang phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, sản xuất lớn, dựa vào khoa học - công nghệ, có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao. Chuyển nền nông nghiệp từ sản xuất lương thực là chủ yếu sang phát triển nền nông nghiệp đa dạng phù hợp với lợi thế của từng vùng”;... Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 29/1/2010, phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020; Quyết định số 1895/QĐ-TTg, ngày 17/12/2012 phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

Về mặt không gian – sinh thái: Thiết lập trên khu vực lưu vực của sông Đáy, sông Tích. Phát triển nông thôn gắn với đặc trưng sinh thái của từng khu vực, tạo nên các hình thái dân cư nông thôn đặc trưng theo từng khu vực; hiện đại hóa nông thôn gắn với hiện đại hóa sản xuất, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Đảm bảo có không gian đủ rộng để phát triển một mô hình nông nghiệp hiện đại, sản xuất ra những sản phẩm có giá trị cao như cây, con giống chất lượng cao; lúa gạo, bò sữa, thủy sản, rau an toàn, hoa, cây cảnh v.v... với chất lượng đồng bộ, năng suất cao, công nghệ sau thu hoạch hiện đại bao gồm vận chuyển, phơi sấy, bảo quản, sơ chế. Các hộ thuần nông trong các điểm dân cư có mật độ lớn được tổ chức thành hợp tác

xã “nông nghiệp đô thị” (urban agriculture) để làm “kinh tế vườn”, áp dụng công nghệ cao, ít cần đất (như nhà kính trồng rau hoa quả hay hầm trồng nấm), có phương tiện chuyên chở ngay sau khi thu hái và sơ chế đến cửa hàng của hợp tác xã và các siêu thị trong nội thành.

Thực hiện chức năng của dịch vụ hệ sinh thái: Dịch vụ cung cấp nông, lâm và thủy sản; đóng góp cho hoạt động kinh tế - sinh kế địa phương thông qua tạo việc làm; chuyển đổi những thửa ruộng hoang hóa, cần cỗi thành những tổ hợp sản xuất quy mô hiện đại; khắc phục hầu hết những hạn chế phát sinh trong quá trình đô thị hoá (Nông dân mất đất trở thành thất nghiệp, môi trường thiên nhiên bị khai thác triệt để dẫn đến suy thoái).

Phụ lục 7: Yêu cầu và điều kiện không gian phát triển hành lang xanh phía Tây Hà Nội

a) Các yếu tố cấu thành không gian phát triển

Theo (QH 1259), HLX phát triển không gian (1) Làng nghề - điểm công nghiệp, (2) Đô thị hóa, (3) Hỗn hợp/mix.

Bảng 2. 5: Không gian phát triển dựa trên bảo tồn, các yếu tố cấu thành không gian phát triển và điều kiện cộng sinh trong HLX phía Tây Hà Nội

Không gian phát triển dựa trên bảo tồn	Các yếu tố cấu thành không gian phát triển	Lý thuyết vận dụng điều kiện cộng sinh
<i>Làng nghề - điểm công nghiệp</i>	Mạng lưới các làng nghề truyền thống lâu đời, có chuỗi liên kết giá trị với Hà Nội. Đã hình thành các điểm tụ cư và cơ sở sản xuất quy mô nhỏ và vừa.	Cộng sinh công nghiệp: Công nghiệp chế tạo – trang trại
<i>Đô thị hóa</i>	Xuất hiện ở trung tâm kinh tế - xã hội của các vùng, huyện, liên huyện; đầu mối về hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng, sản xuất.	Cộng sinh đô thị cho đô thị mật độ thấp Kinh tế dịch vụ đổi mới sáng tạo
<i>Hỗn hợp/mix</i>	Tiềm năng kết hợp hài hòa giữa cả bốn yếu tố tự nhiên (cảnh quan), nông nghiệp (bao gồm cả di sản), công nghiệp (TTCN, đô thị).	Không gian hỗn hợp (mix) Cộng sinh đô thị - công nghiệp Kinh tế tri thức Kinh tế công nghệ cao

b) Tiềm năng và thách thức

Bảng 2. 6: Tiềm năng, thách thức và hướng tiếp cận tổ chức không gian phát triển trong HLX

Đối tượng bảo tồn	Tiềm năng	Thách thức	Hướng tiếp cận trong tổ chức không gian HLX phía Tây Hà Nội		
			Giá trị	Hình thái /cấu trúc không gian	Chức năng
Làng nông thôn	Lịch sử lâu đời gắn liền với quá trình dựng nước và giữa nước; Có cấu trúc không gian cư trú ổn định, bền vững;	Mật độ dân số cao; Có xu hướng lan toả mạnh mẽ ra bên ngoài HLX;	Lịch sử, văn hoá; Cấu trúc định cư truyền thống ĐBSH;	Mạng lưới theo tầng bậc đơn vị hành chính nông thôn; Hình thái phân bố dân cư đa dạng, chủ yếu là	Làng nông nghiệp: Nhà ở; Không gian công cộng làng; Không gian mở; Làng công thương;

	Là nơi cư trú > 2 triệu người;			cụm cư trú tập trung có hạt nhân;	Làng di sản; Làng du lịch
TTCN	Phát triển ổn định, Cung cấp việc làm, sinh kế cho cư dân nông thôn; Cung cấp sản phẩm tiêu dung giá rẻ cho cư dân đô thị	Rác thải; nước thải làm ô nhiễm môi trường nông thôn. Kiến trúc cảnh quan lộn xộn.	Sản xuất, kinh tế; Văn hoá làng nghề	Mạng lưới làng nghề, TTCN; Cụm làng nghề theo tính chất sản xuất;	Làng nghề: Nhà ở + sản xuất – Không gian công cộng (tổ nghề); TTCN: không gian sản xuất, trưng bày sản phẩm.
Đô thị	Không gian liên kết đô thị – nông thôn; Trung tâm hỗ trợ nông thôn.	Có xu hướng lan toả trên diện rộng, xâm lấn đến HLX.	Liên kết đô thị, nông thôn; Tăng trưởng vùng;	Mạng lưới thị trấn sinh thái là trung tâm hệ thống làng nông thôn; Đô thị mới Hoà Lạc là cực tăng trưởng phía Tây Hà Nội.	Nông thị; Đô thị sinh thái; Đô thị KHCN-GDĐT
Hạ tầng	Phân bố đồng đều trên khắp địa bàn HLX; Chất lượng hạ tầng khá tốt;	Đô thị hoá lan toả dọc theo các tuyến hạ tầng.	Kết nối;	Hướng tâm về đô thị trung tâm; Liên kết các thị trấn sinh thái; Liên kết trung tâm xã với thị trấn sinh thái	Cấp quốc gia; Cấp tỉnh; Cấp huyện/xã.
Du lịch	Nhiều khu vực có tiềm năng phát triển du lịch; Nhu cầu du lịch rất lớn từ cư dân đô thị Hà Nội và du khách đến tham qua, làm việc tại Hà Nội	Chất lượng khu du lịch ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan HLX	Kinh tế;	Mạng lưới khu/cụm/điểm du lịch gắn với danh thắng và di sản văn hoá.	Du lịch sinh thái; Du lịch tâm linh; Du lịch giải trí và nghỉ dưỡng.

Phụ lục 8: Yêu cầu về chuyển đổi mô hình phát triển

a) Điều kiện tích tụ không gian hỗn hợp của HLX

- Không gian hỗn hợp trong hình thái tổ chức không gian truyền thống

Làng đã xuất hiện những dấu hiệu từ rất sớm trong lịch sử Việt Nam; để hình thành không gian hỗn hợp (mix) này, chắc chắn phải có cơ sở bắt nguồn từ hai phương diện kinh tế - xã hội của làng Việt Nam và mối quan hệ giữa làng lẫn thành thị.

Kinh tế - xã hội của làng Việt Nam, khảo qua một số công trình tiêu biểu như *Kinh tế công xã* của Vũ Quốc Thúc [25] và *Người nông dân châu thổ Bắc kỳ* của Pierre Gourou [14] đã cho thấy tính chất hỗn hợp (mix) từ rất sớm. Về tầng lớp, ngoài nhà nông thì có thương nhân, thợ thủ công. Một người nông dân ngoài mùa vụ canh tác và cấy cấy mảnh ruộng của mình, có thể trở thành một người thợ thủ công (dệt vải, đan lát, đúc rèn), trong nhà dành hẳn một gian để làm xưởng.

Nếu quan niệm làng nghề là một thiết chế gồm hai yếu tố cấu thành là “làng” và “nghề” thì những điều kiện tích tụ hình thành “nghề” dựa trên hình thái tổ chức cơ bản của “làng” – những công xã nông thôn, tập hợp dân cư chủ yếu theo quan hệ láng giềng, với các gia đình nhỏ trong một không gian nhất định để sản xuất. Trong quá trình phát triển kinh tế, các ngành nghề thủ công tách dần khỏi nông nghiệp nhưng lại phục vụ trực tiếp cho nông nghiệp, rồi có một số thợ thủ công không làm nông nghiệp nữa song vẫn gắn bó chặt chẽ với làng quê. Gourou năm 1936 đã phân chia các nghề thủ công thôn dã vùng ĐBBB thành 9 loại ngành nghề cơ bản, bao gồm: 1) Nghề dệt; 2) Nghề chế biến thực phẩm; 3) Nghề đan lát; 4) Nghề mộc; 5) Nghề sản xuất vôi, gạch, ngói, thợ nề; 6) Nghề làm giấy, đồ vàng mã; 7) Nghề rèn, đúc, chế tác kim loại; 8) Nghề làm nông cụ và 9) Nghề gốm.

Mối quan hệ giữa làng và thành thị. Sự hình thành các “đại diện” tại Hà Nội (Thăng Long, Kẻ Chợ) bắt nguồn từ làng nghề. Hà Nội thực chất là một chợ lớn, một thị trường tiêu thụ các sản phẩm được sản xuất từ các làng nghề. Trong các làng nghề, nghề thợ cấy, thợ gặt không còn là nghề chính, thay vào đó sản xuất thủ công từ nghề phụ trở thành sinh kế hàng đầu. Ngoài ra còn sự xuất hiện một tầng lớp trung gian mang tính chất thương mại – buôn bán, đưa hàng hóa từ làng nghề ra kinh kỳ, mà theo Vũ Quốc Thúc, đó là nghề buôn bán lưu động, hoạt động theo các chợ phiên

[25]. Các nhà buôn lưu động này là kênh đưa hàng hóa tới các địa phương xa, trước khi thiết lập kiểu buôn bán tĩnh tại – các đại lý “đại diện” là những phố Hàng, sở hữu một cơ sở có địa điểm, một tổ chức những kho lớn, một cửa hiệu bóng bẩy để thu hút khách hàng. Từ mối quan hệ giữa làng, cụ thể là các làng nghề, với thị trường là thành thị, đã hình thành nên liên kết chuỗi giá trị: Sản xuất (nông thôn) → tiếp cận thị trường → chuyển giao sản phẩm → tiêu dùng (thành thị), được khái quát thông qua bảng như sau:

Bảng 2. 7: Sơ đồ liên kết chuỗi giá trị làng nghề truyền thống

<i>Tài nguyên</i>	<i>Khai thác</i>	<i>Chế tác</i>	<i>Thương mại</i>	<i>Tiêu dùng</i>
Tự nhiên	Con người (thợ thủ công, nghệ nhân) Tinh hoa địa phương (phương thức kỹ nghệ)		Thị Tầng lớp trung gian (thương nhân)	Vua, quan Thành thị Phương xa (nước ngoài)

Bên cạnh hoạt động nông nghiệp thuần túy vốn trước đây là chủ đạo của một nền văn minh canh tác lúa nước, các làng nghề tích hợp thêm các hoạt động trong chuỗi sản xuất – thương mại, bao gồm khai thác tài nguyên, vật liệu chế tác từ tự nhiên, sản xuất tại chỗ, thông qua các kênh trung gian (thương nhân) hoặc gián tiếp (các đại lý đại diện) để đưa sản phẩm hàng hóa đến đối tượng tiêu dùng ở thành thị, thậm chí mở rộng trao đổi buôn bán vượt ra ngoài phạm vi kinh đô thông qua các thương lái, tàu buôn nước ngoài. Điều này tất yếu dẫn tới việc không gian làng truyền thống có sự hiện diện và hỗn hợp (mix) giữa các không gian khác nhau, bên cạnh không gian cư trú, sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp (nhà), có không gian khai thác, chế tác TTCN (nhà xưởng), không gian tập kết hàng hóa (kho), địa điểm buôn bán và xúc tiến thương nghiệp (chợ, đình). Đây là chưa kể các không gian tâm linh như đền, chùa, miếu đã song song tồn tại và phát huy các chức năng văn hóa tinh thần của mình.

Làng Việt Nam phát triển nền kinh tế - xã hội đã có những mầm mống, hay chính xác hơn, hiện ra sự hỗn hợp (mix) không gian ngay từ thời trung đại. Những dấu hiệu này, cho tới thời cận đại và hiện đại, khi được tích tụ và đạt ngưỡng, khiến cho quá trình hỗn hợp (mix) không gian diễn ra tự nhiên và tự phát hơn.

- Sự chuyển đổi không gian hỗn hợp do tác động của CNH và ĐTH

Trên thế giới, *công nghiệp hóa* (industrialization) là quá trình chuyển nền kinh tế từ sản xuất thủ công, lạc hậu sang sản xuất bằng máy móc với trình độ kỹ thuật, công nghệ cải tiến. Quá trình công nghiệp hóa làm biến đổi sâu sắc bộ mặt xã hội và môi trường thiên nhiên. Quá trình công nghiệp hóa trên thế giới gắn liền với các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật.

Bảng 2. 8: Khái quát con đường công nghiệp hóa từ nông nghiệp của một số quốc gia điển hình trên thế giới

Khái quát về công nghiệp hóa	Công nghiệp hóa là sự chuyển đổi từ nền kinh tế dựa vào nông nghiệp hoặc tài nguyên, sang nền kinh tế dựa trên cơ giới hóa sản xuất.
	Công nghiệp hóa thường gắn liền với thu nhập bình quân cao hơn và mức sống được cải thiện.
	Công nghiệp hóa ban đầu xảy ra ở châu Âu và Bắc Mỹ trong thế kỷ XVIII và XIX, và sau đó ở các khu vực khác trên thế giới.
	Nhiều chiến lược công nghiệp hóa đã được theo đuổi theo thời gian, với các mức độ thành công khác nhau.

Cùng với công nghiệp hóa, *đô thị hóa* (urbanization) được xem như một khía cạnh quan trọng của sự vận động đi lên của xã hội. Đô thị hóa là quá trình song song với sự phát triển của công nghiệp hóa, quá trình đô thị hóa phản ánh tiến trình công nghiệp hóa. Ở Việt Nam, với điểm xuất phát ban đầu là nền nông nghiệp lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội Đảng lần thứ III (1960) đã xác định công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt cả thời kỳ quá độ với thực chất là thực hiện cách mạng kỹ thuật.

Song, công nghiệp hóa chính thức bắt đầu từ năm 1976. Khởi đầu Đổi mới (1986) đã gợi ý một quá trình công nghiệp hóa. Đến đầu những năm 1990, công nghiệp hóa chính thức phát triển trong nhiều khu vực và trên nhiều bàn của cả nước.

Ảnh hưởng của công nghiệp hóa và đô thị hóa đã *thay đổi tính chất của liên kết chuỗi giá trị truyền thống*, được khái quát thông qua các yếu tố sau: (1) Thay đổi cơ sở hạ tầng – kỹ thuật: Xuất hiện đường xe hỏa, máy hơi nước, điện toán, thông tin...; (2) Phương tiện vận chuyển: Phương tiện cơ giới, tàu hỏa, máy bay... giúp

hàng hóa được vận chuyển nhanh chóng, thuận tiện; (3) Sự phát triển kho bãi và logistics giúp hàng hóa lưu thông hiệu quả; (4) Công cụ sản xuất cải tiến và nâng cấp dẫn đến sản xuất hàng loạt; (5) Mặt hàng mới, sản xuất số lượng lớn và nhiều mẫu mã dẫn đến thúc đẩy xã hội tiêu dùng và chủ nghĩa tiêu dùng.

- Sự chuyển hoá hình thái tổ chức không gian hỗn hợp

Về lý thuyết, không gian hỗn hợp (mix) là loại hình tổ chức không gian trong phát triển đô thị, thiết kế đô thị, quy hoạch đô thị và/hoặc phân loại phân vùng kết hợp nhiều mục đích sử dụng (dân cư, thương mại, văn hóa, thể chế hoặc giải trí) vào một không gian, trong đó các chức năng đó ở một mức độ nào đó về mặt vật lý và tích hợp chức năng, và điều đó cung cấp kết nối cho người dân. Phát triển không gian hỗn hợp (mix) có thể là một công trình xây dựng mới, tái sử dụng một tòa nhà hiện có hoặc khu đất bỏ hoang, hoặc trên quy mô một khu vực rộng lớn trên các khu phố; hoặc trong chính sách phân vùng trên toàn bộ thành phố hoặc đơn vị hành chính khác.

Các không gian hỗn hợp (mix) là nơi có nhiều cơ hội việc làm và nhà ở. Nhiều dự án trong số này đã được đặt tại các quận trung tâm thành phố lâu đời, có nghĩa là nơi việc phát triển hệ thống GTCC được khuyến khích. Bằng cách sử dụng đất bị định giá thấp và chưa được sử dụng đúng mức, thường là đất công nghiệp nặng trước đây, các nhà phát triển có thể tái sử dụng nó để tăng giá trị đất đai và tài sản. Các dự án này cũng tăng sự đa dạng, mật độ nhà ở và đôi khi là khả năng chi trả thông qua việc tập trung vào các khu nhà ở đa gia đình, thay vì các khu nhà ở dành cho một gia đình. Sự cân bằng hơn giữa cung và cầu việc làm và nhà ở cũng được tìm thấy ở các quận này.

Theo truyền thống, các khu định cư của con người đã phát triển theo mô hình không gian sử dụng hỗn hợp (mix). Tuy nhiên, với quá trình công nghiệp hóa, các quy định phân vùng của chính phủ đã được đưa ra để tách các chức năng khác nhau, chẳng hạn như sản xuất, khỏi các khu dân cư. Mối quan tâm về sức khỏe cộng đồng và việc bảo vệ các giá trị tài sản là động lực đằng sau sự tách biệt này.

Ở phần lớn châu Âu, chính sách của chính phủ đã khuyến khích tiếp tục vai trò của trung tâm thành phố như một địa điểm chính cho các hoạt động kinh doanh, bán lẻ, nhà hàng và giải trí, không giống như ở Mỹ, nơi mà việc phân vùng tích cực

ngăn cản việc không gian hỗn hợp (mix) như vậy trong nhiều thập kỷ. Ở Hoa Kỳ kể từ những năm 1990, quy hoạch không gian hỗn hợp (mix) một để chống lại sự mở rộng đô thị và tăng sức sống kinh tế.

Ở Việt Nam, dựa trên những dấu hiệu không gian hỗn hợp (mix) trong hình thái tổ chức không gian truyền thống (làng) từ lâu đời và tác động sâu sắc của quá trình công nghiệp hóa lẫn đô thị hóa, hình thái tổ chức không gian hỗn hợp (mix) đã hoàn chỉnh đặc biệt ở khu vực ven đô phía Tây Hà Nội. Mặc dù, không gian hỗn hợp (mix) mang tính chất tự phát này đáp ứng hiệu quả cho nhu cầu sản xuất và thương mại, nhưng không tránh khỏi kéo theo những hiện tượng trực diện cần xem xét như: (1) Khung tự nhiên bị thu hẹp và ô nhiễm; (2) Nông thôn và nông nghiệp: Phát triển hạ tầng và quy hoạch đất nông nghiệp theo kiểu xô đổ, đất màu mỡ trở nên hoang hóa, những mảnh ruộng màu mỡ, thuận tiện giao thông thì bị thu hồi để làm công nghiệp, đô thị, còn lại những mảnh đất xen kẹt, khó canh tác thì để dành cho nông dân sản xuất; (3) Công nghiệp – làng nghề song song với công nghiệp hóa ở nông thôn; (4) Đô thị hóa gây hình thành làng – phố thị hóa và các khu đô thị mới theo mô hình làng nghề → khu công nghiệp theo hộ sản xuất → phố thương mại.

b) Yêu cầu chuyển đổi không gian hỗn hợp thời kỳ hậu COVID

Sự bình thường mới hậu COVID nhiều khả năng sẽ đặt ra các yêu cầu mới, đòi hỏi các thành phố phải xanh hơn, với lối sống bền vững hơn vì đại dịch khiến cho nhu cầu về môi trường xanh và không khí sạch trở nên cấp thiết hơn. Đối với khu vực nông thôn đòi hỏi tiếp cận nhiều hơn với các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp; công nghệ số giúp làng thúc đẩy thương mại địa phương, dịch vụ nghỉ dưỡng theo hướng sinh thái, lao động thâm dụng tri thức.

Khái niệm về khả năng phục hồi, đặc biệt phục hồi lãnh thổ cần phải đặc biệt chú trọng trong công tác quy hoạch. Các đô thị, nông thôn cần phải lựa chọn mô hình phát triển phù hợp theo hướng bền vững, thông minh và có khả năng chống chịu với thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm bất bình đẳng xã hội, tái tổ chức không gian đô thị theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững, chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế khu vực đô thị, thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển đô thị

thông minh, bền vững và bao trùm và đặc biệt tăng cường tính liên kết và hỗ trợ giữa các đô thị trong mạng lưới đô thị vùng và đô thị quốc gia.

Thời kỳ hậu COVID, làng nông thôn HLX phía Tây Hà Nội dễ bị tổn thương ở nhiều chiều cạnh kinh tế - xã hội – môi trường trước các tác động của đô thị hoá, BĐKH, kinh tế số. Sự hoàn chỉnh hình thái tổ chức không gian hỗn hợp (mix) theo hướng quy hoạch tích hợp nhằm tìm ra giải pháp khả năng phục hồi lãnh thổ dựa trên các trụ cột: chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, tăng trưởng bền vững & thông minh, khả năng phục hồi khủng hoảng, gắn kết xã hội và lãnh thổ.

Bảng 2. 9: Chuyển đổi mô hình tổ chức không gian hỗn hợp trong HLX phía Tây Hà Nội

KHẢ NĂNG TỰ PHỤC HỒI	giảm thiểu rủi ro	nâng cao khả năng chống chịu	tăng năng lực thích ứng	Chỉ số kiểm soát không gian
chuyển đổi xanh,	Xây dựng hạ tầng xanh Các chỉ số đất đai kiểm soát không gian xanh trong khu vực xây dựng	Phục hồi hệ sinh thái đang suy giảm đa dạng sinh học. Liên kết khu vực đô thị hoá với làng phát triển các không gian xanh gắn với giải trí và trao đổi tri thức	Chính sách kiểm soát và phát triển hạ tầng xanh trong quy hoạch và phát triển đô thị, nông thôn Sự tham gia cộng đồng phục hồi hệ sinh thái	Không gian xanh: Tỷ lệ (%) tối thiểu đất rừng và đất nông nghiệp; Tỷ lệ (%) tối thiểu đất cây xanh trong khu xây dựng;
chuyển đổi số,	Xây dựng hạ tầng thông tin Tăng khả năng tiếp cận của người dân với hạ tầng thông tin	Liên kết đô thị Hoà Lạc trong các hoạt động TTCN làng nghề và sử dụng rác thải, nước thải bản	Chương trình, kế hoạch nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin quản lý và phát triển HLX ở cấp độ thành phố, huyện, xã, làng.	Dân số: MĐDS tối đa; Ngưỡng dân số tối đa; MĐXD tối đa; TTCN: tỷ lệ (%) doanh nghiệp chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; ngưỡng xử lý chất thải và nước thải;
tăng trưởng thông minh,	Xây dựng mô hình chuyển đổi kinh tế - xã hội XANH và THÔNG MINH	Thiết lập HTX toàn cầu và liên minh HTX kết nối và lan toả làng XANH – THÔNG MINH	Kế hoạch Tăng trưởng xanh cấp huyện, xã. Mạng lưới doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp hộ gia đình chuyển đổi kinh tế NÂU – XANH & THÔNG MINH	Hạ tầng: tỷ lệ (%) tối đa đất phi nông nghiệp; mật độ hiện đại hoá cơ sở hạ tầng;
khả năng phục hồi	Giải quyết các xung đột giữa bảo tồn và phát triển các chức	Cải cách thể chế, chính sách như CTMTQG XDNTM	Kế hoạch đào tạo cán bộ,	Chất lượng sống khu vực

khủng hoảng,	năng trong HLX ở các cấp độ: quốc gia, thành phố, huyện, xã, thôn.	và phát triển đô thị - nông thôn	Tăng cường năng lực kiến thức chuyển đổi XANH – THÔNG THÔN đến người dân	nông thôn: tỷ lệ (%) xã/thôn chuyển đổi mô hình phát triển; Khả năng tiếp cận của người dân đến không gian công cộng HLX
gắn kết xã hội và lãnh thổ	Xây dựng không gian công cộng; Duy trì và phát triển sinh hoạt cộng đồng	Thúc đẩy tính tự trị làng triền triền nông thôn Xanh, Thông Minh.	Kế hoạch sự tham gia cộng đồng triển khai kế hoạch bảo tồn và phát triển dựa trên bảo tồn HLX	

Phụ lục 9. Đề xuất các chỉ tiêu sử dụng đất**a) Đề xuất các chỉ tiêu sử dụng đất KGX***Bảng 3. 4: Đề xuất chỉ tiêu quy hoạch không gian xanh HLX phía Tây Hà Nội*

TẦNG BẬC QUẢN LÝ	LOẠI HÌNH KHÔNG GIAN XANH	TÍNH CHẤT	KIỂM SOÁT PHÁT TRIỂN
Liên huyện (Mạng lưới khu dân cư nông thôn trong HLX)	1- Tỷ lệ đất không gian xanh tối thiểu	Thực hiện mục đích phát triển HLX và thúc đẩy chiến lược bền vững về môi trường của thành phố lớn	70%
	2- Hành lang đa dạng sinh học	Kết nối không gian tự nhiên, thúc đẩy bảo vệ khu vực bảo tồn tự nhiên và phục hồi môi trường tự nhiên đang bị suy thoái	Dải không gian ven sông Hồng, sông Đà, sông Đáy, sông Tích, sông Bùi
	3- Tuyến đường xanh	Một dạng không gian xanh theo chuỗi kết nối khu vực có dân cư sinh sống (làng và thị trấn sinh thái) với khu bảo tồn tự nhiên và các công viên trong HLX.	Thực hiện trong các QHC thủ đô
Huyện, xã (Cụm các khu dân cư nông thôn hoặc Khu dân cư nông thôn)	1- Khu bảo tồn thiên nhiên	Theo quy hoạch ngành lâm nghiệp	Các vùng có giá trị sinh thái tự nhiên cấp huyện, xã
	2- Vùng sinh thái nông nghiệp	Theo quy hoạch ngành nông nghiệp	Các vùng đặc sản địa phương cấp huyện, xã
	3- Công viên văn hoá tâm linh	Các khu di sản cấp quốc gia và cấp tỉnh đã được công nhận	Vùng đất xung quanh di sản xác định trong quy hoạch huyện và xã
	4- Đường dành cho xe đạp và giao thông chậm	Đường trồng nhiều cây xanh bóng mát dành riêng cho xe đạp và xe cơ giới tốc độ chậm, kết nối khu dân cư với nhau.	Tiếp cận với khu dân cư đông đúc xác định trong quy hoạch huyện và xã
Xã, thôn (điểm dân cư nông thôn)	1- Tỷ lệ đất không gian xanh trong khu dân cư.	Thúc đẩy phát triển mô hình cư trú nén (nhỏ gọn)	>5m ² /người
	2- Số lượng các khoảng không gian xanh phân tán.	Tăng khả năng tiếp cận của cư dân đến không gian mở)	Theo quy mô dân số làng.
	3- Kích thước tối thiểu của công viên và vườn hoa.	Đảm bảo phát triển không gian sinh hoạt cộng đồng	>1000m ²

	4- Khoảng cách tối đa giữa các khoảng không gian xanh.	Giảm đảo nhiệt	300m
--	--	----------------	------

b) Đề xuất các chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng

Bảng 3. 5: Đề xuất chỉ tiêu quy hoạch không gian xanh xây dựng HLX phía Tây Hà Nội

QUẢN LÝ	LOẠI HÌNH	TÍNH CHẤT	KIỂM SOÁT PHÁT TRIỂN
Xã, thôn	Làng (Điểm dân cư nông thôn)	Ở Dịch vụ Sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> Ranh giới làng; Dân số; mật độ dân số tối đa tương đương đô thị loại V Chỉ tiêu đất xây dựng khu dân cư 50m²/người. Mật độ xây dựng; Tầng cao tối đa 3 tầng Chất lượng môi trường
Huyện, xã	Các thị trấn (đô thị loại V hoặc loại IV)	Ở Dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> Ranh giới thị trấn; Dân số; Chỉ tiêu đất xây dựng khu dân cư theo quy hoạch đô thị.
	Khu TTCN làng nghề	Sản xuất, dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> Ranh giới khu TTCN; Chất lượng môi trường
	Khu hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	Dịch vụ hỗn hợp, đào tạo, chuyển giao KHCN, thương mại, kho chứa nông cụ, nông sản...	<ul style="list-style-type: none"> Ranh giới; Theo quy hoạch xã, huyện
Liên huyện	Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật		<ul style="list-style-type: none"> Theo quy hoạch xã, huyện
	Khu du lịch hoặc giải trí		<ul style="list-style-type: none"> Diện tích <30 ha/khu Chỉ tiêu xây dựng theo mô hình du lịch sinh thái.

Phụ lục 10: Tổng hợp hệ thống tiêu chí về kiểm soát HLX phía Tây Hà Nội

Từ các tiêu chí được xác định ở phần 2.6.4, và tổng hợp các tiêu chí ở chương 3, hệ thống tiêu chí về kiểm soát HLX phía Tây Hà Nội được luận án đề xuất như sau:

TT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu	Trọng số/Hướng dẫn	Ghi chú
1	Tiêu chí xác định các thành phần bảo tồn	Tự nhiên	Nước	- 70% diện tích HLX là khu vực bảo tồn - Mật nước > 6% diện tích HLX - Giữ gìn mạng lưới nước liên kết đô thị – nông thôn, tạo đặc trưng cảnh quan đô thị Hà Nội - Đảm bảo chất lượng nước sinh hoạt, nông nghiệp, hạ tầng thoát nước - Tiến hành khoanh vùng bảo vệ cách bờ nước tối thiểu 50m	
			Núi rừng	- Núi rừng > 7% diện tích HLX - Duy trì phát triển các trung tâm đa dạng sinh học, du lịch, giáo dục, giải trí	
			Công viên	Duy trì phát triển công viên rừng; các công viên sinh thái, khoa học	
		Di sản	Cảnh quan nông nghiệp	Bảo tồn các cảnh quan nông thôn nguyên gốc - Loại bỏ các yếu tố cản tầm nhìn cảnh quan nông thôn từ các hành lang giao thông.	
			Di tích lịch sử tín ngưỡng	Bảo tồn hệ thống di sản, di tích có giá trị Tăng cường hệ thống hạ tầng phục vụ công tác bảo tồn di sản, di tích	Tuân theo Luật Di sản Văn hóa
			Không gian văn hoá làng xã	Duy trì các làng nghề truyền thống, cấu trúc làng xóm trong HLX	
			Trung tâm vùng nông thôn		
			Đê chống lũ lụt		
		Lối sống	Cảnh quan làng xã		

2	Tiêu chí xác định các thành phần phát triển	Làng nông thôn	Mật độ dân số	Mật độ dân số tối đa tương đương đô thị loại V Chỉ tiêu đất xây dựng khu dân cư 50m ² /người	
			Hình thái không gian		
			Sử dụng đất	Mật độ xây dựng; Tầng cao tối đa 3 tầng	
			Yếu tố cảnh quan	- Bảo tồn các cảnh quan nông thôn nguyên gốc - Loại bỏ các yếu tố cản tầm nhìn cảnh quan nông thôn từ các hành lang giao thông.	
			Đặc trưng cộng đồng		
		TTCN quy mô nhỏ	Làng nghề		
			Khu TTCN		
		Đô thị và khu xây dựng mới	Tăng trưởng kinh tế	- Phân bố hạ tầng kinh tế quy mô nhỏ trong các làng, gắn kết chặt chẽ cộng sinh với hệ thống hạ tầng kinh tế đô thị. - Phát triển các mô hình kinh tế sinh thái với sự tham gia cộng đồng	
			Tăng trưởng dân số	Theo quy hoạch đô thị	
			Mật độ dân số	Dân số; Chỉ tiêu đất xây dựng khu dân cư theo quy hoạch đô thị.	
			Hạ tầng kỹ thuật	- Phát triển hạ tầng xanh đa cấp độ. Tăng tỷ lệ phủ xanh công trình và đường phố trong đô thị vệ tinh, thị trấn và làng; - Mô hình phát triển đô thị TOD - Duy trì vùng trữ nước, ngập úng phòng BDKH	
			Hạ tầng xã hội	Phân bố hạ tầng văn hoá – xã hội quy mô nhỏ trong các làng theo tiêu chí NTM, gắn kết chặt chẽ cộng sinh với hệ thống hạ tầng văn hoá – xã hội đô thị.	
			Kiến trúc cảnh quan	- Tránh các tác động tiêu cực của quá trình phát triển đô thị đối với các làng xóm và cảnh quan nông thôn - Thúc đẩy phát triển đô thị nén, cao tầng gắn TOD khu đô thị trung tâm	

3	Kiểm soát phát triển	Con người và tự nhiên	Quyền/mật độ tiếp cận của người dân đến không gian công cộng	Các không gian công cộng tự nhiên và nhân tạo trong HLX đảm bảo quyền tiếp cận của cộng đồng	
			Cung cấp các không gian giải trí, TDTT ngoài trời, công viên	Tận	
			Cung cấp các tuyến đường xanh xe đạp và đi bộ		
			Cung cấp GTCC		
	Giá trị cảnh quan hấp dẫn		Cảnh quan nông nghiệp	- Bảo tồn các cảnh quan nông thôn nguyên gốc - Loại bỏ các yếu tố cản tầm nhìn cảnh quan nông thôn từ các hành lang giao thông.	
			Cảnh quan vùng giáp ranh giới HLX	Đưa ra ngoài HLX những thành phần có tính không ổn định trong tương lai	
			Phục hồi, tái sinh, trồng mới cây cối và rừng		
			Cảnh quan khu vực di sản tăng tính thẩm mỹ và ý nghĩa lịch sử, văn hoá	Gìn giữ cảnh quan vùng đất xung quanh di sản xác định trong quy hoạch huyện và xã	
			Hình thành các môi trường sống bán hoang dã		
			Chất lượng môi trường nước		
			Quản lý chất thải rắn		
			Tái sử dụng đất bỏ hoang	Tái sử dụng đất bỏ hoang trong không gian xây dựng đô thị để hỗ trợ tái tạo đô thị và phát triển mô hình đô thị nén trong HLX	
			Đa dạng quần thể chim, bướm		

	Đa dạng sinh thái tự nhiên	Hành lang đa dạng dọc sông Đáy, sông Tích, sông Hồng, sông Đà, các hồ tự nhiên, nhân tạo	Nguyên tắc: Hành lang liên tục > đứt đoạn, Hành lang rộng > hẹp, Nhiều hành lang > một hành lang.	Ưu tiên các kết nối tự nhiên. Xem xét kỹ càng các kết nối nhân tạo.
		Nhận thức của công chúng với thiên nhiên trong HLX		
	Phát triển nông nghiệp bền vững	Hạ tầng nông nghiệp	Hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, đảm bảo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của cư dân	
		Chất lượng đất nông nghiệp		
		Vùng nông nghiệp đặc sản	Tăng cao khả năng cạnh tranh từ nông sản những địa phương lân cận và ngoại nhập	
		Đa dạng hoá loại trang trại		
		Nông nghiệp đô thị	Mô hình nông nghiệp đa mục tiêu tại các điểm đô thị trong HLX phục vụ thực phẩm tươi sống cho dân cư đô thị, duy trì cảnh quan văn hoá nông thôn, hỗ trợ hạ tầng xanh	Hạ tầng xanh đô thị thể hiện ở tỷ lệ thảm xanh nông nghiệp t và mái xanh, tường xanh của các công trình
		Mạng lưới siêu thị nông sản		
Các tuyến hạ tầng liên kết cộng đồng				
Khu rừng cộng đồng	Các không gian xanh rôn			

4	Tiêu chí về chuyển đổi cấu trúc HLX	Chuyển đổi cấu trúc không gian HLX	Vùng liên huyện	Liên kết HLX liên tục theo QHC đảm bảo ngăn chặn phát triển đô thị tràn lan, gắn kết giữa kinh tế ngành và kinh tế vùng, giữ HL ĐDSH		
			Vùng huyện	Kết nối các cụm làng với thị trấn trong phạm vi ranh giới huyện; Gìn giữ các cụm KGX		
			Xã	Kiểm soát phát triển các làng xóm hiện hữu, xây dựng một số công trình công cộng ở quy mô nhỏ, thấp tầng gắn với đặc trưng sinh thái cây xanh và mặt nước; Gìn giữ các cụm KGX		
		Chuyển đổi mô hình hình phát triển		Chuyển đổi xanh	Phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, tuần hoàn, phát thải carbon thấp Phát triển cơ sở hạ tầng xanh thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính	
				Chuyển đổi số	Ứng dụng các công nghệ kỹ thuật số từ sản xuất đến chế biến, phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và quy hoạch sử dụng đất, quản lý bảo tồn, phát triển HLX	
				Tăng trưởng thông minh	Phát triển với mọi tiện ích thông minh để quy hoạch, xây dựng, quản lý HLX	
				Khả năng phục hồi khủng hoảng	sự dự phòng, dự báo đô thị được chuẩn bị để có thể dễ dàng thay đổi, phát triển và thích ứng nhằm đáp ứng với những hoàn cảnh mới thông qua việc sử dụng các cách thức mới, công nghệ mới	
				Gắn kết xã hội và lãnh thổ	Liên kết đô thị trung tâm, đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái với các khu vực HLX thành mạng lưới theo chức năng	

Phụ lục 11: Nhận dạng không gian hỗn hợp tại hành lang xanh phía Tây Hà Nội

Nhận dạng và xác định đặc trưng không gian hỗn hợp tại HLX nắm bắt xu hướng biến đổi, làm cơ sở phân vùng và tìm giải pháp hợp lý tổ chức không gian. Dưới tác động của quá trình đô thị hoá, không gian hỗn hợp tại HLX phía Tây Hà Nội có tính chất tương đồng với vùng ven, gồm 6 tiêu chí:

Bảng 2. 10: Bảng tổng hợp tiêu chí nhận dạng vùng ven

Tiêu chí 1	Vị trí	
Tiêu chí 2	Mật độ dân số	
Tiêu chí 3	Hình thái không gian	mạng lưới đường
		lô đất
		không gian mở
Tiêu chí 4	Sử dụng đất	tỷ lệ đất xây dựng
		tốc độ chuyển đổi mục đích sử dụng đất
Tiêu chí 5	Yếu tố cảnh quan	yếu tố che phủ của công trình xây dựng trên mặt đứng
		yếu tố cây xanh-tỷ lệ diện tích và phân bố cây xanh mặt nước không gian mở
Tiêu chí 6	Đặc trưng cộng đồng	Tỷ lệ dân cư tăng cơ học / tổng dân số

Tiêu chí nhận dạng	0-25%	25%-75%	75%-100%
1) Vị trí			
2) Mật độ dân số			
3) Hình thái không gian			
4) Sử dụng đất			
5) Cảnh quan			
6) Đặc trưng cộng đồng			
Tính chất	nông thôn	nửa nông thôn- nửa đô thị	đô thị

Sơ đồ 2. 13: Nhận dạng khu vực vùng ven [1]

Theo nghiên cứu của Trương Thái Hoài An, phân loại vùng ven trường hợp TPHCM có các khuynh hướng sau: (i) vùng nông thôn nằm liền kề đô thị có tính chất đô thị, (ii) vùng nông thôn phát triển lan toả bám theo các trục giao thông chính, (iii) vùng nông thôn có khu xây dựng nhảy cóc, (iv) làng nông thôn nằm trọng ranh giới đô thị.

Phụ lục 11: Hành động phát triển theo khung chủ đề

1) Khung chủ đề tự nhiên và nông nghiệp -

- Môi trường: Bảo tồn và phục hồi tự nhiên

Khu vực bảo tồn nguồn cảnh quan tự nhiên như rừng (rừng tự nhiên Ba Vì và đồi núi phía Tây tiếp giáp với Hoà Bình, Sóc Sơn, Quan Sơn, Hương Sơn), trồng rừng tại những khu vực đã bị phá hoại hoặc chưa sử dụng (cây bụi). Khu vực bảo tồn môi trường thiên nhiên (không gian trong lòng hồ, dọc bờ sông...). Khu vực nằm trong vùng kiểm soát phát triển (hồ Hoàn Kiếm, đầm Vân Trì...). Hình thành môi trường bán tự nhiên (Khu Sóc Sơn, Gia Lâm, Đan Phượng, Hoài Đức, Thanh Oai...). Khu vực này, khuyến khích phát triển loại hình du lịch sinh thái, tham quan dã ngoại, vui chơi giải trí mật độ thấp. Hạn chế xây dựng công trình có quy mô lớn, phá vỡ cảnh quan tự nhiên. Nghiêm cấm phát triển đô thị tại khu vực này.

Bảo vệ tài nguyên nước lưu ý đến chức năng thủy lợi – thủy văn của các yếu tố nước như sông, hồ: tưới tiêu, thoát lũ và chống ngập úng. Thiết lập hành lang hạn chế xây dựng và phục hồi cảnh quan tự nhiên dọc lưu vực hai con sông Đáy và sông Tích.

Đối với không gian dự trữ cho phát triển dịch vụ hệ sinh thái, cần áp dụng các tiêu chuẩn môi trường.

Trồng rừng tại những khu vực đã bị phá hoại hoặc chưa sử dụng (cây bụi). Liên kết hệ thống cảnh quan thiên nhiên với cảnh quan đô thị; chủng loại cây xanh, thảm thực vật nguyên sinh; không gian mặt nước, đầm lầy tự nhiên; Phát triển các hành lang đa dạng sinh học kết nối trọng điểm sinh thái Hà Nội và địa phương vùng Hà Nội.

- Thẻ chế quản lý:

Mô hình tăng trưởng tốc độ chậm sử dụng động lực tự nhiên và các giải pháp kiểm soát phát triển quy mô nhỏ và trung bình, thúc đẩy khả năng tự phục hồi không gian tự nhiên và nông nghiệp, phát triển kinh tế sinh thái. Khoanh vùng bảo vệ tài nguyên sinh thái. Hạn chế xây dựng công trình có quy mô lớn, phá vỡ cảnh quan tự nhiên. Không chế các hoạt động mạnh ảnh hưởng đến mặt nước. Nghiêm cấm phát triển đô thị hoặc các chức năng nhà ở nằm trong khu vực bảo tồn cảnh quan; Kiểm soát xây dựng, quản lý và khai thác nguồn lợi của các khu vực thiên nhiên; Các chức

năng du lịch, dịch vụ khai thác từ cảnh quan ven sông được quy hoạch, bảo tồn và khai thác, cải thiện các yếu tố cảnh quan đặc trưng.

- Kinh tế: Phát triển dịch vụ hệ sinh thái và tạo lập hành lang kinh tế sinh thái

Vận dụng mô hình kinh tế sinh thái – dịch vụ hệ sinh thái và kinh tế nông nghiệp chất lượng cao, hài hòa giữa sản xuất sản phẩm sạch và cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường hiện hữu. Phát triển các cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải đường thủy, phát triển các dịch vụ sinh thái, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, khu nông nghiệp sinh thái kết hợp hỗ trợ du lịch

Nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp chất lượng cao không chỉ cung cấp lương thực, thực phẩm sạch cho nhu cầu của xã hội, mà còn phải bảo vệ môi trường sống, tái sử dụng chất thải, hấp thụ và giảm phát thải CO₂, tăng tính đa dạng sinh học và tính bền vững của hệ sinh thái nông nghiệp. Có thể phát triển hệ thống điểm dân cư - nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái với các mô hình làng sinh thái (Eco-village) dọc theo lưu vực sông Đáy và sông Tích, tạo sự hài hòa giữa con người và tự nhiên.

Áp dụng mô hình chi trả dịch vụ hệ sinh thái hoặc chi trả dịch vụ môi trường để chuyển đất nông lâm ngư nghiệp về đất sinh thái, hoặc là cải tạo, khôi phục những khu vực sinh thái nghèo kiệt về dạng cao hơn. Các chức năng nằm trong vùng sinh thái quan trọng được tổ chức liên kết với nhau thành dạng chòm, tuyến và được quy hoạch quản lý dưới dạng khu chức năng đặc thù. Kiểm kê và lượng hoá tài nguyên sinh thái môi trường trong HLX, đánh giá đầy đủ các dịch vụ sinh thái do HLX mang lại. Đánh giá tác động môi trường đối với mọi hình thức can thiệp và phát triển các chức năng đô thị lên hệ sinh thái. Tạo nguồn tài chính bền vững cho bảo vệ môi trường đô thị và hình thành lối sống xanh của cư dân đô thị dựa trên hai nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” và “người hưởng thụ phải trả tiền”. Thu hút nguồn lực cho bảo vệ môi trường đô thị từ khu vực tư, khu vực sản xuất và kinh doanh trong và ngoài nước. Thử chế chính sách minh bạch cho phép hiện thực hóa các mô hình đối tác công – tư và xã hội hóa trong đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị và cung ứng dịch vụ công ở khu vực đô thị để giảm gánh nặng đối với ngân sách nhà nước vốn có hạn.

Phát triển kinh tế sinh thái, làm sống lại dòng sông Đáy, sông Tích, sông Bùi..., phát triển các khu du lịch sinh thái, tham quan dã ngoại, vui chơi giải trí mật độ thấp. Phát triển các công viên vui chơi giải trí quy mô cấp vùng gắn với bảo tồn rừng quốc gia Ba Vì, Hương Tích. Phát triển mạng lưới sân Golf giải trí, các khu TDTT đua ngựa, đua mô tô...

- Hạ tầng, không gian, liên kết vùng:

Cấu trúc thành các loại không gian thành phần: Không gian cây xanh và mặt nước; Không gian chuyển tiếp; Không gian cho phép xây dựng; Không gian thuận lợi phát triển dịch vụ hệ sinh thái. Trên từng không gian thành phần đề xuất tỷ lệ xây dựng cho phép, bổ sung các quy định bảo tồn. Ưu tiên định hướng bảo tồn, hạn chế đối với các khu vực phát triển tương lai.

Phát triển tuyến GTCC kết nối đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh Hà Nội với khu di lịch, sân golf, giải trí. Phát triển công viên ven sông, đường ven sông kết nối với đô thị ven sông. Tôn trọng các cảnh quan lịch sử, khai thác mặt nước và các khu vực rừng nguyên sinh bằng các sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Nâng cấp các công trình cấp và thoát nước cho các sông hồ, bảo vệ các đoạn đê trọng điểm. Ứng dụng kỹ thuật nạo vét sông hồ, vẫn bảo tồn được thủy sinh và hệ thực vật.

2) Khung chủ đề làng truyền thống và di sản

- Văn hoá – xã hội:

Bảo tồn cấu trúc làng và không gian di sản, di tích lịch sử văn hoá: Giữ gìn cấu trúc làng truyền thống gắn với cảnh quan nông nghiệp; khoanh vùng bảo vệ các di sản văn hoá làng; duy trì các lễ hội gắn với di tích lịch sử, tôn giáo.

Phát triển nông nghiệp đa mục tiêu: không gian nông nghiệp là cảnh quan văn hoá nông thôn. Công viên nông nghiệp thúc đẩy sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, phát triển dịch vụ giải trí của cư dân thành phố mang ý nghĩa giáo dục môi trường và văn hoá; hỗ trợ bảo vệ đa dạng sinh học HLX. Ngoài ra, còn có nhiều vườn nông nghiệp đan xen trong không gian cư trú làng, cần tích hợp đất vườn trang trại vào không gian HLX: khoanh vùng bảo vệ không gian nông nghiệp, ưu tiên kiểm soát mở rộng đô thị không phân tán, giảm tiêu tốn đất nông nghiệp và không gian thiên nhiên;

phát triển các nhà ở gắn với dịch vụ du lịch đồng quê, tăng thêm sinh kế cư dân nông thôn.

- Kinh tế - xã hội

Vận dụng kinh tế nông nghiệp chất lượng cao kết hợp với kinh tế du lịch – di sản: Khuyến khích các mô hình trang trại, nghiên cứu khoa học phục vụ nông nghiệp. Duy trì các khu vực trồng lúa, hoa màu, khu làng nghề trồng hoa cây cảnh và cây ăn quả, đặc biệt là những khu vực năng suất cao dựa trên mô hình khu nông nghiệp công nghệ cao, kết hợp diện tích canh tác hiện có và môi trường tự nhiên. Liên kết giữa sản phẩm nông nghiệp và các hoạt động thương mại thông qua các trung tâm triển lãm, hội chợ hoa, hội chợ nông sản, trung tâm khoa học công nghệ chuyên ngành hoa và cây cảnh đã và đang hình thành ở Mê Linh kết hợp với khu dịch vụ sinh thái có chức năng thu gom, chuyển hóa năng lượng tái tạo phục vụ phát triển nông nghiệp. Mặt khác, song song đẩy mạnh phát triển các tuyến du lịch gắn với di sản văn hóa địa phương, đa dạng hóa các loại hình du lịch: du lịch văn hóa, du lịch di sản, du lịch sinh thái – nghỉ dưỡng, du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm... Theo ba mũi nhọn trọng tâm:

Phát triển Kinh tế di sản: Loại hình kinh tế phát triển bằng vốn văn hóa, hướng đến mục tiêu kép là phát triển kinh tế và bảo tồn giá trị di sản văn hóa. Theo khung phân tích vốn văn hóa, kinh tế di sản phát triển dựa trên các yếu tố là vốn văn hóa cộng đồng, vốn văn hóa cá nhân, vốn văn hóa thể chế và mạng lưới xã hội. Di sản sẽ được mô tả và lượng giá như một tài sản, cho dù tồn tại ở dạng hữu hình của các tòa nhà, địa điểm, trung tâm thành phố lịch sử hoặc không gian công cộng mở, hoặc là hiện tượng văn hóa phi vật thể như lễ hội, khiêu vũ, nghi lễ, kiến thức truyền thống,... Phát triển du lịch theo địa điểm: Khai thác dựa trên những tài nguyên sẵn có của tự nhiên, điều kiện địa lý, di sản văn hóa tại chỗ để thu hút khách du lịch tới tham quan. Du lịch thúc đẩy doanh thu của nền kinh tế, tạo ra hàng nghìn việc làm mỗi năm, phát triển cơ sở hạ tầng và tạo ra cơ hội giao lưu văn hóa. Những công việc không chỉ là một phần của ngành du lịch mà còn bao gồm ngành nông nghiệp, ngành truyền thông, ngành y tế, ngành giáo dục. Nhiều du khách đi du lịch để trải nghiệm văn hóa, truyền

thống khác nhau và ẩm thực của điểm đến. Điều này góp phần tạo điều kiện cho các nhà hàng, trung tâm mua sắm, cửa hàng địa phương phát triển kinh doanh.

Phát triển tuyến du lịch: Hình thành liên kết chuỗi giá trị hình thành sản phẩm du lịch cộng đồng đặt trong mối quan hệ mật thiết với phát triển kinh tế - xã hội. Chuỗi giá trị du lịch, hiểu ở góc độ vi mô (công ty du lịch – doanh nghiệp lữ hành), gồm chuỗi hoạt động từ thiết kế sản phẩm, tiếp thị, bán hàng, điều hành, hướng dẫn viên để mang đến sản phẩm là sự trải nghiệm thăng hoa cho du khách. Ở tầm vĩ mô hơn, chuỗi giá trị du lịch bao gồm chuỗi hoạt động từ xúc tiến, quảng bá, giao thông, xuất nhập cảnh, quản lý điểm đến, môi trường du lịch, vệ sinh an toàn thực phẩm... của nhà quản lý, doanh nghiệp và người dân để cùng đưa những đầu vào (input) là các tài nguyên du lịch tự nhiên, các giá trị văn hóa, lịch sử thành đầu ra (output) là những sản phẩm du lịch mang đến những trải nghiệm, cảm xúc thăng hoa và giá trị gia tăng cho du khách, từ đó mang lại nguồn thu lớn cho ngành du lịch của vùng.

Mô hình kinh tế du lịch – di sản này có thể triển khai theo hai giải pháp cụ thể:

Thứ nhất, xây dựng mô hình giáo dục bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống gắn kết với phát triển và gia tăng chuỗi giá trị sản phẩm du lịch: Đưa vào nội dung lịch sử địa phương vào chương trình giảng dạy ở các trường học phổ thông, đại học, các trường đào tạo cán bộ chính quyền và đoàn thể, trong đó nhấn mạnh bản sắc địa phương, kiến thức về di sản địa phương, kiến thức về kinh tế di sản, ý thức và các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Thông tin, tuyên truyền nội dung tương tự bằng các hình thức thích hợp tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư, nhà đầu tư, du khách trong nước lẫn ngoài nước. Thứ hai, xây dựng chuỗi du lịch, dịch vụ theo các phân vùng không gian và loại hình du lịch: Du lịch tâm linh (núi Ba Vì, tuyến chùa Thầy, chùa Tây Phương, chùa Trăm Gian, chùa Trầm...), du lịch cảnh quan truyền thống (đình Tây Đằng, đình Chu Quyển, đình Ngọc Than, đình So, đình Cán...), du lịch sinh thái (Vườn Quốc gia Ba Vì, Làng Văn hóa-Du lịch các dân tộc Việt Nam, khu du lịch Đồng Mô...).

- Môi trường tự nhiên

Phân bố, bảo vệ diện tích đất nông nghiệp hiện hữu và diện tích tự nhiên gắn liền với danh lam thắng cảnh. Duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên như không

gian xanh và mặt nước, hướng tới xây dựng hệ thống hạ tầng xanh: công viên, tường xanh, vườn mái, sông ngòi kênh rạch sạch, hồ điều hòa.

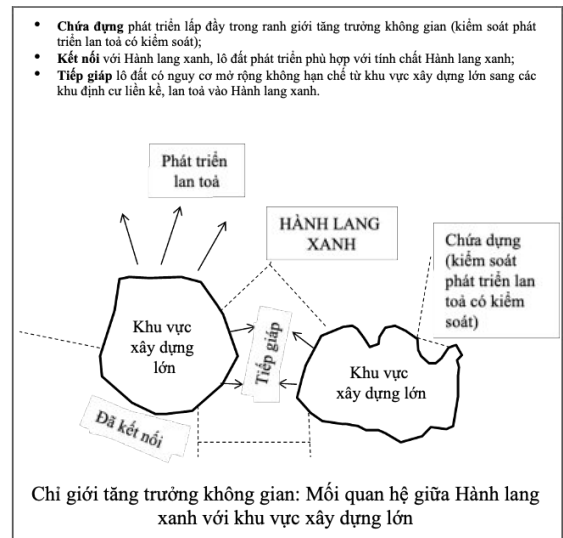
Kiểm soát các dự án, công trình xây dựng can thiệp đến cảnh quan tự nhiên: Hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng nhà vườn kết hợp du lịch; Nghiêm cấm phát triển đô thị, sân golf hoặc các hoạt động gây ô nhiễm môi trường trong khu vực này.

Nâng cao môi trường sống làng: Kiểm soát không để các không gian nông nghiệp nhỏ lẻ, còn sót lại trong làng xóm bị xâm lấn bởi đô thị hoá. Phát triển thành các không gian mở, không gian CTCC phục vụ cộng đồng.

- Thẻ chế quản lý:

Quản lý mô hình tăng trưởng tốc độ chậm sử dụng nội lực nông nghiệp, di sản và văn hóa, và các giải pháp kiểm soát phát triển các dự án quy mô nhỏ và trung bình, phát triển sản xuất và dịch vụ theo mô hình chuyển đổi xanh và tăng trưởng xanh, kinh tế bảo tồn.

Kiểm soát ranh giới tăng trưởng không gian: Số lượng làng trong HLX rất lớn, có nhiều nguy cơ phát triển lan toả xâm lấn vào KGX (tự nhiên và nông nghiệp). Quy định ranh giới tăng trưởng không gian; ứng dụng công nghệ số bảo vệ đất nông nghiệp; xác định ranh giới phát triển làng xóm, đô thị, khu TTCN... không xâm lấn vào đất nông nghiệp.



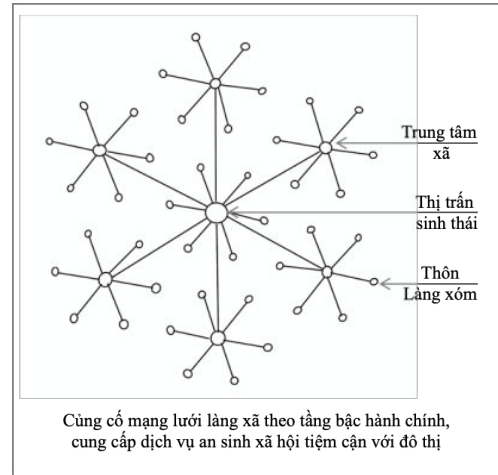
Hình 3. 29: *Quản lý các lô đất tiếp giáp ranh giới làng*

- Hạ tầng, tổ chức không gian và hạ tầng

Hạ tầng: Hiện đại hoá cơ sở hạ tầng khu dân cư nông thôn theo nguyên tắc: (1) các tiêu chí NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu, (2) phù hợp với đặc trưng điều kiện tự nhiên, văn hoá lối sống làng; (3) tạo cơ hội để làng hội nhập và quốc tế hoá, phù hợp với mục tiêu HLX phía Tây Hà Nội.

Tổ chức không gian: Xác định tỷ lệ công nghiệp – đô thị hóa phát triển trong không gian làng. Tính toán diện tích phát triển nông nghiệp sạch, chất lượng cao, phục vụ nhu cầu tại chỗ và Hà Nội. Không xây dựng, mở rộng thêm các điểm dân cư nông thôn (làng).

Củng cố mạng lưới làng theo tầng bậc hành chính, cung cấp dịch vụ an sinh xã hội tiệm cận với đô thị; phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ nông nghiệp, chợ nông sản...; ôn tạo cảnh quan làng trở thành không gian sống chất lượng cao; mật độ thấp gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp sinh thái.

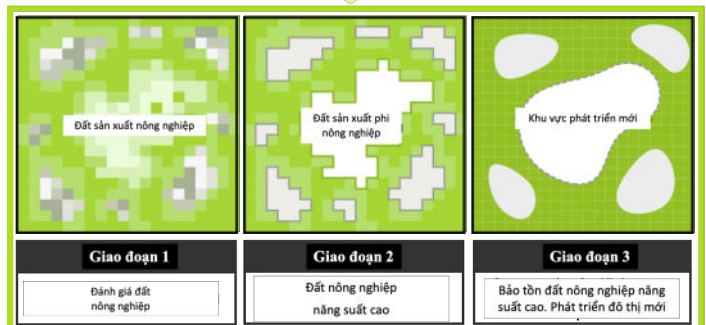


Hình 3. 30: Mạng lưới làng theo tầng bậc

Các tiêu chí về nhà ở: Nhà ở mới phải được thiết kế về quy mô và phong cách phù hợp với cảnh quan nông thôn; phải được xây dựng bền vững và có hiệu quả năng lượng cao, giảm thiểu việc sử dụng nước, năng lượng và đất đai.

Bảo tồn, cải tạo, khôi phục lại không gian công cộng truyền thống (đình, chùa, miếu, cây đa, bến nước, giếng làng...). Khuyến khích các hoạt động dành cho du lịch như du lịch nông thôn, làng nghề truyền thống, du lịch thăm quan các điểm di tích văn hoá lịch sử. Hạn chế tăng mật độ xây dựng, tách hộ nhỏ trong các làng xóm. Nghiêm cấm bê tông hoá và xâm chiếm các khu vực di tích, di sản.

Đối với các làng có hình thái tổ chức không gian phân tán (đã phân tích tại Chương I), từng bước chuyển đổi chức năng sử dụng đất, phát triển theo hướng làng tập trung để quản lý hiệu quả HLX.



Hình 3. 31: Lộ trình chuyển đổi chức năng sử dụng đất theo hướng làng tập trung.

Tăng khả năng tiếp cận đối với các điểm du lịch: Căn cứ trên vị trí các di sản văn hóa và danh thắng tự nhiên, tính toán khoảng cách và xây dựng các tuyến điểm du lịch văn hóa. Mặt khác, khu vực xung quanh các di tích cần hạn chế xây dựng hoặc di dời các công trình đã có để tạo nên hành lang bảo tồn cảnh quan.

3) Khung chủ đề công nghiệp quy mô nhỏ

- Thẻ chế quản lý:

Ứng dụng công nghệ thông tin: liên kết làng nghề với KCNC Hoà Lạc tham gia chuỗi giá trị công nghệ cao; quản lý ô nhiễm môi trường; quản trị không gian làng nghề không xâm lấn vào HLX; nhằm gia tăng giá trị sản phẩm và mô hình tăng trưởng tốc độ trung bình, sử dụng nội lực thu hút vốn đầu tư tư nhân và hợp tác công tư chuyên môn hóa dây chuyền sản xuất, logistics, liên kết chuỗi giá trị.

- Kinh tế: làng nghề xanh – thông minh

Giới hạn quy mô sản xuất công nghiệp ở quy mô nhỏ và vừa, khuyến khích phát triển các ngành tiểu – thủ công nghiệp như đồ gỗ nội thất (Hữu Bằng), mộc (Chàng Sơn, Canh Nậu, Dị Nậu), kim khí (Phùng Xá) tạo ra sản phẩm mũi nhọn và có thương hiệu trên thị trường. Phát triển các phố hàng, phố thị tại chỗ, trở thành điểm thu hút khách đến, phát triển thương mại và dịch vụ. Ứng dụng cộng sinh công nghiệp: Thúc đẩy cộng tác giữa các nhà xưởng, cụm sản xuất gần nhau nhằm tối ưu hóa sử dụng yếu tố đầu vào, đầu ra trong quá trình sản xuất. Sản phẩm phụ hoặc chất thải được tạo ra trong quá trình sản xuất ra một sản phẩm chính của nhà xưởng, trở thành nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản phẩm chính của nhà xưởng B, qua đó tạo mối quan hệ cộng sinh đôi bên có lợi, giảm chi phí sản xuất, giảm sử dụng tài nguyên, nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững. Khuyến khích tái sử dụng, tái chế và tái chế tạo theo hướng tuần hoàn. Làng nghề xanh, thông minh: Nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm làng nghề. Phát triển làng nghề và khu TTCN quy mô nhỏ liên kết với chuỗi giá trị công nghệ cao; phát triển mạng lưới dịch vụ hậu cần sản phẩm làng nghề; thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Văn hoá – xã hội

Duy trì văn hoá làng nghề: bảo tồn không gian làng nghề truyền thống; các lễ hội văn hoá tổ nghề; tôn vinh nghệ nhân; Xã hội: đào tạo nguồn nhân lực, khuyến khích giới trẻ tham gia duy trì hoạt động làng nghề; nâng cao năng suất lao động.

- Môi trường:

Kiểm soát chất lượng môi trường làng nghề: Nếu ở Khung chủ đề tập trung vào môi trường sinh thái tự nhiên và hạ tầng xanh, thì không gian chủ đạo phát triển công nghiệp quy mô nhỏ cần hướng trọng tâm vào phát thải thấp và trung hòa carbon. Áp dụng các tiêu chuẩn khí thải trong sản xuất công nghiệp, giảm phát thải CO₂. Quy hoạch các khu – cụm công nghiệp quy mô nhỏ ứng dụng công nghệ sản xuất mới làm giảm thiểu tác hại môi trường, đáp ứng được các tiêu chí môi trường. Kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ làng nghề ra môi trường nông thôn; thúc đẩy mô hình ”làng nghề sinh thái”, “TTCN sinh thái”; thúc đẩy phát triển mô hình tái tạo năng lượng.

- Hạ tầng, tổ chức không gian và hạ tầng

Duy trì các không gian xanh trong các làng xóm, làng nghề truyền thống và khu vực xung quanh di tích để hạn chế các tác động của đô thị hóa. Khống chế về mật độ xây dựng và tầng cao tránh tình trạng bê tông hoá ngày càng lan rộng. Bảo tồn hệ thống di sản văn hoá (đình, chùa, miếu, mạo..) và các làng nghề truyền thống, làng nghề thủ công. Thiết lập lại hệ thống giao thông đáp ứng những tiêu chuẩn thiết kế của đường đô thị, đặc biệt tại các phố thị - showroom, đường ngõ cấp 1, 2, 3... mở thêm đường vòng và đường bao. Lan tỏa liên kết đường bộ tới các đường trục chính, các trung tâm huyện. Cải tạo, chỉnh trang lại khu dân cư, ô phố trong vùng đô thị hóa tự phát. Dựa trên các tiêu chí cơ học như diện tích, dân số, môi trường, nếu khu vực có mật độ dân cư đậm đặc, dân cư quá tải và không đảm bảo tiêu chí tối thiểu thì cũng cần có phương án giãn cư, dịch cư. Di dời các khu sản xuất, cụm xưởng xí nghiệp không đạt tiêu chuẩn môi trường và gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư. Quy hoạch những khu sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ với hệ thống logistics, kho bãi đầy đủ, kết nối với đường lớn. Xác định quỹ đất phát triển TTCN làng nghề; thiết lập phố thị, tạo mạng lưới showroom tiếp thị sản phẩm làng nghề; liên kết đô thị – làng nghề, bố trí dân dân và tiện ích hạ tầng xã hội.

4) Khung chủ đề phát triển đô thị

- *Thế chế quản lý:*

Mô hình tăng trưởng tốc độ trung bình, sử dụng nội lực thu hút vốn đầu tư tư nhân và hợp tác công tư phát triển các ngành thương mại – dịch vụ, hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ. Các đô thị được định hướng theo mô hình sinh thái mật độ thấp. Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý ranh giới tăng trưởng không gian đô thị; quản trị không gian chức năng và hạ tầng đô thị, hỗ trợ HLX.

- *Kinh tế: thúc đẩy kinh tế số, kinh tế sáng tạo*

Các đô thị vệ tinh và thị trấn sinh thái sẽ cung cấp các dịch vụ cần thiết cho các làng nghề và làng nông nghiệp trong HLX và sẽ là trung tâm phát triển kinh tế xã hội bền vững. Chức năng của các Thị trấn sinh thái bao gồm thị trấn bền vững, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao sẽ được phân bố theo đặc điểm tiềm năng của địa phương sinh thái và tự cung tự cấp. Kinh tế dịch vụ là chủ đạo: phát triển thương mại – dịch vụ, giải trí, vui chơi, ăn uống, lưu trú, làm vùng trợ tải cho khu đô thị Hòa Lạc. Liên kết không gian kinh tế (KCNC Hoà Lạc) với các làng nghề, lan toả ảnh hưởng kinh tế số, CNC đến sản phẩm làng nghề.

- *Văn hoá – xã hội*

Hoà nhập đô thị - nông thôn: Phát triển cân bằng giữa làng hiện hữu và khu xây dựng mới. Phát triển hạ tầng xã hội đô thị sử dụng chung với làng nông thôn.

- *Môi trường:*

Kiểm soát môi trường các đô thị vệ tinh, các thị trấn sinh thái làm hài hòa giữa dân số hiện trạng và dân nhập cư, cải thiện chất lượng cuộc sống nhờ phát triển khu sinh thái và cơ sở hạ tầng mới. Phát triển mạng lưới hạ tầng xanh, thân thiện với môi trường, duy trì sự cân đối hài hòa giữa tự nhiên và nhân tạo, các vùng dân cư và khu vực hoạt động kinh tế, sản xuất.

Chuyển đổi đô thị từ nơi tiêu thụ năng lượng thành nơi sản xuất năng lượng, nơi giới thiệu và ứng dụng các giải pháp về năng lượng tái tạo và loại bỏ phát thải cacbon. Đảm bảo tồn tiềm năng tự nhiên và môi trường vùng, tầng cao kiến trúc cần được hạn chế dưới 20 tầng và mật độ được kiểm soát trong khoảng từ 17~25 hộ gia đình/ha. Kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ khu vực đô thị ra môi trường

nông thôn; thúc đẩy mô hình ”đô thị sinh thái”, “đô thị tiết kiệm năng lượng”, “đô thị thích ứng BĐKH”.

- Hạ tầng, tổ chức không gian và hạ tầng

Trong quy hoạch, áp dụng tiêu chuẩn sinh thái đối với các khu công nghiệp – đô thị sinh thái. Trong thiết kế đô thị, đưa ra các tiêu chuẩn phù hợp với tiêu chí của một đô thị sinh thái có mật độ thấp: Mật độ đô thị, chiều cao tối đa, diện tích khuôn viên/đất ở, không gian xanh công cộng... Nâng cao tiêu chuẩn quy hoạch đô thị để người dân dễ tiếp cận không gian xanh, không gian sinh thái, không gian công cộng chất lượng cao. Tăng cường liên kết giữa đô thị, điểm dân cư nông thôn với không gian xanh trong HLX. Dọc đường cảnh quan trong HLX, được gọi là trục Bắc Nam, có 3 điểm giao cắt với Quốc lộ 6, Đại lộ Thăng Long và Quốc lộ 32 kết nối 3 đô thị vệ tinh phía tây HLX: Sơn Tây, Hòa Lạc và Xuân Mai, Vùng này dễ bị đô thị hóa gây ảnh hưởng đến khái niệm HLX. Do vậy, đề xuất Các Thị trấn sinh thái mật độ thấp với mô hình TOD xung quanh 3 điểm giao cắt này nhằm ngăn chặn quá trình đô thị hóa. Kết nối không gian hạ tầng đô thị – nông thôn; phát triển chức năng đô thị phục vụ nhu cầu nông thôn; kiểm soát không gian đô thị hoá, không gian làng.